



VANTIONA

MCANNON

HÃNG LÊ-ĐÌNH-GIÕAN

265, ĐƯỜNG PHẠM-NGŨ-LÃO, 265

DO CHÍNH CHỦ NHẬN

cựu giám-đốc hãng AVIAT Hải-phòng
đại-lý xe CITROËN và CHEVROLET ở Bắc-Việt

ĐIỀU KHIỂN

CHUYÊN SỬA CHỮA XE CITROËN

VÀ SỬA CHỮA CÁC LOẠI XE DU LỊCH

PHÁP ĐỨC MỸ

RỬA XE

VÔ DẦU MỠ

VÔ HƠI BÌNH ĐIỆN

HÀN ĐIỆN

HÀN GIÓ ĐÁ

SƠN XE

Công việc làm :

■ **CẨN THẬN**

■ **SẠCH SẼ**

■ **CÓ BẢO ĐẢM**

PHƯỢNG - GIANG

do NHẤT-LINH chủ trương từ năm 1952

ĐÃ RA :

Nắng Thu của Nhất-Linh (hết)—Đẹp của Khải-Hưng (hết) — Đi Tây của Nhất-Linh (hết)— Giọng Nước Ngược của Tú Mỡ — Thoát Ly của Khải-Hưng (hết)— Thế Rồi Một Buổi Chiều của Nhất-Linh (hết)—Hai Chị Em của Nguyễn-thị-Vinh—Gói Thuốc Lá của Thế Lữ (hết)—Vàng và Máu của Thế Lữ (hết) — Những Ngày Vui của Khải-Hưng (hết) — Đứa Con của Đỗ-đức-Thu (hết) — Trại Bò Tùng Linh của Thế Lữ—Mai-Hương và Lê-Phong của Thế-Lữ (hết)—Gió Đầu Mùa của Thạch-Lam (hết)—Tình-Nghĩa Vợ Chồng của Tolstoi do Bảo Sơn dịch (hết) Thương Yêu của Nguyễn-thị-Vinh—Hoa Vong Vang của Đỗ-Tồn (hết) Gió Bắc của Linh-Bảo—Giọc Đường Gió Bụi của Khải-Hưng (hết) — Ngày Mới của Thạch-Lam (hết) — Gió Mát của Trương-Hùng — Hai Buổi Chiều Vàng của Nhất-Linh (hết) —Nắng Trong Vườn của Thạch-Lam(hết) —Đời Mưa Gió của Nhất Linh và Khải-Hưng (hết) — Nửa Chừng Xuân của Khải-Hưng — Thừa Tự của Khải-Hưng — Hạnh của Khải-Hưng —Đợi Chờ của Khải-Hưng

MỚI RA:

TRỒNG MÁI của KHÁI-HUNG — XÓM NGHÈO của NGUYỄN-THỊ-VINH—HỒN Bướm Mơ Tiên của KHÁI-HUNG — ANH PHẢI SỐNG của KHÁI-HUNG và NHẤT-LINH—TIÊU SƠN TRẮNG SĨ (tập I và II) của KHÁI-HUNG—Bướm Trắng của NHẤT-LINH—BẢN KHOẢN của KHÁI HUNG — ĐỘI MŨ LỆCH của KHÁI-HUNG. NHỮNG NGÀY VUI của KHÁI HUNG

SẼ RA :

Thế Rồi Một Buổi Chiều của Nhất-Linh — Đi Tây của Nhất-Linh — Nửa Chừng Xuân của Khải-Hưng — Gánh Hàng Hoa của Nhất-Linh và Khải-Hưng —Đời Mưa Gió của Khải-Hưng và Nhất-Linh — Đoạn Tuyệt của Nhất-Linh — Đôi Bạn của Nhất-Linh — Giọc Đường Gió Bụi của Khải-Hưng — Hai Buổi Chiều Vàng của Nhất-Linh — Nắng Thu của Nhất Linh — Đẹp của Khải-Hưng — Thoát Ly của Khải-Hưng — Sợi Tóc của Thạch-Lam — Hà-Nội 36 Phố Phường của Thạch-Lam — Tình Nghĩa Vợ Chồng của Tolstoi do Bảo-Sơn dịch Gia Đình của Khải-Hưng

Quý-vị muốn mua sách của Phượng-Giang xin giao dịch thẳng với
NHÀ TỔNG PHÁT HÀNH NAM - CƯỜNG
185 Nguyễn-thái-Học — Saigon

AIR LAOS

Siège social : **VIENTIANE**

VIENTIANE - BANGKOK Départ tous les lundis, mardis, jeudis, samedis
Retour tous les lundis, mardis, jeudis, samedis

VIENTIANE - HONGKONG Départ tous les lundis
Retour tous les mardis

VIENTIANE-PHOM-PENH Départ tous les lundis
Retour tous les jeudis

VIENTIANE - SIEM RÉAP **Circuit touristique «Week-End à ANGKOR»**
Départ tous les samedis
Retour tous les lundis

VIENTIANE - SAIGON - VIENTIANE

via **SENO - PAKSÉ** par **QUADRIMOTEURS**

STRATOLINER

Fauteuils inclinables — Hôtesse & Steward à bord

Tous les **MARDIS — JEUDIS et VENDREDIS**

D 06 h. 00		VIENTIANE		A 17 h. 00
A 07 h. 15		SENO		D 15 h. 45
D 07 h. 45		PAKSE		A 15 h. 15
A 08 h. 35		SAIGON		D 14 h. 25
D 09 h. 05				A 13 h. 55
A 11 h. 00				D 12 h. 00

DIMANCHE

D 07 h. 30		VIENTIANE		A 16 h. 00
A 11 h. 00		SAIGON		D 12 h. 30

VIENTIANE-XIENG-KHOUANG VILLE

- PHONG SAVANH
- LUANG PRABANG
- LUANG NAMTHA MUONG SING
- MUONG SAI
- THAKHET
- SAMNEUA

Quotidien

Quotidien

- Tous les lundis, mercredis, jeudis, vendr
- lundis, mercredis, vendredis
 - lundis, mercredis, vendredis
 - lundis, mercredis, vendredis
 - mardis, jeudis, samedis, diman.

Renseignements-Réservations : 65, rue Lê-Thanh-Tôn (ex.Lê-Loi) — SAIGON
Tél. : 22.102 ou SAIGON 34 et dans toutes les agences de voyages

GIẢI PHẪM VĂN HÓA



NGÀY NAY

Đăng những bài và truyện có giá trị bất cứ thời nào, nơi nào.

NHẤT-LINH CHỦ TRƯỞNG

với sự cộng tác thường xuyên của

ĐỖ-ĐỨC-THU. NGUYỄN-THÀNH-VINH. NGUYỄN-THỊ-VINH.
DUY-LAM. BẢO-SƠN. BÌNH-NGUYỄN-LỘC. TƯỜNG-HÙNG.

Địa chỉ : 337/3B Phan-Thanh-Giản-SAIGON

Tự kết tinh anh
giữa gió sương,
Muôn màu muôn vẻ
thoảng muôn hương.
H.K. BẢN

Vẽ tranh và trình bày : Duy Lam, Tường Hùng, Duy Thành, Huy Tường, Tường Vũ, Nhất Linh.

GỬI ĐỌC GIẢ XA GẦN

Các bạn gửi bài đăng Văn-Hóa Ngày-Nay.— Xin các bạn viết hoặc đánh máy một mặt, và ghi tên thật cùng địa chỉ rõ ràng vào từng loại bài gửi đến trên bản thảo. Rất cần.

THEO THÔNG LỆ CHÚNG TÔI KHÔNG TRẢ LẠI BẢN THẢO.

Các bạn Hoàng-thank-Vân, Dương-Thảo, Hoàng-Nam (Gió-Rừng), Đinh-thị-Ngọc v.v... Vấn đề nâng đỡ mầm non là một trong những chủ trương của Văn-Hóa Ngày Nay và đã được trình bày trong bài Gửi Đọc Giả Xa Gần, tập 3, và cũng vì vậy Văn-Hóa Ngày-Nay mới đặt ra những mục Lan Hàm Tiểu, Lan Sơ Khai, như các bạn đã thấy từ số 3 và số 4. Về vấn đề sửa chữa hoặc phê bình tất cả các bản văn thơ của các bạn, quả thực Văn-Hóa Ngày-Nay không sao đảm đương được, một phần vì thi giờ bó buộc, một phần

phạm vi của tập giải phẩm không cho phép làm những công việc ấy. Tuy nhiên nếu bài văn thơ của các bạn có thể sửa chữa sơ qua mà hay được, tất nhiên chúng tôi sẽ làm hoặc mời các bạn đến thảo luận để giúp các bạn tự sửa chữa lấy. Còn nếu các bạn muốn biết thêm, xin đọc kỹ bài Viết và Đọc Tiếu Thuyết của Nhất-Linh.

Ông Trường-Sơn (Chợ-lớn).- Về việc tái bản Phong-Hóa, Ngày Nay đã có nói trong mục « Gửi Đọc Giả Xa Gần » tập 2. Bài Les Etoiles của Alphonse Daudet do Thạch-Lam dịch chứ không phải Thế - Lữ, chúng tôi vừa mới kiểm ra được.

Các Bạn Hoàng-Phúc (Đà-lạt), Phan-Dũng (Quảng-Nam), Đinh-thị-Ngọc (Phan-thiết) và một dộc giả ở Vinh-Bình.— Các bạn nêu ra vấn đề cần phải chia bản đều cho các tỉnh, vì các bạn đã gặp phải trường hợp ở một tỉnh nhỏ, sách

tôi trẻ và ít, chưa kịp mua đã hết. Vấn đề này chúng tôi đã chuyển tới nhà tổng phát hành, và được biết rằng vì Văn-Hóa Ngày-Nay mới ra vài số đầu, chưa biết rõ số tiêu thụ mỗi tỉnh thế nào, và không ngờ giai phẩm được hoan nghênh đến như thế, nên sự phân phát buổi đầu có phần sơ xuất.

Tất cả những điều lỗi đó chúng tôi xin nhận và thành thực

tạ lỗi cùng các bạn và cảm ơn các bạn đã chỉ dẫn cho biết chúng tôi sẽ sửa đổi dần dần cho hoàn mỹ.

V.H.N.N.

Bạn Nguyễn-Thành-Vinh đã sang Mỹ quốc, nên không đảm nhiệm được việc lĩnh bưu phiếu. Bài vở, bạn Vinh sẽ cố gửi về. Dấu sao cũng không thể viết đều đặn được như trước.

THƠ TỪ BÀI VỞ TỪ NAY XIN ĐỀ :
Ông NHẤT LINH
Giai Phẩm Văn Hóa Ngày Nay
SAIGON

TỰ TƯỜNG HAY

Phê bình thì dễ, còn nghệ thuật mới khó.

Destouches (Le Glorieux)

Một nhà văn thất bại biến thành một nhà phê bình, cũng như một tay đi ăn trộm thất bại biến thành một tay đi bắt trộm.

Shelley (Adonais)

Phê bình chỉ cao quý khi nào nhà phê bình không phải là kẻ kinh địch hay cạnh tranh với tác giả.

Issac D'Israeli (Curiosity of Literature)

Rượu lạt để lâu ngày biến thành dấm; nhà thơ thất bại trong nghề thường biến thành nhà phê bình chua chát.

William Shenstone (Essays: On writing and books)

Phê bình gia là một anh què mà lại muốn dạy thiên hạ chạy.

Channing Pollock (The Green Book)

BÀN VỀ PHÊ - BÌNH

của Bảo-Sơn

NGUỜI ta bảo có phê bình mới có tiến bộ, điều đó rất đúng. Nhà phê bình là một chuyên viên tìm tòi những ưu khuyết điểm của tác giả, vạch ra những điểm chính yếu để gây cảm hứng cho người đọc hiểu biết rộng thêm, để có thể thưởng thức những cái hay của tác giả, bắt chước những cái hay ấy, tránh những cái dở và sau hết tiến tới cái tột điểm thiện mỹ của văn nghệ.

Như vậy, công việc của nhà phê bình không phải là không quan trọng mà cũng không phải là dễ dàng. Phê bình là cả một nghệ thuật đòi hỏi ở nhà phê bình nhiều đức tính và điều kiện cần thiết.

Trước hết nhà phê bình phải là một người vô tư, làm việc một cách hết sức đứng đắn, không vì quyền lợi riêng của mình, không vì ghen ghét, thù hận hay cạnh tranh với tác giả. Nhà phê bình lại phải là một người có lương tâm (nhà nghề) nhận thấy trách nhiệm sự khen chê của mình có thể có ảnh hưởng cho cả một nền văn hóa của một dân tộc hay của cả nhân loại nữa. Có khen chê là khen chê văn phẩm, chứ không phải khen chê vì tên tuổi nhà văn, thấy hay thì khen thấy dở thì chê chứ không bới lông tìm vết để hạ giá trị tác giả xuống hoặc nâng cao giá trị mình lên.

Benjamin Disraeli có nói: « Bạn có biết phê bình gia là những người thế nào không ? Ấy chính là những

người đã thất bại về văn nghệ đấy ! »

Dryden lại bảo: « Những người viết không ra gì và những người không bao giờ dám viết biến thành những nhà phê bình chỉ vì lòng hằn học và ghen tức ». Những người đó từ trước không hề làm cái nghề phê bình bao giờ, bỗng dưng làm một lần, và có lẽ chỉ làm một lần rồi thôi.

Những lời nghiêm khắc đó không phải là không có lý nhưng không phải phê bình gia hoàn toàn là những người như vậy.

Cũng vì thế nhà phê bình cần phải thành thực và đứng đắn, lời phê bình phải xác đáng, nếu không đọc giả cũng có óc nhận xét riêng của họ. Tuy nhiên, phê bình thành thực mà sai lầm, còn có thể tha thứ được; chứ phê bình không xác đáng, cố ý xuyên tạc chỉ làm mất giá trị của nhà phê bình đi, nhà phê bình như vậy không có lương tâm và không biết tự trọng. Vì thế Mark Twain trong cuốn « Tiểu Sử Tự Thuật » của ông đã hạ một câu quá ư chua chát: « Cái nghề phê bình về văn thơ nhạc kịch là cái nghề hèn hạ nhất trong tất cả các nghề ! »

Còn đối với tác giả ? Phê bình chỉ có ảnh hưởng khi nào lời phê bình chính xác. Những lời phê bình vô giá trị của những « anh què mà lại muốn dạy thiên hạ chạy » chẳng khác gì chất thuốc đánh đồng càng cọ sát càng làm cho đồng thêm phần sáng lạn và rực rỡ.

Xân

BẢO - SƠN

TU TƯỢNG HAY

Công việc của phê bình gia là theo dõi thi sĩ, chứ không phải thi sĩ theo dõi phê bình gia.

William Hazlitt (Lectures on the English Poets)

Vì ta không thể bằng họ, ta mới nói xấu họ.

Montaigne (Essais)

Các nhà phê bình thường hay nói rằng họ không thể nào hiểu được tác giả. Tác giả có thể trả lời : « Không biết đây có phải lỗi ở tôi không ? »

J.C. and A.W. Hare (Guesses at Truth)

Ta không bảo rằng một người muốn phê bình (thơ) phải là một nhà thơ ; nhưng muốn làm một nhà phê bình giỏi, người ấy không thể là một nhà thơ xoàng được.

William Hazlitt (Characters of Shakespeare's Plays)

Thất bại của một thi gia để ra một phê bình gia.

Dryden (Examen Poeticum : Dedications)

Bạn không nên nói rằng truyện ấy không hay. Bạn chỉ nên nói rằng bạn không thích truyện ấy ; như thế — chắc bạn cũng thừa hiểu — bạn sẽ hoàn toàn vô can.

J. McNeil Whistler

**ĐÃ CÓ BÁN KHẮP NƠI CUỐN SÁCH QUÝ BẠN MONG CHỜ ĐỂ
TỰ HỌC ANH - NGỮ**

ANH - NGỮ THỰC - HANH (COLLOQUIAL ENGLISH)

Soạn - giả : LÊ - BÁ - KÔNG

Viên - Hồng Xuất - Bản

Sách gồm 50 bài ; hướng dẫn người chưa biết tiếng Anh, chỉ sau chừng 4 tháng, nói được tiếng Anh thường-đàm. Mỗi bài có phần ngữ vựng chọn lọc các chữ thiết yếu, xếp đặt thích hợp sự-phạm ; phần văn-phạm giảng-giải giản dị dễ hiểu, phải đặt câu đàm-thoại làm người học thấy hứng thú.

GIÁ BÁN 70đ00

viết VÀ đọc

TIỂU THUYẾT

của NHẤT-LINH

Nó cũng vô lý như khi tả xong một đoạn kể việc hèn mạt của một người, tác giả kêu lên : « Thật là một việc đốn mạt vậy thay ? » y như các nhà tiểu thuyết luân lý nước ta ba mươi năm về trước.

Tác giả chỉ nên tả một người để cho độc giả thấy người ấy là đẹp, tác giả chỉ nên tả những việc làm đáng ghét, hay đốn mạt rồi tự độc giả họ thấy người ấy đáng ghét, đốn mạt. Tác giả không bao giờ nên tự ý phê bình người và việc trong truyện.

CỬ CHỈ.— Có người động ngời xuống là hai bàn tay phải kéo ống quần tây cho khỏi nát ; có người hay chớp mắt luôn ; có người hể nói xong một câu hùng biện là y như chúm môi, mở to mắt nhìn, vừa ngơ ngác vừa phục mình là tài ; có người hay búng tay ; có người lúc giảng giải điều gì thì xoay xoay bàn tay mình thành vòng tròn rồi khi kết luận xong, dơ một ngón tay chỉ vào quăng không như bảo ta : đấy chân lý nó ở chỗ ấy đấy v.v... Tất cả những thứ trên này và những dáng điệu khác là cử chỉ của một nhân vật. Nếu chỉ viết : cử chỉ ông ấy thật là điềm đạm, hoặc cậu bé táy máy luôn tay,

thì nhân vật kém phần linh động. Phải tả một vài cử chỉ để tỏ cho người ta thấy ông ấy điềm đạm, hay cậu bé táy máy, mà tác giả không cần nói ra.

Tôi kể trên kia một vài cử chỉ người ta nhìn thấy ngay, nhưng đối với một người biết quan sát từng li từng tí thì có những thứ rất tế nhị, có khi chỉ một cử chỉ cõn con, một cái nhún vai, một nụ cười gượng, một cái rung rung cửa hàng mi... dùng đúng chỗ đúng lúc cũng có thể mở cửa cho ta thấy cả tâm hồn của nhân vật. Đã có người ngời đếm những đoạn Tolstoi tả về biến chuyển của nét mặt bà Ana Kha-Lê-Ninh (biến chuyển của nét mặt tức là cử chỉ) ; người ấy tinh ra có đến một trăm chỗ tả về nét mặt của bà A-na !

Vậy ta phải để ý tả cử chỉ của nhân vật trước việc xảy ra và, nếu có thể, tả thêm những cử chỉ riêng biệt của từng người.

LỜI NÓI.— Lời nói phải hợp với tuổi, tính tình, học lực v.v... của từng nhân vật. Hai cậu bé không thể nói chuyện như hai cụ già, một cô bán hàng không thể

nói văn vẻ như một nhà văn sĩ ; người chín chắn nói khác người nóng nôi, bộp chộp... mỗi người mỗi lời nói, mỗi cách nói khác nhau.

Nếu biết cách dùng, thì lời nói cũng như cử chỉ, có thể cho ta nhận thấy tâm hồn các nhân vật và những chuyển biến ý nhị của tâm hồn họ. Nhưng lối viết truyện dùng nhiều lời nói thường thường khó hay ; lối viết người nọ nói rồi đến người kia nói nếu kéo dài hàng chục trang, người nói như người máy, lời nói như cao xu cốt được nhiều cột báo đề được thêm tiền nhuận bút thì không bao giờ hay được.

* * *

Muốn cho nhân vật truyện mình có vẻ « sống » ta phải khéo diển tả mấy thứ trên kia.

Ta dựa theo những người mình quen biết và đã quan sát rồi tạo nên nhân vật. Không phải cứ nhất định lấy cả ở một người ; ta lấy ở người này một ít, ở người khác một ít và cả ở ta nữa rồi chắp lại tạo thành nhân vật mới, miễn là những cái ta lấy vào không trái ngược nhau.

Nhân vật tức là người với hết thảy những cái tốt cái xấu của con người ; ở đời không có ai hoàn toàn xấu và hoàn toàn tốt. Bất cứ ai chịu thành thực suy xét về tâm hồn mình cũng sẽ thấy nhiều lúc chính mình có những ý nghĩ xấu xa vô cùng. Viết tiểu thuyết là tả sự thực, vậy không nên sợ sự thực.

Đối với một tiểu thuyết gia thì nhân vật thuộc hạng nào cũng có giá trị như nhau. Đời vui khổ của

một người đi ở, một người phu xe cũng có giá trị như đời vui khổ của một ông quan, ông vua. Đối với người viết tiểu thuyết thì người chỉ là người, không phân biệt địa vị và chức vụ. Hai cuốn Đông-Chu-Liệt-Quốc và Tam-Quốc là hai cuốn tiểu-thuyết có giá trị, nhưng khuyết điểm ở chỗ chỉ nói toàn về hạng vua chúa, không đề động đến đời sống của thường dân, và khi nói về vua chúa cũng ít đề động đến tâm hồn họ. Đông-Chu hơn Tam-Quốc ở chỗ tả cả những cái xấu xa, tầm thường ở trong cung điện.

Nhân vật chính hay phụ ta cũng phải để ý đến ngang nhau. Nhân vật chính chỉ chính ở chỗ ta nói đến nhiều, nhân vật phụ nói đến ít. Thí dụ : Nhân vật chính trong một lúc đương tức tối gặp một vai phụ, một người cùng ngồi ở hàng nước với mình. Nếu tả được người khách một cách linh động và nếu lời nói, cử chỉ người ấy làm tăng cái hay của đoạn tả con tức giận của vai chính, thì tội gì mà không tả cho cần thận.

Có khi ta định được một nhân vật rồi, nửa chừng truyện đến một lúc nào đó rất có thể nhân vật ấy lại chuyển biến. Có khi một nhân vật phụ lại biến thành một nhân vật chính và lẩn át cả nhân vật mình định cho là chính. Lại có khi đương viết, có một nhân vật mà ta chưa nghĩ đến vụt hiện ra.

Phần đông các tiểu thuyết Pháp và Việt chỉ để ý đến một hai vai chính, còn những vai phụ họ chỉ tả lơ mờ ; riêng tôi, tôi thấy cả những vai chính lẫn vai phụ trong các truyện của tôi đều tả lơ mờ ; Loan và Dũng trong

Đoạn-Tuyệt, Đồi Bạt, Nhung và Nghĩa trong Lạnh Lùng, Thu trong Bướm Trắng đều là những nhân vật mà tôi cho là « tạm được » không có gì đặc sắc. Trong tất cả những nhân vật của các truyện của tôi, nổi bật hẳn lên, chỉ có một nhân vật linh hoạt mà lại là một nhân vật phụ : ấy là cô Hà trong cuốn Đồi Bạt (Do sự tình cờ mà có, chứ thực ra khi mới viết truyện Đồi Bạt tôi không hề nghĩ đến nhân vật đó). Gần mười mấy năm sau khi tạo ra vai cô Hà, tôi mới nhận thấy là mình đã không chú ý đến cái đáng lẽ phải chú ý ; giá tất cả những nhân vật phụ và chính của tôi đều linh hoạt như vai Hà... nhưng độ ấy tôi đã quá chú trọng đến những cái khác nên sao lãng việc sáng tạo ra những nhân vật « sống ».

Nói về nhân vật thì không người Việt nào không biết đến những nhân vật trong Kiều và Tam Quốc: Cô Kiều, cô Vân, Tú Bà, Từ Hải, Giác Duyên, Thúc Sinh, Trương Phi, Lưu Bị, Tào Tháo, Diêu Thuyền ; thật là mỗi người một vẻ. Chỉ đứng về mặt tiểu thuyết thôi không nói đến thơ, truyện Kiều có giá trị hơn Phan Trần, Lục Vân Tiên và các truyện bằng thơ khác chính ở chỗ các nhân vật trong Kiều rõ rệt và sống hơn, từ tính tình đến hình dáng, cử chỉ, lời nói.

Ta không cần tìm đâu xa : hơn một trăm năm trước, cụ Nguyễn Du đã vạch cho ta thấy rõ rằng nhân vật trong tiểu thuyết cần phải « sống » ; cốt truyện chỉ là cái phụ.

CÁC VIỆC XÂY RA

Định được nhân vật rồi ta

thả cho họ sống, sống theo cái đại cương truyện mình đã định.

Họ sống trong một hoàn cảnh nào (cảnh giàu hay nghèo, ở thôn quê hay thành thị, thời bình hay loạn) là tùy theo tác giả thấy hoàn cảnh đó lợi hay không lợi cho tiểu thuyết mình. Thường thường thì tác giả hay đặt truyện trong những hoàn cảnh mình quen thuộc.

Mục này tôi đặt tên là « Các việc xảy ra » vì muốn tránh dùng chữ « cốt truyện » theo quan niệm của phần đông.

Có nhiều người vẫn thường nói : « Ở ! cốt truyện cuốn ấy hay lắm » và cho ngay là cuốn tiểu thuyết ấy có giá trị. Hai cái đó khác xa nhau.

Cốt truyện có thể rất éo le, nhiều chỗ bất ngờ làm cho người đọc hồi hộp, nhiều cái tính đồ khó giải quyết rồi giải quyết được theo ý mong của độc giả. Thí dụ như những truyện kiếm hiệp, phưu-lưu trình thám nhạn nhẩn ở các tiệm sách và các báo ; nhưng cốt truyện hay mà nhân vật không « sống », không đúng tâm lý thì cuốn sách nếu không gọi là xoàng thì cũng chỉ là một cuốn tầm thường, không thể cho là có giá trị được. Cao hơn một bậc nữa là những cuốn có cốt truyện hay như cuốn « Những kẻ khốn nạn » (Les misérables) của Victor Hugo, những tiểu thuyết của Pierre Benoît, cuốn « Vô gia đình » (Sans famille) của Hector Malot, cuốn Đảo kho vàng (Treasure Island), cuốn Ba người ngự lâm pháo thủ (Les trois Mousquetaires) v.v... cốt truyện có lý kỳ thật nhưng vì tâm lý nhân vật hơi hợt nên chỉ là những cuốn gọi là khá

hoặc xem được, không thể liệt vào hạng các sách của Shakespeare, Tolstoi, Dostoievsky và những cuốn sách hay khác của nhân loại.

Trước kia, thời kỳ ta chỉ có toàn những truyện nêu gương luân lý thì truyện hay là truyện nói đến đôi trai tài gái sắc hoàn toàn tốt gặp nhiều khó khăn, nhưng sau cùng trai vẫn giữ được tiết hạnh rồi hai người lấy nhau và đời đời vinh hiển. Nếu chỉ đề ý đến cốt truyện thì cốt truyện đó hợp với quan niệm về luân lý của các cụ ta ngày xưa, các cụ cho ngay là truyện hay. Nhưng cốt truyện đó có giống đời sống thật không? Không, vì không bao giờ có những nhân vật « nhân tạo » hoàn toàn tốt ấy, và không bao giờ đời cũng phải kết thúc một cách tốt đẹp cho đôi trai gái hoàn toàn ấy. Những nhà viết tiểu thuyết hồi đó đã « gò » đời theo ý riêng của mình là : cái đức bao giờ cũng phải thắng. Vì vậy nên những truyện chỉ có cốt truyện đó, tất phải mai một. Thế còn quyển Kiều? Cũng một cốt truyện tương tự (Đoạn Trường Tân Thanh) nhưng cái cốt truyện của Đoạn Trường Tân Thanh có làm cho cuốn Kiều bất hủ đâu (trái lại đoạn tái hồi Kim Trọng mà cụ Nguyễn Du gò gẫm cho vào truyện có thể làm tai hại cho cuốn Kiều nếu cụ không có nghệ thuật cao siêu), cuốn Kiều sống mãi vì có những nhân vật sống như đời người thực từ ý nghĩ đến lời nói cử chỉ, (ấy là

không kể cái hay của thơ).

Đấy là quan niệm ngày xưa. Bây giờ ai cũng biết rõ nhưng truyện « anh hùng liệt nữ » nhân tạo ấy là vô giá trị rồi.

Nhưng bây giờ lại nảy ra một quan niệm về tiểu thuyết luân lý biến hình. Trong một tờ báo hàng ngày, tôi có đọc một bài phê bình một cuốn truyện (tôi không nhớ rõ truyện gì) nhưng cái mà tôi còn nhớ là nhà phê bình đó sau khi kể qua cốt truyện của cuốn sách (đại khái vai trong truyện làm một việc đáng khen gì đó) kết luận rằng cuốn ấy có giá trị, mà nhà phê bình đó lại không phê bình gì về nghệ thuật của truyện. Trời ơi ! nếu cứ viết ra được một truyện kể công việc oanh liệt, hào hiệp, đáng khen của nhân vật là viết ra được một tiểu thuyết có giá trị thì bất kỳ ai mỗi ngày cũng viết ra được mười truyện có giá trị (nếu tay đưa bút mau được như thế).

Vậy cái « truyện » hay « cốt truyện » trong một tiểu thuyết không có gì quan trọng cả, và nếu vẫn viết với ý định tạo ra một cuốn hay và lâu bền thì tốt hơn là đừng nghĩ đến truyện (1), đừng mất công xây dựng « truyện » một cách tài tình, khéo léo. Cần có cái đại cương là đủ rồi.

(còn tiếp)

NHẤT-LINH

(1) Xin nhớ chữ « truyện » tôi dùng đây là chỉ những cái rắc rối, ngoắt ngoéo, bất ngờ mà chỉ ở truyện thôi. Còn những việc xảy ra trong truyện thì trái lại, cần phải đề ý.

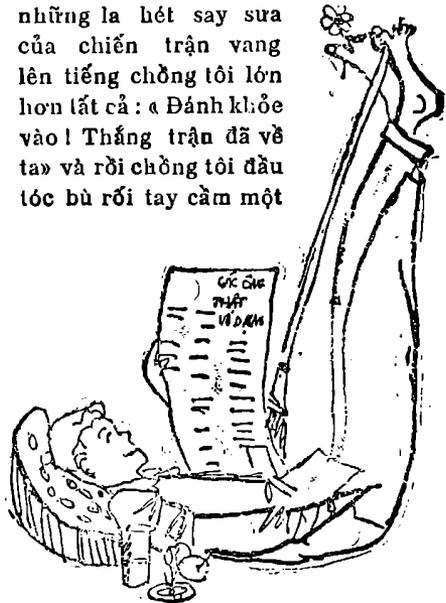
đàn ông vô dụng

của Duy-Lam

TÔI có bốn con, ba trai một gái, chúng đều đang trong tuổi lớn, ăn như hùm beo, nghịch như phá, bầy bừa không thể tả được, suốt ngày suốt đêm chẳng cho tôi ăn ngon ngủ yên và làm đầu óc tôi căng thẳng đến điên lên được. Chúng bắt buộc tôi phải la hét càng ngày càng to... (Chồng tôi thường nói để chúng la cho nở phổi, nhưng phổi đến tuổi tôi có lẽ không cần nở thêm, nhưng nếu không hét to hơn chúng nó thì làm thế nào để chúng « nghe » thấy tôi mắng khi chúng đang cãi nhau?... Và tập luyện tay chân cho bắp thịt thêm nở nang chắc chắn. (Bắp thịt tay nở vì đập vào mông chúng quá nhiều, kinh nghiệm cho tôi biết có lẽ không cái gì rắn và bền bằng mông trẻ con, tha hồ đập mông chúng vẫn tròn và dày như thường). Tuy vậy tất cả những sự phá hoại hoặc rắc rối buồn phiền do bốn đứa con tôi gây ra cộng cả lại cũng không bằng được... chồng tôi.

Sáng nay vừa đi chợ về đêm phải vỗ chuối vút ngay dưới đất suýt ngã, tôi biết ngay là không phải mấy đứa con tôi vất ra (Vì nải chuối mua hôm qua tôi đã dấu trong cái va li quần áo cũ trên nóc trần cao tit làm sao chúng với tôi được) mà cái người độc nhất đủ

óc thông minh và chiều cao, tìm ra được chỉ có thể là « ông chủ gia đình », chồng tôi. Sau đó khi nghe thấy trong phòng ngủ những tiếng huỳnh huỵch như cả một trăm người giã giò cùng một lúc và tiếng cười tiếng rú của mấy đứa con trai tôi, tôi vội để làn thừe ăn xuống lấy sức để hét một tiếng, vì tôi đoán hiện giờ chúng đang dùng cái giường nệm trắng tinh của vợ chồng tôi làm bãi chiến trường hay võ trường gì đó ; thì tôi chợt giật mình vì nghe thấy lẫn trong những la hét say sưa của chiến trận vang lên tiếng chồng tôi lớn hơn tất cả : « Đánh khèo vào ! Thắng trận đã về ta » và rồi chồng tôi đầu tóc bù rối tay cầm một



chiếc gối vừa khoa tít lên vừa lùi ra khỏi phòng. Tôi chỉ còn biết dơ hai tay lên trời và thở dài. (Các bạn có nghĩ ra cách đối xử nào hay hơn là thở dài xin bảo tôi, chẳng nhẽ tôi lại phải dùng cánh tay tôi để thử móng chông tôi rắn đến bực nào so với móng các con tôi hay sao ?)

Trông thấy tôi, chàng vội ngừng tay, dẩu cái gối ra sau lưng (chàng tưởng tôi cận thị như chàng và không nhìn gì hết) và cười hỏi :

— Em đi chợ về rồi đấy ư ?

Tôi suýt phì cười nhưng vẫn phải giữ mặt nghiêm vì lúc đó ba đứa con trai của chúng tôi, địch quân của chàng, xuất hiện kèm theo cả một cô nữ cừu thương tí hon, con gái út của tôi. Chông tôi vội nói dối (chàng nói dối còn kém mấy đứa con của chúng tôi rất xa) :

— Ở dưới gầm giường có con chuột, anh sẵn mồi không được.

Trưa hôm đó chàng phải thân hành mang khăn trải giường và bọc gối ra hiệu giặt để chuộc lỗi, tôi mới chịu cho chàng và địch quân của chàng ăn cơm.

Không những chỉ phá hoại và đầu têu cho các con phá hoại, chàng còn thi với chúng bầy bừa để tôi có việc... dọn dẹp. Có lẽ vì chàng lớn đầu hơn nên trong cuộc « thi bầy bừa » với chúng, chàng bao giờ cũng thắng.

Chàng rất thích đọc báo và tốn rất nhiều tiền mua đủ các loại. Chàng ham đọc đến nỗi có thể đọc bất cứ lúc nào và ở đâu. Một ngày tôi chỉ trông thấy mặt chàng mấy

lượt là cũng, còn thì hề thấy chàng là thấy một tờ báo nào đó che mắt nửa người trên của chàng. Chàng vừa đi vừa đọc, vừa ăn vừa đọc, nằm dài trên giường mà đọc, ngồi xuống đất đọc, nằm bò ra đất châu đầu với mấy đứa con đọc chung một tờ báo, nhưng chưa bao giờ tôi thấy chàng ngồi ngay ngắn ở bàn đọc báo như bao ông chông đứng đắn khác. Tuy những kiểu đọc báo kỳ quặc của chàng có làm phiền cho tôi đôi chút cũng không sao, nếu chàng ngăn nắp và trật tự một chút. Dù chàng có vừa cầm tờ báo trước mặt vừa lừng lững đi đăm cả vào tôi đang bung bát canh nóng, hoặc vấp phải mấy đứa con đang nằm bò dưới đất và ngã bở chũng, điều đó cũng không quan hệ. Dù khi ăn cơm, tôi thỉnh thoảng lại phải lấy tay dẩy tờ báo sang một bên để xem mặt chàng có nhọ hay không, sáng chàng có nhớ cạo râu không, đầu tóc đã dài chưa hoặc chỉ cốt nhìn mặt chàng để đỡ nhớ, thì cũng chỉ là những chuyện phụ. Nhưng có một điều không bao giờ tôi chịu nổi là cái tật chàng thích tháo rời tờ báo ra làm nhiều mảnh và phân phát cho cả nhà, các con tôi phần tranh ảnh, tôi phần phụ nữ, v. v... và rồi vút mỗi nơi một tờ. Khi dọn dẹp thật khổ. Có lần tôi muốn tìm đọc một số báo có mấy truyện tôi ưa thích, tôi phải mất cả một buổi sáng để thâu góp những « mảnh tư - tưởng » (như chàng thường nói) tan tác ra bốn phương trời. Trước nhất bia tờ báo thi... dán trên tường (vì có ảnh một nữ tài tử rất xinh), một tờ khác ở dưới gối, một tờ khác ở gần gầm giường, một tờ ở ngoài sân dưới

gốc cây (chàng hay ra đây mơ màng) một phần tư mắc trên ngọn cây (các bạn đừng tưởng làm chông tôi treo cao đến thế, thực ra một phần tư do các con tôi gấp lều bay ném bay lên đó), một tờ chắc bây giờ đang « chạy » ở ngoài phố (tờ đó chông tôi nhét vào túi trước khi ra phố vì có một bài rất hay về « Những nỗi đau khổ của người đọc ». Chắc « Người đọc » đó là chông tôi), còn vài tờ khác ở một chỗ mà... tôi không tiện nói ra ở đây.

Tôi trách chàng không ngần nấp chàng cười hỏi :

— Thế đàn bà đề làm gì ?

Tôi hỏi lại :

— Tại sao anh không trả lời thẳng vào vấn đề. Ngần nấp dính dáng gì đến đàn bà ?

— Em thật không khoa học tí nào. Nếu đàn ông ngần nấp thì không cần đàn bà dọn dẹp. Nếu không sinh ra để dọn dẹp thì đàn bà dùng để làm gì ?

Lý luận chàng khoa học đến thế cãi làm sao cho lại.

Được một cái là tuy rất có tài phá hoại và bầy bừa nhưng bù lại chàng rất yêu vợ và lúc nào cũng hăng hái giúp đỡ tôi trông nom con cái (một điều tai hại) dọn dẹp nhà cửa (hai điều tai hại) và làm bếp hoặc khâu vá (một đại họa).

Một buổi sáng chủ nhật, khi chàng vẫn còn đang nằm bò dưới đất vừa xem báo vừa tập thể thao thì đến giờ tôi quét nhà. Bảo chàng mấy bạn chàng vẫn ngồi ý ở chỗ cũ tôi bực mình đưa chàng cái chổi :

— Anh quét nhà một hôm xem có nổi không ? Chỉ bầy là giỏi.

Chàng đứng dậy mắt vẫn không rời khỏi tờ báo cầm lấy chổi và bắt đầu... quét.

Tôi để mặc chàng làm việc và xuống bếp sửa soạn cơm trưa. Sau mười lăm phút tôi lên nhà trên đã thấy chàng ôm chổi nằm dưới đất đọc chuyện. Đến cạnh chàng, chàng lơ đãng bảo tôi :

— Anh quét xong rồi ! Còn việc gì nữa không !

Xong rồi ! Tôi không thể tin lời chàng vì mọi khi nếu chàng bắt



đầu quét nhà sáng chủ nhật thì công việc đó sẽ kéo dài đến chủ nhật sau cũng vẫn còn dở dang, vì khi chàng quét xong phòng ngoài thì con chúng tôi đã bầy bừa ở phòng trong, và khi quét lại phòng trong thì phòng ngoài rác đã ngập lên v. v...

Quả thật phòng đã sạch rác nhưng lúc tôi xem đến gầm giường gầm tủ thì tôi hiểu hết. bao nhiêu rác chàng đều quét vào những

chỗ... mọi người không trông thấy.
Hỏi, chàng ngày thơ đáp :

— Làm quái gì cái vật ấy. Ai đến chơi có điên gì mà nhòm đến gầm giường gầm tủ. Em câu nệ lắm ! Một bức tranh đẹp dù ở đằng sau có nhện chằng, cái đẹp đâu có giảm đi. Em chẳng hạn, em có cái thân hình đẹp thế kia nhưng trong cơ thể em toàn những ruột, mỡ, gan, mề...

Tôi phải kêu lên chàng mới chịu im cái luận điệu kỳ quái ấy đi.

Một hôm người ở về quê vắng, chàng đứng ngắm tôi ngồi rửa bát rồi nghiêm trang bảo tôi :

— Em rửa bát kiểu cô điên này vừa chậm vừa hại sức khỏe, Ngồi nhiều quá đường xương sống bị cong lại có thể bị đau lá lách. Tay em, da sẽ sần sùi vì nhúng vào nước nóng có mỡ v.v...

Nghe chàng nói tôi cũng đâm sợ. Tôi hỏi theo ý chàng phải làm cách nào. Chàng bắt tôi phải rửa bát lại một lần nữa để chàng nghiên cứu những cử động của tôi. Chàng lấy mấy cuốn sách hóa học ra và viết những công thức ngoằn ngoèo lên giấy. Đến chiều khi ăn cơm xong chàng đổ vào chậu rửa bát một gói thuốc kỳ dị chàng đã mua công pha suốt buổi trưa, đoạn chàng lấy hai cái cặp đầu bọc cao su để cặp bát đĩa mà rửa bát mà không phải thò tay cầm lấy bát hoặc dúng tay vào nước.

Bữa cơm trưa hôm sau chúng tôi phải ăn cơm hiệu vì sau cuộc thí nghiệm « Rửa bát theo khoa học » của chàng, chàng đã đập vỡ gần hết bát đĩa trong nhà, còn cái nào không vỡ thì lại bị dính cái thứ thuốc quái gở mà chàng

bảo « để tẩy những chất mỡ » thứ thuốc tẩy đó đã dính vào thì « tẩy » hế nào cũng không đi.

Chàng rất thích xuống bếp giúp tôi. Nghệ thuật làm bếp của của chàng thì chỉ có : rán, nướng và nếm. Chàng có thể rán lạc sừng, rán khoai, trứng, và... rán mỡ. Nướng thì chàng có thể nướng bất cứ cái gì nướng được ; nướng khoai, nướng ngô, nướng mực v.v. Nhưng món chàng sở trường là nếm. Bất cứ món gì tôi có thể nghĩ làm ra được là chàng nếm được (thật là một tài năng hiếm có) không những chàng tự đặt tên là « chuyên viên nếm ngoại hạng » và nếu cần chàng có thể gọi thêm mấy đứa con trai xuống phụ việc chàng và tôi. Các bạn cứ tưởng tượng có liền một lúc bốn, năm chuyên viên « nếm » nghệ thuật cao đến thế thì món gì mà chẳng hết bay (xin chú thích là phần nhiều tôi để những chuyên viên này... thất nghiệp và tuy chàng lấy luật lao động ra dọa, tôi cũng không chịu mướn quá một chuyên viên nếm trong một ngày).

Chàng còn giúp tôi trông nom và dậy dỗ con cái. Có lần chàng và tôi đang ngồi nói chuyện ở trong nhà thì hai đứa con trai của chúng tôi không biết tranh nhau cái gì đánh nhau huỳnh huych ở ngoài sân. Tôi vội bảo chàng ra can. Chàng ra sân đã năm phút mà tôi vẫn nghe thấy chúng vật nhau có vẻ lại hăng hái hơn. Thò đầu ra tôi thấy chông tôi đang ngồi điềm nhiên xem... chúng vật nhau dưới đất và còn khuyến khích thêm :

— A à ! Cố lên, thắng Uy sắp được rồi, thắng Hùng ngu quá lấy chân mà khoèo, thế !...

Tôi chạy đến lối chúng đây để cho mỗi đứa một trận và bắt mỗi đứa đứng một góc phòng. Sau đó chàng lại còn dám chế tôi :

— Em cồ lắm ! Giáo dục kiểu em chỉ làm chúng rât như cây. Cho chúng nó đánh nhau để gây tinh thần quả cảm, khoẻ chân tay lại còn bạo dạn. Sau này ra đời không ai bắt nạt được.

Tôi gắt :

— Thế ai giặt quần áo bẩn cho chúng nó, ai vá khâu những quần áo rách nếu anh cứ để chúng đánh nhau như thế !

Chàng nhún vai :

— Muốn luyện tinh thần con cái em lại còn dở đến những chuyện vặt vãnh đó thì thật là em ngu.

Một lúc sau cũng hai đứa đó đánh nhau và dùng sách vở ở bàn giấy của chàng làm khi giới ném nhau. Chàng tức lắm nhưng thấy tôi đứng ngắm chàng và mỉm mỉm cười, chàng không dám can chúng.

Khi đứa con trai thứ ba của chúng tôi lên năm, chàng nhất định đảm nhiệm công việc dạy A B C cho nó. Mấy đứa trước tôi đều dạy nhưng lần này chàng tranh lấy và lý luận :

— Người mẹ không thể là một thầy giáo tốt vì không đủ nghị lực, óc khoa học, sự cứng rắn trong khi thưởng phạt và sau này đứa trẻ lớn lên tinh thần suy luận của nó có thể bị lệch lạc, « méo mó ». Cần phải có một sự « phối chỉnh chặt chẽ » những phương tiện giáo dục v.v...

Thấy chàng dùng đến những danh từ giáo dục bi hiểm đến thế tôi chịu thua ngay vì sợ phải uống

Aspirine sau khi nghe chàng giảng thuyết. Tôi tò mò đợi xem chàng dạy bé Ly ra làm sao.

Chàng mất một tuần để đọc và tra cứu những cuốn sách giáo dục ngoại quốc đầy cộm chàng mượn, hoặc mới mua về hoặc lục ở tủ ra. Chàng bắt tôi pha cà phê cho chàng uống, mua các thứ hoa quả như chuối, cam để tâm bổ cho đầu óc chàng minh mẫn. Đọc nhiều, mắt đỏ lên chàng than thở với tôi :

— Công việc giáo dục thật nặng nhọc. Nhưng bôn phận là bôn phận. Anh chỉ có dịp này để tỏ ra là một người cha kiểu mẫu.

Chàng làm mấy cái bảng đề những giòng chữ như : « vui vẻ khi làm việc » « Kiên nhẫn : yếu tố thiết yếu để thành công » v. v. và treo đầy lên tường. Tôi ngạc nhiên hỏi chàng :

— Anh làm những bảng này làm gì ? Bé Ly đâu có biết đọc.

— Em không thông minh chút nào, những bảng đó cốt để nhắc nhở anh những đường lối giáo dục và những phương châm anh phải theo.

Tôi chờ mãi mà không thấy chàng bắt tay vào việc mà cứ nghiên cứu hoài. Hỏi, chàng đáp trên thế giới hiện nay nhiều phương pháp giáo dục quá, nhưng phương pháp nào cũng có điểm hay điểm dở nên chàng phải tham khảo để xây dựng một phương pháp mới và thích hợp.

Hiện giờ bé Ly đã đọc xong quốc ngữ từ lâu (do tôi dạy) còn chàng thì vẫn chưa nghĩ ra đầy đủ những nguyên tắc của « một phương pháp giáo dục mới ». Có lẽ khi bé Ly lấy vợ để con rồi, chồng tôi mới đem áp dụng

phương pháp đó để dạy... cháu nội và mới có dịp tỏ ra là một người « ông kiều mẫu ».

Thỉnh thoảng tôi nhờ chàng đi mua bán hộ những thứ lặt vặt. Chàng rất đặng chí và hay quên. Có lần tôi nhờ chàng ra hiệu thuốc mua một gói bông. Lúc về chàng mang theo một lô những hộp thuốc và khoe :

— Đây nhé anh mua hộp Vitamine... này cho em uống để bổ máu, hai hộp Aspirine để anh uống, ba hộp Quinine để phòng hờ, còn đây là thứ thuốc tiêm Mỹ rất mới mà họ quảng cáo trên báo, nên tiêm cho các con cho xương chúng cứng rắn và chóng lớn v.v...

Tôi hỏi :

— Thế bông đâu ?

Chàng ngờ ngác :

— Bông nào ?

Mấy hôm liền, trước khi chàng đi làm, tôi đều nhắc mua bông và dĩ nhiên chàng vẫn quên như thường. Đến hôm chàng nhớ ra mang năm hộp bông về thì tôi cũng vừa rảnh rang ra phố mua liền sáu hộp. Đến nay bông chúng tôi dùng cũng vẫn chưa hết.

Tuy vậy chồng tôi không phải hoàn toàn vô dụng. Có nhiều việc nếu không có chàng thì thật nguy cho tôi và tôi tin rằng lấy chồng có lẽ cốt để nhờ có từng ấy việc. Mỗi khi tôi hét lên như nhà sắp cháy hoặc đổ xụp vì gặp những

con vật nhỏ bé mà bất cứ người đàn bà nào cũng sợ như : sâu róm, đán, chuột, thạch sùng, thì chồng tôi chạy ngay đến đuổi hoặc giết chúng đi một cách thần nhiên. Thảo nào người ta thường bảo đàn ông can đảm và giết chó không chùn tay.

Nhưng có lần, sau khi tôi và chàng cãi nhau một trận, tôi bực mình ra đi-văng ở phòng khách ngủ với nỗi giận của tôi chứ không chịu nằm với chồng thì bỗng thẳng con đầu lòng của tôi lon ton chạy ra tay cầm đuôi một con chuột mới để đổ hồn mà bảo tôi :

— Me ! Ba bảo mang con chuột này ra cho me.

Tôi nhồm ngay dậy và hét lên bắt nó vụt ngay con vật đáng sợ đó ra ngoài sân nhưng con tôi chắc được chồng tôi dẫn dờ cẩn thận nên cứ nhất định vâng lời bỏ nó triệt để và cứ đi con chuột vào người tôi.

Tôi phải chạy vào đánh thức chàng dậy (tôi biết chàng vờ ngủ) và điều đình mãi chàng mới chịu tha cho tôi. Dĩ nhiên là tôi không dám ngủ ở nhà ngoài vì chàng dọa có một đàn chuột mới để ở đi-văng.

Đàn ông tuy vô-dụng nhưng họ cũng không ngu như chúng ta tưởng.

DUY-LAM

SẮP RA

NẮNG THU

của NHẬT-LINH

TRƯỜNG GIANG TIỂU THUYẾT
CỬA
NHẤT LINH
XÓM CẦU MỚI



CÔ MÙI

TRUYỆN DÀI

(Tiếp theo)

IV

Ở ngay cầu đi vào nhà đầu tiên của xóm là nhà bác Lê. Ở cạnh nhà bác Lê là cửa hàng của Múi. Cửa hàng ấy từ khi bà Lang mất, Múi thuê để tiện việc buôn bán. Cửa hàng có hai gian: một bên là hàng bán thuốc và rượu bia, nước chanh một bên là nước chè, bánh cuốn. Ở phía gian bán thuốc có treo một tấm biển vẽ hai con mắt dưới đề:

HIỆU THỌ ĐƯỜNG

BÁN THUỐC ĐAU MẮT
THUỐC RUN, THUỐC TẢ,
RƯỢU BIA, NƯỚC CHANH.

Cái biển ấy là do công trình của Triết vẽ và kẻ chữ. Mấy chữ kẻ dưới tên hiệu đã làm cho Múi giận em. Triết cho đề như thế thì buồn cười chết, làm như nước chanh và thuốc run, thuốc tả cũng là một thứ. Múi thì cứ nhất định

bắt em đề cho đủ; nàng viện lý :
 — Minh bán nó thì mình đề nó. Ở trong hàng mình đề được rượu bia gần thuốc run thì ở biển mình cũng đề được chứng nó gần nhau. Sao chú hay kiểm chuyện thế ?

Tiếng nàng lúc nói câu sau cùng đã bắt đầu run run. Không phải nàng tức vì lời nói mỉa của Triết mà chỉ vì thấy Triết đã viện cớ tỏ ra không thích làm một việc mà nàng nhờ. Điều mà nàng vẫn sợ nhất ở đời là bị một người thân yêu làm mất lòng, (đối với người không thân nàng không cần lắm). Nỗi sợ đó hình như nàng có đã lâu, có lẽ từ hôm đập tay vào cành găng. Vì sợ chỗ đó nên đối với mọi người thân yêu nàng ít khi dám nhờ một việc gì hay có nhờ cũng chỉ khi nào nàng chắc chắn người ấy vui lòng nhận. Một sự từ chối rất nhẹ, một vẻ phiền thoảng qua về một thứ nàng nhờ không có gì quan trọng cũng sẽ làm nàng tủi thân vô cùng và đau khổ như là đã nhận ra mình lầm, người thân yêu ấy không yêu gì mình cả. Nàng đã dặn Triết về đến mười hôm rồi mà vẫn không thấy Triết bắt đầu. Bao nhiêu lần nghĩ đến nàng đã thấy giận ứ lên cổ nhưng nàng không dám nhắc vì nàng sợ nhắc mà Triết vẫn không chịu về thì nàng sẽ không giữ được cái nữa. Và sẽ có chuyện to giữa hai chị em. Mãi đến một hôm nhân thấy Triết về địa đồ nàng mới làm như chính nàng cũng đã quên việc nhờ em về đề có thể nhắc em mà không nổi tức :

— À cái biển của chị. Hôm nay nhân tiện có thuốc vẽ, em vẽ cho chị nhé.

Vì vậy nên những lời nói lý của Triết khiến Mùi tưởng Triết kiểm có nọ có kia đề dẫn vật nàng, báo thù nàng đã bắt Triết phải làm một việc mà Triết không thích.

Triết thì không đề ý đến chỗ đó; chàng thấy chị nói có lý nhưng mặc dầu có lý chàng vẫn thấy câu đề biển ấy buồn cười và những người có học đi qua đọc đến ai cũng phải bật lên cười chế riếu. Chàng thông thả đặt bút chì lằm bằm :

— Nước chanh mà đề gần thuốc tả, thuốc run, làm cho người ta nghĩ ngay rằng uống nước chanh của chị thì sẽ đi tả ngay hoặc sinh run đầy bụng. Chị không nghĩ thế à ?

— Tôi không thấy gì cả !

Triết ngược mắt nhìn vì thấy có vẻ hơi khác trong giọng nói và nhất là chữ tôi chị dùng. Thấy chị mắt đã chớp mau và hai môi bắt đầu rung rung. Triết biết là chị sắp khóc, nên phải vội vàng cầm lấy bút chì.

— Chú không muốn kể thì thôi... thế này là xong !

Nói xong câu ấy một sự hờn uất mà chính nàng cũng không hiểu vì có gì từ ở đâu đến, nhưng từ ở rất xa nổi lên trong lòng nàng, ào ạt lấn át cả lẽ phải. Mùi giăng mạnh lấy tờ giấy rời trước về mặt đương ngõ ngác và hơi hối hận của Triết, Mùi xé tan tờ giấy làm mấy mảnh, quẳng xuống đất và nằm gục xuống giường nức nở khóc. Triết đau khổ thấy chị tự nhiên lại giận mình đến thế mà mình thì không có gì trái với chị lắm; miệng chàng bất giác lằm bằm, xin lỗi chị, mặc dầu chàng biết chàng không có lỗi gì cả. Tuy Triết đã xin lỗi, Mùi đã nguôi hẳn giận nhưng cũng

Đến mấy ngày nàng ngưng không dám nhia mặt em vì sau khi hết cơn giận nàng lại thấy chỉ có nàng là người có lỗi, đã không nén nổi lòng mình và đã làm em Triết của nàng khổ lắm tuy Triết không nói ra. Cái vẻ hối hận thoáng hiện ra ở nét mặt em khi nàng sắp xé tờ giấy làm nàng bứt rứt nhất; giá nàng nhận thấy sớm một chút thì không bao giờ lại làm khổ em như thế. Nghĩ vậy, Mùi lại thấy thương em hơn; nàng muốn xin lỗi em nhưng đã chậm quá. Bây giờ tự nhiên nàng không thể nhắc lại chuyện ấy để ngỏ lời xin lỗi em được nữa. Nàng chỉ hối tiếc là ngày lúc đó nàng chỉ nghĩ đến việc nhận lời xin lỗi của em mà không nghĩ đến việc xin lỗi em. Mùi nhận thấy mang máng có một mối liên quan gì giữa cái tính hay hờn của nàng bây giờ với cái việc xảy ra hôm tiễn Siêu đi nhưng tại sao lại có liên quan thì nàng không biết. Lúc nàng nói câu: « Thế này là xong » nàng thấy đã có sống qua một lần như thế rồi. Tuy không nhớ rõ hẳn nhưng nàng cũng cảm thấy câu ấy nàng đã nói đến, chính hôm đập tay vào gai và cơn hờn giận Triết Mùi cũng thấy giống như cơn hờn Siêu, tuy nhẹ nhàng hơn.

Mấy hôm sau, cứ khi nào Mùi buồn mản ngủ là Triết bắt đầu lấy giấy, lấy thuốc vẽ ra kẻ biển. Chàng ra công vẽ một con mắt thật đẹp và cố ý để những chữ « thuốc run, thuốc tả, rượu bia, nước chanh » vào một giồng riêng để chiều ý chị, còn ai muốn cười thì mặc người ta. Rồi một buổi sáng chàng đem biển ra treo ở cửa hàng; lúc Mùi xem biển đọc đến

giồng đề thuốc run, nước chanh, Triết nhếch mép mỉm cười. Mùi cũng nhìn em một cái và mỉm cười theo. Thế là hai chị em đã lặng lẽ làm lành với nhau.

Ở phía bên bán rượu bia nước chanh có đề một cái bàn và bốn cái ghế; trên bàn phủ một tấm vải lúc nào cũng trắng tinh và đề một cái lọ thủy tinh vẫn xanh đỏ, trong cắm mấy bông cúc bằng giấy. Vì sang và sạch sẽ quá nên



thỉnh thoảng lắm có khách sang trong ghé qua mới ngồi đấy. Mùi bây biện thế không phải mong có khách ngồi mà chỉ cốt để cửa hàng có vẻ sang.

Ở gian bên kia thì quang cảnh khác hẳn. Mặc dầu ngày nào Mùi cũng lau rửa rất sạch sẽ trông ghé, bát đĩa nhưng lò bánh đun củi thì tránh sao được nhỏ nòi, mỡ hóng.

Thấy Mùi ra hàng, Bé đương ngồi gần lò bánh vội đứng dậy nhường chỗ. Đã thành cái lệ — tuy không ai bảo ai — là chỗ lò bánh mùa rét thì về phần Mùi ngồi, mùa nực thì về phần Bé.

Trước đây vì bán hàng mỗi ngày một chạy nên Mùi phải thuê Bé con gái bác Lê sang giúp việc và đem bánh sang bán cả bên Phủ Lê, Bé tuy sạch sẽ nhưng quanh năm đau mắt và vì thế bao giờ trên mắt cũng che cái khăn vải trắng tinh. Mắt của Bé ít người được trông thấy cả hai con một lúc. Nếu con mắt bên phải đỡ hơn thì Bé cái phía khăn bên phải cao lên để hở một nửa mắt bên phải nhìn, nếu mắt bên trái đỡ thì ngược lại. Mới đầu Mùi bắt Bé luôn luôn tra thuốc của hiệu mình nhưng mãi cũng không thấy đỡ. Mùi nghĩ đến chỗ Bé đau mắt là một cái quảng cáo không hay cho hiệu thuốc đau mắt rất thần diệu của cha nàng. Nhưng nàng tìm được một lý cừm, nếu có ai đã động đến nàng sẽ đem ra đáp :

— Nếu không có thuốc của hiệu Thọ Đường thì mù rồi, còn gì nữa.

Song cũng không có ai đã động vì không ai để ý đến điều đó.

Ngoài đường, bóng mái nhà và bóng lá đa mờ mờ nhạt dần rồi mất đi ; ánh trăng đã hòa lẫn với ánh sáng ban ngày. Có tiếng kẹt cửa ở hiệu tạp hóa bên kia đường. Mùi nghĩ thầm :

— « Chậu tóc tiên » sắp ra đánh răng.

« Chậu tóc tiên » là tên Mùi đặt riêng cho ông chủ hiệu tạp hóa Ninh-Ký. Ông ấy là khách lai nhưng lại ở đời nên mặc quần áo ta ; ông ấy đã trên ba mươi tuổi, góa vợ mà chưa có con. Mùi thấy có người nói phong thanh là ông Ninh-Ký định hỏi nàng làm vợ. Nàng cười cho việc ông Ninh-

Ký định lấy nàng là vô nghĩa lý. Ngay từ lúc mở cửa hàng hai năm trước, Mùi đã thấy ông Ninh-Ký ngồi sừng sững ngay trước mặt với hai con mắt to và lồi ra, cái mũi tròn và sù sì nằm ở giữa hai gò má đỏ hoa và phụng phịu lúc nào cũng như sắp nhỏ ; đầu bao giờ cũng đội khăn xếp nhưng ở lòng khăn các tóc bao giờ cũng dựng ngược, tua tủa ra bốn bên, cả cái đầu trông như một cái chậu tóc tiên, còn lá tóc tiên ngắn hay dài là tùy khi mới húi hay lâu chưa húi.

Trước kia đầu ông Ninh-Ký đối với Mùi là một cảnh vui mắt vì Mùi mới mười sáu mười bảy và ông Ninh-Ký gần gấp hai tuổi nàng nên nàng nhìn ngắm ông ta rất tự nhiên. Nhưng năm ngoái được biết ông Ninh-Ký định hỏi mình làm vợ, chưa hỏi chỉ vì nàng đương có tang, thì từ đấy cái đầu ông Ninh-Ký đối với Mùi là một cái tội vạ lúc nào cũng ở ngay trước mắt. Mùi cố hết sức tránh nhìn ông Ninh-Ký để ông ấy khỏi tưởng lầm là nàng để ý đến ông ; chỉ mới nghĩ đến chỗ ông Ninh-Ký yêu mình, Mùi đã thấy ngược ran cả người. Nhưng ông Ninh-Ký lại ngồi ngay trước mặt nàng, và nàng cũng lại ngồi ngay trước mặt ông ; hết ngày nọ đến ngày kia, tháng nọ sang tháng kia mà cứ phải nghĩ đến việc tránh nhìn một người ngồi lù lù trước mặt, Mùi cho là một cái tội nợ truyền kiếp, một sự hành hình kéo dài. Lắm lúc thật tình nàng muốn cả dãy phố bên kia bị cháy — mà chỉ riêng dãy phố bên kia thôi — cháy cả hiệu tạp hóa và cháy luôn cả ông Ninh-Ký nữa.

Nhưng buổi sáng sớm, còn mờ mờ lổỉ, biết là ông Ninh-Ký không nhìn rõ mặt mình, Mùi tha hồ ngắm nghía ông. Ông Ninh - Ký đánh răng thì cẩn thận lắm, ông đánh thật nhiều bọt và thật lâu, đánh ngoài răng, trong răng, đánh cả lợi cả môi, có khi Mùi thấy ông ta lè lưỡi ra thật dài và « eo ơi » — Mùi thốt ra như vậy — ông ta đánh cả lưỡi (có lẽ hôm ấy ông ta quên mang cái nạo lưỡi ra). Đánh xong, ông uống một ngụm nước to, ngửa mặt súc ở trong cổ họng y như con gà uống nước rồi ông phun mạnh cho nước tỏa ra nhỏ và đều, y như rồng phun mưa. Mỗi lần phun ông lại xoay về một phía sân và khi ông trở vào thì cả mặt sân ướt đều. Trước Mùi nghĩ mãi không hiểu tại sao ông ta lại cứ phải ra trước nhà đánh răng, có lẽ ông ta muốn được nhìn mặt nàng. Mãi gần đây nàng mới nghĩ ra ông ta làm thế để sân khỏi bụi. « Cũng là một cách tiện » nàng nghĩ thế và cũng vì thế nàng cho ông Ninh-Ký có tính lắm thần.

Ngồi một lúc thì Nhõ đem đồ cá về ngồi vào ghế hàng của Mùi lật bát nước chè rồi nói :

— Cô bán cho cháu một hào bánh cuốn nhân thịt.

Mùi nhìn Nhõ ngạc nhiên.

— Anh Nhõ hôm nay hoang ghê.

— Vâng hôm nay được nhiều cá, phải ăn một bữa cho thỏa thuê.

Nói xong Nhõ cúi mặt húp nước chè nóng không dám nhìn lâu vào hai con mắt của Mùi, hai mắt mà bây giờ trời sáng nhìn rõ chàng thấy đẹp khác hẳn mọi ngày. Lúc còn ở ngoài lưới Nhõ

đã nảy ra ý định ăn bánh cuốn, không phải vì tham ăn nhưng chỉ cốt để được Mùi hầu mình trong một lúc, một cái thú mà đặc biệt sáng hôm nay chàng muốn có mặc dầu phải tốn đến hào bạc.

Ngay từ lúc Mùi dọn cửa hàng ở xóm, lúc đó Mùi mới độ mười lăm mười sáu và Nhõ mười bảy, tính còn trẻ và bông bột, chàng đã để lòng mình yêu ngay cô con gái ít tuổi, xinh đẹp và đảm đang ấy, không nghĩ ngợi xa gần. Mỗi lần sang bên cửa hàng được Mùi mỉm cười với mình hay có cử chỉ gì tỏ vẻ săn sóc đến mình đôi chút là Nhõ sung sướng cả ngày. Nhưng hết năm nọ qua năm kia. Nhõ càng lớn tuổi càng nhận thấy rõ sự cách bức giữa chàng một anh phu xe và Mùi, cô con gái một ông Lang, cháu một cụ cử; tuy mới có Bé sang ở nhưng chàng cũng thấy rõ Mùi đứng vào địa vị một cô chủ mình. Nhõ thấy Mùi đối với mình một cách quá tự nhiên; chắc nàng cũng chỉ coi mình như một người đầy tớ không sợ ai dị nghị. Nhưng trong mấy năm thấy Mùi cư xử với mình rất tử tế, hễ có dịp là cho tiền mình một cách rộng rãi khác thường, Nhõ cũng biết là Mùi có cảm tình ngầm với mình. Chàng cũng tự biết mình đẹp trai, có duyên và có khi cũng thấy Mùi nhìn mình một lúc lâu, mắt có vẻ khác lúc bình thường và vì thế chàng mới nuôi cái hy vọng được Mùi yêu lại. Truyện con nhà thuyền chài lấy Công Chúa ít khi xảy ra nhưng ít khi nghĩa là cũng có khi xảy ra.

Nhõ ăn xong thả ngẫm nghĩ đến cái ngon của những chiếc bánh thơm nóng mà Mùi lấy dần ở trong

quả hấp ra, tự tay nàng đặt vào đĩa của chàng. Mỗi lần mở quả hấp một lần hơi trắng lại phào qua khiến Mùi neho một bên mắt, nghiêng đầu để tránh hơi nóng. Ngồi gần lò sưởi nên đôi gò má của Mùi hơi phớt hồng. Thỉnh thoảng qua làn hơi trắng, Nhớ lại thấy nàng yên lặng nhìn ra ngoài và mỉm cười. Nhớ đã quen nhìn nàng lâu ngày nên bất cứ một cái gì đặc biệt trong cử chỉ của Mùi chàng đều để ý mà để ý nhất là cách cười hay mỉm cười của nàng. Bao giờ cũng vậy, trước khi mỉm cười, hai mắt Mùi cũng long lanh sáng, hai hàng mi hơi rung rung như báo trước cái cười rồi nét cười mới lộ hẳn ra trên môi. Sáng hôm nay tuy Mùi nhìn đi chỗ khác mỉm cười và vì có gì sáng nay nàng lại mỉm cười luôn thể, Nhớ không rõ nhưng Nhớ cũng thấy bằng hoàng như là được Mùi mỉm cười với chính mình.

Bỗng Mùi cất tiếng reo to :

—Ơ hơ, bà « chủ nhật trình » ! Bà đi đâu về sớm thế, vào soi bánh cuốn nóng đã, mới có cà cưỡng ở Hà-nội về.

Mùi nhận thấy tiếng mình chào mời bà Ký Ân có vẻ mừng rỡ khác hẳn mọi lần và chân thật mừng rỡ. Đã từ lâu nàng không ưa gì bà Ký Ân và sáu cô con gái của bà ta tuy hai bên vẫn đi lại giao du như thường, nhưng sáng nay chợt thấy bà Ký Ân nàng nghĩ ngay đến việc hỏi bà ta xem ở đâu có nhà cho thuê vì vậy nàng chân thật mừng rỡ. Bà Ký Ân thì chắc biết và nếu bà ta không biết thì chắc chắn là không có nhà.

Nhìn thấy hai môi bà Ký bắt

đầu động đậy, Mùi biết là bà ta sắp nói :

— Con này đi đánh tổ tôm suốt đêm về đây. Nào có bánh cuốn thì cho nó ăn mấy cái. Nhà mẹ Lục kiết bỏ mẹ. Đánh tổ tôm suốt đêm mà chẳng có gì dính răng dính lợi.

Bà Ký Ân vì nặng tai nên bao giờ cũng nói to như mắng vào mặt người ta. Tuy bà không biết đọc và không biết viết chữ nhưng không một việc gì xảy ra ở vùng quanh đây, không một tin gì quan trọng đăng báo ở « tạp Hà-nội » mà bà ta không biết rồi bà ta đi la cà hết nhà nọ đến nhà kia kể lại cho mọi người nghe. Vì thế người ta gọi bà là « bà chủ nhật-trình » và lâu ngày tên ấy át cả tên thật. Thấy người nào được bà kể cho tin gì lạ mà tỏ vẻ ngạc nhiên khâm phục thì bà ta lấy làm sung sướng và bao giờ cũng thưởng cho người kia bằng một câu riết :

— Người trần mắt thịt ơ !

Lúc bà ta nói thì cả mặt bà là một bức tranh hoạt động và hoạt động nhất là vành môi dưới. Trong khi vành trên yên tĩnh và ngậm chặt lấy hàm răng trên thì vành môi dưới uốn éo đủ chiều : lúc thì chia hẳn ra phía trước, lúc lại uốn cong hẳn vào phía trong, lúc thì chềch chềch xuống mép phải để hở cả răng lợi, lúc lại chềch sang bên trái, có lúc cong xuống cả hai bên mép nhưng ở giữa lại cong lên ; chưa nói thì cái môi dưới đã bắt đầu động đậy và nói xong rồi nó cũng còn quần quai một lúc mới yên.

Nhờ đứng lên nhường chỗ cho bà Ký Ân, rồi đi ra phía sau nhà, chỗ có ở rơm của Bé. Chàng

báo Bé sách rõ cá về nhà, với cái diều cày kéo một hơi dài rồi nằm xuống ở rơm. Ban ngày khi nào cần ngủ thì Nhớ ngủ ở đấy vì có chăn ấm và yên tĩnh. Nhớ nằm thẳng nhìn sợi tơ nhện đen mờ hồng rủ trên mái nhà gió đưa đi đưa lại. Suốt một đêm kéo lưới, chân tay mệt mỏi của chàng được đặt trên ổ rơm, chàng thấy êm ái lạ thường. Một lúc sau chàng ngủ đi lúc nào không biết. Ánh nắng chiếu vào chỗ Nhớ nằm và in những vòng tròn ánh sáng mờ tỏ trên mặt chàng. Nhớ nằm mê thấy mình đương kéo lưới, nặng trĩu cả hai tay và trong lưới không biết bao nhiêu cá vàng cá bạc lấp lánh hoa cả mắt. Trên bờ có một cô Công Chúa đương đứng nhìn chàng kéo lưới và mỉm cười luôn. Cô Công Chúa phảng phất giống Mùi.

Ở ngoài hàng tiếng bà Ký Ân vẫn oang oang :

— Rõ tội nghiệp ông Năm Bụng đêm qua. Có tây đoan sang khám ở phố Phủ ông ấy đã vất cả nỗi rượu xuống sông.

Mùi ngạc nhiên vì chính nàng ngồi đây nàng không biết ; Bà Ký Ân ở trên phố Phủ mới về làm sao bà biết được.

- Bà vừa lại ông Năm Bụng.
- Không tôi vừa về đến đây.
- Thế sao bà biết.
- Ấy thế.

Mùi hỏi nhưng nàng không đợi câu trả lời vì bà Ký Ân không bao giờ nói ra tại sao bà lại biết được tin nọ tin kia.

— Bà biết bên phố Phủ ở đâu có nhà cho thuê hay để lại không ? Ở xóm này thì chắc là không có.

— Có thuê nhà làm gì ?

Biết đó là một điều kiện của

bà Ký đề bà mách nhà nên Mùi phải nói rõ duyên do ; vả lại cũng không phải là một tin cần phải giữ bí mật. Bà Ký chăm chú nghe ; thế là tự nhiên bà biết được một tin mới, chắc chưa ai biết. Bà Ký ngồi nghe nhưng cũng không quên gấp bánh ăn luôn miệng. Lúc ăn bà không cho miếng bánh vào trong miệng mà lại đặt nó lên cái môi dưới đã chìa sẵn ra đợi rồi hai môi bà đóp đóp và cho dần vào y như một con thỏ ăn lá rau. Trong khi nhai, cái môi dưới cũng uốn éo như khi bà nói.

Mùi nói truyện nhưng cũng không quên mỗi khi bà ta ăn xong một chiếc bánh thì lại đặt ngay một chiếc khác vào đĩa bà ta.

Bà Ký nghe xong, ăn nốt chiếc bánh ở đĩa rồi nói :

— Người trần mắt thịt ơi ! Mở mắt ra mà nhìn sẽ thấy nhà. Mở tai ra mà nghe thì sẽ có nhà.

Rồi bà cúi đầu ghé vào tai Mùi nói thầm. Mùi nghĩ không cần phải mở tai vì bà Ký nói thầm mà cũng nói to hơn tiếng người khác nói thường.

— Hai Vinh bán củ nâu ấy mà. Củ với kiếc gì lão ấy. Hần vờ buôn đề đến đây ở với vợ bé. Bây giờ vợ cả nó biết tin rồi, chỉ dăm bữa nữa tháng là nó đến kéo chồng về quê. Nhà đấy chú đầu.

Mùi mừng rỡ vì đã thấy có nhà, nhà ở ngay Xóm cầu Mới mà giá thuê chắc lại rẻ. Đã biết được điểm cần biết nàng chỉ mong bà Ký đi ngay khỏi cửa hàng để nàng chạy qua nhà báo tin cho cha yên tâm. Nhất là nàng lại vừa nhớ ra là đã quên bằng không đề tiền ăn quà cho Triết. Mỗi ngày, Triết có hai xu ăn quà ở

trường học, ngày thứ năm chủ nhật nàng đưa nhiều hơn đề em đi chơi xa bắt bướm. Nàng phải về vì nếu nàng quên thì Triết không bao giờ ra cửa hàng xin tiền cả. Nhưng bà Kỳ Ân thì vui miệng cứ ngồi nói truyện mãi. Sau cùng Mùi vui mừng thấy bà ta đứng lên cho tay vào túi áo cánh lấy tiền ;

— Ấy chết làm thế nào bây giờ ; chúng mình mãi nói truyện thành ra không biết bao nhiêu bánh tất cả.

Mùi mỉm cười vì chữ « chúng mình » dùng không đúng, nàng thì nàng nhớ đếm bánh lắm.

— Bà không lo, cháu đếm. Tám chiếc, hào hai bà ạ.

— Nhiều thế cơ à ? Đờ ăn tham.

Bà Kỳ trả tiền, lấy miếng trầu ăn rồi đi ra cửa nhưng bà lại quay trở vào ngay và môi lại bắt đầu uốn éo. Mùi sợ lắm vì bà Kỳ nhiều lần ngồi nói truyện rất lâu, nói đã hết cả truyện đứng dậy đi rồi lại quay trở lại vì tìm ra được một câu truyện mới và đứng nói lâu hơn lần ngồi trước. Mùi cũng hay nói nên Mùi sợ nhất là những người hay nói nhất là những người đó lại là những người nàng phải kính trọng không dám ngắt lời. Nàng nói thì nàng không thấy mệt nhưng cứ phải chú ý nghe... thỉnh thoảng phải gật đầu tán thưởng, hoặc điềm những câu nói đệm hay mỉm cười ngượng ngạo, về những câu không có gì đáng cười, Mùi thấy mệt vô cùng ; tức nhất là cứ chịu khó nghe cho xong câu truyện ấy là chắc thoát (dựa vào một vài cử chỉ rất rõ ràng) nhưng rồi lại phải nghe thêm một câu truyện nữa, thất vọng vài

lần mới thoát hẳn. Bà Kỳ nói :

— À tối hôm qua cụ Hương đuổi thẳng Minh hầu trà vì nó ăn cắp một chai rượu tây uống say túy lý càn khôn mà đánh vỡ luôn cả cái lọ lộc bình cổ. Cái lọ cổ Khang Hy ấy...

Mùi lo sợ vì bà Kỳ Ân chắc lại kể cho nàng nghe sự tích cái lọ cổ ấy, ai biết cụ Hương, vì sao mà biểu sự tích mà bà Kỳ đã kể cho nàng nghe một lần rồi. Nhưng nàng ngạc nhiên thấy môi bà Kỳ rung rung rồi yên hẳn. Bà Kỳ có vẻ suy nghĩ ; bà vừa nhớ ra bà đã kể cho Mùi nghe rồi ; bà ta không chắc chắn lắm nhưng trong khi nghi ngờ bà ta thà thôi còn hơn vì bà rất sợ kể một truyện gì hai lần cho một người nghe. Bà nhìn Mùi.

— ... Cô đã biết truyện cái lọ ấy rồi mà.

Mùi vội gật, Bà Kỳ ngoe nguẩy đi, lấy hai tay tự đập vào mông mấy cái làm như mình đuổi mình.

— Thôi cắt đi, cắt đi, con nỏ mồm ơi !

Mùi đứng nhìn theo khẽ lắm bằm :

— Ủ phải đấy, cắt đi, nỏ mồm lắm.

Tuy nói thật khẽ nhưng nói xong nàng cũng giật mình. Bà Kỳ điếc nhưng lại có khi hiểu được cả những câu nói rất khẽ (Mùi không hiểu là người điếc có thể nhìn môi đoán được vài câu ngắn) Mùi sợ nhưng lại yên tâm ngay vì nàng nhìn lưng bà ta không có gì thay đổi.

Mùi gọi Bé trông hàng thay rồi cấp hộp tiền chạy về nhà báo tin. Ông Lang đương ngồi chọn thuốc với u già thấy con gái về đột ngột

lại thở hồng hộc, tay ôm hộp tiền, ông giật mình lo sợ.

— Cháy nhà à ?

Mùi vừa thở vừa mỉm cười cho cha khỏi lo.

— Con đã thuê được nhà rồi, thầy ạ (nói đến đây nàng chợt đề ý đến u già nhìn nàng). Nhà hai Vinh củ nâu, có hai đồng một tháng, rẻ quá (sao u già lại cứ nhìn nàng như thế).



Nàng nói ngay là đã thuê được hẳn nhà và kể cả tên chủ nhà và bja cả số tiền thuê để ông Lang chắc bụng là việc ấy đã giải quyết xong hẳn rồi ; trong người nàng nhẹ nhõm hẳn. Nàng mỉm cười một mình vì nhận thấy rằng việc báo tin không có gì gấp nhưng nàng cần phải nói ngay mà cần phải nói ngay như thế không phải để cho nàng được yên tâm sớm hơn mà chỉ vì nàng thấy đề việc ấy chậm lại lúc nào thì nàng cứ dấm dứt khó chịu trong người lúc ấy. Lúc qua mặt u già nàng thấy u già lâm bầm :

— Đã biết ngay mà.

Nghe câu ấy Mùi hiểu ngay tại sao u già lúc này lại cứ nhìn nàng và bữu môi : u thì u cho nàng chỉ vờ vờ vĩnh vĩnh để về nhà bắt chộp u nếu u quên chưa trời rau.

Nàng đi thẳng ra đứng cạnh Triết :

— Triết à. Chị đã thuê được nhà cho bác Cai, may quá. A hôm nay Triết có đi chơi đâu không ?

— Có, hôm nay em đi xa, không về nhà ăn cơm trưa.

Mùi suy nghĩ chưa biết đưa Triết bao nhiêu và nàng cũng chẳng bao giờ biết đưa Triết bao nhiêu là vừa cả. Đã có lần, quen thói hay tính toán của mình, Mùi có hỏi về sự chi tiêu của Triết hơi kỹ thì nàng thấy em tỏ ý khác ; số tiền nàng cho em, đến chiều về nàng thấy vẫn còn để nguyên trên bàn. Nàng khổ lắm vì mới có một ti thể mà Triết đã đổi nhưng nàng cũng cố nén lòng nói thân nhiên như không nhận thấy gì cả :

— Nay Triết đề quên tiền.

Nàng thấy Triết ngằn ngừ một lát rồi đứng dậy bỏ tiền vào túi :

— Em quên.

Từ hôm ấy Mùi cứ đưa tiền mà không bao giờ hỏi nữa nhưng Mùi không biết rõ Triết tiêu những gì ; đưa ít quá thì Mùi sợ em thâm chề ít mà đưa nhiều quá lại sợ em tiêu phí mà nàng cũng tiếc tiền thành thử nàng phải dùng cái lối đưa thất thường cho khỏi thành lệ, lúc nhiều lúc ít không chừng.

Mùi mở hộp lấy ra hai hào đặt ở thành bệ :

— Em cầm lấy mà tiêu, hôm qua chị được món lời.

Chưa bao giờ trong một ngày

nàng đưa em nhiều thế để tiêu vật. Nhưng vì có cái mừng nhận được tin Siêu sắp về nên nàng không mấy may tiếc tiền. Nàng thấy Triết đưa mắt nhìn hai hào bạc rồi nói khẽ, mặt vẫn cúi xuống:

— Chị cho em thêm hai hào nữa.

Mùi ngạc nhiên nhìn em rồi sợ em hiểu lầm là mình ngạc nhiên vì khó chịu, nàng mở hộp, mở vội vàng lấy ra đồng hào và đặt xuống thành bệ. Nàng nhận ra là nếu Triết có xin thêm năm hào hay một đồng nàng cũng đưa ngay, không chút tiếc tiền mà lại vui sướng nữa. Cái vẻ rụt rè của Triết lúc xin thêm tiền (một việc chưa bao giờ

có) đã tỏ cho nàng rõ là Triết đã cần đến tiền mà đã cần đến tiền như thế là em nàng tất phải có một thú vui riêng, mặc dầu nàng không biết thú vui ấy thuộc loại gì mà cũng không bao giờ hỏi em cho biết rõ.

Thực tình nàng cũng muốn ra qua vườn rau xem lưỡng cải, nhưng vì u già đã có ý nghĩ nàng, nếu ra vườn rau tất sẽ tỏ ra là u già hoàn toàn nghĩ đúng mà nàng chỉ hoàn toàn vờ vỉnh.

Đợi đến lúc ra đến cổng, nàng mới quay mặt vào nhìn u già, mỉm cười và nháy u một cái.

(còn tiếp)

NHẤT-LINH

MANUFACTURE INDOCHINOISE
DE TABACS ET CIGARETTES

«MITAC»



CIGARETTES
MÉLIA

MỘT BÀN ĐÀN

Truyện dài của TOLSTOI

BẢO-SƠN dịch

(tiếp theo)

« Rõ ràng là ích-kỷ, không còn gì khác. Nhưng chúng ta không có can đảm kết tội những bà mẹ thuộc về những gia đình khá giả ấy, nếu chúng ta nghĩ đến những nỗi đau khổ của các bà ấy khi con cái ốm yếu. Và bọn bác sĩ can thiệp vào cuộc đời vương giả của chúng tôi. Tôi cứ nghĩ đến cuộc đời của nhà tôi khi chúng tôi có ba đứa con, rồi bốn đứa, và nhà tôi mê mải với chúng nó, mà tôi kính hãi ! Cuộc đời riêng của hai vợ chồng tôi thành ra không có nữa. Chúng tôi luôn luôn bị đe dọa, tránh được mỗi nguy-cơ này thì lại tiếp tới mỗi nguy-cơ khác, lại phải lo lắng, chống đỡ mới thoát nạn ; sau cùng, chúng tôi cảm thấy lo sợ khổ sở y như những người đang ở trên một con thuyền ngộ nạn. Có khi tôi thấy hình như nhà tôi cố ý làm ra thế, hình như nhà tôi giả vờ lo lắng để có thể áp-chế tôi hơn. Kề ra thì còn gì thú bằng có thể giải-quyết được mọi vấn đề có lợi cho mình. Một đôi khi tôi tưởng rằng nhà-tôi cố ý nói hay làm ra thế, nhưng thực ra nhà-tôi đau khổ thực, nhà tôi điên lên vì lo sợ cho sức khỏe của các con. Thực là một cái tội cho nhà tôi, và cho cả tôi nữa. Và chẳng, nhà tôi không thể

không đau khổ được. Nhà tôi cũng quyền-luyến con cái, nuôi-nấng nâng niu chúng nó, che chở chúng nó như phần nhiều đàn bà khác; nhưng nhà tôi thiếu điều này của các súc vật có : trí tưởng tượng và xuy - lý. Con gà không lo lắng gì cho con cả, nó không biết đến những bệnh tật con nó có thể mắc phải, nó không biết đến những vị thuốc con người ta tưởng rằng có thể chữa được bệnh tật và tránh được thiệt mạng. Và những con gà con không phải là những mối lo âu cho con cả mẹ. Con mẹ nuôi con nó một cách tự nhiên để chịu, và các con nó là mối vui sướng của nó, khi có một con gà con nào bị ốm, thì con gà mẹ chỉ dùng có cách chạy duy nhất này để chữa thôi : là sưởi ấm cho con và cho con ăn. Và, làm như thế, nó biết là nó đã làm đủ mọi cách cần thiết rồi. Và nếu con nó có chết thì nó cũng không tự hỏi tại sao con nó lại chết và đi đâu ; nó kêu cục cục chút đỉnh rồi thôi và lại tiếp tục sống như thường. Nhưng đối với các bà nhà ta thì không thế ; nhà tôi cũng vậy, không kể bao nhiêu là những lời dặn bảo khi đau ốm, những lời khuyên về giáo dục, v.v... nhà tôi đọc không biết bao nhiêu là sách nọ sách kia

về cách nuôi con. Đây phải nuôi con như thế này này. Không, không đúng; đây mới là những phương pháp tốt. May mặc cho chúng nó, cho chúng nó ăn uống; tắm rửa cho chúng nó, cho chúng nó đi ngủ, đi chơi thở hít không khí bằng cách này hay cách kia thì mỗi tuần lễ chúng tôi—nhất là nhà tôi—lại học được một cách mới. Y như là giống người chỉ vừa mới bắt đầu biết sinh đẻ tối hôm trước thôi. Và nếu không nuôi trẻ theo phương pháp tốt, không tắm rửa kỹ cho chúng nó hay là không theo đúng giờ giấc, chẳng may trẻ nó có ốm đau thì hoàn toàn là lỗi ở chúng tôi cả, vì chúng tôi đã không làm đúng những điều phải làm.

« Như thế, nếu trẻ nó khỏe mạnh ngoan ngoãn cả, cũng đã là một cái tội rồi. Nếu nó mà lăn ra ốm, thì thôi, thực là một địa ngục. Vẫn biết rằng các bệnh có thể chữa được, có cái khoa học ấy và cái bọn ấy—bọn bác sĩ biết chữa bệnh. Nhưng không phải bác sĩ nào cũng biết chữa cả, chỉ những người giỏi biết thôi. Nếu một đứa trẻ bị ốm thì phải tìm đến một bác sĩ giỏi, một người chữa được cho nó khỏi thì nó sẽ khỏi; nhưng nếu người ta không tìm tới được viên bác-sĩ giỏi ấy, nếu người ta không ở cùng tính với viên bác-sĩ giỏi ấy, thế là đứa trẻ đi đứt. Mà tin tưởng như thế không riêng gì nhà tôi mới có, tất cả các phụ nữ cùng một giới với nhà tôi cũng tin tưởng như vậy. Đi đến đâu nhà tôi cũng chỉ nghe thấy những câu chuyện đại loại như vậy: « Bà Ích bỏ mất hai đứa con vì không mời kịp ông Đốc Phúc; ở đằng bà Phong chính ông Đốc Phúc đã cứu

sống được con bé nhưn nhà bà ấy; còn đằng ông bà Bích theo lời ông đốc đưa ngay kịp mấy đứa con đi ở riêng ở « ô-ten » nên chúng nó sống sót; nếu không đem đi kịp, thì chúng nó cũng đến bỏ thôi... ». Ông bảo làm sao một người mẹ tránh khỏi lo âu suốt đời khi con cái của họ sống hay chết là tùy theo ý kiến của một người như đốc-tờ Phúc! Mà không ai biết rằng đốc-tờ Phúc sẽ biết gì, vì đốc-tờ Phúc chắc chắn có mỗi một điều là hẳn chẳng biết gì cả. Có lẽ hẳn chẳng giúp ích được gì cả, và hẳn cho đơn thuốc bừa đi, để cho người ta vẫn tin rằng không phải là hẳn không biết gì. Nếu người đàn bà hoàn toàn là một con vật thì có lẽ họ không lo sợ như thế; và nếu họ hoàn toàn là một người, họ sẽ có lòng tin ngưỡng, họ sẽ nghĩ và nói như những người tin Đạo: « Trời đã cho, Trời lại bắt đi: không ai tránh khỏi luật Trời; ».

« Nói tóm lại, cuộc đời có con cái, đối với nhà tôi và đối với tôi, không phải là sung sướng mà là khổ sở. Vậy tránh sao cho khỏi lo sợ? Và nhà tôi lo sợ luôn luôn. Nhiều lần, chúng tôi vừa ngồi người hết giận sau một cơn ghen hay một trận cãi nhau, và tưởng được yên lòng một chút để đọc sách hay suy nghĩ, hoặc chúng tôi vừa mới có chút thì giờ để lo toan một công chuyện, thì đã có tin nào chẳng Văn nồn ọe, nào con Mai đồ máu cam, nào thằng An sốt mọc răng; thời thế là hết, chẳng còn cách nào sống nữa. Chạy đi đâu? gọi Đốc-tờ nào? để lũ trẻ ở riêng ở đâu? Rồi nào phải rửa ráy cho trẻ, cặp sốt, lấy thuốc, mời đốc-tờ. Con nguy này vừa qua một cái, thì lại tiếp theo luôn

ơng nguy khác. Không còn một lúc nào được sống yên ổn cả. Chúng tôi đi sống, luôn luôn lo sợ những tai nạn, những nguy hiểm hoặc có thực hoặc chỉ có trong tưởng tượng thôi như tôi vừa kể với ông. Đòi này, hầu hết gia đình nào cũng như vậy. Nhà tôi là một người đàn bà nhệ dạ và thương con quá!

« Vì vậy cho nên con cái chúng nó chẳng giúp cho vợ chồng chúng tôi sung sướng âu-yếm hơn chút nào; trái lại, làm cho lưng-cẳng thêm, và gây thêm truyện bất hòa. Từ khi chúng nó lọt lòng ra, rồi lần lần lớn lên, càng ngày chúng nó càng gây ra những duyên-cớ để vợ chồng tôi cãi nhau. Chúng lại còn là những lợi khí để vợ chồng tôi chống chọi nhau, thực đúng là chúng tôi đánh nhau bằng con cái. Hai vợ chồng mỗi người có một đứa con cưng, một lợi khí ưa thích riêng. Tôi thì thường dùng thằng Văn, thằng con lớn; còn nhà tôi thì con Lý. Hơn nữa, khi những đứa trẻ lớn lên, khi lánh tinh chúng nó đã định rồi, chúng nó thành ra những vây cánh của chúng tôi. Người nào cũng dành về phần mình. Tôi nghiệp những đứa trẻ, chúng nó cũng khổ sở lắm. Nhưng trong những cuộc cãi lộn nhau hoài ấy, chúng tôi chỉ nghĩ đến những điều khác chứ có nghĩ gì đến chúng nó đâu. Con bé con thành ra vây cánh với tôi, còn thằng lớn giống mẹ nó và được mẹ nó cưng nó, thường làm tôi tức giận lắm ».

VVII

—Chúng tôi sống với nhau như thế đấy. Tình trạng mỗi ngày một găng, rút cuộc, đi đến nước không phải là sự hắt bòa gây ra lòng oán ghét nhau, nhưng mà là lòng oán

ghét nhau gây ra sự bất hòa; nhà tôi muốn nói gì thì nói, tôi đã có sẵn ý kiến của tôi rồi, và nhà tôi cũng vậy.

« Trong cái năm thứ tư, không cần phải thú với nhau, nhưng thực rõ rệt là chúng tôi không thể hiểu được nhau mà cũng không thể hòa hợp được với nhau. Chúng tôi cũng không cần hiểu đầu đuôi mọi truyện thường thường, và nhất là về con cái, mỗi người có một định kiến riêng. Bây giờ mỗi khi nghĩ lại, tôi nhận thấy rằng những ý tưởng tôi viện ra để bênh vực tôi hồi ấy chẳng có gì là hay cho lắm, thế nhưng tôi không thể hy sinh đi được; mà nhà tôi thì cứ nghĩ trái ngược hẳn, nếu nhịn đi thì hóa ra nhịn cái ý tưởng trái ngược ấy, như thế tôi không chịu được. Vợ tôi cũng vậy. Tôi đoán rằng nhà tôi tưởng tôi có quyền làm như vậy; còn tôi thì tôi cho là một ông thánh trong mọi việc đối với nhà tôi. Đối mặt nhau, chúng tôi bắt buộc phải im lặng, hoặc nói những chuyện tôi tin rằng chỉ có giống vật mới nói với nhau, như: «Mấy giờ rồi?... Thôi đến giờ đi ngủ rồi... Chiều nay ăn cơm có những gì?... Chúng mình đi đâu bây giờ nhỉ?... Nhật trình có gì lạ không?... Phải cho đi mời đốc-tờ. Con Mai nó đau cổ đấy.» Chúng tôi chỉ đi xa cái vòng luẩn quẩn ấy một sợi tóc là đủ thấy giữa ngày khó chịu rồi.

Chúng tôi thật ra chỉ có những lời cãi cọ, những giọng hằn học nhau về những truyện không đâu vào đâu, những vấn đề không một chút quan trọng cho vợ, cũng như cho chồng, như truyện tách cà-

phê, cái khăn bàn, đi xe pháo, đánh bài. Riêng về phần tôi, tôi thấy giận nhà tôi sôi sùng sục lên! Nhiều khi tôi thấy nhà tôi rót chén nước trà, đánh đu chân hay đưa cái muống lên môi húp; chỉ có thế, tôi đã thấy ghét rồi, y như nhà tôi đã phạm vào những điều ác liệt xấu tệ hại nhất.

Tôi không nhận thấy rằng tôi nổi những cơn giận ấy lên từng đạo một, cách nhau rất đều, rất ăn nhịp với những thời kỳ mà ta gọi là tình yêu. Một đạo yêu nhau, lại một đạo giận nhau; một thời kỳ yêu nhau mãnh liệt hơn, rồi lại một thời kỳ giận nhau lâu hơn; lúc yêu nhau ít thì cơn giận nhau cũng chóng nguôi. Chúng tôi giận nhau ấy chỉ là hai cái thái-cực tương phản nhau của chung một tình yêu thú vật. Nếu chúng tôi là người ở trong cuộc mà trông thấy tỏ tường thì có lẽ đời chúng tôi sẽ khổ sở không chịu đựng nổi; nhưng chúng tôi chẳng ngờ chi cả. Và chính đấy là cái cứu tinh và cũng là cái hình phạt của người ta: nếu người ta không sống một cuộc đời bình thường thì có thể bị lừa dối và không thấy cái cảnh sầu khổ nguy nan của mình. Chính chúng tôi làm đúng y như thế đấy. Nhà tôi tìm lãng quên trong những công việc cấp bách, trông nom gia chánh, đồ đạc, quần áo riêng của nhà tôi, của các cháu, việc học và sức khỏe của chúng nó. Còn tôi, tôi có những cách trốn tránh riêng; rượu chè, ăn, uống, săn bắn, bài bạc. Cả hai chúng tôi đều luôn luôn mắc bận. Và cả hai đều biết rằng một trong chúng tôi, người nào càng bận bao nhiêu thì càng có thể tỏ ra hiểm ác đối với người kia bấy nhiêu. Tôi nghĩ bụng:

« Em làm bộ tịch cũng vô ích, suốt đêm em dầy vò anh bằng đủ mọi cách, nhưng anh đã có một hội đồng quản trị. » Về phần nhà tôi chắc nghĩ bụng— mà cũng nhiều khi nói thẳng với tôi: « Anh không cần à! Nhưng em suốt đêm không chợp mắt để trông con ». Tất cả những lý thuyết mới về thôi miên, về bệnh thần kinh, loạn tinh thần, không phải là những truyện vu vơ hão huyền, nhưng mà độc địa, ghê gớm. Chắc chắn là Charcot (trương y chữa bệnh thần kinh) sẽ cho nhà tôi là loạn tinh thần; còn tôi, thì chắc ông ta sẽ bảo là tinh thần thất thường, và có lẽ ông ta sẽ chữa cho cả đôi. Nhưng thực ra có bệnh tật gì phải chữa đâu.

« Chúng tôi sống như vậy, mê muội chẳng nhận định được rõ thực trạng của mình. Và nếu cái hậu quả không xảy ra thì có lẽ tôi sẽ sống như thế mãi cho đến già đời, và đến lúc chết, tôi vẫn tưởng là đã sống một cách xứng đáng, tuy không vẻ vang, nhưng cũng không có gì là đáng chê, như mọi người khác, và tôi đã không biết rằng tôi đã luôn luôn lợi trong vũng bùn lầy vô phước, giả dối ty tiện.

« Chúng tôi chỉ là hai tên tội đồ cùng bị cùm chung một xích, oán ghét nhau và đầu độc lẫn nhau mà cố ý không biết đến. Hồi ấy tôi chưa biết rằng đến chín mươi chín phần trăm gia-đình cũng sống trong cái địa ngục như chúng tôi, mà không thể nào làm khác được. Lúc bấy giờ tôi mù tịt chẳng biết gì cả. Nhưng thực là lạ lùng, có những sự ngẫu hợp nhau xảy ra trong những cuộc đời bình thường và cả trong những cuộc đời bất

thường nữa! Đúng cái thời kỳ mà cuộc đời chung chạ trở nên bất kham cho bố mẹ, thì sự học của các con cái bắt buộc phải thay đổi chỗ ở. Muốn hay không, bắt buộc người ta cũng phải ra tỉnh ở».

Ông ta ngừng nói; và hai lần «hự» lên cái tiếng lạ lùng, lần này hình như để dấu những tiếng khóc thầm đi. Chúng tôi đến gần một ga.

Ông ta hỏi:

— Mấy giờ rồi, ông?

Tôi nhìn đồng hồ rồi đáp:

— Đã hai giờ rồi.

Ông ta lại hỏi:

— Ông có mệt không?

— Không, nhưng chắc ông mệt?

— Tôi ngại thở, ông cho phép tôi đi cho đỡ tê chân và uống tý nước.

Rồi ông ta bước lảo đảo đi. Ngồi một mình, tôi nhớ lại tất cả những lời ông ta nói với tôi, và tôi mãi nghĩ đến nỗi ông ta trở về lúc nào tôi không biết.

XVIII

Ông ta lại nói tiếp:

— Tôi nóng lên và đi xa câu chuyện. Tôi nghĩ nhiều lắm. Tôi nhận thấy nhiều việc khác đi và tôi thấy cần phải nói.

« Thế rồi chúng tôi lên tỉnh ở. Ở tỉnh, một người có thể sống được một trăm năm mà không ngờ rằng mình đã chết từ lâu, và đã rửa da rửa thịt ra rồi. Người ta không có thời giờ nhàn rỗi để tự phân tách, người ta luôn luôn bận rộn. Nào công việc, nào xã giao, nào sức khỏe, nào mỹ thuật, nào bệnh tật của con cái, việc học hành của chúng nó. Phải tiếp hết người này đến người kia, đi thăm

bè bạn quen thuộc, đi coi người này làm trò, người kia hát. Ở tỉnh lúc nào cũng có một hai, hay ba người nổi tiếng mình không thể bỏ qua không xem được. Rồi luôn luôn thế nào cũng có bệnh phải điều trị, hoặc bệnh của người khác, có những người phải săn sóc, như ông giáo, mẹ quản gia. Với tất cả những công việc ấy cuộc đời hoàn toàn trống rỗng. Nói tóm lại, chúng tôi đã sống trong cái cảnh ấy, và chúng tôi thấy ở chung nhà với người khác cũng đỡ khổ. Thêm vào đấy, buổi đầu chúng tôi có những công việc tuyệt thú, dọn đến một tỉnh mới, một cái nhà mới, lại có cả dịp tiêu khiển nữa là cái thú đi lại từ tỉnh về quê từ quê ra tỉnh, để dọn nhà cho xong.

« Qua một mùa đông như vậy, đến mùa đông sau thì xảy ra một việc có vẻ nhu nhược, nhưng nó là nguyên nhân của tất cả mọi việc xảy ra về sau.

« Nhà tôi bị đau, các đốc-tờ cấm không được sinh đẻ nữa và bảo cho cách đề phòng. Tôi thấy mà ghê tởm. Tôi chống lại nhưng nhà tôi bưng cứ nghe lời đốc-tờ, và tôi đành phải chịu; cái bằng chứng chính đáng cuối cùng của đời sống thú vật của chúng tôi là những con cái bị mất rồi, thì chúng tôi lại càng sống một cách tệ hại hơn nữa.

« Người làm ruộng, làm thợ thuyền cần có con, mặc dầu họ phải nuôi một cách khó nhọc, họ cần có con, vì lẽ ấy đời vợ chồng của họ rất chính đáng. Còn chúng tôi, là người đã có con cái rồi, chúng tôi không muốn có thêm nữa, có con cái thành ra thêm một mối phiền, tốn kém, một gánh

nặng. Và không còn gì để tỏ rằng đời sống vật chất của chúng tôi là chính đáng nữa. Hoặc chúng tôi phá thai đi, hoặc chúng tôi coi nó là kết quả của sự cầu thả; nghĩ mà càng thêm ghê tởm.

« Chúng tôi chẳng thấy gì là hối hận cả. Chúng tôi bị xa ngã, tinh thần bị thấp kém quá, đến nỗi chúng tôi thấy không cần biện bạch để tự bào chữa nữa.

« Phần đông giới trí thức đời nay ham mê cái lối dâm dục ấy mà không một chút bối rối lương tâm.

« Và lại, chẳng có cái gì làm cho người ta hối hận nữa, vì ở đời còn làm gì có lương tâm, trừ ra có cái lương tâm của dư luận quần chúng hay của hình luật, nếu tôi có thể nói như vậy. Thành ra, trong trường-hợp của chúng tôi, cả hai người đều không thấy khó chịu: đối với xã-hội, chẳng có gì là xấu hổ, vì ai ai cũng đều như vậy. Vậy tại sao người ta lại cứ để mãi mãi ra những đứa trẻ đẻ sau này chúng trở nên những kẻ khốn cùng làm chi, và tại sao người ta lại bỏ không hưởng lấy những thú vui ở đời? Mà ngay đối với bộ hình luật cũng chẳng có chi là xấu hổ hay đáng e ngại cả. Chỉ có bọn gái điếm hay lính tập thì mới ném con cái xuống ao xuống giếng, mà bọn ấy thì thực là đáng bỏ tù, còn bọn chúng mình thì công việc là đầu ra đấy, là chính đáng.

« Chúng tôi lại sống được với nhau như thể hai năm nữa. Những tiền thuốc men trả cho đốc tờ đã bắt đầu có hiệu quả rõ rệt; nhà tôi đẩy ra và trông đẹp hẳn ra. Nhà tôi nhận thấy thể và rất chăm lo chải chuốt. Nhà

tôi có cái vẻ đẹp khêu gợi làm cho bọn đàn ông phải bối rối. Trông vợ tôi rực-rỡ vô cùng trong cái tuổi ba mươi của người đàn bà không sinh nở nữa, cái tuổi của người đàn bà đầy đà sung túc và khêu gợi. Chỉ trông hình dáng cũng đủ sợ rồi. Nhà tôi đi đến đâu ai cũng phải nhìn, y như con ngựa cái được chăn nuôi vỗ về, đóng vào xe ngựa quá lâu, cần được tháo cương ra, chẳng còn cái gì có thể giữ được cả (một trăm người đàn bà đều thế cả). Tôi nhận thấy vậy và tôi đâm hoảng.

XIX

Bỗng nhiên ông ta xin lỗi tôi rồi đứng lên ra ngồi sát cửa sổ, im lặng đến ba bốn phút đồng hồ, mắt dán nhìn cái cửa.

Rồi ông ta thở dài một cái, và quay vào ngồi đối diện tôi. Nét mặt ông ta biến đi, cặp mắt trông thực đáng thương, và đôi môi nhếch một nụ cười lạ lùng. Ông ta châm thuốc hút và tiếp:

— Tôi hơi mệt, nhưng tôi cũng kể nốt câu chuyện. Chúng ta hãy còn nhiều thì giờ, trời cũng chưa sáng. Vàng, vàng, nhà tôi đã phát phì ra từ khi phòng ngừa sinh đẻ. Bệnh của nhà tôi và nỗi lo lắng đau khổ vì con cái cũng mất đi; hay có lẽ nói nhà tôi tỉnh ra thì đúng hơn, y như nhà tôi đã thay đổi hẳn quan niệm của mình và nhận thấy ở quanh mình một thế giới của Thượng Đế tạo ra với những thú vui khoái lạc mà nhà tôi đã quên đi mất, một thế giới mà nhà tôi không biết sống ra làm sao, một thế giới của Thượng Đế tạo ra mà nhà tôi không hiểu biết nữa, « Nhất là đừng có để lỡ dịp! Thời

giò qua đi không thể lấy lại được nữa ! » Tôi cho có lẽ nhà tôi đã nghĩ như vậy, hay nói cho đúng ra đã cảm thấy như vậy thì hơn, và không thể làm thế nào khác được nữa : nhà tôi đã được nuôi với ý tưởng rằng trong thế gian này chỉ có mỗi một việc có nghĩa lý là : tình yêu. Nhà tôi đã lấy chồng, đã được hưởng một chút tình yêu ấy, nhưng chưa được đầy đủ như người ta đã hứa hẹn, như nhà tôi đã mong đợi ; đồng thời nhà tôi lại bị biết bao nhiêu là thất vọng, đau khổ, và cái cực hình bất ngờ là có lũ con ! Cái cực hình ấy có lẽ làm nhà tôi suy nhược. Và cũng nhờ cái bọn lang băm kia, nhà tôi học được cách tránh khỏi cái cực hình khỏi phải đẻ con và phải nuôi con ấy. Nhà tôi khoái lắm, đem cách ấy ra thí nghiệm và thấy mình sống lại, sống vì có mỗi một thứ là : tình yêu. Nhưng tình yêu của một người chồng đã bị lòng ghen tuông và các thói tàn nhẫn làm ô uế đi rồi, không phải là tình yêu đáng mong muốn nữa ; nhà tôi nghĩ đến một tình yêu khác, trong sạch và mới mẻ ; tôi đoán chắc ít ra là như thế ! Rồi nhà tôi trông quanh mình và chờ đợi. Tôi nhận biết vậy, và không thể không lo lắng được. Lúc nào cũng vậy, nhà tôi dùng một người khác làm trung gian, nghĩa là mượn lời một người khác ra để nói những điều chính nhà tôi muốn nói với tôi ; nhà tôi luôn luôn làm như vậy, chẳng ngần ngại gì nói ra những ý tưởng trái hẳn với những điều vừa nói xong một giờ trước, và xác định một cách hầu như chắc chắn rằng tình mẹ con chỉ là một tình giả dối, hy sinh đời mình cho con cái là vô ích, biết hưởng tuổi thanh xuân

và khoái lạc ở đời là hơn hết. Nhà tôi không còn thiết sẵn sóc con cái cẩn thận như trước nữa ; nhưng thế cũng chưa đến nỗi thất vọng, nhà tôi mỗi ngày một chăm lo cho thân thể, cho sắc đẹp của nhà tôi hơn, mặc dầu nhà tôi vẫn cố làm ra vẻ không phải thế. Nhà tôi nghĩ nhiều đến những cuộc vui tiêu khiển và tìm cách tập luyện cho thông thạo. Nhà tôi bỏ dương cầm đã lâu rồi bây giờ lại trở lại ham chơi. Và đấy là nguyên ủy của tất cả mọi việc.

Ông ta lại đưa đôi mắt mệt mỏi lên nhìn ra cửa, nhưng lại cố gượng nén ngay lòng lại và nói tiếp :

— Vâng, lúc cái người ấy đã đến vào lúc bấy giờ...

Ông ta có vẻ bối rối và hai lần nấc « hự » lên.

Tôi thấy ông ta khổ sở nhắc đến cái người ấy, nhớ đến và nói đến người ấy. Nhưng ông ta cố gắng, như đã phá bỏ được cái vật chướng ngại nó làm ông ta khó chịu, rồi quả quyết nói tiếp :

— Theo ý tôi thì người ấy là một anh tầm thường. Đáng lẽ tôi cũng không nói ra làm gì vì hẳn đóng một vai trò trong cuộc đời tôi, nhưng thực ra thì như thế. Hơn nữa, cái tầm thường của hẳn chỉ là thêm một bằng cứ tỏ ra rằng nhà tôi không có trách nhiệm gì cả : vì nếu không phải hẳn, thì cũng một anh khác và việc sẽ xảy ra một cách khác mà thôi.

Ông ta lại ngừng lại một lúc rồi nói :

— Vâng, hẳn là một nhạc sĩ, chơi vĩ cầm ; không phải là một nhạc sĩ chuyên môn, nhưng nửa chuyên môn, nửa xã giao.

« Bố hẳn là một địa chủ, ở cạnh đất của tôi, bị xa xút, và các

THỰC-KHỐ TRỊNH-MINH-THỂ

292-294-296-298 đường Trịnh-minh-Thể

SAIGON

SỐ ĐIỆN THOẠI : SAIGON 606

Lãnh nhận các hàng hóa nhập cảng của Quý Vị Thương-Gia ký thác và đem lại cho Quý Vị những lợi ích sau đây :

- ⊗ Chưa có tiền trả ngay thuế quan cũng được đưa vào Thực-khố;
- ⊗ Khai quan-thuế để được đưa hàng vào Thực-khố khỏi phải người ký bảo lãnh ;
- ⊗ Hàng vào Thực-khố khỏi cần có đủ bảo đảm đối với Nha Quan Thuế để có tín dụng như chế độ Hư-khố ;
- ⊗ Hàng vào Thực-khố khỏi phải khai báo trong thời hạn pháp định, hàng hóa sẽ khỏi bị đặt dưới chế-độ lưu-khố.
- ⊗ Hàng vào Thực-khố khỏi phải chịu thuế tồn kho lũy tiến ;
- ⊗ Thời hạn để hàng tại Thực-khố là 5 năm, khác với Hư-khố là 2 năm ;
- ⊗ Trong thời gian 5 năm ấy, bất cứ lúc nào cũng có thể làm tờ khai trả thuế từng phần lộ hàng để lấy ra tiêu thụ theo nhu cầu thị trường ;
- ⊗ Thực-khố là kho công cộng, có văn phòng nhân viên Quan Thuế ngay tại chỗ ; xây cất kiên cố, canh giữ cẩn thận, khỏi sợ hư hỏng, mất cắp ;
- ⊗ Tiền thuế kho rẻ, giá biểu canh giữ, bảo hiểm hạ ;
- ⊗ Thủ tục giấy tờ nhanh chóng, tiếp đãi ân cần, chu đáo.

con, ba người con trai, phải xoay sở tự túc lấy; chỉ có người con út, mà tôi đang kể chuyện về ông nghe đây thì được người mẹ đỡ đầu, ở Ba-ly nuôi. Ở đây, hẳn được vào học Âm-nhạc-viện (Conservatoire) vì hẳn có khiếu về âm nhạc; hẳn tốt nghiệp môn vĩ-cầm và làm nghề hòa đờn. Hẳn là một người...»

Chắc ông ta sắp sửa nói xấu gì anh nhạc sĩ kia, song lại ngừng lại, và nói nhanh :

— Tôi cũng không biết rõ hẳn sống ở đây ra làm sao, tôi chỉ biết rằng năm ấy, ở Nga về, hẳn lại thăm tôi.

— Mắt hạnh đào, trong ướt, môi đỏ, tươi, ria nhỏ thoa sáp, tóc để kiêu mới nhất, vẻ mặt đẹp nhưng đẹp một cách nhạt nhẽo — tóm lại hẳn có cái vẻ mà đàn bà gọi là bảnh trai — người gầy nhưng không xấu, với cặp móng nở lạ lùng, như của đàn bà. Hẳn có vẻ thân mật, suồng sã, nhiều khi hơi quá, nhưng cũng rất khéo léo nếu thấy hơi bị kháng cự một chút là thôi ngay, để giữ lấy thể diện. Hẳn đi giày ủng có khuy gài một Ba-ly, ca-vát thì lờ-lợt quá, đại khái là như thế, nhưng người ngoại quốc được học ở Ba-ly về có những cái mới là dễ cảm, dễ quyến rũ đàn bà con gái. Về khoa ăn nói, thì chắc ông cũng biết, hẳn nói cái lối bỏ lửng nửa chừng và bóng gió, làm như người nghe đã hiểu chuyện, rồi nhớ lại, và có thể diễn thêm vào cho trọn lời hẳn nói.

« Chính hẳn, và âm nhạc của hẳn, là nguyên nhân tất cả mọi việc. Ở tòa, việc đã được đưa ra như là một thẩm kịch về ghen tuông. Chuyện chẳng có gì cả,

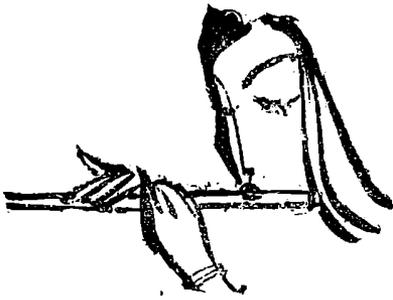
nghĩa là, bảo chuyện chẳng có gì thì lắm, chính ra thì cũng có. Quan tòa xử rằng tôi là một người chồng bị lừa dối, và tôi đã giết người để bảo toàn danh giá bị xúc phạm (chính họ nói như vậy). Và vì vậy tôi được trắng án. Trong các phiên xử án, tôi đã cố giải thích cái ý nghĩa xác-thực của tư-tướng tôi, nhưng họ cho là tôi chỉ muốn cứu vãn lại thanh danh cho vợ tôi.

« Những sự giao thiệp của nhà tôi với anh nhạc sĩ ấy, muốn thế nào cũng mặc, đối với tôi không quan hệ mấy, mà đối với nhà tôi cũng vậy. Chỉ có điều tôi vừa kể cho ông nghe nghĩa là cái bản-tính con lợn của tôi là quan hệ thôi. Tất cả mọi việc đã xảy ra đều do cái hố ghê gớm nó chia rẽ chúng tôi, cái thể gay-go dữ-dội nó xui chúng tôi oán hận lẫn nhau và chỉ một cơ cớ con lợn là đủ làm tung toé tạo động lên. Những lúc về sau này, những cuộc sô sát giữa chúng tôi thực là khủng khiếp, ghê rợn, có khi tiếp theo những cơn nhục dục thú vật dữ dội.

« Nếu không có hẳn ta thì tất có một kẻ khác. Nếu chẳng phải cái cơ ghen tuông, thì lại có một cơ khác. Tôi nhấn mạnh vào một điều là tất cả những người chồng nào sống trong cái hoàn cảnh như tôi tất sẽ, nếu không chìm đắm vào truy lạc thì cũng phải ly-dị với vợ, hoặc giết vợ đi như tôi đã giết, hoặc nữa phải tự tử. Có anh nào thoát khỏi thì chỉ là những ngoại lệ hiếm có. Vì trước khi làm như tôi đã làm, đã nhiều lần tôi suy tởm tự tử, và nhà tôi cũng có lần định uống thuốc độc rồi đấy. »

(còn tiếp)

BẢO-SƠN dịch



TRĂNG MỘNG

Tặng người
tôi yêu

SÓNG ngọc giải trần gian ngời bề bạc,
Đêm diệu huyền ẩn-hiện tấm ngàn trắng.
Vàng lưu-ly tuôn lấp lánh cung Hằng,
Duyên bỏ ngỏ tình thiên-tiên chớm nụ.
Ta mang mang nghe muôn triều nhạc vũ
Dáng ngàn mây, tràn ngập cả bao la,
Và mơ hồ len lén xuống hồn ta,
Ta thở vội làn hương thơm tuyết mỹ.
Hoa tư tình hay gió trăng thủ thỉ ?
Mà sương đêm run dội đến lòng ta ?
Hay người yêu thấp thoáng bước dăng xa ?
Nàng đấy chứ ? Hỡi Nàng Tiên áo ngọc !
Tóc cài trăng mắt hồ trong nguyệt lọc,
Đêm áo huyền vội hiện dáng Tiên Nga.
Hương diễm kiều thoát mồi đẹp bay xa.
Cả bề bạc vội nằm im khép nép.
Ta mở rộng tâm hồn trinh tuyết đẹp,
Chờ em đây hãy đến dạo cung đàn.
Xây lầu tình bằng hương sắc diễm-trang,
Xây gác mộng bằng môi trắng tóc liễu.
Ta và em đắm lên vàn cung diệu,
Nghe những lời hò hẹn của nhân gian ;
Mà chỉ riêng ta biết có trăng vàng,
Có Thơ Đẹp và Hoa Duyên tình tự.
Em thấy chẳng áo án tình Vệ-Nữ ;
Từ ngàn xưa vẫn còn thắm đêm nay ?
Và bên em, ta bỗng thấy ngắt gãy
Ta bỗng thấy thời gian dừng — e sợ.
Linh hồn ta — Ồ sao mà bơ ngỡ.
Quanh mình ta óng ả nhạc Nghê-Thường,
Thơ huy hoàng reo sóng lệ Tầm Dương.
Ta khép nép quì bên em tự nhủ !
Đáy trần gian hay Nguyễn xưa Ước cũ ?
Đáy trăng vàng hay mộng sáng cung đình ?
Ta và em hay sương ngọc lung linh.
Nằm nin thở đợi trăm-sen thoát nụ.
Và muốn hồn thiêng Vũ-Trụ về đây ?
Ồ ! Men đời tuyết mỹ chúc ta say.

“ Măt Đẹp Ngày Xanh ”
CAO-HOÀNH-NHÂN
Nha-Trang



ĐỢI CHỜ

của Tuyết-Hương

Vốn tính ranh quái tinh nghịch, tôi đã làm bài đề phân chất tính cách « con người » chị, xem tại sao mình bị thu hút một cách rất thích thú. Nhưng tôi phải chịu thua. Đánh kết luận rằng mấy chất vô hình : « Giản dị, hồn nhiên, bình thản », ở chính con người chị đã tạo thành đá nam-châm để thu hút tôi.

Chiều thứ bảy đầu tiên kể từ hôm đến ở nhà chị, tôi thấy chị sửa soạn trang điểm như sắp đi đâu.

Gọi là trang điểm cho oai, chứ chị chỉ đứng trước gương, chải bộ tóc dài và mượt kỹ lưỡng hơn lúc thường, rồi chị búi gọn lên thật khéo léo. Chị đem ra bộ cánh mới, tôi nhớ rõ ràng chị vừa lấy ở dưới đáy rương, đốt bàn là rồi là rất phẳng phiu. Chiếc quần lụa đen và chiếc áo cánh bằng vải phin nồn trắng. Hình như bộ đồ đẹp nhất của chị thì phải.

N GÀY ấy tôi ở trọ nhà chị. Nhờ một thứ cảm tính khác lạ hay vì lẽ gì khác, tôi không thể tìm hiểu, ngay buổi đầu chúng tôi đã thương mến nhau như chị em ruột.

Chị có cái tên dịu hiền như người : Thu-Hiền. Năm ấy chị vào khoảng hai năm, hai sáu tuổi. Dẫu không có sắc đẹp sắc sảo quyến rũ để ai trông thấy là phải tấm tắc khen, nhưng chị có một thứ duyên thầm kín, một vẻ gì mà lời nói hay ngòi bút không thể diễn tả.

Chị ít nói, ít cười, hay thở dài nhẹ nhẹ, lúc nào cũng buồn buồn, thế mà ngồi bên chị hàng giờ tôi đã không chán, lại còn thấy lòng thành thoi nhẹ nhàng.

Sau khi thay quần áo, chị lại đứng trước gương, sửa sang lại cho thật ngay ngắn, vuốt thẳng những nếp răn rúm. Rồi chị kéo chiếc ghế đầu để cạnh tủ, đứng với tay lấy một gói gì ở trên nóc xướng. Thì ra một đôi guốc sơn

màu ngà, còn mới lắm. Chị đi vào chân, thay đôi guốc cũ đã mòn vẹt, đùn đôi guốc cũ vào một góc gầm giường. Chỉ còn mặc chiếc áo dài vào là chị sẵn sàng đi ra phố.

Nhưng trước đôi mắt kính ngọc của tôi, chị đã thần nhiên đi xuống nhà dưới, rửa rau, vo gạo, dóm bếp, múc nước sữa soạn bữa cơm chiều y như mọi ngày.

Tôi đoán liền :

— « Hay chị đợi ai đến rũ mới đi ? ».

Đôi mắt tò mò của tôi đã theo chị, dò xét từng cử chỉ. Độ khoảng năm giờ, chị có vẻ bồn chồn như mong đợi ai một cách hết sức nóng ruột. Chỉ một tiếng động nhỏ cũng khiến chị giật mình hoảng hốt. Đôi khi gió mạnh hơi lúc lắc chiếc chuông đồng treo trên cành cây, chị đã tưởng « ai » gọi cửa, đã luống cuống chạy ra ngõ.

Thế rồi trời tối dần. Trong nhà đã bật đèn, ngoài đường phố đèn cũng đã thấp sáng. Chị đem bộ quần áo cũ ra thay xong thì trời vừa tối mịt.

Tối hôm ấy tôi lại thấy chị đốt bàn là, là bộ quần áo mới gấp lại và gượng nhẹ cất vào chỗ cũ.

Một tuần lễ vừa êm ả trôi qua. Tôi chắc quên câu chuyện chiều thứ bảy trước, nếu không thấy chị lại đứng trước gương chải đầu.

Mọi việc lại diễn ra đúng như hôm trước. Độ khoảng năm giờ tôi thấy chị bồn chồn mong ngóng. Thế rồi khi trời tối, chị lại bỏ bộ quần áo đẹp, mặc bộ cũ kỹ vào. Và sau đó, như không có việc gì xảy ra.

Chiều thứ bảy sau cũng thế, rồi thứ bảy sau nữa.

Tôi để tâm dò xem chị có nhận được thư từ hay có nhiều bạn bè không. Nhưng tuyệt nhiên không bao giờ chị đi chơi hay tiếp chuyện một người quen chị.

Năm lần chiều thứ bảy rồi. Chiều thứ bảy lần này nữa là sáu chị lại sửa soạn trang điểm. Tinh tò mò thúc đẩy, lúc chị chải đầu, tôi đã mon men đến gần, ngắm nghía bộ tóc của chị một cách thêm muốn ao ước. Và tôi khen :

— Chưa bao giờ em trông thấy bộ tóc đẹp như của chị.

Chị ngoảnh lại nhìn tôi, đôi mắt long lanh sáng như thăm hỏi :

— Có thật không em ?

Tôi nói thêm :

— Giá chị chải mái tóc trước bồng bồng lên thì hợp với khuôn mặt trái soan của chị lắm.

Và tôi giả vờ ngây thơ hỏi :

— Tại sao chị không làm dáng?

Người đẹp như chị thì không trang điểm cũng vẫn đẹp.

Chị quay lại hỏi :

— Tại sao có mình em thấy chị đẹp ?

Tôi thấy chị thật đáng thương. Minh đẹp mà không dám tự nhận là đẹp ! Lời khen của tôi có hiệu quả đến nỗi tay chị run run lên, đôi mắt cũng muốn đỏ lên như màu má chị lúc ấy.

Tôi đã hóm hỉnh trả lời :

— Tại người khác thấy chị đẹp chỉ khen thăm thôi.

Chị bỗng mơ màng, khẽ nói như thì thầm :

— Liệu chàng có thấy chị đẹp?

Rồi chợt hiểu lẽ lờ lờ, chị thẹn

thùng quay nhìn chỗ khác. Giá lúc ấy quay lại nhìn, thấy tôi đang lấy tay che miệng cười không biết chị sẽ làm gì ? Vui sướng vì đã khám phá ra điều bí mật, tôi tấn công ngay :

— Ai cũng phải công nhận những người đẹp mộc mạc, thủy mì, dịu dàng như chị bây giờ thật hiếm có. Em trông chị giống y như cô thiếu nữ đứng vịn cành hoa đào trong bức tranh treo ở phòng khách.

Chị hỏi vội :

— Có thật không em ?

— Chị không tin cứ thử đứng trước gương mà so sánh.

Chả biết tôi tu tỳ thừa nào mà hôm nay nói gì cũng đều gặp may mắn « trúng tủ » cả. Như sợ đôi mắt biết bép xép, chị cúi đầu mân mê chiếc lược trong tay, tâm sự với tôi :

— Anh ấy thích ngắm bức tranh ấy lắm. Có lần đã khen thiếu nữ trong tranh thật là đẹp.

Được thế, tôi kể công :

— Đấy, chị xem em có nói láo đâu. Ngắm tranh tức là ngắm chị, khen thiếu nữ trong tranh đẹp tức là khen chị một cách lịch sự và kín đáo. Chị không tin cứ hỏi thử mà xem.

Tôi đã tưởng nghe nói thế chị sẽ sung sướng lắm. Rồi, chỉ khéo hỏi vài câu nữa là tôi tha hồ nghe truyện. Nhưng lạ quá, chị lại khóc.

Lúc ấy tôi ngạc nhiên và hơi hận vô cùng. Tại sao tôi không bỏ được tính tò mò đáng ghét ấy ? Tôi giận tôi lắm. Giá chị mắng cho mấy câu thì hay quá. Nhưng chị không mắng, không trách tôi nửa lời, chỉ yên lặng khóc.

Những tiếng nức nở nhẹ nhẹ hình như đã bị cất kỹ để dành từ lâu lắm. Hôm nay được dịp mới tuôn ra, không cần dè nên giữ gìn nữa.

Không làm sao được, tôi cũng khóc. Tôi khóc có phần to hơn cả chị ; đến lượt chị ngạc nhiên, vội chùi nước mắt hỏi :

— Tại sao em lại khóc ?

Qua tiếng nấc, tôi nói rất thành thục :

— Tại em làm chị khóc.

Và tôi hỏi :

— Em đã làm chị buồn. Chị có giận em không ?

Chị lấy khăn lau nước mắt cho tôi, mỉm cười nói :

— Không, em có làm gì đâu.

Chị khóc vì buồn mà cũng vì sướng nữa. Vì sướng mới đúng em ạ. Thế mà từ trước đến giờ, lúc nào chị cũng tưởng mình quê mùa xấu xí, không ai thèm để ý đến.

Ai ngờ câu chuyện thay đổi lạ quá ! Tôi hỏi :

— Chị sắp đi đâu thế ? Em làm chị mất bao nhiêu thì giờ.

— Chị có đi đâu đâu.

— Chiều thứ bảy nào em cũng thấy chị sửa soạn để đi mà.

Chị thở dài nói :

— Đó chỉ là thói quen đã thành lệ.

Tôi cầm tay chị, sẽ nắm những ngón tay thon dài, tuy làm nhiều mà vẫn mềm mại. Chị nói :

— Chị không muốn cho ai biết, vì chắc không ai hiểu được. Nhưng em, chị chắc em sẽ hiểu.

Kéo tôi lại phía tấm ghế ngựa kê cạnh cửa sổ, chị bảo :

— Lại đây em. Lại đây chị kể cho mà nghe. Cấm không được cười nhé.

Và chị bắt đầu kể, lúc đầu còn e ngại ngập ngừng, dần dần hơi rõ ràng hơn. Tôi cảm động lắm. Lần đầu tiên được nghe truyện tâm sự của một thiếu nữ. Câu chuyện chắc phải đẹp lắm. Hãy còn trẻ con, xong tôi tự hứa sẽ cố hiểu. Có lẽ chị cũng cảm động như tôi, bởi vì chị đang ôn lại cái gì quý nhất đời chị. Mà cái điều quý ấy chỉ riêng chị mới cảm thấy, kể lại chắc phải khó khăn lắm.

— « Chị nhớ rõ lắm, năm ấy chị mới hai mươi tuổi. Một buổi chiều thứ bảy, khi chị đang lúi húi làm cơm thì có tiếng chuông gọi cửa. Chị vội vàng chạy ra, không kịp mở sữa lại quần áo. Đầu chị chắc bù lấm, và mắt thì phải đỏ lên vì khói.

« Cánh cửa vừa mở, một chàng thanh niên hiện ra. Trông chàng mới phong nhã lịch sự làm sao ! Thật là đẹp, một vẻ đẹp đường hoàng, và quần áo chàng mặc rất sang trọng. Tia mắt của chàng làm chị như bị chôn chặt xuống đất, không cử động được nữa. Không biết chị đứng như thế bao lâu ?

— Tôi muốn hỏi ông Nghĩ.

« Nghe tiếng hỏi chị mới giật mình, như vừa rơi ở đâu xuống. Giọng chàng nghe ấm áp quá ! Chừng tưởng chị ngây ngô hay lãng tai, chàng hỏi lại :

— Ông Nghĩ có nhà không ? Tôi muốn gặp ông Nghĩ.

« Bất giác chị cúi nhìn quần áo mình, xấu hổ quá, nghĩ thầm :

— « Chắc chàng tưởng mình là con sen ».

« Và chị tự thấy mình quê mùa xấu xí, thành thử lúng túng ngượng nghịu quá. Chị mời ông ta vào ngồi đợi ở phòng khách, nhưng ông ta không ngồi, làm bộ khinh thường chị đấy mà.

« Buổi tối hôm ấy, anh Nghĩ mới nói truyện ông khách ấy là anh Mẫn, bạn anh, vừa ở ngoại quốc về. Không hiểu sao lúc nào chị cũng phảng phất thấy Mẫn đứng nhìn chị bằng đôi mắt khinh khỉnh.

« Mấy hôm sau, lúc chị đang dọn cơm thì Mẫn đến. Cứ nghĩ đến bộ quần áo cũ kỹ bần thiếu mình đang mặc là đã thấy xấu hổ muốn trốn. Nhưng không kịp, anh Nghĩ đã đưa chàng qua phòng ăn đề lên gác. Chị muốn dọn cơm thật nhanh rồi đi thay bộ quần áo đẹp nhất. Vô ích, chị ra đến nơi thì chàng vừa về.

« Đồng hồ điểm sáu tiếng. Bất giác chị nhìn lên quyền lịch, lại đúng thứ bảy. Tối hôm ấy anh Nghĩ bảo :

— Thứ bảy sau anh mời anh Mẫn đến ăn cơm.

Tôi vội hỏi :

— Anh ấy có nhận lời không ?

— Có chứ. Bạn học cũ của anh đấy.

— Anh định mời ăn trưa hay chiều ?

— Chiều cho nhà bếp thông thả hơn. Độ sáu giờ nhé.

« Bắt đầu từ hôm ấy chị đã nghĩ món ăn. Cố tìm những món sở trường của mình. Chị định bữa cơm hôm ấy sẽ sang trọng ngon lành như bữa tiệc và chị nhủ thầm

nhè làm thật sớm, xong trước nửa giờ để có thì giờ trang điểm.

« Tai hại quá, ngày hôm ấy xảy ra bao nhiêu việc. Khách đến một lúc mới xong cơm.

« Chị chỉ kịp lau vội cái mặt và cầm lược chải qua vào mớ tóc bù. Bộ quần áo mới đã sửa soạn sẵn từ tối hôm trước mà không có thì giờ thay.

« Chị ngồi ở chiếc ghế thấp nhất, khuất sau mẹ chị, hy vọng đừng ai trông thấy bộ cánh xấu xí và dáng điệu xấu xí lúng túng của mình. Nhưng anh Nghĩa sai chị cất chũa, thế là chị phải đứng vào chỗ đối diện với Mẫn. Chị đánh rơi kéo mấy lần. Đề chữa thẹn chị nói : « Chũa còn nóng quá ! »

« Có một lúc không đứng được, chị liếc nhìn. Em ơi. Mẫn đang chăm chú nhìn chị ! »

Chắc chị cảm động lắm. Tôi thấy tay chị run lên và lạnh giá. Chị thở dài, kể tiếp :

« Lúc anh Nghĩa chòng chị rằng hôm nay Thu Hiền giỏi quá. nhờ mua cả ớt, chị thấy Mẫn nhìn chị và mỉm cười. Rồi Mẫn nói :

— Món cua sào khéo quá ! Món gì cũng ngon cả, chưa bao giờ tôi được ăn một bữa cơm ngon lành và vui vẻ thế này.

« Chị không dám nhìn lên nữa em ạ. Chàng lại nói :

— Cả nhà ăn yếu quá, hình như chỉ có tôi gắp thứ ăn thôi.

« Từ đầu bữa đến giờ bát cơm của chị mới khuyết có một tí. Lúc chàng xin vô phép, mẹ nói :

— Kia, mời ông xơi thật thà đi cho. Ai lại ăn ít quá thế.

— Thưa cụ con ăn no lắm rồi. Chưa bao giờ con ăn khỏe thế này đấy ạ. Đã ba bát cơm đầy, lại còn thêm bao nhiêu là thứ ăn.

« Chưa hết nửa bát cơm mà chị đã thấy no. Lúc uống nước, Mẫn đứng lên đi quanh phòng ngắm các bức tranh. Chàng ngắm bức tranh « Cô thiếu nữ vịn cành hoa đào » lâu lắm, chàng nói :

— Tôi thích nhất bức tranh này. Cô thiếu nữ trong tranh thật là đẹp. Đẹp một vẻ thùy mị dịu dàng. Tất cả sắc đẹp của cô đều rất tự nhiên, không qua một chút giả tạo. Càng ngắm càng thấy ưa nhìn, duyên dáng. Tôi đã bị thu hút bởi những cái dáng vẻ không thể dùng lời tả nên, hay dùng bút diễn hết ý.

« Thứ bầy tôi, gần chiều là chị đã đi trang điểm, sửa sang sẵn. Nhưng hôm ấy chàng không đến. Thứ bầy sau chàng đến, cũng vào hồi năm giờ, thì chị lại chẳng sửa soạn gì hết. Thấy chị ra mở cửa, chàng hỏi :

— Anh Nghĩa có nhà không cô ?

« Lần đầu tiên chàng nói thế với chị đấy. Mãi chị mới nói được tiếng « có ». Lúc đi vào, chị đi chậm, như cố ý, chàng cũng đi chậm lại và hỏi :

— Cây này là cây gì thế cô ? Nó có hoa không ? Trông đẹp quá nhỉ.

« Chị muốn nói, nói nhiều lắm. Nói đề chàng biết chị không què mùa cũ kỹ như quần áo của chị đâu. Nhưng ngoài tiếng « có » rất sẽ, không một lời nào chịu thốt ra khỏi cổ.

« Đi gần hết con đường từ cổng

vào nhà mà chị vẫn không tìm được câu gì để nói :

— Tôi sắp phải đi rồi cô ạ.

« Nghe nói, chị đừng sưng lại. Lâu lắm mới hỏi một câu rất vô lý:

— Anh có về không ạ ?

— Cũng chưa biết nữa. Có lẽ hơi lâu.

— Bao giờ ?

« Chị nói sẽ quá, thờ dài thì đúng hơn, chứ không tin mình dám hỏi thế.

«Chàng mỉm cười, rút một chiếc lá cây đại trồng cạnh thềm và nói :

— Một chiều thứ bảy không nhất định. Ngày khác tôi bận đi làm.

« Chị đã mở cửa, mời chàng ngồi chơi, rồi đi tìm anh Nghĩa xuống.

« Về sau, đôi lúc nghĩ: « Giá mình đừng vào vội, cứ đứng một lúc nữa để nghe chàng nói thêm vài câu » Mỗi lần nghĩ thế chị lại xấu hổ quá.

« Bởi vì chàng hẹn lại chiều thứ bảy, nên chị sửa soạn sẵn đề lần này gấp, chàng sẽ thấy chị cũng biết mặc đẹp như ai. Chiều thứ bảy nào cũng thế. Hôm nay tình ngày thì còn thiếu có ba tháng rưỡi là đầy sáu năm ».

Chị cúi đầu, dấu đôi mắt đỏ. Nhưng chỉ một lát sau chị đã ngừng lên; với đôi mắt long lanh sáng và nụ cười yếu ớt, chị quả quyết nói :

— Mẫn chưa về, nhưng chị mong Mẫn sẽ về. Bởi vì... .

Đến đây má chị đỏ bừng, chị quay đầu, không nói tiếp nữa. Hồi lâu chị thờ dài, khẽ nói :

— Dù sao, thứ bảy nào chị cũng đợi.

Rồi như để câu nói của mình đỡ vô lý, chị tiếp :

— Trở về hay không, đối với chị không phải việc chính. Bởi vì không bao giờ chị tìm cách trả lời mỗi khi tự đặt câu hỏi ấy.

Nghe xong truyện chị, cổ tôi cũng nghẹn tắc lại. Tôi muốn nói một cái gì mà không làm sao thốt ra một tiếng. Trong óc thì tôi nghĩ nhiều lắm, lung tung bao nhiêu thứ, không thể phân biệt các thứ tư tưởng ra từng loại. Và tôi đã nghĩ hơi lẫn lộn :

— « Giá chị đừng vào vội, cứ đứng lại một tí nữa, đủ để Mẫn nói vài câu. Mà vài câu ấy thì biết đâu nhỉ ».

Phải, biết đâu vài câu ấy sẽ làm chị đợi chờ một cách có lý hơn thế này : nhưng tôi không nói điều ấy ra với chị vì tôi sợ nếu chị nghe thấy tôi nói « đợi vô lý » và « đợi có lý », chắc chị ghét tôi lắm. Chị cho là tôi không hiểu gì chị cả. Và rồi, lần sau có truyện gì, chắc hẳn không bao giờ chị kể cho tôi nghe nữa.

TUYẾT-HƯƠNG

SẮP RA

ĐOẠN TUYẾT

của NHẤT-LINH

CÁC CÔ
CÁC CẬU

Duy Lam

ĐỀU

RẮC RỐI

CÁC cậu các cô thật rắc rối ! Các bậc cha mẹ là những người đầu tiên khám phá ra những thay đổi kỳ lạ trong hành động cũng như đời sống của các cô các cậu. Các bà mẹ tự nhiên cảm thấy các cậu « thể nào ấy », khó bảo, bướng bỉnh và ồn ào. Những cậu bé, mới dạo nào quần áo luôn luôn hẳn, đầu tóc bù rối, suốt ngày mê mãi đá bóng, đi chơi, đi bơi, bây giờ nhón bông hăn lên, không thích để mẹ chăm nom và « sao giống bố nó thế ». Con trai các bà tựa những con thú mới lớn sống



các nhà khảo cứu tâm lý, các nhà chủng thích chạy đi tứ phía chứ không muốn nấp dưới bóng che chở của cha mẹ. Các bà lo ngại nhưng đồng thời cảm thấy tự kiêu về con mình. Nếu các bà có mách chông : « Này mình ạ ! chẳng Cả hôm qua đi chơi với bạn đến 11 giờ khuya mới về mà không xin phép » hoặc « Mấy hôm nay chẳng Hai nghĩ gì mà ngo ngằn như chẳng mất hồn » các ông chỉ cười và bảo : « Vào tuổi nó, tôi còn tệ hơn nữa. Để rồi tôi mắng nó ! » Tuy vậy các ông cũng mặc kệ hoặc chỉ mắng lấy lệ. Nhưng các ông lại chú ý đến các cô con gái yêu. Thỉnh thoảng ngắm các cô chải đầu, trang điểm hoặc mỉm cười tươi tắn, các ông lại liên tưởng đến những kỷ niệm cũ. Các ông nói với vợ : « Này ! Con Út sao nó cười giống bà thế, hềi bà mới lấy tôi ! » hoặc « Trông thấy con Út trang điểm tôi lại nhớ hồi bà thích làm đóm ».

Thật ra các bậc cha mẹ chỉ nhìn thấy những thay đổi bề ngoài mà thôi, còn những thay đổi, những rắc rối của đời sống tâm tình, những mơ mộng, những lý do thầm kín thúc đẩy các cô các cậu có những hành động mà người lớn « không thể hiểu nổi » đến bây giờ vẫn là những vấn đề tâm lý phức tạp làm rối óc các nhà văn,

kã hội học và nhất là các thi sĩ.

Các cậu thi tự nhiên khám phá ra cuộc sống của mình thiếu thiếu một cái gì. Bắp thịt của các cậu căng lên, máu chạy nhanh, chân tay ngứa ngáy; lúc nào các cậu cũng nóng ruột mà chẳng hiểu tại sao. Nhiều lúc các cậu buồn ghé góm, con ruồi đậu lên mũi cũng chẳng thèm xua, nhiều lúc vui hét ầm ỹ chạy ra ngoài sân đầy ánh nắng, đá con chó một cái, đuổi theo con mèo cho nó chạy rông tuốt lên mái nhà hoặc ôm lấy cây trong vườn mà lay ầm ầm. Nhưng dù vui hay buồn, các cậu cũng vẫn ăn rất nhiều như voi ngốn mía, và luôn luôn kêu ca là nhà không đủ cơm cho các cậu ăn.

Các cô thi trong túi lúc nào cũng có một cái gương và suốt ngày ngắm bóng mình và tự hỏi những câu rất kỳ khôi: « Mũi mình có vừa không? Hình như dài quá! Tẹt quá! Tại sao mắt mình lại to và đẹp thế kia? Trời ơi! Đáng đi của mình thật là yểu điệu ».

Khi làm bếp các cô thường hay bị mẹ mắng: « Ở kia, con này diên đầy ư? Sao lại cho muối vào chè? Nghĩ gì mà không ghế cơm? Sượng hết cả rồi ». Các cô cũng chột vui, chột buồn nhưng không ầm ỹ như các cậu. Vui lắm các cô chỉ ôm lấy mấy đứa em hơn lấy hôn đề, làm chúng khóc ầm lên và tưởng chỉ chúng diên, hoặc vào bếp trêu u già và các người làm để họ đuổi như đuổi tà. Buồn lắm các cô chỉ ngồi ỳ ra không chịu dọn dẹp khâu và hoặc mơ màng nhìn ngọn lửa đề cháy cả nồi cá đang kho.

Các cậu và các cô thích hội họp ba bốn người. Đến tuổi này

người ta cần bè bạn hơn bao giờ hết. Các cậu bàn luận về bất cứ vấn đề gì (phần nhiều là những vấn đề các cậu biết rất lơ mơ): tại sao người ta thích đi cầu? xe ô tô Mỹ hay Đức tốt? Làm thế nào bán được nhiều xe? (Làm như các hãng sản xuất xe ngu hơn các cậu) Có nên đánh bạc hay không? Có một triệu bạc thì làm gì? Đi xem ciné nên ngồi hạng bét hay hạng nhất? (Vì các cậu chỉ đủ tiền lấy vé hạng bét mà thôi). Rồi các cậu cãi nhau ầm ỹ và—nếu cần—đánh nhau cho răn gân cốt.

Các cô thi bàn đến những vấn đề đàn bà hơn. Nên mặc áo nylon hay lụa? (hiện tại các cô chỉ mặc áo trắng). Bôi son chút phần ra làm sao? (Mẹ các cô hãy còn cấm các cô đụng đến những thứ đó). Tại sao công chúa Margaret không lấy Townsend? Các cô tặng nhau ảnh, viết thư cho nhau và mỗi cô có một quyển sách đầy đầy các ảnh bạn và những giòng viết tặng nhau, bao giờ cũng bắt đầu bằng « Hè về! Hoa phượng nở đỏ thắm... » (Tuy Saigon rất ít Phượng Vĩ) và kết thúc bằng « Cô bạn bé nhỏ của... ». Các cô còn rủ nhau khâu thêu hăng tá mùi xoa để phòng chùi nước mắt khi đi xem những phim như « La valse dans l'ombre », « Vacances Romaines » hay « Toute la ville danse ».

Đến một hôm các cậu tự nhiên khám phá ra cái « thiếu thiếu » của cuộc sống là các cô, mà các cô thì cái « thiếu thiếu » dĩ nhiên là các cậu. Các cậu sắp tự ý chui vào một cái lưới rất nguy hiểm mà ông cha các cậu từ bao thế kỷ nay đã mắc phải: lưới các cô đang ra bẫy các cậu. Các cô thì còn bận đan lưới cho chắc đề trời tròn các

cậu lại và rồi cuối cùng sau khi bắt được các cậu rời, các cô cũng chui tuốt vào lưới vì thấy trong lưới thú hơn. (như mẹ các cô đã làm).

Trước đây mấy năm, các cậu nhìn các cô với con mắt đứng đưng và khinh thị. Các cậu đâu thèm chơi với mấy cô gái tóc bỏ xõa, lúc nào cũng ôm búp bê và hễ trêu là khóc như một cái máy nước.

Nhưng bây giờ thì mọi sự khác hẳn. Các cậu khám phá ra là nhìn thêm lên hình như cô nào cũng đẹp cả. Cô con gái mặt nhem nhuộm bên cạnh nhà đã biến thành một thiếu nữ da hồng mịn; đôi mắt trước kia cậu chế là tròn như hòn bi bây giờ đen láy và khi cậu đang háng hái tập tạ mà cô nhìn sang, cậu đã cảm động suýt đánh rơi cả tạ vào đầu mình.

Các cô thì làm ra vẻ xa xôi đối với mấy cậu trai dạo nào còn đùa dặt tóc mình. Khi các cậu nhìn, các cô đã biết lắc lắc cái đầu hoặc chớp chớp mắt. Đi ngoài đường các cô cố đi thẳng như một người làm xiếc đi trên một cái giây căng trên không.

Các cậu thì làm đủ mọi cách để làm cho các cô chú ý đến mình và các cô làm đủ mọi cách để các cậu chú ý đến các cô. Nhưng lạ một cái là nếu ai bảo các cô các cậu cố ý làm thế, thì các cậu, các cô chối bai bãi và nhất định cãi là mình không thêm để ý đến ai hết.

Cậu A tuy thân hình hơi nhỏ nhưng cậu nhất định tưởng mình đẹp như Apollon. Cậu mua đủ thứ tạ nhón nhỏ và các đồ tập về để la liệt giữa sân. Mỗi buổi sáng cậu dậy thật sớm lấy dầu lau cho tạ

bóng nhoáng rời suốt ngày cậu đứng rình ở trong bóng râm đợi hễ cô hàng xóm rất xinh của cậu, vừa thò ra ngoài hiên gác, cậu vội chạy đến đứng giữa đám tạ giờ chân giờ tay lấy điệu và thở phì phò như một con bò rừng, mắt cậu thì không bao giờ quay về phía người đẹp, trái lại ngược lên trời mây xanh thắm, mặt cậu cố lấy dáng đẹp như mặt một bức tượng Hy-lạp cổ. Cậu tập rất chăm chú và cố ý làm tạ đập nhau kêu leng keng. Cô B vừa thụt vào nhà trong, cậu liếc thấy bèn vút ngay tạ xuống chạy vào nhà ăn thêm mấy quả chuối lấy sức chốc nữa tiếp tục màn kịch bỏ dở. Cậu tin là dùng bắp thịt, tổ tình « nặng » như thế chắc hẳn sẽ thành công.

Cậu C sinh ra thân hình đã mảnh mai như một cây sậy nên cậu rất khinh lối tổ tình bằng bắp thịt như cậu A. Cậu chủ trương muốn các cô lưu ý phải tỏ ra mình sống rất nghệ sĩ. Cậu tự cho mình có một tâm hồn đẹp không ai hiểu nổi, trừ cô N... một thiếu nữ cậu muốn làm quen. Túi trên cậu để một tập thơ của Rimbaud. Tuy cậu đọc tiếng Pháp không thông, nhưng điều đó không hề gì, thơ không có biên giới và cậu có thể thông cảm thơ bằng tim (Xin nhắc là cậu để thơ áp vào quả tim, có lẽ vì thế thơ có thể thấm thẳng vào tâm hồn cậu). Hai túi dưới cậu để lộ ra ngoài hai cuốn thơ. Trời mưa trời nắng mặc kệ, suốt ngày cậu thơ thẩn ngoài vườn và hết bò ra đất ngấm mấy cái lá rụng (tuy bị kiến lửa đốt cậu cũng không dám kêu) lại ngồi dựa vào gốc cây đọc thơ, thỉnh thoảng thờ dãi thật to cốt để cô N đang hái

hoa ở vườn bên nghe thấy (xin nhắc thêm là ở vườn của cô N hoa héo rụng hết từ lâu). Chẳng may cho cậu vì thở dài và hít bụi suốt ngày nên cậu bị cảm khá nặng. Khởi rồi, cậu cần thận mua một cái mũ rơm và trữ sẵn một hộp Aspirine để có thể tiếp tục đóng vai thi sĩ một cách an toàn hơn.

Cậu Đ khinh bỉ cả cậu A lẫn cậu C. Cậu cho cái lối làm các cô



chú ý bằng bắp thịt của A là vũ phu và lối của C ủy mị quá. Cậu nuôi mộng trở nên một phi công lái phản lực cơ. Hiện tại trong khi chờ đợi lái phản lực cơ bay trên chín tầng mây, cậu chỉ có một cái xe máy dầu Đức. Suốt ngày cậu lái xe qua lại trước cửa nhà cô M hàng mấy chục bận. Cậu nghiêng bên này, lượn bên kia, điều khiển chiếc xe của cậu rất tài tình. Nhưng một buổi sáng cậu đâm vào một cái xe bus vì cậu quên một điều: trên không trung thả hồ nhào lộn phản lực cơ không nguy hiểm vì trên đó chỉ có mây và không khí nhưng ở dưới đất

mây đó lại là xe bus, xe ô-tô...

Còn các cô, như nhà văn Tường-Hùng đã tả trong bài « Các cô thật là rắc rối » lại còn giàu tưởng tượng hơn các cậu nhiều. Các cô được mẹ các cô cho biết là muốn làm đàn ông chú ý đến mình không khó gì vì trong lịch sử loài người đàn bà bao giờ cũng là đối tượng của các danh nhân, triết gia và nhất là của nghệ sĩ và nguyên tác căn bản để đưa các ông vào trò là đầu tiên phải giơ cao (giơ cao cái gì thì xin miễn nói rõ, chắc ai cũng đều hiểu) để các ông với không tới nhưng nếu thấy các ông với không tới thì lại phải hạ xuống để các ông nắm được. Nắm được rồi đừng để các ông giữ được chặt, phải thỉnh thoảng làm các ông có cảm tưởng rằng mình có thể bay mất thì các ông mới yêu, mới quý và chiều chuộng.

Vì vậy cô Thanh hay đi qua trước cửa nhà Tường-Hùng đã đóng vai « thiếu nữ kiêu » và khó với. Càng kiêu, cô càng đẹp. Cho nên Tường-Hùng mới quên cả viết lách chịu khó ra đứng tựa cửa ngắm cô ta. Nếu cô ta không nhìn thẳng ra phía đầu phố mà lại cười với T.H. Chắc rằng hôm sau T.H. sẽ khoe khoang với bạn hữu: « Chúng mày ạ ! Thanh mê tao ghê gớm. Hôm nào cũng cố ý đi qua trước nhà tao để ngắm tao. Thật con gái mà hư hỏng quá ! »

» Còn cô gái của Tường-Hùng mà cứ hay nói nhẹ như hơi thở: « Anh đi về đi ! » chắc đang đóng vai một thiếu nữ muôn đời yếu ớt và cần che chở. Trong khi mới cô nói « Đi về đi » mắt cô lại ngược lên nhìn rất nhanh như thăm nhử; « Anh đừng về », Chắc

rằng T.H. hôm đó đã không rút áo ra về được và... có lẽ đã tỏ tình với cô ta rồi.

Các cô gái bây giờ còn nhiều thứ để làm tăng sự yếu mềm, mong manh của các cô. Các cô lúc nào cũng cầm mũi xoa áp lên ngực làm như trái tim dễ xúc động và bé nhỏ của các cô nếu không giữ chặt sẽ đập quá mạnh mà khiến các cô ngất lịm đi chẳng. (Cổ điều hơi lạ là các cô chỉ ngất khi nào có các cậu ở bên cạnh sẵn sàng giơ tay đỡ). Các cô mặc những cái áo càng ngày càng dài, tà áo quấn vào chân các cô khiến các cô đi đứng khó khăn, dáng điệu khép nép. Một số các cô lại đi giày cao gót lúc nào cũng chập chững sắp ngã để được các cậu nâng đỡ và điu dắt.

Các cô còn khôn khéo làm ra vẻ không biết gì hết. Các cô luôn luôn hỏi những câu thật ngây thơ, thật vô nghĩa: « tại sao lại thế này? Tại sao lại thế nọ? » để các cậu tranh nhau trả lời. Các cô nghe cậu này giảng một tý, nghe cậu kia một tý, chớp mắt ba bốn cái thưởng cho cậu này, chớp mắt năm sáu cái thưởng cho cậu kia (kỳ thực các cô nghĩ thầm sao mấy cậu ngu thế, tranh nhau đưa tay cho các cô trời lại).

Các cô còn mất công nghĩ ra thật nhiều việc để đưa các cậu làm

và phải phân chia công tác cho khéo để các cậu khỏi ghen tị nhau; các cô tìm những phim bắt các cậu dẫn đi xem, những thứ quà các cậu nên mua tặng v.v...

Các cô rất bận, các cậu cũng rất bận và cả hai bên đều cố gắng tìm bời thêm những sự rắc rối... rắc rối hơn nữa để làm những người đã quá tuổi các cô các cậu điên cả đầu.

Thật ra các bậc cha mẹ tuy có la hét các cậu các cô nhưng trong thâm tâm đều nhớ tiếc cái hồi mình còn náo nức sống, say mê với những mộng tưởng và rắc rối với nhau một cách thú vị và điên điên như các cô các cậu.

Để kết luận, các cô các cậu cứ việc tiếp tục rắc rối.

Sống không rắc rối thì không gọi là sống. Các cô các cậu không rắc rối thì không đáng gọi là các cô các cậu nữa, hóa ra các ông các bà.

Nhưng thực ra như trong mục chàng và nàng, các ông và các bà còn rắc rối bằng mấy lần các cô các cậu. Các cô các cậu vì tình thế phải ở xa nhau nên ít có dịp để rắc rối với nhau. Các ông các bà lúc nào cũng vì tình thế phải ở sát cạnh nhau nên mới thực làm chuyện rắc rối, lung tung.

DUY - LAM

VI CHÚNG GIÓ THỜI HOA CƯỜI VỚI TRĂNG

ca dao.

Nhà xuất bản **THỜI-ĐẠI**

199/3 (cũ 199/B) LÊ-VĂN-DUYỆT — SAIGON

ĐÃ TÁI BẢN

Ngữ-Vựng Anh-Văn (6è Bleue)

(đệ Thất và đệ Lục)

của Giáo-sư VŨ-THANH-BÌNH

Ngữ-Vựng Anh-Văn (5è Bleue)

(Đệ Ngũ)

của Giáo-sư VŨ-THANH-BÌNH

Hai cuốn này có đầy đủ phiên âm quốc-tế.

Tổng phát-hành "NHƯ-Ý"

306, Võ-dy-Nguy

PHÚ-NHUẬN

CÒN MỘT SỐ ÍT :

Truyện ngắn Anh-Văn chọn lọc

(Anh-Việt đối chiếu)

của **VÕ-HÀ-LANG**

(Rất cần thiết cho những bạn muốn giỏi Anh-Văn)

Chà Cá

THĂNG-LONG

20, PHAN - THANH - GIẢN, 20

ĐAKAO - SAIGON

Ý THỨC SÁNG TÁC

của NGUYỄN-THÀNH-VINH

CÓ nhiều văn nghệ sĩ khi bắt tay vào công việc sáng tác vội vàng nhận lấy một đề tài hay một xu hướng định sẵn rồi về nhà cặm cụi viết — làm như tâm hồn họ là một thứ bột chỉ cần có khuôn ấn lên là có tác phẩm ngay!

Đó không phải là một lối thức sáng tác, vì tâm hồn phức tạp của con người đâu có thể uốn nắn theo một khuôn khổ nhất định. Con người có những thú tuyệt hay tuyệt đẹp không bao giờ khai thác hết được. Nếu ép buộc tâm hồn, bắt nó quanh quẩn trong bấy nhiêu ý tưởng, bấy nhiêu đề tài đã nói nhiều lần tức là làm cho văn chương trở thành khuôn sáo, ước lệ: Nhà văn sẽ không tìm được gì mới mẻ vì họ không theo dõi cuộc sống thực, họ chỉ cóp nhặt những chi tiết cũ, hay chấp vá những mẫu văn nhạt nhẽo. Cần phải sống, sống nhiều, sống sâu sắc. Sự sống cũng chỉ có nghĩa vì sự sống là một cuộc sống

tự không ngừng. Cho nên muốn văn chương vượt khỏi tình trạng bế tắc nghệ sĩ phải có can đảm gạt bỏ những điều đã nói đi nói lại, những cảm giác quá thô sơ.

Tóm lại phải sống để mà viết; nhưng sống không có nghĩa là buông trôi theo bản năng, lối cuốn. Đời sống bê tha rất có hại cho nghệ thuật. Những người trác táng cố ý sống bừa bãi, ăn mặc xốc xếch, đầu để rũ rượi để làm ra vẻ nghệ sĩ không thể viết được những bài có giá trị. Những người này chỉ là nghệ sĩ ở bề ngoài, ở áo quần, hoặc giả có viết văn cũng chỉ làm cho người ta chú ý đến tính cách lập dị, nghiêng lệch của mình mà thôi. Muốn đạt đến nghệ thuật cao phải có tâm hồn trong sáng nhẹ nhàng, như vậy cần có một đời sống điều hòa, một đời sống nên người. Nghệ thuật có thể ví như cái điều giấy, muốn bay cao cần phải có sợi giây — nhưng là sợi giây không

làm trở lực cho điều mà thành một trở lực. Cũng như một đời sống xứng đáng không phải là đời sống kèm chế, theo thánh hiền nhất thời của xã hội, cũng không phải là đời sống bê tha mà là đời sống khám phá được nguồn vui say sưa trong hoạt động hằng ngày, một đời sống đạt được ý nghĩa tinh khiết của nó, một đời sống nghệ thuật, một nghệ-thuật sống.

Chưa đủ, nghệ sĩ cần phải sống nhiều và sâu sắc nhiều không phải là nhiều năm tháng, mà có nghĩa là đầy đủ mọi mặt để phát triển toàn diện con người. Sâu sắc không phải là diễn tả những cái vẻ sâu sắc mà tìm kiếm được những nhận xét tinh vi, diễn đạt đến nơi đến chốn những uẩn khúc phức tạp trong tâm hồn người. Lại có vài quan niệm lầm tưởng rằng muốn viết sâu sắc phải chọn một đời sống, một hoàn cảnh riêng biệt. Tôi không phủ nhận tính chất cần thiết của khung cảnh yên tĩnh, gợi cảm, khi viết văn . . . chẳng hạn không ai ngồi giữa chợ mà làm thơ được! Nhưng nói đến những điều sáng tác thì bất cứ trong hoàn cảnh nào cũng có thể khai sinh những ý tưởng, tình cảm đẹp và tế nhị được. Nghệ sĩ chân chính có thể khai thác nguồn cảm dồi dào của sự sống bất cứ trong hoàn cảnh nào,

hay trường hợp nào.

Nhưng từ sự sống đến công trình sáng tạo cũng còn xa. Phải làm sao cho sức sống sôi nổi lên men trong lòng tác giả, thúc dục tác giả sáng tác để giải thoát cho mình. Có người vội vàng viết những điều mình chưa nghiên ngẫm chín chắn, chưa lựa chọn sắp đặt mạch lạc; tất nhiên tác phẩm thiếu bề sâu và có thể kém về nghệ thuật. Lại có người sống đầy đủ nhưng không được; họ thiếu một động lực, một đòi hỏi ở nơi mình để khơi nguồn cho văn chương. Cũng như con nhộng đến thời kỳ trưởng thành phải phá kén mới tìm thấy ánh sáng huy hoàng, nghệ sĩ cần phải có tâm hồn mạnh mới đón được hứng cảm say sưa trong khi viết. Người xưa muốn vận dụng nghị lực ấy — họ dùng rượu để kích thích cảm hứng. Ngày nay người ta đi tìm những hoàn cảnh sống gây sức động mạnh. Thí dụ Hemingway đi săn suýt bị sư tử vồ, sang I-pha-nho mục kích cuộc nội chiến mới phân tích nổi những rung động căng thẳng trong tâm hồn trước cảnh chết. Saint Exupéry lái phi cơ thật cao để lắng nghe những cảm giác mới lạ trong người, v.v... Nhưng đối với một nghệ sĩ thuần túy thì không cứ gì một hoàn cảnh sống riêng biệt mới gây nổi những vang

đông mạnh mẽ trong tâm hồn trái lại một hoàn cảnh bình thường cũng có thể kêu gọi nhiều rung động tinh vi được. Duy chỉ có một điều quan hệ, không có nó không thể sáng tác được: Đó là cảm hứng. Giây phút này làm cho tâm hồn nghệ sĩ rung động mạnh mẽ trong một sự yên tĩnh lạ thường, loại bỏ những thể trá hình của cuộc đời để đi tìm một sự thực sâu xa. Tâm hồn nghệ sĩ lắng xuống dần rồi kết tinh lại — Nó có thể ví như một bông hoa đến độ nở dâng hết hương sắc cho thiên nhiên. Tất cả màu sắc tranh nhau đi tìm ánh sáng và phôi hết vẻ đẹp diễm ảo. Nỗi vui, buồn, mơ màng, tưởng tượng cho đến những nỗi đau khổ vô biên cũng biến thành một rung động nhịp nhàng và say sưa. Nietzsche ca ngợi thi nhân trong giây phút này và cho rằng họ đã hiểu được bí quyết thấy hạnh phúc ngay trong đau khổ. Beaudelaire nói rằng: « Hãy đi tìm buồn bã, anh sẽ thấy thắm mỹ! » và ông cũng đã đặt tên cho tập thơ của mình là « Hoa đau khổ » (les Fleurs du Mal) cũng vì quan niệm ấy. Bởi vậy cảm hứng — dù là cảm hứng về sự đau khổ cũng là một cách giải thoát. Đó là giây phút ta bắt chột được ánh sáng của Nghệ Thuật.

Tiền nhân dùng bình rượu

hình quả bầu cũng đã vẽ được tiến trình của cảm hứng, ống A là cửa ngõ cho giữa cuộc đời và tâm hồn nghệ sĩ, bầu nhỏ B là hình ảnh lý tưởng tuyệt đối trong tâm hồn nghệ sĩ. Bầu lớn C tượng trưng cho sự giải thoát hoàn toàn. Muốn đi đến giải thoát, tâm hồn, nghệ sĩ phải vượt qua một giây phút khó khăn vô cùng (chỗ thoát giữa hai bầu) nếu không vượt được, rung động của nghệ sĩ bị tắc nghẽn và lịm dần, nếu vượt được, nghệ sĩ cảm thấy nhẹ nhõm như biến thành một người khác, hiện thân của vẻ đẹp mơ tưởng từ lâu. Trong giây lát bao nhiêu công phu gạn lọc của lý trí, bao nhiêu năng lực của sức sống, bao nhiêu rung cảm không còn bị gò ép nữa mà biến thành một sức lưu thông tự nhiên của tình cảm. Edmond Jaloux có lý khi ông cho rằng lúc cảm thấy nghệ sĩ góp bao nhiêu sức sống của mình để đánh một ván cờ liều lĩnh nhưng đẹp đẽ. Nghệ sĩ tranh với Thượng Đế một cửa báu mà chỉ Thượng Đế mới có: Sự Bất Tử! Chỉ cần [một giây phút ấy đủ làm cho nghệ sĩ bất tử. Cũng như chỉ cần một khúc Ly-Tao mà Khuất Nguyên làm cho muôn đời thông cảm với ông, chỉ cần một bài Marscellaise mà Rouget de Lisle sống mãi trong huyết quản người Pháp,

Tuy vậy đừng tưởng có cảm hứng là có thể đem lại tác phẩm hay ngay. Nó còn phải chịu vướng những cản trở của từ ngữ, nó còn dễ lẫn vào những chi tiết không thuần nhất không ăn nhịp với cảm hứng, Cũng vì thế mà phần nhiều nghệ sĩ danh tiếng đều bất mãn với tác phẩm của mình. (Gogol, chẳng hạn định đốt tác phẩm của mình). Muốn hoàn thành cho toàn vẹn một tác phẩm còn phải bao nhiêu công phu sửa chữa, bao nhiêu

thử thách của thời gian. Nhưng dù sao sự sống vẫn là điều chính để có thể sáng tác hay. Làm sao cho tác phẩm trở thành hình bóng linh động của sức sống, nghệ sĩ mới đạt đến nghệ thuật vĩnh viễn được. Như thế cuộc đời là kho tài liệu vô giá đã xây dựng nên tài liệu văn chương. Làm sao lại có người than rằng không còn gì nữa để viết ?

NGUYỄN-THÀNH-VINH

THAI NGHÉN

Văn sĩ Ba Hoa định viết một cuốn tiểu thuyết « vĩ đại » có thể làm chấn động cả văn giới toàn quốc. Ba Hoa cố « thai nghén » một cốt chuyện thật « lâm ly bi đát » cho xứng đáng là một ánh văn chương tuyệt tác; nhưng Ba Hoa nghĩ ngày, thừc đêm, bao nhiêu lâu vẫn không nghĩ ra một chuyện nào cả.

Vợ Ba Hoa thấy vậy chửi :

— Hình như anh viết văn cũng như em sinh con vậy, ngày đêm nhân nhó, coi bộ đau khổ quá !

Ba Hoa trả lời :

— Em để con còn dễ hơn anh viết văn nhiều.

Vợ ngạc nhiên hỏi duyên cớ, anh ta đáp :

— Vì em thai nghén dựa con là chuyện có thực, có cái thai trong bụng, còn anh, bụng anh nào có gì đâu !

ĐI TẮC - XI

Một hôm Tristan Bernard (một nhà văn có tình hài hước của nước Pháp) gọi một xe tắc-xi và hỏi ông tài xế : « Từ đây tới Versailles bao nhiêu ? » Thấy người tài xế cho một giá cao, ông liền bảo :

— Ông điên à ? Nhưng thôi, bây giờ tôi đi theo anh với ông như thế này vậy nhó. Bây giờ ông làm khách đi xe, còn tôi, tôi sẽ lái xe đưa ông tới Versailles mà chỉ lấy nửa tiền thôi, ông nghĩ thế nào ?

Theo CALIBAN

ÁO MỚI

của LINH-BẢO

CHIẾC ÁO đầu tiên quý giá nhất trong gia đình tôi là một chiếc « áo vua ban ». Hồi ấy ba tôi làm nghề cạo giấy và mẹ tôi buôn bán theo lối tài tử. Bà làm nghề mách mồi mua bán đồ cổ, ngoài ra bà còn vác máy ảnh đi chụp cho các Bà Hoàng, Bà Chúa, Bà Phi, Bà Tần trong cung cấm.

Nghề mách mồi đồ cổ là một nghề rất nhàn. Bà chỉ việc điện bảnh, rẽ đường ngôi cno thẳng, bôi dầu đừa bóng loáng và thơm nức lên : chiếc quần cũng được là thẳng và xếp thành nếp gọi là « xếp con », năm con, bảy con gì đấy cho lấy vẻ quý phái. Ăn mặc tề chỉnh như thế, bà chỉ việc đến nhà các mệnh phụ, công nương ngồi lê đôi mách một vài buổi. Thế là « mẹ » nào muốn bán cái gì, cụ nào muốn mua cái gì, mẹ tôi biết rõ cả. Bà chỉ việc vắt vẻo ngôi lên chiếc xe tay nhà, chạy đi chạy lại một vài lần là kẻ mua người bán đều vui vẻ.

Nghề chụp ảnh mấy chục năm về trước còn là một nghề rất mới mẻ, nhất là đối với các mẹ, các bà Phi Tần không thể ra ngoài phố tự do như người thường. Mẹ tôi được các bà hoan nghênh vô cùng. Phải, còn gì sung sướng hơn một bà Phi suốt mấy năm trời chẳng hề được trông thấy « mặt rồng » của ông chồng vua, bỗng dưng có một tấm ảnh mình ngồi

chễm chệ trên một chiếc ghế bành chạm trở tinh vi, còn « Hoàng Đế » thì đứng bên cạnh quàng tay qua lưng ghế như ôm một cách âu yếm. Mẹ tôi rất tài về khoa ghép ảnh và tính giá rất đắt. Nhưng tiền có nghĩa gì đối với Cung Phi suốt đời từ lúc tiến cung cho đến già, đến chết vẫn còn là trinh nữ ! Tấm ảnh an ủi họ và thỏa mãn một phần nào cái lòng tham hư vinh đã được nuôi dưỡng từ lúc bé thơ.

Trong số các khách hàng của mẹ tôi có một bà mẹ Vua. Vua thì còn bé đang đi học xa. Bà ở nhà sống một cuộc sống vương giả. Suốt ngày bà chỉ biết bài bạc với những người đến « bầm chảo » (nịnh). Bà đã phá kỷ lục về nợ nần và bà chỉ có vay mà không có trả. Bà cho là mọi người ai cũng có hồn phật phải cung phụng bà, đưa tiền cho bà tiêu xài. Nhưng bà không bao giờ quên an ủi họ, khéo léo nói úp mở cho họ biết ngày « Hoàng Đế Hồi Loan » bà sẽ đền ơn trả nghĩa. Không biết mẹ tôi có bị bà cho vào tròng không và nếu có thì chúng tôi, những con ranh con, cũng không có quyền can thiệp. Tôi còn nhớ bốn chị em tôi có bốn cây kiềng vàng ; và bốn cái kiềng ấy có một con đường đi bất di bất dịch từ nhà tôi đến nhà bà Độ, một bà nhà giàu chuyên

cầm vàng bạc. Chúng nó đi «lữ hành» như thế ít nhất mỗi tháng độ mười lần. Mỗi khi mẹ tôi xoay được món tiền chuộc về nằm trong tủ chưa được nóng chỗ thì lại có lệnh «Ngài ban vay». Và như thế bốn chiếc kiềng bé bỏng của chúng tôi lại lên đường đến nhà bà Độ tạm trú. Bốn chiếc kiềng vàng đi một con đường vòng độc nhất, còn số tiền cầm thì đi một con đường độc đạo, và là một con đường cụt. Nó từ túi bà Độ sang túi mẹ tôi, rồi nhảy sang «Ngài» để rồi bị thủ tiêu mất tang mất tích không còn một chút dấu vết gì để lại với đời.

Đã thế, thỉnh thoảng «Ngài» lại «ngự» đến «tê xá» của chúng tôi ở ngoại ô, mặc dầu «tê xá» quả thực là quá tệ. Nó chỉ là một gian nhà tranh bé nhỏ nằm lọt vào một bãi tha ma to lớn, cách xa thành phố đúng ba cây số.

Ba mẹ tôi sở dĩ chọn nơi xa xôi như thế để xây «biệt thự» vì theo lời bác sĩ khuyên, ba tôi yếu phổi nên cần phải thở không khí có gió thông trong lành. Ấy thế mà trong «tê xá» có rất nhiều đồ cổ quý giá. Những món ấy toàn là của các công nương, mệnh phụ gửi nhờ cầm bán hộ. Áo rách phải giữ lấy lẽ, dù ngày mai không còn gạo để nấu cháo loãng họ cũng vẫn giữ bí mật, không bao giờ dám ra mặt tự cầm bán lấy đồ vật, nhưng họ vẫn còn làm điệu như thường :

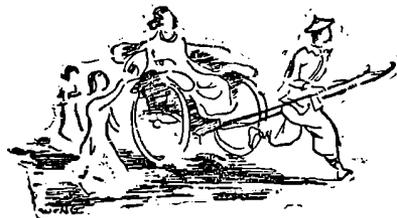
— Đưa đây cho mẹ hai xu mẹ chém một củ khoai chơi mà !

Tuy bệnh túng của họ đã trầm trọng thế mà khẩu khí vẫn không hề thuyên giảm tí nào, và họ cuộc sống vẫn không bớt phần hấp dẫn và thú vị.

Đường đến nhà tôi hai bên

trông toàn thông xanh và phải trải qua hai cái dốc. Thỉnh thoảng người ta lại thấy từ dưới dốc đằng xa có một chiếc xe tay sơn son thếp vàng. Một chú lính mặc áo đỏ chân quần xà cạp vàng, đầu đội nón chóp i ạch kéo xe lên dốc. Sau xe có hai cô bé con độ mười bốn, mười lăm tuổi mặc áo màu hỏa hoàng, đầu chít khăn đồng màu, tóc xoắn ngang vai. Một cô tay cầm chiếc hộp trà và cái ống nhỏ bằng bạc, một cô tay cầm chiếc quạt lông, lễ đờ chạy theo sau xe. Thỉnh thoảng cô bé cầm quạt cố chạy lên ngang hàng với chiếc xe, giơ chiếc quạt lông lên phẩy nhẹ một cái vào trong xe, rồi lại trượt dần xuống đằng sau. Ấy thế mà bọn họ tự cung cấm ra ngoài thành ngót ba cây số để đến «tê xá» đấy !

Sau khi đến nơi, «Ngài» chễm chệ leo lên chiếc sập cần xà cừ đặt ngay chính giữa nhà, hai thế nữ đứng hầu hai bên, kẻ pha trà người quạt hầu. Ngài lần lượt ngắm nghía thưởng thức các đồ vật trong «tê xá», và cố nhiên khi «Ngài» «rời gót ngọc», những món đồ cổ ấy cũng được mang theo «Ngài» ngự lên chiếc xe nhà sơn son thếp vàng có hai thế nữ chạy theo hầu ấy.



Trước khi bước chân lên xe thế nào «Ngài» cũng «ban truyền»:

— Chị Tham tình tất cả tiền những cái ché và độc bình này đi.

Cả cái áo lung cây vàng lá ngọc kia nữa rồi ta sẽ trả tiền lại cho. Còn cái sập cần này chị cho ta mượn, mai ta cho thị về ra chủ.

Me tôi chỉ biết « Dạ » mà nuốt lệ. Bởi vì me tôi biết đồ cũng như người, khi đã được « tiến cung » thì chỉ còn đợi chết ! Mặc dầu được sủng ái, số phận của đồ vật còn đen tối hơn các cung phi mỹ nữ được lãnh đạm. Các cung nhân khi đã về già thì được thải hồi nguyên quán, còn những món đồ cổ càng già càng quý giá thêm, càng không mong gì được trả về với cố chủ.

Cứ mỗi khi như thế ba tôi lại lầm bầm :

— « Thấy Vua » rõ thật là « thua vấy » !

Cuộc đời cứ thế trôi qua. Ba tôi ngày ngày đi cạo giấy. Mẹ tôi bán đồ cổ và ghép ảnh cho các Bà. Tiền kiếm được dùng để nuôi chúng tôi một số rất nhỏ còn hầu hết để nuôi « Ngài ».

Một hôm chắc lương tâm « Ngài » phát hiện, hay là « Ngài » sợ nợ mẹ tôi nhiều quá không trả bớt, đến kiếp sau sẽ thành ra « nợ thiên khởi » như trong kinh Phật dạy : « Ngài » bèn long trọng « tuyên dương công trạng » mẹ tôi một hồi rồi « thân tặng » cho mẹ tôi một chiếc áo cũ của ông Vua con.

Đấy là một chiếc áo the đen, bên trong lót một lớp hàng mỏng màu vàng. Chiếc áo còn thơm nức mùi xạ hương và long não ướp lâu ngày.

Mẹ tôi đem chiếc áo ấy về, vênh vang như một kẻ « áo gấm về làng ». Sự sung sướng của mẹ tôi được cái « áo Vua ban » ấy cũng giống như tâm trạng người

Cung phi trình nữ được tẩm ảnh ghép ngồi chung với đức Vua. Cả hai cùng muốn mang một cái hào huyền ra để thỏa mãn lòng tự ái, lừa mình lừa người cho đỡ cơn ngiên !

Chiếc áo ấy về phần chị cả tôi. Mỗi năm vài lần, trong những ngày kỵ giỗ, lễ Tết, cái « áo Vua ban » ấy được « trân trọng » trình bày trên thân hình bé nhỏ của chị tôi một vài giờ, rồi lại được trân trọng xếp vào rương chờ dịp khác.

Năm tháng qua ; chị tôi mới đầu mặc chiếc áo còn rộng thùng thình, rồi chật dần, ngắn dần cho đến khi không mặc vừa nữa phải cho chị Hai tôi thay thế.

Từ chị Cả cho đến chị Hai, Ba, anh Tư, anh Năm, rồi đến chị Sáu, chiếc áo cứ được đem ra hóng gió mỗi năm một vài lần cho đến lượt tôi được xô tay. Hôm Tết mẹ tôi mang chiếc áo lịch sử quý giá ấy ra để mặc cho tôi và bảo : « Hoa ơi, cái áo này bây giờ về phần con » thì nó đã mục nát và chỉ động đến là rã tan ra từng mảnh.

Cũng năm ấy, ông Vua nhỏ ngự giá hồi loan. Và từ lúc ấy « Ngài » ra lệnh không tiếp tất cả các chủ nợ của Ngài. Bây giờ Ngài đã thành ra một bậc cao sang nhất không thể có chủ nợ, và lại càng không muốn trông thấy người nào hiểu được hoàn cảnh của lúc Ngài còn hàn vi, thật là chí lý chí tình vậy. Còn gì khó chịu hơn một kẻ ở địa vị cao sang ngày ngày phải trông thấy đám chủ nợ mình ngày xưa, đám người mình từng năn nỉ khóc lóc kêu túng thiếu, người phải cầm bán vay mượn cho mình tiêu xài. Đó là một sự nhục nhã, một uy hiếp tinh thần có thể làm mất bớt

uy nghiêm nhiều lắm.

Tết năm ấy tôi không có áo mặc nên tôi khóc mũi khóc mắt cả một buổi sáng. Tôi chỉ tưởng là mình khóc vì khi chiếc áo đẹp đến phần mình thì đã rách nát, nhưng thật ra tôi khóc cho cái ảo ảnh « ân trả nghĩa đền » của mẹ tôi bị tan vỡ. Tôi khóc cho cái chết của chiếc áo đổi bằng tất cả của cải cha mẹ tôi dành dụm được. Tôi khóc cho nền móng tương lai của một đám trẻ thơ, đáng lẽ được dùng của cải ấy để bồi đắp cho thể chất và tinh thần. Nhưng sau đó gia đình tôi một ngày một khả; lần đầu tiên chúng tôi được ăn một thứ thịt nghe nói gọi là thịt bò. Bữa cơm hôm ấy ba tôi mất mười lăm phút để giảng giải cho chúng tôi nghe bò là một con vật để cho loài người ăn thịt.

Một hôm không hiểu tại sao mẹ tôi bỗng nhiên « phát từ bi tâm » may cho chị Sáu, tôi, em Tám và em Chín mỗi người một cái áo xa tanh màu phấn hồng. Xấp hàng này có người tặng cho mẹ tôi trong dịp ăn đầy tháng em thứ mười một. Chúng tôi mừng rỡ trông đợi một ngày trọng đại, ngày được mặc chiếc áo hồng lộng lẫy sắc sỡ, bóng loáng mát rười rượi và rộng thùng thình như áo tế ấy thì bỗng dưng ông nội tôi chết. Tôi thấy ba mẹ tôi khóc, anh chị tôi khóc, tôi cũng khóc. Nhưng thực ra tôi chưa hề được thấy mặt ông nội tôi. Tôi khóc là khóc cho bốn chiếc áo xa-tanh hồng tươi rực rỡ chưa từng được diện qua một lần nào để bị mẹ tôi ngâm vào nước thuốc nhuộm răng. Chúng nó biến thành một màu kỳ lạ, không vàng, không lục, không xanh. Màu ấy ba

tôi gọi là « đưa cái ủa mùa thu ». Nếu bây giờ bảo tôi đặt tên lại thì tôi sẽ gọi là một bức tranh lập thể may thành áo. Từng vệt, từng đám, ngang dọc ngổn ngang, chồng chất lên nhau, níu kéo nhau, chẳng chịt. Cái áo nhuộm như thế đấy mà chúng tôi vẫn phải khen cho mẹ tôi bằng lòng. Bởi vì đã có định luật rằng « thượng cấp » thì phải được « tỏ vẻ hài lòng », còn « hạ cấp » thì chỉ được có một việc là « nhiệt liệt hoan hô » dù có thích hay không !

Chúng tôi phải chịu đựng cái xấu xí của áo, và áo cũng phải cố chịu đựng sự tàn nhẫn vùi dập của chúng tôi. Chúng tôi mặc nó nằm lăn dười đất, mặc suốt ngày đêm, vò nát nó, ném nó từ góc này sang góc khác. Đôi khi còn cắn nát chéo áo để xem cái mùi chua chua của nó phải thật chỉ chua hay còn lẫn mùi gì nữa không.

Thật ra số phận của những chiếc áo ấy cũng đáng thương như chúng tôi, cũng giống như chúng tôi. Tâm hồn chúng tôi sớm đã bị nhuộm thành một màu « đưa cái ủa mùa thu », hay cũng chỉ là một bức tranh lập thể của những niềm đau khổ bé thơ, đã ai hơn gì ai đâu ! thế mà chúng tôi nở dẫn vật chúng nó cho đến khi rách nát, và cùng lúc ấy tang ông nội tôi cũng vừa mãn.

Một bà bạn gái của mẹ tôi ở Saigon gửi tặng mẹ tôi một xấp hàng xa-tanh hồng khác. Mẹ tôi chê sắc sỡ chường mắt nên may cho bốn chúng tôi. Bốn chiếc « áo tế » vừa dài vừa rộng may xong được cất kỹ đợi « ngày lành tháng tốt » mới được đem ra diện. Tỉnh thoảng chúng tôi lên mở rương

vuốt ve cái áo một lúc. Tôi nâng nó lên, áp cái chất mịn màng mát rời rọi lên cằm lên má, tôi ướm nó vào người, hít cái mùi thơm long não và mùi xạ hương từ trong áo toát ra một cách say sưa. Cái « ngày lành tháng tốt » ấy không bao giờ đến, vì bỗng nhiên chủ tôi mất. Kể ra thì đó là một cái tang nhỏ thôi, nhưng mẹ tôi bắt chúng tôi để tang. Và một lần nữa chúng tôi khóc cho chiếc áo đẹp lại phải nhuộm thành một cái màu lem luốc không tên !

Ba tôi lúc ấy đã bắt đầu rảo dước trên con đường rải toàn thể ngà. Mẹ tôi không còn phải đi bán đồ cổ và cũng không cần chụp ảnh cho ai nữa.

Chúng tôi mỗi người được sắm một con heo để dành tiền. Nhưng con heo ấy hàng năm đều phải bị đập ra vì mẹ tôi mở cuộc « lạc quyền » để may áo quần cho bọn con trai tựu trường.

Cảm thông những nỗi khó khăn của các anh khi túng thiếu, chúng tôi lúc nào cũng vui lòng « lạc quyền ». Mẹ tôi bảo đấy cũng là làm việc nghĩa, chẳng mất đi đâu mà thiệt, vì rồi đây, khi các anh mặc ngắn những chiếc áo ấy cũng sẽ đến phần chúng tôi.

Khi chiếc áo xa-tanh nhuộm mực lem luốc « quá cổ » rồi thì chúng tôi đã thành những cô gái dậy thì. Chúng tôi đã biết thẹn nhưng khi ra đường vẫn cứ phải mặc những chiếc áo vải dù, vải ba-ga con trai đã bạc màu và rộng mênh-mông như cả một trời đau khổ. Chúng tôi cố năn nỉ xin may một cái áo mới cho ra hồn. Mẹ tôi bảo :

— Áo các anh mặc ngắn thiếu

gi ! Còn tốt và bền lắm, may một lần tốt kém lắm chứ tưởng rẻ sao ! Ngày xưa suốt đời mẹ chỉ có một chiếc áo vải. Còn các con đã có bao nhiêu cái áo đẹp rồi nhớ không ? « Áo Vua ban » này, áo xa-tanh nhuộm màu dưa cải này...

Tôi nhắc :

— Dưa cải ủa mùa thu chứ !

— Ủ thì thu đông gì cũng được. Lại còn cái áo xa-tanh nhuộm màu mực này...

Tôi cải chính :

— Màu lem luốc chứ,

— Con Hoa thật nhiều chuyện ! Mới may rồi còn đòi gì nữa !

Em Tám nói :

— Dạ mới may bốn năm về trước !

Mẹ tôi mắng :

— Chúng mày rắc rối lắm, không biết hà tiện hà tặn sau hết phước đi ! Phải nhớ hồi xưa mẹ chỉ có một cái áo nên mới có ngày nay !

Em chín tiếp :

— Nhưng mà mẹ quên là mẹ con ông Huyện, và mồ côi, còn chúng con là con ông Tổng-Đức đương thời !

— Ai dạy cho mày ăn nói giảm phước thế ?

— Mẹ không thương chúng con. Mẹ chỉ thương chị Hồng. Mẹ nhớ chị Hồng mất ăn mất ngủ. Mỗi khi chị Hồng tới xin tiền là mẹ bỏ ống của chúng con...

Mẹ tôi vội vã :

— Thôi thôi, đề tôi may, có không cần phải kể con cả con kê... !

Mẹ sợ chúng tôi phân bì với chị Hồng lắm. Hồng là con riêng của mẹ tôi. Mỗi tháng chị đến thăm mẹ tôi một lần, và mỗi lần

như thế là cả nhà náo loạn cả lên. Nội một việc hầu hạ phục dịch chị cũng đủ cả nhà mệt phờ ra. Chị ăn tiêu rất rộng rãi, thường tiền cho người nhà không hề tiếc. Đối với chúng tôi chị cũng thắt đai «lĩnh đình». Nghĩa là gọi cả một gánh bánh bèo hay bún bò vào nhà thắt mỗi người hai xu. Chỉ có một «đi hận» là chị chuyên môn bõ ống của chúng tôi. Ba mẹ cho chúng tôi một ống tiền đặc biệt, nói là để dành làm của hồi môn. Nhưng từ khi chị Hồng phát giác câu chuyện ấy thì chị rủ mẹ cho chúng tôi hùn vào tiệm may của chị. Mỗi tháng chị đến bõ ống của chúng tôi một lần. Mãi cho đến khi chị bán cửa tiệm đi lấy chồng, chúng tôi chẳng hề thấy chị thanh toán, làm tôi cứ tưởng là cửa tiệm của chị ở nhằm hướng «tán tài» nên suốt bao nhiêu năm trời chủ chuyên môn lỗ vốn. Và cái tính không bao giờ thanh toán ấy, chị vẫn giữ mãi không bao giờ thanh toán.

Me tôi quả nhiên giữ lời hứa lấy một sấp hàng xa xỉ màu vàng nhạt để tận dưới đáy rương ra may áo cho chúng tôi. Bà bảo người lính ở trong dinh biết may cắt và căn dặn:

— May cho thật dài rộng mát mẽ nghe không!

Vì chúng tôi đã lớn, rất sợ những chiếc áo rộng mênh mông, mặc vào như bơi đùng trong áo nên nghe thế phải dặn với:

— Ừ, may cho dài.

Và đứng sau lưng mẹ lấy tay ra hiệu may chặt.

Đến lúc áo may xong mặc thử thật là dở cười dở khóc. Nó dài phết gót và chặt như bó cổ. Chặt

đến nỗi tay không có lại được. Người chúng tôi cứ cứng ra như những bó củ không cử động gì được trong chiếc áo đó. Chỉ mấy tháng, chiếc áo mới đã phải vá cùi tay và tiếp thêm nách áo cho rộng ra. Nhưng dù vá vá xấu xí đến đâu chúng tôi cũng mặc đi nhiều nơi nó vẫn còn hơn chiếc áo vải đen, ba ga cũ bạc màu của bọn con trai để lại.

Kể vị chiếc áo đấu tranh mà có này là một cái áo «vải cạt». Gặp lúc chiến tranh, mọi vật đều phải phối cấp, hàng vải cũng thế. Và chúng tôi được may một cái áo thứ vải «cạt» phối cấp xanh đỏ sặc sỡ loè loẹt, nhà quê một cách không thể tả được. Mặc nó vào người ta cứ tưởng là một tấm vải màn, hay cái ghế nệm sofa biết đi. Thế nhưng chúng tôi vẫn phớt như không. Coi như trên đời này không còn ai nữa!

Từ đấy về sau mẹ tôi chẳng cần phải may áo mới cho chúng tôi nữa, vì chị Hồng thỉnh thoảng lại gởi về một ít quần áo cũ cho chúng tôi tiếp thu. Trong số quần áo cũ ấy có hai cái còn mới nhất. Chị Sáu chọn cái áo màu đỏ, tôi chọn áo màu xanh. Hai chị em mỗi khi đi phố đi chợ đều diện hai cái đẹp nhất của mình, mặc cho thiên hạ bạn bè chỉ trích. Nào là màu sắc chửi nhau, nào là «người trong tranh» nào là bất chấp thời tiết v.v... Chúng tôi giữ vững lập trường «mục trung vô nhân» và cũng không cần biết đến cả Xuân Hạ Thu Đông.

Kể từ ngày mẹ giao tiền chợ cho chị Sáu giữ, chị không còn khổ tâm về áo quần nữa. Chị tự sắm cho chị rất nhiều áo quần đẹp,

nhưng lại cứ nói dối là của bạn bè hà con ở xa gửi về cho, thành ra mẹ không rầy được, mà chúng tôi cũng không thể phân bì được. Tôi trông mong chị cao lớn thêm lên hay béo ra một chút để rơi rớt cho tôi vài cái. Nhưng rủi quá, người chị bé nhỏ lùn thấp hơn tôi nhiều, và lòng dạ chị lại sắt đá nữa nên tôi không hề gạ gẫm gì được cả.

..

Tôi biết rõ tính mẹ tôi có tiền chỉ để cho người khác tiêu dùng một cách phí phạm còn mình và con cái phải hết sức kham khổ. Có lẽ chính mẹ tôi cũng chẳng có cái áo nào ra hồn. Sau này lúc tôi bị ném ra ngoài đời tranh đấu cho cuộc sống của mình, tôi cố dành dụm ít tiền. Mỗi lần cuối năm, tôi mua gửi cho mẹ tôi mười cái áo gấm Thượng-Hải. Tôi nghĩ rằng trong mười áo ấy, bà sẽ cho, tặng, bán hay gì gì đi nữa nhiều lắm là chín cái thôi. Ít nhất cũng phải để lại một cái tự may cho mình. Và như thế là tôi thỏa mãn rồi. Ngày mẹ tôi bị bệnh trầm trọng tôi ở xa về cũng không quên mang theo

mười áo gấm nữa tặng mẹ tôi. Lúc mẹ tôi mất, tôi soát lại tủ áo để tìm đồ liệm theo thì thấy chẳng có một cái nào lành lặn tươm tất. Và cũng chẳng có một chiếc áo nào may bằng thứ gấm Thượng Hải của tôi đã gửi về biếu.

..

Một người bạn trẻ nói với tôi :

— Chị Hoa, cuộc đời chị thế là hết rồi ! Không còn hy vọng gì nữa hết ! Không còn tương lai gì nữa hết ! Không còn mơ gì được nữa hết !

Hừ, lão đến thế thì thôi ! Hần biết mẹ tôi mất rồi, tôi buồn lắm. Hần biết tôi về nước mà thất nghiệp thì chán thật. Hần biết kể rất yêu đời mà bị đời bạc đãi, hắt hủi thì cũng đáng thất vọng đấy !

Nhưng còn việc tôi « mơ gì » thì ai ngăn được tôi. Cũng như thuở nhỏ sống trong một gia đình như thế, tôi đã dám mơ một chiếc áo đẹp. Cho nên dẫu hoàn cảnh có thế nào đi nữa, tôi vẫn có quyền mơ. Mơ. Mơ này vẫn mơ, cho dẫu là chỉ mơ áo.

LINH - BẢO

QUEN MIỆNG

Hai ông khách vào tiệm phở thấy một anh hầu bàn ra hỏi :

— *Thưa hai ông xơi tái hay chín ?*

Ông khách thứ nhất ngẫm nghĩ một chút đáp :

— *Tôi ăn tái.*

Ông khách thứ hai tiếp :

— *Tôi cũng tái.*

Anh hầu phác một nụ cười nói ngay :

— *Thưa hết mất tái rồi, xin mời hai ông xơi chín.*

B. S.

những cái nhìn⁽¹⁾

KHÔNG ai biết chồng nàng dâu, chỉ thấy nàng ở đây có một mình, tay nàng mang nhẫn cưới nên người ta biết nàng không còn là con gái.

Nàng cũng đã luống tuổi, ít nhất phải trên ba mươi, nàng không béo, không gầy, không xấu không đẹp nhưng rất dễ thương.

Tính nàng điềm đạm, nhã nhặn xóm giềng đều ưa, ngày hai buổi đi làm về lại may vá cặm cụi. Ai cũng ca tụng nàng tốt nết, ở thời buổi này có một mình mà không tự do, phóng túng, chắc hẳn phải là con nhà gia giáo xuất thân.

Mỗi buổi tối lúc sắp lên giường nằm, nàng hay dỡ một tập ảnh ra coi. Nàng ngắm kỹ từng bức ảnh với nét mặt đắm chiêu, ta có thể biết được đấy là tập kỷ niệm cũ của nàng, trang đầu là hình hai cha mẹ nàng chụp chung nhưng tấm ảnh ông cụ ngồi bên chiếc đuống ống, cần trúc cao vút, cho ta biết ông cụ thuộc một bậc nho giả hay quan liêu chi đây. Rồi tới bức ảnh nàng chụp chung với một người đàn ông trạc tuổi nàng đấy là hai vợ chồng lúc mới cưới.

Có một vài người tò mò gạn hỏi xem chồng nàng dâu, nàng không nói hết chi tiết, xong người ta cũng phỏng đoán là chồng nàng sang Pháp du học rồi lưu luyến đất Ba

Lê, vương mắc một cô đầm nên không về nữa, bỏ mặc nàng mong hết năm này qua năm khác với chút hy vọng mơ hồ là một ngày kia chồng nàng chán mỗi tình mới lại trở về tổ cũ.

Vốn con nhà gia giáo nên nàng sợ sự ly hôn, nên vẫn cứ ôm gối chịu lạnh lùng chứ không tái giá.

Nhưng sự thực thì nàng yêu chồng, thích ôm ấp dĩ vãng, chưa muốn rút bỏ những kỷ niệm ngày chung sống.

Thời giờ đi làm để giúp nàng quên, kịp tới lúc về nhà, nàng lại chìm vào quá khứ, nhớ những lời hứa hẹn lúc lên đường du học mà ghét chồng, nàng cứ vừa yêu, lại vừa ghét như thế, và thấy ác cảm đàn ông, nàng tin rằng ai cũng đối trá như chồng nàng cả.

Những nguyên nhân trên làm cho nàng ra sống cô đơn, bấy năm trường không một người bạn nào chia sẻ được với những nỗi lạnh lùng của đời nàng.

Tất cả những bạn đồng nghiệp phái nam đều bực mình về thái độ lãnh đạm của nàng mỗi khi gần các bạn, không bao giờ nàng nhìn một người đàn ông một cách thân

1) Trích ở tập truyện *Hạt Mối Tình* Đâu do Nam-Cường xuất bản.

mặt, không bao giờ nàng nở một nụ cười yêu đời, họ đã mệnh danh cho nàng là « Tượng, Đá » hay là « Ghét đàn ông ».

Nàng biết vậy nhưng nàng không cần gì, cái duyên nừa chừng xuân đã làm nàng phát ngấy chuyện yêu đương.

* *

Đột nhiên đối cửa nhà nàng có một ông láng giềng, mới, người ta cũng chẳng biết ông ấy đẻ vợ con đâu, nhưng có một mình và tay cũng mang nhẫn cưới,

Ông ta làm lý ít nói, ngày hai buổi đi làm về lại ngồi bên song cửa đọc sách. Tai hại thay cho nàng là những căn nhà trong ngõ hẹp, ở giữa một lối đi nhỏ, hai bên đối diện gần gũi như chọc vào mắt nhau, nhất là ông kiến trúc sư nào đó lại oái oăm đục hai chiếc cửa sổ nhìn vào nhau.

Nàng vốn sống về chiếc cửa sổ, căn nhà nhỏ tí tẹo chỉ nhờ có ánh sáng và không khí ở chiếc cửa sổ độc nhất ấy, nếu bây giờ đóng lại thời khó thở quá, nàng không sống nổi với nỗi bực dọc của mình.

Hôm đầu nàng thấy ông bạn hàng xóm hay ngồi cửa sổ, nàng đã che rèm kín đi, nhưng làm thế được một lúc thời ngột hơi quá.

Nàng kéo rèm lên và tặc lưỡi nói một mình :

— Cần gì phải che rèm, ta có sợ đàn ông đâu.

Thế rồi nàng ngồi bên này, chàng ngồi bên kia, không ai chào hỏi ai bao giờ, người ở đầu sông kể ở cuối sông Trương tuy ngăn cách nhưng đầu trông, cuối chờ còn thông cảm hơn hai người lối xóm này.

Nàng kháu vá hay đọc sách cầm cụ, chàng cũng đọc sách chăm chú nhưng một đôi khi ngẩng mặt lên thời vô tình đối cặp mắt lại gặp nhau. Mới đầu những tia nhìn ấy nó còn bờ ngỡ hoặc lạnh lùng, hoặc khó chịu cho nàng, khiến nàng vội đứng lên đi vào trong nhà để tránh bớt.

Nhưng lâu dần nàng cũng thấy kệ, vẫn ngồi ở đó làm việc ai có mắt thời cứ việc nhìn, chỉ sợ không nhìn mãi được thôi.

Một lần, hai lần, rồi không đếm được là bao nhiêu lần, từ ngày có chàng ở đối cửa. Những tia nhìn ấy đã biến tính chất trước kia lãnh đạm, bây giờ nó thành một người quen thuộc, nó dừng lại ở bên cửa sổ, như muốn vấn an người bạn mới.

Nàng không ưa nó, nhưng không ghét nó như trước nữa, thắm thoát đến vài tháng trôi đi nàng thấy tâm trạng mình biến chuyển mà chính nàng cũng không hiểu có phải vì những tia mắt của ông hàng xóm không ?

Nàng bắt đầu chú ý tới nhan sắc của mình, nàng mặc áo hơi chật hơn trước để thân hình nàng còn đủ kích thích cái nhìn của chàng, má nàng tô thêm một lượt phấn hồng phơn phớt, mặt nàng lướt qua một làn phấn nhẹ.

Ồ, trông nàng hồi này các bạn đồng nghiệp phải công nhận là trẻ đẹp và duyên dáng lắm. Nàng bớt lãnh đạm mỗi khi suc tiếp với các bạn trai. Nàng đã bắt chuyện một vài lần với Long là một người đồng nghiệp chú ý tới nàng nhiều và bấy lâu nàng ác cảm nhất. Nàng niềm nở với mọi người, nhưng có một điểm đặc biệt là nàng và ông

hàng xóm vẫn chỉ nói chuyện với nhau bằng mắt thôi.

Có thể nói là họ bắt đầu nghiệm những cái nhìn ấy, đi làm về, ăn cơm xong là ngồi cửa sổ, có khi cái nhìn có vẻ tìm kiếm nhau, hoặc khi sắp đi làm gửi nhau một cái nhìn để chia hai nẻo đường, lúc đi làm về đợi nhau ở cửa trao tặng một cái nhìn trước khi vào nhà.

Một hôm tan sở Long đã vui cười hỏi nàng :

— Chị Tuyết dạo này bớt ghét đàn ông rồi phải không ?

Nàng hơi e lệ mỉm cười trả lời :

— Có phải người đàn ông nào cũng đáng ghét đâu.

Long yèn trí câu nói ấy tặng cho mình, Long đắc ý và chờ cơ hội. Còn nàng thời lại khác, nàng đã ám chỉ ông bạn ở nhà kia, ánh mắt nàng bừng lên, và miệng nàng thì thảm :

— Để cảm thật, có thể khâu phục được trái tim khô héo.

Nàng đang nghĩ về đôi mắt cái đôi mắt như hai tia lửa, không phải tia lửa để đốt cháy da thịt nàng, nhưng để làm ám lại cái thân hình băng giá trong bấy năm trường, cát tia mắt rung cảm đã làm sống lại con tim hấp hối.

Long đòi tiền nàng về nhà, nhưng nàng từ chối, linh hồn nàng và tấm thân nàng từ nay gửi trong đôi mắt của ai rồi. Nàng chưa bao giờ làm thơ thể mà hôm nay ngồi ở sở nàng đã nghĩ nổi hai câu thơ mà nàng cho là tuyệt tác :

*Tấm thân băng giá mùa có lạnh
Sưởi ấm lên vì ánh mắt ai !*

Nàng vui tươi đón chờ ánh mắt chiều nay, Tờ nhà, nàng thấy ông hàng xóm chưa về, nàng coi đồng hồ đã chậm nửa giờ rồi, nàng hơi lạ mà nhìn qua vẫn thấy cửa khóa trái. Thế ra chàng đi vắng; nhưng không biết đi lâu hay chóng, có còn trở lại nữa không?...

* *

Mấy hôm nay Tuyết buồn quá, chưa bao giờ nàng buồn đến tuyệt vọng như thế, trước kia khi nghe tin chồng lấy vợ đầm cũng chẳng đến nỗi muốn chết như bây giờ.

Nàng đã hiểu lý do : cách đây bảy năm nàng còn đầy đủ sức chịu đựng, và còn nuôi hy vọng đợi chờ, song le sức người có giới hạn, bao nhiêu kiên nhẫn nàng đã đem phung phí hết trong thời gian qua.

Nàng đau khổ quá rồi, nàng không thể chống chọi nổi với sầu cô quanh, nàng cần có một người để an ủi.

Vì vậy câu chuyện Long tỏ tình với nàng được chấp thuận rất mau lẹ và ngay một tuần sau hai người chính thức tuyên bố với các bạn và làm lễ thành hôn.

Song được hai hôm thời ông hàng xóm của nàng trở về. Té ra ông nhân kỳ nghỉ phép mười lăm bữa này cũng về nhà thu xếp để nhả bà mẹ lên tìm mai mối hỏi nàng đổi cửa làm vợ vì ông vừa ly dị xong người vợ cũ không hợp tính tình.

Nghe tin Tuyết lấy chồng, ông choáng người, ân hận mình đã chậm trễ để lỡ dở tình duyên và muôn năm hối tiếc.

Ông mau mau rời khỏi căn nhà

ấy, vì mỗi khi nhìn qua cửa sổ, ông lại nhớ tới đôi mắt nhung của nàng, đôi mắt vương buồn sầu thắm như nói với ông, như kể lể với ông nỗi sầu cô quạnh nỗi oán ghét con người phụ bạc, như nhắc nhở với ông nỗi nhớ mong thất vọng.

Ông vội vã tục huyền để khỏi nhớ nhưng con người hợp ý về tay kẻ khác.

Hai căn nhà ấy sau đây không có hai người, và con đường đời dẫu chia hai ngã, nhưng đôi cặp mắt kia vẫn đóng khung ở bên cửa sổ, vẫn thắm nói với nhau những

lời an ủi, những kích thích yêu đương, những ham muốn của thể chất, những âu yếm nồng nàn, những vuốt ve của mỗi tình mới nhóm. Bây giờ đây đôi cặp mắt ấy còn tha thiết nói như nhớ tiếc một lỡ làng một ân hận, hầu níu lấy cái dĩ vãng không bao giờ trở lại, hầu tiếc rằng: đã có người bạn chung đường mà đôi ánh mắt lại không hề truyền cảm.

Bốn con mắt cùng hòa chung một giọt lệ và như nhủ thầm :

Lỡ một lần là lỡ cả mãi mãi...

QUỲ HƯƠNG

Một chiều mùa mưa

NGƯỜI TÀI-XẾ TẮC-XI NHẬT-BẢN

Một du khách Việt-Nam qua chơi Nhật-Bản và hàng ngày có việc phải đi tắc-xi từ nhà tới một khách sạn. Mỗi lần đi như thế ông phải trả tám mươi yên (tiền Nhật). Một hôm, một chiếc tắc-xi đưa ông loanh quanh hết đường nợ ngã kia và đồng hồ nhẩy tanh tách quá số tám mươi yên lên tới một trăm yên, rồi trăm hai, rồi trăm rưỡi mà vẫn chưa tới nơi. Nhà du lịch tức lắm nhưng không nói gì. Khi tới khách sạn đồng hồ chỉ một trăm tám mươi yên, ông đưa tiền ra trả và ngạc nhiên thấy người tài xế chỉ lấy tám mươi yên còn trả lại ông một trăm. Người tài xế nói :

— Thưa ông, nhà khách sạn này mới có nên tôi không nhớ rõ tên và đưa ông đi loanh quanh mất nhiều đường dài thành thử giá tiền mới lên tới một trăm tám mươi yên như thế. Nếu tôi nhớ ngay ra khách sạn này, tôi đưa ông đi thẳng tới đây thì chỉ hết có tám mươi yên thôi. Vậy tôi chỉ lấy tám mươi yên và xin lỗi đã làm mất thời giờ của ông.

BẢO-SƠN

LẤY VỢ CÓ LỢI

Nhà triết học Socrate nói : « Dẫu sao thì bạn cũng nên lấy vợ đi. Nếu bạn lấy được người vợ hiền, thì bạn sẽ sung sướng và nếu bạn gặp phải người vợ hư, thì bạn sẽ trở nên một triết gia, như vậy thực không còn gì tốt hơn cho bạn nữa ».

BẢO-SƠN



ĐÊM TÂN HÔN

truyện ngắn của NHẬT-TIẾN

ĐÊM TÂN HÔN, Mạch bước vào phòng cô dâu. Vì vừa ở ngoài nhà rạp sáng choang ánh đèn vào, nên Mạch thấy căn buồng tối om. Hơi rượu trắng phảng phất đưa lên nồng nồng ở mũi chàng. Ấy là Mạch đã cố kiêng không uống nhiều sợ lát nữa hai đũa nằm gần nhau, Thắm sẽ ghét mùi rượu rồi ghét lây cả chàng.

Cô dâu nằm im thín thít ở một góc giường. Mùi nước hoa thoang thoảng khiến Mạch ngây ngất. Chàng dò từng bước đi lại phía giường. Tim Mạch bắt đầu đập mạnh. Cơ thể chàng rạo rục lên một niềm vui khó tả. Chờ mãi bao lâu rồi mới có hôm nay. Tiếng người cười nói xôn xao còn văng từ phía sân lại : trong buồng lạnh lạnh và im lặng hoàn toàn. Mạch có cái cảm

giác như mình ở riêng một thế giới. Chàng hỏi :

— Sao... « nhà » không thấp đèn lên.

Thắm không trả lời. Ý chừng cô mình cũng đang hồi hộp. Tự nhiên Mạch thấy mình lơ trên. Vừa nằm xuống mép giường, Mạch vừa nghĩ một câu nói làm quen. Mắt Mạch mở to nhìn lên mái lá. Có tiếng chuột chạy rình rích trên xà nhà. Đêm đông, trời tối quá nên chàng chẳng trông thấy gì cả. Nhưng Mạch đoán là Thắm đang nằm ép ở sát vách tường. Chàng nhích người lùi vào trong một tí nữa. Nhưng hình như hai người còn cách xa nhau lắm. Lát sau, Mạch vừa vờ vươn vai vừa xoay nghiêng người vào phía trong. Trước mắt Mạch là

một màu trắng mờ mờ. Mạch đoán là áo của Thắm. Bóng tối làm Mạch mạnh dạn hơn :

— Nhà ọì...

Thắm vẫn nằm im. Mạch đặt liềm tay lên lưng nàng. Bây giờ thì Mạch nhận ra mình Thắm cuốn tròn một cái chăn bông kếp xù. Điều ấy khiến Mạch thấy tung túc. Nên vợ, nên chồng rồi chứ đâu hôm sớm mai gì mà phải như thế. Thành ra bao nhiêu điều dự định Mạch bàn khoản từ mấy hôm nay đều hỏng cả. Mạch đã nghĩ rằng tối tân hôn chàng sẽ nắm lấy cổ tay tròn lẳn của Thắm, cái cổ tay mà chàng hằng mơ ước, mà nói với nàng : « Thắm ọì, tôi yêu mình » rồi hai đứa rúc vào nhau mà thủ thỉ ! Mạch thấy trước biết bao nhiêu hạnh phúc. Mạch sẽ bàn với Thắm về ngày sau. Mạch sẽ mua cho Thắm một cái khung cửi kê ở dưới nhà ngang. Sau mỗi lứa tầm Thắm sẽ quay tơ, dệt vải. Còn Mạch sẽ sói lại mấy sào đất ở vườn sau gây những luống cải. Buổi chiều đi làm đồng về hai đứa sẽ nhặt sâu, tưới nước. Dân làng sẽ khen hai vợ chồng đẹp đôi, xứng lứa,

Nhưng bây giờ cái chăn bông là một chương ngại vật. Chàng thở dài khe khẽ, mắt mở thao láo nhìn lên mái lá. Mạch cố đoán xem Thắm thức hay ngủ. Từ nãy cô nàng không thềm cửa mình lấy một cái. Ai ngờ lại gan đến như thế.

Đêm khuya dần dần. Mạch sốt ruột nằm nghe tiếng chó sủa xa xa. Gió rì rào ở ngoài bờ tre lạnh. Hơi rượu bắt đầu ngấm vào người chàng, kéo hai mí mắt xuống nặng nặng. Mạch cố gượng để chống với sự buồn ngủ. Xương tinh mà ngủ

thế này thì còn nghĩa lý gì nữa. Ý nghĩ ấy làm Mạch bạo hơn, chàng lại vờ cửa mình lấy khuỷu tay cọ cọ vào lưng vợ. Thắm vẫn nằm im thin thít. Mạch cố gắng gọi thêm một câu nữa :

— Này, nhà này...

Nhưng tiếng nói của Mạch chỉ vang lên trơ trẽn trong sự yên lặng. Bây giờ thì Mạch cáu lăm rồi. Chàng tức mình vì cái linh xấu hổ của Thắm. Trái lại với ngày trước, hễ hai người đi đường vô tình gặp nhau, khi Thắm đỏ mặt cúi xuống cung cúc đi thẳng thì chàng lại càng yêu, càng thềm khen Thắm ngoa ngoãn, nhu mì. Nhưng Mạch có lý của Mạch. Chàng nghĩ rằng hai bên đã cưới xin đàng hoàng rồi, bây giờ là vợ chồng thì việc gì mà xấu hổ.

Sự cụt hứng ấy khiến Mạch đâm giận dỗi. Nằm im một lát, chàng vùng dậy, rút cái chiếu ở chân giường ra đem trải ở phía cửa buồng. Thắm tặc thật, nàng chẳng thềm cất tiếng nói giữ chàng lấy một câu. Trời rét thế này mà nằm dưới đất thì cũng cực lắm. Nhưng Mạch không thềm nằm trên giường nữa. Cổ họng Mạch ú lên những sự tức tối. Chàng nghĩ đến những câu nói của các bạn lúc chiều :

— Tối hôm nay cậu tha hồ mà sướng nhé.

Mạch lăm lăm một mình :

— Sướng cái con khỉ.

Rồi Mạch thao thức mãi. Hơi lạnh ở đất xông lên làm chàng khó ngủ. Mấy lần Mạch định mò lên chỗ cũ, nhưng rồi vì tự ái nên lại thôi :

— Đó không thềm đây thì đây cũng cóc cần đó. Chẳng rồi lại

làm cao.

Mạch ngủ thiếp đi lúc nào không hay. Đến buổi sáng, chàng choàng tỉnh dậy, nằm nghĩ mãi mới nhớ hết lại được chuyện hôm qua. Bây giờ cần buồn mờ mờ sáng. Mạch nhóm dậy nhìn quanh. Mạch suyt kêu lên vì ngạc nhiên. Trên giường trống không chỉ có mỗi một cái chăn cuốn tròn mà Thắm đã khôn khéo xếp thành hình người. Còn Thắm, Thắm cũng nằm thu lu ngủ li bì ở một cái chiếu trong góc nhà.

Mạch xấu hổ quá. Chàng nghĩ đến những tiếng gọi « nhà ơi, nhà ơi » âu yếm hôm qua. Vừa tức

vừa buồn cười, Mạch nhóm dậy, ra lay vợ :

— Minh... minh... sao lại nằm thế này.

Thắm hốt hoảng choàng dậy, dụi mắt nhìn chòng. Thấy cái cái chiếu hoa trải ở cửa buồng nằng ngạc nhiên :

— Hôm qua nhà cũng ngủ dưới đất à ?

Mạch cầu nhàu :

— Chứ còn gì nữa. Nhà ấy rõ khéo khỉ lắm nữa.

Mặt Thắm đỏ bừng bừng, nằng nguầy nguầy quay đi.

NHẬT TIẾN

TRUYỆN LẠ ĐỜI

⑤ Ở Tuiksa, Okla có một nông dân, tên là Ethel Wilson nuôi được một con gà suốt đời tro-trụi không có lấy một chiếc lông. Nếu con gà nào mà cũng tro-trụi như thế thì còn lấy đâu ra lông để làm chổi lông gà cho các bà dùng để đánh nhau nữa !

⑥ Nhật thực lâu nhất chỉ có bảy phút.

⑦ Những cây đèn hiệu ba màu ta thấy đặt ở mấy ngã tư trong châu thành Saigon, đã từng có thời kỳ được cả một dân tộc sùng kính. Ấy là dân Hòa-Lan.

Trong hồi Đại Chiến thứ II vừa qua, khi Hòa-Lan bị quân Đức chiếm đóng, mỗi lần dân Hòa-Lan thấy cây đèn đôi màu, họ lại đứng nghiêm chỉnh để chào cái màu da cam, tức là Orange mà họ sùng kính.

ĐÍNH MÀ KHÔNG CHÍNH

Bạn Nguyễn-thành-Vinh trong bài : « Sự thực trong văn chương » Văn-Hóa Ngày-Nay, tập 3 trang 12, với sự cộng tác của nhà in Nguyễn-đình Vương, đã viết một câu rất thực :

« Insensé qui dit que je ne suis pas toi » và ông Nguyễn-thành-Vinh đã dịch sai là : « Ngu đại thay những kẻ nói rằng tôi không phải là anh ». Nếu dịch sát nghĩa câu ấy phải là : « Ngu đại thay những kẻ nào nói rằng tôi không phải là tôi ».

Câu của ông Vinh sai nhưng mà sai đúng. Còn câu của người nhật lỗi này đúng nhưng mà đúng sai. Vậy xin đính chính.

TRĂNG

Chế
Duy
Lam



và chúng ta

MỘT trong những tính xấu của loài người là thích mâu thuẫn. Ngay đến mặt trăng hiền lành ở trên cao tít cũng không được yên thân và thường là đầu đề cho bao sự mâu thuẫn kỳ quái của loài người, không bao giờ người ta đồng ý trong việc gọi trăng là gì? Trăng già hay trẻ? thuộc phái yếu hay phái khỏe v.v...

Trăng thuộc phái khỏe? Có thể lắm vì theo một số người, trăng là một ông. « Ông giăng ông giăng » Ông giăng là một người thủ cựu vì ông còn giữ cái búi tóc trên đầu « Ông giăng ông giăng búi tóc ». Ông lại còn biết khóc biết cười. Trăng khóc không có gì mới lạ vì có nhiều thi sĩ đã viết « giọt lệ trăng » nhưng trăng cười thì thật đáng ngạc nhiên. Có ai nghe thấy trăng cười bao giờ chưa? Vấn đề đó phải chờ một thi sĩ phái tự do hứng lên làm một bài thơ có cái đầu đề kỳ lạ là « Trăng cười ha ha » mới giải quyết được.

Trăng thuộc phái yếu? Cũng rất đúng vì người ta hay nói « Ả Hằng », « Nàng trăng », « Chị Hằng », nhưng người ta lại tránh gọi trăng bằng bà. Có lẽ vì các thi sĩ bao giờ cũng chỉ mê cái đẹp, nên khăng khăng cho trăng là một thiếu nữ trẻ, mỹ miều và hay e thẹn. Ấy : Nghệ sĩ bao giờ cũng vậy, họ chỉ mê những cái gì ở trên cao, không với được và không biết thực ra có được hoàn hảo như trong óc tưởng tượng của họ hay không? Tôi không muốn làm thất vọng các thi sĩ vì theo khoa học « mặt nàng trăng » rần reo và lở chỗ toàn núi lửa chứ đâu có mịn màng và êm mát như họ tưởng.

Vậy trăng là Ông hay Bà? Có hay Cậu? Xin chịu không trả lời nổi.

Theo ý tôi thì tùy người. Trong trường hợp ông Lý-thái-Bạch uống rượu quá say đã nhẩy xuống nước để « ôm » lấy trăng

cho bằng được thì chắc trắng là một người con gái đẹp và rất khéo gọi. Còn các cô lãng mạn đêm đến, ra vườn mà khóc với trắng thì chắc trắng là một « chàng » thanh niên phong lưu mã thượng và rất thương người, lúc nào cũng vuốt ve các cô bằng những tia sáng êm dịu và an ủi.

Trẻ con thì thực tế hơn, không cần biết trắng là chàng hay nàng, đẹp hay xấu (vì chưa đến tuổi) mà hề nhìn đến trắng thì các em tưởng tượng ngay đến một cái gì tròn tròn, đồng xu chẳng hạn hay một cái bánh dẻo ngon lành. Có lẽ vì thế cho nên người ta mới cho các trẻ em ăn bánh dẻo vào dịp Trung Thu.

Các bà nội trợ thì ví trắng với một cái đĩa trông tròn xoe. Trắng là chàng? Trắng là nàng? Các bà không thêm bản khoăn về những chuyện vãn vơ, và viễn vông đó. Ví trắng với cái đĩa là hay nhất rồi, vì không có đĩa thì đựng món ăn vào đâu?

Các bác nông phu thì cho trắng là một cái lưỡi liềm. Còn lưỡi liềm đó có sắc hay cùn điều đó xin nhường lời cho các nhà kỹ sự canh nông hiện đang nghiên cứu đến những nông cụ cần tới để tiến triển nông nghiệp.

Tính nết trắng ra làm sao?

Công bằng mà nói trắng rất hiền lành và êm dịu, nhưng một số người độc mồm ác tính lại không nghĩ thế.

Họ chế trắng là một ông già tâm địa không tốt và độc ác: « Trắng già độc địa làm sao ».

Trong địa hạt tình ái, mỗi khi gặp chuyện trắc trở hoặc thất bại chua cay, họ không biết trách móc ai liền quay sang đổ lỗi vào đầu

trắng. Thật tội cho ông trắng già của chúng ta, lẻ loi một mình ở trên kia mà còn bị loài người ghét bỏ.

Trắng còn mang tiếng là lãng lơ và trắc nết vì hay có tính « trắng hoa ». Có lẽ loài người có tính suy bụng ta ra bụng người, chính mình có tính xấu thích những thứ nguyệt hoa lại còn đổ lỗi cho « chị Hằng ».

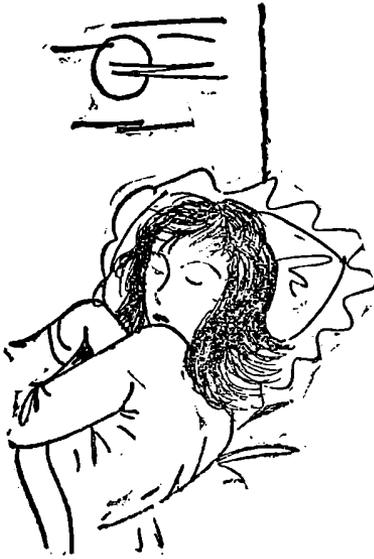
Thêm nữa trắng luôn luôn bị những cặp tình nhân lôi ra làm chứng cho những lời thề thốt của họ. Loài người khôn thật! Nhỡ ra về sau có chuyện lôi thôi phải đưa ra trước pháp đình xét xử vì một trong hai người bội ước thì chỉ việc nêu ra người làm chứng (bao giờ cũng vắng mặt và câm lặng) đó là ả trắng; nếu quan tòa có hỏi đến: « Thế nào? Ai là người bội ước? » thì nàng vì tính nết e thẹn, lấp ngay sau những đám mây dày mà không trả lời. Thế là hòa!

Có lẽ buồn vì sự độc ác của loài người nên nhiều khi trắng ốm và gầy. Đã bao nhà văn sĩ thương trắng đã dùng đến những danh từ thích đáng để tả nàng: trắng gầy vớ vàng, trắng sốt rét vàng khè ở chàn trời, trắng bệnh não v.v...

Kết luận: dù tâm tính loài người hay thay đổi, thích trái ngược, hay kêu ca rên xiết mỗi khi đau khổ, thích đổ lỗi cho người khác, lại vô ơn bạc nghĩa, trắng cũng vẫn là trắng muôn thuở: rất rộng lượng và dễ tha thứ. Chứng tỏ là nàng bao giờ cũng êm dịu soi sáng chúng ta khi đêm đến và luôn luôn mỉm những nụ cười hoặc hóm hỉnh (hình lưỡi liềm) hoặc vui vẻ (hình tròn), và bao giờ vẫn đẹp và duyên dáng.

DUY LAM

ANH TRIỂN



của NGUYỄN-THỊ VINH

nàng lại nghĩ rằng Triển đã dám yêu nàng: Hường đối đãi với Triển cũng tử tế, nhưng cái tử tế của người trên đối với kẻ dưới. Triển cũng nhận thấy, và bây giờ mới là lúc anh bắt đầu thấy tủi cực về sự nghèo hèn của anh.

Ngày ngày cứ sáng sớm, Triển giặt trâu ra cây ngoài đồng; anh làm việc rất khoẻ và chịu khó, vậy mà không bao giờ anh thấy mệt mỗi cả. Bởi óc anh suốt ngày chỉ nghĩ đến Hường; sáng ra khi mới mở mắt, ý nghĩ đầu tiên của anh cũng chỉ về Hường.

Một buổi sớm, Triển gặp Hường trước khi nàng đi chợ Bểng. Hường mặc chiếc áo the la cả màu gụ, đầu vấn chiếc khăn nhiều màu tam giác, mắt sắc dưới đôi mày để tự nhiên, đậm và đen, hai gò má cao, ửng hồng, một mầu hồng khoẻ mạnh của da thịt.

Đôi môi thắm và hơi đầy của nàng tươi tắn khi trông thấy Triển. Vẻ tươi đẹp của Hường, quần áo the lụa nàng mặc khác hẳn ngày thường, càng làm Triển nhận rõ thấy sự chênh lệch giữa anh và Hường. Lúc ấy anh mơ đắm và đau khổ lạ lùng.

Trên con đường đi sang chợ Bểng, Hường vui vẻ bước những bước mau trên mặt cỏ còn ướt

TRIỂN về cây cho cụ Lý đã lâu: độ đầu Triển chỉ biết làm vầu vạt suốt ngày, tối đến đánh một giấc ngủ say không mộng mị. Anh sống thản nhiên, không mơ ước và không phàn nàn gì cho số phận nghèo hèn của mình. Thế nhưng hơn một năm trước, có một lần Triển thấy lòng xúc động khi nghĩ đến Hường. Chính Triển cũng không thể hiểu nguyên cớ tại sao? Có lẽ vì Hường đẹp nhất làng và lại là con cụ Lý đương chức. Sắc đẹp và địa vị của Hường đã làm cho những trai làng phải thêm ước, và Triển cũng chỉ là một gã trai hai mươi hai tuổi.

Từ ngày thăm mê Hường, Triển trở nên ít nói; người ta bảo anh ta là «lâm lý» nhưng trong cái lâm lý đó, anh đau rất nhiều nỗi yêu đương bằng bột.

Còn Hường, không bao giờ

đảm sương đêm. Lòng Hường rộn ràng nghĩ đến cậu kỹ rượu chợ Bàng, người đã đánh tiếng nàng làm vợ.

Cậu kỹ có vẻ người thanh tuấn, trẻ đẹp, lại mặc quần áo tây và có dáng điệu của người tỉnh thành lịch sự.

Hường cho là số phận nàng may mắn; tuy vậy một đôi khi Hường cũng thấy sốt ruột, vì từ ngày cậu kỹ nhờ người đánh tiếng đến nay đã được mấy tháng rồi, mà nhà trai vẫn chưa đưa trầu chạm ngõ, Hường lo sợ cậu kỹ đổi ý. Bây giờ cứ mỗi buổi phiên chợ Bàng, Hường thường hay dậy sớm để làm dáng; chiếc áo the màu gu, và mảnh khăn nhiễu tam giang ngày thường Hường vẫn xếp gọn trong rương lại được Hường lôi ra.

Một buổi kia, Triều đánh trầu ra cày mãi tận ngoài đồng Giang; vì xa nhà, buổi trưa không tiện đi về, nên Hường phải đem cơm ra cho Triều. Trông thấy Hường từ đằng xa, Triều đã hỏi hộp. Khoảng đồng chỗ đó vắng người; nắng buổi trưa đã lên cao, gió chỉ hơi thoáng nhẹ; cảnh vật lúc ấy yên lặng quá! Triều sung sướng, và sợ sợ, khi thấy rằng chỉ mấy phút nữa sẽ có mình anh với Hường ở đây. Anh cố làm như chỉ chuyên chú vào đường cày tiếng anh giục trầu «vắt... vắt...» luôn miệng, tuy vậy bước chân Hường đi tới bờ ruộng nào anh đều biết cả. Chỉ một lát Hường tới nơi đặt giá cơm trên mỏ đất phẳng và sạch, rồi gọi:

— Anh Triều, hãy nghỉ để ăn trưa đã.

Triều không trả lời, thông thả giắt trầu lên bờ, tìm một chỗ cỏ

tốt thả cho trâu nghỉ, rồi đi ra ăn cơm.

Hường ngồi xuống đất, ngay bên cạnh chỗ Triều ăn; nàng duỗi hai chân, một tay chống xuống đất, một tay ngả nón quạt, mắt nhìn thừa ruộng Triều cày, nói:

— Anh cày một hôm nay có xong không?

Triều trả lời cụt lủn:

— Xong.

— Ừ, thế thì mai đờ phải đem cơm ra đây, gớm xa quá!

Triều ngừng nhìn Hường xong lại im lặng ăn. Mãi anh mới nói:

— Giá có còn cày ở đây, cô cũng chẳng phải đem cơm ra làm chi cho mệt...

Hường nhìn Triều lạ lùng rồi nói:

— Không đem để anh bỏ về ăn thì hết ngày còn gì?

— Về thế nào được.

— Thế anh ăn bằng gì?

— Cũng chả cần phải ăn.

Dứt lời anh cười yên lặng. Trong cái cười của Triều, Hường cảm thấy có một sự gì khác; tự nhiên Hường thấy ngưỡng ngưỡng và khó chịu lạ.

Lúc ấy Triều cũng đã ăn xong. Anh rót nước trong cái ấm đất ra bát uống, với cái điệu cày kéo một hơi rồi anh buông điếu, khoanh hai tay vòng lấy đầu gối, mặt hơi ngửa, mắt lim dim, miệng thở khói thuốc.

Một cơn gió nhẹ thoảng qua làm Hường nghĩ thấy từ ở người Triều đưa lại, mùi thuốc lào lẫn với mùi mồ hôi ướp lâu ở chiếc áo vải nâu dày, lại phơi dưới nắng, trở nên một mùi nồng hắc khó chịu. Hường nhăn mũi, và một tưởng tượng đến với nàng rất nhanh:

« Nếu mình lấy Triển ». Hường nhìn mặt như nếm phải một thứ đắng. Hường nhớ đến cậu ký trẻ đẹp, lúc nào vào mua rượu, Hường cũng thấy cậu ngồi trước bàn giấy viết nhanh thoăn thoắt, miệng ngậm mẩu thuốc lá cháy dở, và lúc đứng gần để trả tiền, Hường thấy ở người cậu có một mùi thơm đậm ấm làm nàng say mê.

Hường ở đồng về được một lúc, bà Lý gọi Hường lên nói chuyện bên nhà cậu ký đã nhờ bà Xà, là người có họ xa với nhà Hường, đến xin ngày nộp lễ vấn danh. Hường sung sướng, nhưng làm ra vẻ phụng phịu trả lời mẹ :

— Con không biết ! Con chả lấy chồng.

Bà Lý biết ý con gái, mỉm cười đưa tay quạt cốt trầu trên miệng rồi mắng yêu :

— Có nào cũng vậy, cứ hễ hỏi đến là « con chả lấy chồng », thế để cô cứ ở nhà ăn báo tôi mãi chắt ?

Hường cười, không trả lời, chạy xuống nhà ngang.

Cùng lúc ấy, Triển đánh trâu ở đồng về. Trông thấy Triển, Hường vui vẻ, cái vui vẻ mà Hường có tràn ngập trong lòng. Tự nhiên Hường nói nhiều với Triển. Nàng đi dọn cơm cho Triển ăn, và hỏi Triển canh nàng nấu có ngon không ?

Thấy thế, Triển sung sướng đến bàng hoàng. Anh nhìn Hường đắm say. Cái nhìn đầy nỗi yêu đương, vừa như có ý cảm ơn, vừa như tủi, anh thầm nghĩ :

—Ồ, có lẽ Hường đã hiểu lòng mình và yêu mình rồi chẳng ?

Nhưng Hường chẳng hiểu gì cả, và cũng không để ý đến cái

vẻ đắm đuối của mắt Triển lần đầu tiên đã dám nhìn thẳng vào nàng. Nàng còn đang nghĩ đến cậu ký rượu, người có vẻ tỉnh thành, mặc tây, sắp sửa là chồng nàng.

« Nhưng sao cậu ấy lại hỏi mình ? » Hường lo sợ khi chợt nghĩ đến các cô tân thời ở tỉnh. Nhưng nhớ đến sắc đẹp mà Hường vẫn tự phụ là nhất vùng, nàng yên tâm, và thầm nhủ :

«Ồ ! khối ! thiếu gì người chả lấy vợ nhà quê, xong rồi cho ăn mặc tỉnh đẹp đẹp là, như chị Vân làng Hạ ấy. Nếu cưới xong, anh ấy muốn mình mặc tân thời thì mặc, sợ gì ! »

Tự nhiên Hường quay lại hỏi Triển :

— Này anh Triển, hôm làng vào đám anh có trông thấy chị Vân không ? Chị ấy lấy được chồng tỉnh, bây giờ ăn mặc tân thời đẹp quá nhỉ ?

Triển nhìn Hường, rồi chậm rãi đáp :

— Đẹp quái gì ! trông thế nào ấy.

— Thế tôi mặc liệu có đẹp không ?

Ở vào tâm trạng Triển lúc ấy thời câu hỏi của Hường quá bạo, anh sung sướng quá thành thẹn, đỏ mặt, mỉm cười, và cúi xuống không trả lời. Hường thời bặt theo ý nghĩ của mình không để ý. Tối hôm ấy, Triển vui vẻ ; mặc dầu bà Lý chẳng bảo, Triển cũng lấy mấy thùng thóc ra say bằng bằng, và một mình giã gạo mãi đến khuya ; anh vừa làm vừa hát vang lên. Những bài hát mà trước khi mê Hường anh vẫn hát, và được cái Kẽm cho là hay lắm. Thế rồi lúc đi ngủ, anh còn nằm chán để

nghĩ đến từng cử chỉ và lời nói của Hương. Anh nghĩ nó ra một ý nghĩa tinh tú, theo như sự tưởng tượng của anh. Anh mỉm cười luôn, rồi ôm mộng ngủ.

Nhưng cái mộng của Triền chẳng được lâu; một hôm anh thấy người ta mang trâu cau sang chạp ngõ Hương. Triền buồn khổ, tưởng như đến phát điên. Anh đánh trâu ra đồng, nhưng chẳng còn bụng dạ nào làm việc. Anh liền nghỉ buổi cày, về nói là bị cảm không làm được, rồi vào giường nằm. Có lúc anh bật khóc hu hu. Có lúc lại rình xem mặt Hương có buồn không. Anh cho là Hương cũng thương anh, cho sự nhận lời lấy người khác lạ do tự bố mẹ nàng. Không biết anh đã thấy Hương thế nào, lại cho là nàng có vẻ mặt buồn lắm: Thế rồi một ý nghĩ táo bạo vụt đến trong óc anh.

Biết Hương sắp đem rau ra ao rửa — ao ở về phía vườn trong rất khuất — Triền liền ra đợi trước ở gốc sung bên cạnh bờ ao. Khi Hương vừa ra đến nơi, Triền chạy lại ôm chầm lấy nàng gục đầu vào giữa ngực Hương mà khóc. Trước sự bất ngờ ấy, Hương sợ hãi quá! Rõ rau trên tay rơi xuống đất, thân nàng bủn rủn, miệng há hốc, muốn kêu nhưng không thành tiếng, Triền thời vừa khóc vừa nói:

— Hương ơi, Hương có thương tôi không? Có không? Hương, Hương! Có không?

Lúc này Hương mới nhấc nổi tay lên, nàng nắm chặt lấy tóc Triền, đẩy mạnh ra, miệng thở mạnh, đáng tức tối. Đáng lẽ Hương nói: « Đờ khốn, có buồn gì không! » Nhưng mới nói được: « Đờ khốn! Có... » thì Hương im

bặt vì nàng chợt cảm thấy sợ hãi, Triền có thể làm quá chăng.

Triền buông Hương ra, mặt anh đỏ ngầu, miệng nhếch cười, nói lầm nhảm:

— Có, có, Hương có thương tôi.

Hương không nghe thấy gì nữa, nàng chạy về buồng nói là ra ao rửa rau chóng mặt ngã. Bà Lý thấy con bị cảm chạy vào thăm. Hương ôm lấy mẹ và khóc kể cho mẹ nghe.

Bà Lý giận lắm, nhưng nghĩ rằng làm to chuyện lỡ bên nhà trai và hàng xóm biết thời không tiện, bà đành khuyên Hương phải giữ kín, và bảo:

— Được rồi, mẹ đã có cách, chớ bây giờ đuổi nó đi cũng không được, sợ nó tức, rồi nó đặt điều không hay. Và mượn ai làm thay được bằng nó, nó khỏe và chịu khó.

Nghĩ ngợi một lúc rồi bà lại tiếp:

— Đờ u bản tin cho bên nhà trai cưới sớm đi.

Nghe mẹ nói, Hương mỉm cười. Bà Lý ra khỏi buồng. Hương nằm ngả trên giường, tay nàng bất giác đặt lên ngực, chỗ mà hồi nãy Triền gục mặt vào, qua làn yếm mỏng, Hương cảm thấy hơi thở nóng của Triền vẫn còn như quyện ở nơi đó và vương khắp trên da thịt nàng. Một cảm giác lạ lùng truyền nhanh trong người Hương: mặt Hương bừng đỏ. Hương nhớ ngay đến cậu ký! nàng khẽ nhắm mắt mỉm cười tưởng tượng đến lúc làm vợ cậu ký. Lúc đó Triền không còn có dự một phần nào trong ý nghĩ của Hương nữa.

Còn Triền sau buổi ấy anh làm

việc càng khó và càng chậm. Cả ngày cứ lý lý, trừ có ai hỏi điều gì, anh chỉ trả lời giống một. Anh như hối hận về cử chỉ của anh trong phút điên cuồng. Nhưng lòng anh vẫn phân vân, nửa như thấy Hường yêu mình, nửa thấy như không. Vì vậy anh càng khổ. Anh luôn luôn nghĩ đến câu nói của Hường, và tự giải thích:

«Ừ, lúc ấy thời Hường cần gì phải nói dối mình, nếu cô ấy ghét mình thời cô lại không làm tán loạn lên ấy chứ lại! Đấng này lại chỉ nói «Đồ khốn! có». Cũng tại mình làm quá nên người ta đừng bảo là «Đồ khốn» à. Nhưng mà «có» là được rồi».

Một hôm nhân lúc nhà vắng vẻ, bà Lý gọi Triển lên ngọt ngào bảo:

— Anh ở đây với tôi đã lâu ngày, tôi coi anh cũng như con cháu trong nhà. Nhất là thầy bu anh mất cả...

Bà Lý ngừng lại, nhặt miếng trầu lên ăn; lòng Triển cõi mở, anh nghĩ đến Hường. Tiếng Bà Lý nói tiếp:

— Em Hường có con trai cụ Tổng bên Bằng Hải, em nó đã bằng lòng, và chúng tôi cũng đã nhận lời rồi. Người ta xin đến tháng tám này thì cưới.

Bà Lý vừa nói rút lời, Triển thấy tai ù đi, người choáng váng. Giá anh bật khóc lên ngay lúc ấy, có lẽ sẽ được an ủi, dịu lòng, nhưng anh vẫn nén được và ngồi ngây người.

Bà Lý nhả miếng trầu ra xem, quệt thêm tý với, rồi lại bỏ vào mồm nhai, làm như không để ý đến Triển, nhưng không một cử

chỉ, hơn nữa, một ý nghĩ gì của Triển mà bà không nhận thấy hay đoán biết. Chờ mấy phút yên lặng qua đi, bà lại tiếp:

— Nếu em nó về nhà chồng rồi, thời nhà lại vắng. Vì vậy tôi định gây dựng cho anh, anh có bằng lòng lấy cái Kẽm để tôi mua nó về cho anh. Tiền tôi cho vay, rồi hai vợ chồng về làm ăn trả lần. Anh nghĩ thế nào?

Tiếng bà Lý nói, Triển nghe vắng vắng và mơ hồ, tuy vậy anh vẫn hiểu biết hết. Nhắc tới tên cái Kẽm, con gái lớn bác Đĩ ở xóm dưới, Triển nghĩ ngay đến con bé, mập mạp, có đôi mắt toét đỏ và hai vành môi rộng, cứ mỗi lần trông thấy Triển đâu lại tìm có đến gần, cười nói huyền thuyên.

Một hôm, đã lâu rồi, khi việc đồng áng đã xong, Triển ra hàng cô Cả ngồi chơi hóng gió. Hàng cô Cả là một mái lều dựng dưới bóng một gốc cây nhãn lớn bên cạnh miếu thờ Thần. Phía trước có một con sông, bờ bên kia là một con đê cao chạy dài theo dọc sông. Trên mặt đê, những con trâu đen thong thả gặm cỏ dưới ánh nắng vàng của một chiều đương tàn; trẻ chăn trâu tụm năm tụm ba, riu rít nô đùa, một vài đứa bơi lội dưới sông, hò hét rầm rĩ. Hàng cô Cả thuận hướng, gió từ phía sau đồng và phía sông thổi tới lồng lộng. Khóm tre sau miếu lay động sào sạc, lá nhãn reo lao sao, nghe rất vui tai.

Chiều chiều mọi người trong làng ra đẩy hóng gió, và ăn quà. Những món quà của hàng cô Cả bán hôm nào cũng như hôm nào chỉ có món bánh đúc riêu nguội tanh, ăn lẫn với mấy quả sung non

chất xít, với thứ bánh uôi (bánh làm bằng gạo nếp) dẻo có làm lấy. Vậy mà chẳng bao giờ ế.

Chiều hôm đó hàng cô rất đông, ai ăn quà thì ngồi trên cái ghế gỗ dài đặt trước cửa hàng, ai không ăn thì ngồi bệt trên những phiến đá to, lót làm lối đi lại của đường làng; hoặc đứng quanh quần nói chuyện phiếm. Triền vừa ngồi vào hàng được một lát thời cô Kẽm tới, cười toe toét, và nói oang oang. Ghế hàng cô Cả lúc ấy đã chật, duy chỉ thừa một chỗ bên cạnh Triền; Kẽm chẳng lưỡng lự ngồi ngay vào đấy, làm Triền khó chịu, phải xích lui ra.

Cô Cả vui cười hỏi Kẽm:

— Ăn bánh đúc nhé? hay ăn bánh uôi, hãy còn nóng, ngon đặc để.

Trước khi trả lời, Kẽm đưa mắt nhìn Triền, Cô Cả cũng nhìn theo, nói:

— Anh Triền ăn chiếc bánh, cô Kẽm trả tiền hộ đấy.

Nói xong cô Cả cười, mọi người có mặt cũng cười theo. Bỗng Triền giật mình, có tiếng cười của Hường đâu đấy. Anh quay nhìn lại.

Hường đã ra tự lúc nào?

Nàng đứng cạnh bức tường miếu quét vôi trắng; vì mới gội đầu nên mở tóc dài, đen óng được buồng tỏa về phía sau lưng. Hường đang nghiêng đầu chải, và hừng mở tóc hong theo chiều gió. Vừa chải tóc, Hường vừa hướng về phía hàng cô Cả cười góp lời nói:

— Ăn bánh có người trả tiền hộ kìa anh Triền cũng tốt số. Cứ ăn đi, Triền ạ! Chả cô Kẽm cô ấy giận.

Hường vừa dứt lời thời cô Cả cũng vừa cầm chiếc bánh đưa cho Triền. Anh cúi kính, dang lấy chiếc bánh vứt xuống đất rồi hăm hăm đứng lên đi ra phía bờ sông. Mọi người cười ò lên: nhưng Triền chỉ nghe thấy tiếng cười của Hường trong và cao hơn cả. Triền càng thấy ghét cái Kẽm, tức mọi người tức mình và giận cả Hường.

Hường đã trêu đùa Triền, sự đó tỏ ra nàng chẳng có một chút tình nào đối với anh. Và câu nói buồng trống « cứ ăn đi Triền ạ! » có vẻ một người trên nói với kẻ dưới, mỗi khi nghĩ tới. Triền lại thấy bực dọc vô cùng...

••

— Thế nào? Con bé nó làm ăn được, và chịu khó đấy chứ!

Tiếng bà Lý hỏi như lời ý nghĩ của Triền trở về với việc hiện tại, Lòng anh như có một niềm uất giận đầy lên; anh cúi đầu trả lời trong tiếng thở dài:

— Bà hãy để thông thả.

— Thế để tôi nói đánh tiếng trước, rồi chờ cho xong việc của em Hường, tôi lo nó về cho anh nhé?

Và dẫn giọng, bà Lý nói như giao hẹn:

— Đây không phải việc trẻ con đâu, nghĩ cho kỹ đi. Mấy chả có đám nào hơn, anh ạ. Con bé khỏe mạnh, và biết lo làm ăn.

Triền vẫn cúi đầu, khẽ nói:

— Cảm ơn bà.

— Thế anh bằng lòng?

— Bà để con thông thả.

••

Hôm cưới Hường, Triền tỏ mò một cách đau khổ, để cố ngắm từng nét mặt, từng tiếng nói và cử chỉ của chồng Hường. Anh buồn rầu khi nhận thấy người ấy có vẻ công tử, và có những dáng điệu là lạ mà anh không thể có.

Hường về nhà chồng rồi. Triền ngơ ngác và hay cáu kỉnh, «tính nết như người dở hơi», mọi người ai cũng bảo thế, duy có bà Lý là hiểu căn do.

Có lúc Triền ngồi ngẩn ngơ hàng giờ, có lúc lại vụng trộm vuốt nước lên đầu soi bóng vào chiếc gương con, rồi chải tóc bắt chước theo kiểu của chồng Hường, để rồi lại vô rỗi đi, sợ có người bắt gặp.

Ngày phiên chợ, anh lên ra chợ mua một bao thuốc lá để lúc vắng người lấy ra hút, và bắt chước giàng điệu cậu kỹ. Anh cũng cặp điệu thuốc giữa hai ngón tay đưa lên một bên mép, hít một hơi, rồi lại bỏ điệu thuốc ra, và hơi ngửa mặt lên trời từ từ phun khói. Vì không hút quen, nên Triền luôn luôn bị sặc, ho rũ rượi. Những lúc ấy trông Triền thực là một anh rồ. Nhưng Triền không rồ, vì vẫn còn trí khôn để dấu kỹ, không cho ai biết những cử chỉ đau thương của anh.

**

Hường lấy chồng tháng tám; tháng chín bà Lý cưới cái Kẽm về cho Triền. Triền nhờ bà Lý sắm cho cái Kẽm một cái áo the màu gụ, và một chiếc khăn nhiễu tam giang để đưa sang cho Kẽm mặc hôm cưới; làm thế chắc Triền mong ở Kẽm một hình dáng gì của Hường chăng ?

Đêm trước ngày cưới, Triền nhớ Hường bằng bột hơn tất cả mọi lúc. Anh oán giận Hường, nhưng càng yêu Hường mãnh liệt hơn anh vô đầu bút tai hay ngồi thù người trông ngọn đèn, chẳng có ý nghĩ gì rõ rệt cả. Nước mắt anh lặng lẽ chảy. Nhưng đến lúc gà gáy sáng lần thứ hai. Triền cũng trở dậy sửa soạn.

Lúc anh đi ra bề mức nước rửa mặt thì trời hãy còn tối, chỉ có ánh sáng yếu ớt của những ngôi sao gần tàn chiếu loảng trên sân gạch rộng. Hình hai cây cau thẳng tắp ở trước khu nhà bếp vắng lặng làm Triền càng thêm buồn. Anh nhớ tới những vụ cây xưa, khi Hường hãy còn ở nhà.

Ngày nào cũng vậy, cứ vào giờ này, Hường đã dậy nấu cơm. Ánh lửa rơm lập lòe trong khu bếp tối, soi lên khuôn mặt xinh tươi của Hường; gần đấy, Triền ngồi sửa lại cây, bện lại một nồi rơm, hoặc giúp Hường vo giá gạo. Những lúc ấy, Hường hay bắt Triền kể chuyện cô tích cho nàng nghe, gặp đoạn nào vui Hường cười ròn rã, khiến Triền sung sướng, anh thầm nghĩ : « Giá không lấy được Hường thì ước gì ta cứ được sống cùng nhà với Hường như thế này mãi. Hường cũng đừng lấy chồng, mà ta cũng đừng lấy vợ. . . »

Nghĩ đến đây, Triền thở dài, anh cúi xuống lấy tay vốc nước ở chậu lên rửa mặt. Anh rửa kỹ hơn mọi sáng, rồi anh lấy nước đắp vào tóc, bàn tay xoa xuống chân tóc ở gáy. Anh rất vừa ý về cái đầu mới hót ngày hôm trước. Anh đã công phu lên tận phố Ga để tìm đến hiệu hót tóc mới dọn từ trên tỉnh về; anh cho phải như thế mới có

được cái đầu diện, anh bắt người thợ chải đi, chải lại cho anh cái đầu có mớ tóc hơi bằng bằng bóng bẩy.

Khi ở hiệu hớt tóc ra, đáng lẽ đi thẳng về làng, nhưng chân anh lại đi về phía chợ Bằng. Anh cầu Trời khẩn Phật cho anh được gặp Hường lúc ấy. Tím anh đập mạnh và anh luống cuống với chính anh.

Đi được một quãng đường, anh gặp bọn người làng đi về phía anh trong có bà Bình là cô của cái Kẽm, lên tiếng hỏi :

— Anh Triền đi đâu đấy ?

Trước con mắt tò mò ngăm nghĩa của bà Bình và những người khác, Triền đỏ mặt ấp úng :

— Tôi sang chợ Bằng.

— Hôm nay mười tám, làm gì có chợ Bằng !

Triền càng dờ mắt, sợ mọi người đoán được ý mình, anh hỏi :

— Thế các bà đi chợ nào ?

— Chúng tôi đi chợ Lim nhưng bây giờ tan rồi.

Rút lời bà Bình đập vào vai Triền, nói trong tiếng cười :

— Thôi đi về, ông tương ơi ! Ngày mai cưới vợ, sướng quá cho nên bây giờ mất trí phải không ?

Triền không còn có gì để sang Bằng nữa; anh buồn bực quay về, lầm bầm :

— Biết thế chẳng tội gì lên tận Ga hớt tóc.

*
**

Bây giờ tự nhiên anh lại bằng lòng về cái đầu của anh ; trước cái gương con ở cạnh đèn. Triền nghiêng đầu, ngoạ cổ để chải tóc; xong anh lật gối lấy chiếc quần vải

trắng mà tối hôm trước, lúc đi ngủ, anh đã xếp cẩn thận đặt xuống dưới gối cho thành nếp. Anh lại giở cái áo vải láng và chiếc khăn xếp ra ngắm. Đây là bộ đồ cưới bà Lý đã sắm cho Triền. Triền buồn rầu nghĩ đến hôm cưới Hường, chồng Hường sang trọng trong cặp áo sa-tây mà suốt đời anh chắc chắn sẽ không bao giờ được mó tới. Triền lần thẩn nghĩ :

— « Sao mình lại không là người ấy ? Giá bố mẹ chồng của Hường, . . . Chỉ tại bố mẹ mình nghèo. »

Trời đã sáng hẳn, Triền cảm chời quét buồng mình rất cẩn thận. Anh đứng ngắm gian buồng bé nhỏ, chỉ kê mỗi cái giường tre mới, trên trải một chiếc chiếu đậu cũng mới. Mà ngay cả đến cái buồng này, bà Lý cũng mới cất lên cho đón dâu về nhà bà.

Mãi gần trưa mới đến giờ tối, Triền ngượng ngập trong bộ quần áo mới, đi sau một cụ già cầm hương với mấy người bạn trai và mấy bà hàng xóm. Lúc đám cưới ra tới đường làng, trẻ con xúm tới xem và reo lên :

— A ! đám cưới anh Triền lấy chị Kẽm chúng mày ơi !

— Ủ ừ, nước gì : Thế mà cũng gọi là cưới ! cưới cô Hường mấy to chứ.

Chỉ là những câu nói ở miệng trẻ, vậy mà Triền cũng thấy uất lên vì tủi thẹn. Giá lũ trẻ đem so sánh với đám cưới khác cũng chẳng sao, chúng lại đem so sánh ngay với đám cưới của Hường. Nhưng lúc tới nhà Kẽm, chính Triền cũng không tránh khỏi sự so sánh ấy. Qua cái cổng tre sơ sài và cái

sân đất nhỏ hẹp, tới ba gian nhà siêu vẹo, trông không có vẻ lấp nập của một đám cưới trừ vài ba người nấu cỗ ở dưới bếp.

Mấy đứa em của Kẽm dùng ngập nghé ở hè, đứa nào cũng được mặc quần áo chớ không ở trường như mọi ngày. Triền buồn rầu nhớ tới cảnh 'ưng bưng rộn rịp hôm cưới Hường.

Một lúc sau, nhà trai đứng lên xin đón dâu, người ta gọi Kẽm ra. Trong phút ấy, mọi ý nghĩ của Triền như lắng xuống, anh hồi hộp đợi.

Lúc Kẽm và mấy cô phù dâu ở buồng trong bước ra, Triền cúi đầu, nhưng mắt vẫn liếc nhìn Kẽm. Trời ơi! Một điều Triền không thể ngờ được là trong tấm áo the màu

gụ, Kẽm trông không béo phục phịch nữa, chỉ hơi đầy. Đôi mắt tuy không sắc như mắt Hường, nhưng không đỏ và ướt như mọi ngày; vành môi như bột rọng; và cái đầu thì thật là giống đầu Hường, mó tóc đen mượt vẫn lăn dưới vành khăn nhiễu tam giang. Kẽm bẽn lẽn cúi đầu khi bắt gặp đôi mắt Triền, làm lòng Triền thấy vui vui.

Cái Kẽm hôm ấy không như cái Kẽm mọi ngày, lúc nào cũng cười toe toét và đôi mắt ướt nhèm. Triền đã thấy ở Kẽm một duyên dáng gì của Hường.

NGUYỄN THỊ VINH

(Trích ở cuốn Hai Chị Em.
Phương giang xuất bản)

BÀI HỌC KIÊN NHẪN

Một nhà đại cách mạng Sĩ-cốt-Lan (Scotland) — tướng Robert Bruce — đã nhiều lần dấy binh khởi nghĩa định đánh đuổi quân Anh ra khỏi đất nước, nhưng lần nào cũng thất bại.

Lần cuối cùng, ông bị thua chạy trốn. Một hôm ẩn trong một cái hầm, đương nằm nghĩ đến vận mạng điêu linh của tổ quốc, ông chợt thấy một con nhện dăng tơ đan lưới ở trên đầu giường. Buồn tình, ông với tay lên phá cái lưới. Ngay lập tức, con nhện lại dăng một cái lưới khác; ông lại phá chơi. Phá đi phá lại tất cả đã sáu lần, ông ngạc nhiên thấy lần nào con nhện cũng dăng ngay một cái khác. Ông nghĩ bụng nếu ông thử phá một lần nữa mà nó vẫn cứ dăng một cái khác thì thực là một bài học hay cho ông, vì ông cũng chẳng khác gì nhện, đã sáu lần bị thất bại.

Thế là ông lại phá cái nữa, con nhện lại lập tức dăng ngay một cái mới.

Lòng phấn khởi, ông đứng vùng dậy đi chiêu tập binh sĩ một lần nữa, và lần này ông đã toàn thắng đuổi được quân Anh ra khỏi đất nước.

Theo J. R. Dixon

Con người kỳ dị

Cũng là một trò quý thuật để bịp dân — nhất là dân mọi để bịp — nhưng với tất cả lòng thành ý tốt và sự ích lợi chung cho toàn dân, chứ không phải cho riêng mình hay một thiểu số nào. Dân chúng tuy dễ bịp thật đấy nhưng hãy cần thận ! Những ai muốn bịp dân để hại dân...

Nguyên tác của Brian O'Brien

Bản dịch của BẢO-SƠN

HỒI ấy vào năm 1920, tôi đương phụ trách chỉ huy một đoàn quân Pháp ở Phi Châu để lập mối bang giao về thương mại với những thổ dân ở nội địa và ở những hải cảng Át-lăng-tích. Tôi được dịp quen biết với ông « Hai-Pho ». Tôi đi từng chặng theo những con đường mòn nhỏ hẹp xuyên qua những rừng a-ca-đu ở phía nam Ca-mê-ru. Hơn một trăm phu của tôi khuôn vác nào muối, nào vải, nào lưỡi câu và nhiều thứ hàng khác để đánh đổi lấy gỗ mun, dầu dừa, cao su và ngà voi. Đã lâu năm chưa có một người da trắng nào đi tới chốn này.

Tiếng trống bập bùng của thổ dân báo hiệu cho những người ở trong rừng biết bọn tôi đi về phía Ê Kinh, một làng nhỏ của dân Bù-lu ở cách xa bờ biển 240 cây số và cách xích đạo hai độ về phía Bắc.

Tôi gần Ê-kinh, tôi thấy đường đi được dọn dẹp quang đãng và có những thân cây bắc ngang suối; nhà cửa trong làng không phải là những

cái lều bần thiu cất dựng lung tung bừa bãi như mọi nơi, mà là những chiếc nhà tranh xinh xắn, cất thành hàng lối chạy song song trong những khu rừng thưa rỗng. Lại có cả những ruộng ngô, ruộng sắn và ở đầu làng có một đồn điền trồng ca-cao. Tôi ngạc nhiên nghe viên thông ngôn nói :

— Nó người Ăng-lê chủ ca-cao. Nó ở Ê-Kinh.

Vào trong làng, tôi thấy ở giữa một cái sân có rào giậu và quét dọn rất sạch sẽ, một ngôi công quán, một cái nhà không có tường có vách và các bộ lão đương hội họp. Trong đám có một người mảnh khảnh cao ít nhất là một thước chín mươi, ông ta mặc một bộ quần áo eũ trắng, đôi giày vải trắng, và một cái mũ xanh che kín cả mặt, ông ta ngả mũ cúi chào tôi rất thấp :

— Tôi rất sung sướng được đón tiếp ông.

Ông ta vừa nói vừa ngẩng lên để lộ ra bộ mặt đen thui đen thui

với chòm râu hoa dâm thưa và bộ tóc bạc xoắn tít :

— Sau bao năm, bây giờ mới lại được gặp một người Anh thực là vui mừng. Tôi là ông Hai-Pho ở Kim-Hải-Biên. Tôi cũng là người Anh.

Tôi hơi ngạc nhiên và bắt tay ông ta. Một anh thổ dân già ở Kim-Hải-Biên làm cái trò gì ở một làng hẻo lánh như thế này ? Mắt của ông nhìn tôi lộ vẻ băn khoăn nhưng nhả nhận của một gia chủ mong ước rằng nhà mình hợp với ý khách.

— Thưa ông sẽ ở chơi đây lâu? Xin ông cho phép tôi được làm một người bạn thân của ông.

Ông Hai-Pho—đến nay tôi vẫn không biết họ ông là gì — đối với tôi quả là một người bạn tốt trong suốt một năm trời tôi ở cạnh ông. Nếu không có ông chỉ dẫn, chắc hẳn tôi không thể nào buôn bán được với thổ dân ở vùng ấy.

Ngay ngày hôm sau, ông sai dân Bù-lu dọn một khu ở bên bờ sông và cất cho tôi một ngôi nhà ba gian bằng vỏ cây và lá dừa, trông ra một hàng hiên. Tôi đưa trả liễn nhưng ông nhất định từ chối không nhận.

Nhà của ông Hai-Pho đứng án trên một khu rừng thưa chạy dài đến tận mé sông, có kho rộng lớn, có phen phơi ca-cao, và cả một bến đò nữa. Trong nhà trải một tấm thảm cũ phủ lên nền đất của hàng hiên và phòng khách. Những tấm lịnh cắt trong các tạp chí treo nổi bật lên ở trên tường, một cây đèn dầu hỏa trang hoàng một chiếc bàn bằng gỗ đào-hoa-tâm có trạm trổ. Nhà có ba tên thổ dân

trông nom coi sóc nên sạch như ly như lai.

Mỗi buổi sáng, viên tù trưởng của thổ dân Bù-lu đứng đợi ông Hai-Pho ở cầu thang trước hàng hiên để cùng đi với ông vào trong làng. Ông Hai-Pho đi khám từng nhà xem có sạch sẽ không, ông lại thăm các vườn tược, chỉ bảo cho dân Bù-lu làm trong đồn điền của ông.

Sau khi đã đi tuần một lượt, ông chia cho các trẻ con những gói muối mà chúng quý hơn là kẹo. Mỗi lần ông vào thăm các hồ lão trong công quán họ rất vui vẻ được tiếp truyện ông. Ông thật chẳng khác gì một viên lãnh chúa thời xưa đi du ngoạn trong lãnh địa của mình.

Ông kiếm cho tôi một người bếp, và săn sóc không bao giờ để tôi thiếu thốn một thứ gì có thể gọi là ngon lành nhất của dân Bù-lu như cá, thịt, trứng, ngô, ớt, v.v... Ở hàng hiên nhà tôi luôn luôn treo đầy những chuỗi với dứa (thơm) để chờ chín.

Chiều nào cũng vậy, cứ ăn cơm xong là ông Hai-Pho lại đến thăm tôi, ông mặc một chiếc quần trắng rất đẹp vào một chiếc áo nhung đỏ đã hơi bạc màu. Đầu ông đội một chiếc mũ đen có một hạt bạc rủ xuống tai. Hai bàn tay đầy trai tử một ly rượu cô-nhát nhỏ, ông phè phèo hút một chiếc điếu cày của tôi tặng ông. Ông ham hỏi tôi về truyện thế giới lắm.

Những lần đầu tiên tôi đi xa, ông đều đi theo tôi, ông rất lưu tâm đến những cuộc trao đổi hàng hóa của tôi, hỏi han các tù trưởng về giá cả những hàng tôi đưa ra. Ông

thực thà như đếm. Các thổ dân đều hoàn toàn tin tưởng vào ông. Ảnh hưởng của ông lan rộng có tới hàng mấy trăm cây số vuông. Không một viên tù trưởng nào được trúng cử nếu không được ông ưng thuận. Ông xử lý tất cả các công việc giữa làng này với làng kia. Có nhiều thổ dân từ những nơi rất xa xôi tìm đến tận nơi để hỏi ý kiến ông về mọi việc. Họ tuân theo những quyết định của ông với một niềm tin tưởng thấy mà cảm động. Uy quyền của ông to hơn cả uy quyền của các viên tù trưởng vì chính họ ngưỡng mộ và kính phục ông hơn ai hết.

Ông bảo tôi :

— Những thổ dân đáng thương này coi tôi như cha đẻ ra họ, bần phận tôi phải đối đãi họ như con đẻ của tôi.

Một buổi sáng, tôi bắt đầu đoán biết được phần nào những điều bí ẩn của ông, tại sao ông lại có uy quyền đến như thế. Thì ra ông Hai-Pho là một nhà ảo thuật.

Sớm tinh sương ngày hôm ấy, tôi thấy không biết bao nhiêu là thuyền chở dân da đen từ ngược xuôi tới đậu ở bến nhà ông. Những thổ dân ấy ngồi sắp hàng như những pho tượng đồng trước cửa nhà ông. Họ cầm những chiếc giáo xuống đất đỏ và nóng ngay sát bên cạnh họ. Ông Hai-Pho mời tôi ngồi ở hàng hiên để xem ông đóng trò.

Sau mấy tiếng trống, cánh cửa nhà ông mở để hai tên mọi con ra, một đứa bâng một bình trà sứ và một cái cốc đem đặt trên chiếc bàn ở hàng hiên, còn một đứa thì đứng ở một góc, phe phẩy một chiếc quạt bằng lá gồi lớn tướng. Lúc ấy

ông Hai-Pho mới bước ra, ông mặc một cái áo dài bằng vải đen có vẽ những bùa đỏ. Đầu ông đội một chiếc mũ nhọn, mắt đeo một gọng kính không có mắt. Bọn thổ dân cúi mọp xuống lạy, miệng chào mừng : « M'bólô ».

Ông Hai-Pho đĩnh đạc đáp lại « M'bólô la ni » rồi rót nước ở trong bình ra uống. Ông nhìn tôi nháy mắt làm hiệu, rồi lại nghiêng bình rót vào cốc. Lần này một chất nước đỏ chảy ra. Ông cầm cốc lên uống trước những tiếng kêu khiếp sợ của bọn thổ dân.

Rồi ông chất vấn một bọn ngồi ở hàng đầu : một chị đàn bà ước độ mười sáu tuổi, người mảnh khảnh, duyên dáng, cùng đi với người chồng mập mạp và người cha có vẻ thâm hiểm, đeo một mảnh xương xuyên suốt qua hai lỗ mũi. Cả ba người đều có vẻ bối rối. Viên thông ngôn khẽ nói cho tôi hay là chị đàn bà đã bị bán làm vợ anh kia, theo đủ tục lệ của bộ lạc, nhưng rồi lại trốn đi theo một anh khác.

Ông Hai-Pho lớn tiếng hỏi :

— Còn tên kia đâu ?

Chị đàn bà trơ tráo đáp :

— Hắn đi săn rừng.

Anh chồng tru lên :

— Nó không ra gì con này đâu. Và nó không thể có đủ tiền trả tôi ề lấy con này được.

Chị đàn bà nhìn ông Hai-Pho vừa cười vừa rung đùi có vẻ khêu gợi. Nó bảo chồng nó đánh nó và bắt nó làm việc. Thất vọng, nó phải trốn đi với người khác đối tử với nó tử tế hơn.

Anh chồng la lên :

— Bẩm nó đã đi với nhiều người lắm ạ.

Ông Hai-Pho đứng dậy lôi ở trong tai tên mọi cầm quạt ra một quả trứng. Giữa tiếng hoan hô rầm rộ của mọi người, ông vút quả trứng xuống chân chị đàn bà rồi bốc lòng đỏ ra xem. Chị đàn bà sợ hãi nhảy lùi lại sau một bước, trong khi ông vung chiếc dũa trắng của ông lên và kêu :

— Chị là một người đàn bà hư!

Rồi ông bước sấn tới chị này, dí vào mũi chị một con thằn lằn dương giấy đàn hình đạch.

— Đây đây là tà thần đã xui giục chị trốn chúa lộn chồng. Từ nay chị phải ở nhà với chồng, nếu không thì tà thần này sẽ lại quay về chui vào tim chị. Nghe chưa ?

Bọn thờ dân rừng mình rên rí:

— Trời ơi !

Ông lại nghiêm giọng tiếp :

— Nếu chị còn bỏ chồng đi nữa thì chồng chị sẽ có quyền lấy roi mây đánh chị. Nghe chưa ?

Rồi ông quay sang bảo người bố :

— Nếu con gái ông mà còn bỏ chồng đi thì ông phải bồi thường lại tiền cưới nó. Cả hai người phải trông coi nó.

Vụ kiện sau là truyện một người đàn bà có một con dê để nó vào ăn lạc (đậu phụng) ở vườn nhà láng giềng. Ông Hai-Pho xử bị cáo bao giờ làm thịt con dê ấy thì phải bồi thường cho nguyên đơn một miếng. Rồi một bà già đến kêu rằng dân làng đã bắt bà ta vào ở một cái lều nát để đợi chết vì bà ta không làm việc được nữa.

Ông Hai-Pho cười bảo bà :

— Mẹ ơi, dưới bóng nhà của tôi có một chỗ cho mẹ ở, một ngọn lửa cho mẹ sưởi ấm những khúc xương già của mẹ và những thức ăn mềm vừa với cái miệng móm của mẹ.

Rồi ông quay hỏi đám đông :

— Từ trường của làng này là ai ?

Một thanh niên lực lưỡng đứng dậy nhìn bà già như muốn ăn thịt. Ông Hai-Pho truyền :

— Cứ bấy ngày anh phải mang lại cho bà già mười củ khoai, và bảo bọn trai tráng của anh cất một cái lều trong vườn nhà tôi. Ngày nào còn chưa làm xong mấy công việc này, ngày ấy đừng có hòng ai nói tới chuyện mua bán trao đổi với làng anh.

Tất cả những chuyện xịch mích hàng ngày này đều được phân xử công minh và vui vẻ. Sau mỗi phiên xử, ông Hai-Pho thường làm một vài trò ảo thuật; ông nói với tôi như để phân trần :

— Những trò vô hại mà lại khiến cho lũ dân mọi rợ này tôn trọng những lời phán xử của tôi.

Chiều chiều tôi thường lân la nói chuyện với ông, hoặc với các tù trưởng ở nơi này nơi khác và dần dần tôi chấp nhặt những mẩu truyện lại thành ra tôi được biết nhiều truyện về đời ông. Ông sinh trưởng trong một gia đình khá giả ở Kim-Hải-Biên, có quốc tịch Anh, và được theo học ở một trường cổ. Rồi ông làm việc trong những đồn điền ca-cao của cha ông. Ông nói tiếng Anh, biết đọc biết viết và làm toán, vì thế ông trở nên một viên quan cai trị có tài,

Nhưng đến năm 1900, dân thuộc địa nổi lên chống lại viên toàn quyền, một người vừa ngu lại vừa bất công. Ông Hai-Pho quảng cả quần và giầy để mặc áo chiến sĩ và mang khiên chiến đấu.

Quân Anh đàn áp mạnh và tái lập ngay được trật tự. Quân cách mạng bị đem ra xử. Ông Hai-Pho trốn đi được. Ông suýt chết mới trốn được vào nơi rừng rậm ở phía nam Ca-mê-ru-m và sau chót tới Ê-kinh, một nơi trú ẩn chắc chắn cho những kẻ bị truy tìm. Dân Bù-lu vốn người bé nhỏ, lấy làm hãnh diện có người lạ vóc dáng cao lớn oai vệ đến ở với họ.

— Họ cất cho tôi một cái nhà, nấu ăn cho tôi, và coi tôi như một ông thần ; cũng vì thế tôi luôn luôn ăn ở cho phải đạo một thần nhân đối với họ.

Ông học tiếng họ và định cư trên bờ sông.

Nghĩ tới những đường phố ở xứ ông được giữ gìn sạch sẽ, ông khuyên dân Bù-lu đào cống rãnh để cho nước khỏi đọng và muỗi không thể sinh sản được. Ông dạy cho họ đào những hầm tiêu, giảng giải cho họ biết cái tục trục xuất những người già yếu ra khỏi bộ lạc, để cho họ chết đói là một tục rất xấu và rất tai hại.

Ông ra lệnh :

— Dân chúng hãy nuôi những người già yếu để cho họ quét dọn trong làng, như thế họ cũng giữ cho nổi niều của mọi người khỏi bị bậm và nhờ đó dân chúng sẽ cứu sống được nhiều trẻ con.

Làng mạc trở nên sạch sẽ và hệnh tặt bị tiêu trừ dần. Những người già cả thấy mình cũng giúp

ích được cho mọi người thì sung sướng và sốt sắng làm việc. Dân chúng dọn đường cho quang đãng mở mang những đường chật hẹp, khúc khuỷu. Họ tháo nước, giầy cỏ, sửa sang và mở rộng những vườn tược trước kia chỉ trồng trọt được tạm đủ ăn nhất thời. Bây giờ họ đã biết để dành những thức dư dật để ăn trong những ngày đói kém.

Nhưng dân chúng ở đó lại cần có cuộc, vãi, lưới câu và muối. Ông Hai-Pho bèn bảo họ đi nhặt cao su rừng, rồi ông lấy nước tranh về nó thành những viên tròn. Ông tổ chức những cuộc đi săn voi để lấy thịt đem sang làng khác đổi lấy gỗ mun. Rồi ông bảo dân chúng vác gỗ mun, ngà voi và cao su đi theo ông tới bờ biển Ghi-nê đổi lấy những thức cần dùng.

Ông Hai-Pho bảo :

— Còn tôi thì tôi mua một bộ âu phục, một đôi giầy, một chiếc bàn, đầu hỏa và một cây đèn tốt.

Công cuộc của ông không phải là dễ dàng, nhiều lúc rất nguy hiểm và đổ máu. Làng họ với làng kia thường hay đánh nhau và họ có tục giết người một cách dã man.

Ông giải thích :

— Không phải lỗi tại dân làng đâu mà chỉ tại bọn phù-thủy mê hoặc dân làng sống trong cảnh sợ sệt. Bọn phù - thủy thấy tôi giúp đỡ dân làng nên thù ghét tôi lắm. Một đứa đem bỏ râu báo vào đồ ăn của tôi, nếu tôi ăn phải thì sẽ bị những cái râu ấy đâm thủng ruột ra mà chết. Nhưng tôi chỉ ăn những thức tự tay tôi nấu lấy thôi nên mới thoát chết. Một lần tôi đương đi đường thì suýt bị một mũi tên tầm thuốc độc bắn trúng. Thế là tôi phải ra tay, nếu

không thì khó lòng mà sống với chúng.

Một hôm nhân có công việc đến Ghi-nê, tình cờ đến một cửa hiệu tôi gặp một cuốn sách quảng cáo của một hãng buôn Mỹ ra, thấy có những đồ chơi làm trò quỷ-thuật. Tôi liền đem hàng hóa của tôi ra biểu người chủ hiệu để nhờ họ gửi mua ở hãng buôn Mỹ cho tôi những thứ ấy. Mấy tháng sau, được tin báo hàng đã đến, tôi liền một mình đi lấy về. Rồi tôi nào tôi cũng tập làm cho đồ vật có thể biến hóa trong bàn tay tôi hay trong không gian. Khi đã thuần thục, tôi mới thách các tay phù thủy đến thi tài với tôi.

Ông già kể đến đây, nhớ lại truyện cũ, mắt long lanh có vẻ tinh quái.

— Họ đội những chiếc nón làm bằng da người, mặc những bộ áo dài kết bằng cỏ khô, và mang những bị đầy các thứ thuốc hôi thối. Dân chúng người nào người nấy nấp cả ở trong nhà chỉ dám ghé mắt ra xem, họ cầu mong cho tôi thắng bọn phù thủy ấy, nhưng họ lại sợ bọn này giỏi hơn tôi và có thể gieo rắc tai họa cho họ.

« Tôi lúi ở miệng một anh phù thủy đứng cạnh tôi ra một quả trứng, tôi bóp vỡ quả trứng và giờ ra cho anh ta coi một con gà mới nở còn sống.

« Tôi nói với mọi người :

— Các bạn coi, ông phù thủy này chỉ chuyên môn gây ra cảnh chết chóc, còn tôi thì có phép làm cho vật đã chết có thể sống lại.

« Rồi tôi tung lên trên không

những vòng thép đến khi tôi đỡ lấy thì nó biến thành một sợi giây xích dài ở trong tay tôi.

« Tôi hô lên :

— Các anh thử bẻ xích coi !

« Nhưng không ai bẻ nổi.

« Một anh phù thủy bèn đốt than hồng lên án. Thấy thế, tôi đổ một ít dầu hỏa vào miệng và để một que lửa trước môi, tôi phun ra một tia lửa chiếu vào anh ta. Áo anh ta cháy bùng lên như một ngọn đuốc đến nỗi anh ta phải nhảy vội xuống sông.

« Ông Hai-Pho kết luận :

— « Bây giờ chính tôi là phù thủy. Nhưng trò của tôi hoàn toàn vô hại. »



Trước khi dời xa làng ấy, tôi muốn phân phát quà tặng. Trong các hàng hóa của tôi, có những chiếc áo mua được của nhà binh thải ra.

Ông Hai-Pho bảo tôi :

— Ông nên đem những áo này cho các tù trưởng thôi. Như vậy đối với dân làng họ mới là những kẻ tai to mặt lớn.

Chúng tôi triệu tập các tù trưởng lại và long trọng mặc cho họ những chiếc áo đỏ. Họ đứng thẳng đờ ra như cây gỗ trong lúc chúng tôi phải chặt vật mới gài được khuy cho họ, vì áo quá chặt đối với những bộ ngực quá nở nang của họ. Bọn phụ nữ xúm lại coi và thì thào khen ngợi.

Tôi dành riêng cho ông Hai-Pho một cái bắt ngờ là chiếc áo

đồ đốc có đôi ngũ vàng và nhiều « lon ». Tay ông run run, đón lấy chiếc áo để mặc thử. Ông mặc khá vừa và cổ dẫu những giọt nước mắt cảm động. Ông đi đi lại lại trước toán tù trưởng. Ông bảo họ :

— Các bạn đương mặc bộ quân phục của những vị chỉ huy nổi danh vì tấm lòng dũng cảm và đức tính hiền lương của họ. Vậy các bạn cũng phải dũng cảm và hiền lương đối với dân làng của các bạn.

Cảnh tượng lúc bấy giờ trông thật là buồn cười: các viên tù trưởng mặc chiếc áo nhà binh đồ nét mặt hân hoan vui sướng, đứng thẳng người xếp thành hàng. Ông

Hai-Pho thì bị cái tà áo cứng đập phần phật vào bắp chân, hai chiếc ngũ thì xiên lệch vừa đi duyệt toán tù trưởng vừa diễn thuyết nói về bổn phận của họ phải làm sao cho xứng đáng với những chiếc áo đương mặc.

Tuy nhiên tôi không có ý chế riếu. Ông già oai vệ ấy đã làm cho đám thổ dân Bù-lu được yên thân sung sướng. Trải mười tám năm, ông đối với họ là một vị cố vấn và một vị chánh án. Những trò quỷ thuật vô hại của ông nói tóm lại thực là những trò cao siêu đáng phục.

BẢO SƠN dịch

HỎI THĂM ĐƯỜNG

Một hôm đi chơi xa không thuộc đường, chúng tôi ngừng lại để hỏi thăm một cụ già. Cụ nói :

— Từ thửa bé tới giờ tôi sinh trưởng ở đây nên tôi biết rõ địa phương này lắm. Bấy giờ có đi thẳng đường này đến « Hang Treo ». Có có biết « Hang Treo » đấy chứ ?

Bạn tôi đáp :

— Thưa ẹ không !

— Ờ, thế à ! Ấy đấy cô cứ đi đến « Hang Treo » rồi từ « Hang Treo » đi bộ ba cây số nữa thì đến « Bãi Hoang ». « Bãi Hoang » thì chắc là cô phải biết ?

— Không, thưa cụ không ạ !

Cụ già có vẻ không bằng lòng nói :

— Ồ, thế thì chán quá, tôi cứ tưởng ít ra cô cũng có biết sơ qua thì từ này tới giờ tôi mới nói với cô chứ.

B. S.

KHÔNG GIÀ THÌ ĐÃ CHẾT

Bác Xã là người được cả làng mến, vừa mới làm lễ mừng thượng thọ. Một người láng giềng thấy bác già cả thương tình hỏi :

— Bác Xã ơi, bác già như thế thì có cực không ?

Bác Xã đáp :

— Cực gì mà cực ! Nhờ Trời nếu tôi không già thì tôi đã chết rồi ra từ đời nào rồi còn gì.

M. V.

TRĂNG XƯA

Đây là một bức tranh chính tay Khái-Hưng vẽ (mấy chữ nhỏ bên cạnh là Khái-Hưng hoạ) để tỏ nỗi buồn của ông khi một người bạn vẫn thân thiết của ông, Nhất-Linh, vì công việc chống Pháp, phải bỏ đi xa. Khái-Hưng vốn không phải là hoạ sĩ nhưng bức tranh ông vẽ này đẹp như một bức danh hoạ và tả được hết nỗi buồn ngời đổi diện ánh trăng khuya, nhờ tới bạn.



TƯƠNG BIỆT ĐẠ

Hữu hát trăng khuya lạnh bốn bề
Ý sâu lên vút tới sao Khuê,
Quý thay giây phút gần tương biệt
Vương vấn người đi với kẻ về.

Ngồi suốt đêm trường không nói năng;
Ngậm ngùi chén rượu ánh vùng trăng.
Người xưa lưu luyến ra sao nhỉ?
Có giống như mình lưu luyến chẳng?

Đã tắt lò hương, lạnh phẩm đàn,
Thư phòng sắp sẵn đề cô đơn!
Trời cao mây nhạt ngàn sao rụng;
Một giải sương theo vạt đậm buồn.

Sớm biệt ly nhau không nhớ nhau.
Nửa đêm chợt tỉnh bỗng đứng sầu,
Trăng mùa xuân đó ai tâm sự?
Anh đã xa rồi anh biết đâu!

H. K.

BẠN VÀNG

GỬI CÁC EM NHỎ

CÁI nhà lá hai gian đó, trước kia là phụ thuộc của lớp nhà trên năm gian, ở giữa vườn. Ngay đêm tác chiến, lớp nhà trên bị thiêu hủy. Để trơ cái nền, cỏ mọc lôm chôm qua khe những đống gạch vụn, nền ngang.

Ở tận góc vườn, xa nhà trên, và vì đêm ấy gió thổi ngược lại, nên cái nhà lá không bị cháy. Nhưng vì không ai trông nom, nên nó đã trở nên rất điều tàn. Mới thoạt trông, không ai lại có thể ngờ rằng cái nhà đó lại có người ở. Một căn nhà, theo nghĩa của nó, phải che được mưa nắng, tránh những sự rủi ro của thời tiết cho người ở. Nhà này không còn giữ nổi cái nhiệm vụ cần thiết ấy : nó điều tàn, tiêu lụi quá. Bức vách siêu vẹo, mái mất từng mảng lá. Mỗi lần có trận gió to, như chiều hôm nay, những tàu lá còn lại bị tốc lên, đập như cánh chim non mới tập bay, gió lùa vào bên trong với từng lớp mưa phùn. Trong nhà cũng lạnh lẽo, ẩm ướt như bên ngoài. Cỏ ranh, cỏ gấu ngoài vườn đã mọc lan tới bên thềm ; hàng rào sơ sác, nhất là về phía giáp đường cái, càng làm tăng vẻ hoang tàn.

Vào khoảng sáu giờ chiều, một thằng bé tiến về phía nhà đó. Thằng bé chạc độ mười ba, mười bốn tuổi, tóc cắt ngắn, mặc một chiếc áo sọt đã rách ở khủy tay, cái quần đùi xanh, đi dép cao-su, vai đeo chiếc hòm gỗ nhỏ. Thằng bé như không biết rét, bước đi nhanh nhẹn, vẻ mặt láu lỉnh, lanh lợi như phần đông các trẻ em bán báo, đánh giày, đánh mũ ở Thủ đô. Thằng bé lách qua cửa phen vào trong nhà. Mắt như đã quen với bóng tối. Nó tiến tới một chiếc ổ rom trong góc, gọi :

— Vàng !

Một con chó vàng nằm cuộn tròn trong góc ổ, ngóc đầu lên nhìn. Thấy thằng bé, nó ve vẩy đuôi đứng lên, nhưng lại khuyu xuống. Một chân trước con chó có quần băng.

Thằng bé ngồi xuống cạnh ổ, mở hòm gỗ lấy ra một hộp thuốc vàng và một cuộn băng. Nó cầm lấy cái chân đau con chó, coi xem vết thương, và nói :

« Nào xem chân cậu nào. Khá lắm rồi đây mà ! Chỉ vài hôm nữa thì khỏi. Chóng rồi lại chạy rong, để nó cắn cho. May mà chỉ trúng chân, lại còn rạch về đây được, chứ nó mà cắn trúng đầu thì mày đã chết ngóm ở số sinh nào

rồi ! ».

Trong khi thẳng bé bôi thuốc, buộc lại chỗ đau, con chó không kêu, không rầy, vẫy đuôi lia lịa, mắt nhìn như hiểu những điều chủ nói. Buộc xong vết thương, thẳng bé vuốt ve con chó :

— Chịu khó nằm vài ngày nữa, mày sẽ lành mạnh như thường, rồi tao cho theo lên phố. Nhưng phải ôn lại những trò tao dạy mày đã. Không hiểu chân bị đau thế này, mày có còn làm được trò chống gì nữa không. Thôi bây giờ đi ăn; tối đã mang thức ăn cho cậu đây.

Nó mở hòm gỗ, lấy ra một chiếc bánh mì, ở giữa có kẹp mấy miếng chả. Nó bẻ nửa chiếc bánh, đưa vào mõm con chó :

— Đây, phần cậu.

Con chó ngửi miếng bánh, hai lỗ mũi đen bóng phập phồng, nhưng không có vẻ muốn ăn.

— Mày chê, hở ? Hay cu cậu không thèm ăn bánh cũ, đòi bánh mới ròn kia ? Cho mày miếng chả vậy. Cố ăn đi.

Nó bửa miếng bánh, lấy chả cho Vàng. Vàng ngửi miếng chả rồi đớp lấy, nhai uể oải như vì muốn làm vui lòng chủ hơn là vì đói.

— Đã biết mà ! Cu cậu đòi ăn ngon kia ! Sao mày không ở vào nhà giàu ? Ở với tao, được thế cũng là may lắm rồi đấy. Đây, cho mày ăn nốt.

Nó lấy nốt mấy miếng chả đặt cạnh mõm con chó, rồi cắn mẩu bánh mì ăn rất ngon lành. Đó là cả bữa chiều của nó. Ăn xong nó vờ chai nước với ở góc nhà tu mấy ngụm, rót một ít vào chiếc ống bơ cho Vàng :

— No nê rồi, thôi bây giờ đi ngủ.

Bên ngoài đã nhẹ mặt người, trong nhà thì lối hắt. Gió từng cơn lùa hơi lạnh vào nhà. Thằng bé lấy chiếc chăn dạ cũ dẫu dưới đáy một chiếc thùng gỗ, đắp cho con vàng, và nằm xuống bên cạnh. Nó lẩm nhẩm nói với con vàng :

— Mày khỏi, rồi tao cho đi theo bán hàng. Đề mày ở nhà, mày quen thói chạy rong, rồi lại có đũa đánh chết thôi. Đạo này ế ảm quá. Cả chiều nay không bán nổi vài bơ lạc, lấy tiền đâu mua thức ăn ngon cho mày. Mày đi với tao thì chắc phát tài to. Mày chỉ việc giở ngón ra, làm một vài trò xiếc, là thiên hạ đến xem đông, rồi mua lạc. Tao có tiền, sẽ cho mày ăn ngon. Ba tê xúc xích, xương phở, tha hồ mà soi cho béo mập ra, lông nhẫy mượt như chó nhà giàu. Đề mày gày gò, sơ sác như thế này, tao cũng buồn. Nhưng biết làm sao ? Phải đợi nắng ấm lên, và mày khỏi chân đi đã.

Trong gian nhà điều tàn, trên chiếc ổ rơm, người và vật nằm sát nhau, truyền hơi nóng cho nhau, để chống với cái giá lạnh đêm đông.

II

Hôm ấy, sau buổi bán bánh mì sáng, thẳng bé trở về với một ông lão già. Trời không rét lắm, nhưng ông lão cũng run lẩy bẩy, vì chỉ mặc có cái áo cánh mỏng và cái quần nâu cũ. Mắt ông lão có che một miếng vải màn. Ông lão đi chậm chạp, thẳng bé thường phải kim bước để đợi.

Qua hàng rào, nó bảo :

— Nhà cháu đây rồi. Cụ cần thận, chỗ này nhiều hố lằm.

Nó dìu ông lão tới bên thềm, trước mảnh sân con có chút ánh nắng :

— Cụ ngồi đây cho ấm. Trong nhà lạnh lắm.

Ông lão ngồi xuống thềm. Thăng bé vào trong nhà. Vài phút sau, nó mang ra một chiếc áo len mới, màu xanh tươi :

— Áo đây. Cụ mặc xem có vừa không ?

Ông lão vén miếng vải che mắt, cảm chiếc áo ngấm nghĩa :

— Đẹp quá. Len mềm, nhẹ thế này thì chắc ấm lắm. Sao cậu không để mà mặc ?

— Cũng tại nó mới quá nên cháu muốn để dành. Thấy cụ yếu chịu rét thì xin biểu cụ. Cụ đã có tuổi, chịu rét sao được bằng chúng cháu.

Ông lão có vẻ cảm động :

— Cậu tử tế quá !

Thăng bé cười :

— Nào có phải của cháu đâu. Của đi thờ-phi được đấy.

Ông lão có vẻ ngạc nhiên, nó tiếp :

— Hồi cháu mới dinh tề, thường lẩn mò vào những nhà bỏ không, nhặt nhanh những thứ gì còn sót lại. Họ gọi thế là đi thờ-phi. Nhưng cái gì tốt thì đã bị họ thờ-phi trước rồi, chỉ còn những thứ vứt đi không ai buồn nhặt : bát mẻ, giầy nát, nắm gạo mốc, thanh củi mục. Họ hoàn mới được cái đáng tiền như chiếc áo len này. Mình không lấy thì cũng có đứa khác nó lấy. Ấy thế mà cũng đủ sống vài tháng ăn không, rồi mới phải xoay cái nghề bán bánh

mì, phá sang này. Thế còn cụ, cụ ở đâu ? »

Ông lão thở dài :

— Lão ở trạm hồi cư.

— Được ở trạm hồi cư kia à ? May nhỉ ! Thấy nói ở đây người ta tiếp tế cho kia mà. Sao cụ phải đi ăn xin ? »

Ông lão càng có vẻ buồn :

— Lúc đầu thì cũng được tiếp tế. Nhưng về sau, người về mỗi ngày một đông, lấy đâu mà cho mãi được. Nhưng người cũ phải kiếm lấy mà ăn, được ở nhờ là may lắm rồi. Già yếu như lão, còn biết làm gì, lại thêm cái bệnh đau mắt mỗi ngày một nặng, đành phải đi ăn xin vậy. »

— Sao cụ không xin vào nhà thương mà nằm ?

— Lão cũng đã có xin nhưng người ta không cho vào. Mà có được vào nằm, thì lúc ra cũng phải đi xin chứ gì.

Im lặng một lát, ông lão chép miệng tiếp :

— Giờ làm loạn lạc, nên phải thế này. Ở nhà quê, lão cũng có nhà đất, có ruộng nương, có con cháu chúng nó làm ăn. Bây giờ thất tán, mỗi đứa một nơi, đứa thì chết vì bom đạn, đứa thì lạc đi mất tích. Nhà cửa bị phá. Không biết rồi ra sao.

Điều ông lão không nói ra, là chính chỉ vì thương nhớ con cháu, tiếc của, ông lão đã khóc nhiều quá nên sinh đau mắt. Thăng bé cảm thấy nỗi buồn của ông lão, tìm lời an ủi :

— Trông cụ, cháu cũng đã biết ngay là không phải hạng người đi xin. Cũng chẳng nên buồn, cụ ạ. Loạn mà ly. Loạn mãi rồi cũng

phải yên, cụ lại về quê làm ăn, lại sung sướng chán.

Rồi như sực nhớ truyện gì, nó cất to tiếng, dõng dạc gọi :

— Vàng !

Như chỉ đợi có tiếng chủ gọi, con Vàng trong nhà chạy ngay ra. Nó vẩy đuôi, đứng cạnh thằng bé, mắt nhìn ông lão.

— Vàng chào cụ đi.

Con chó chạy tới ngồi trước mặt ông lão, dơ một chân trước.

— Nó bắt tay cụ đấy !

Ông lão ngạc nhiên, dụt dề nắm lấy bàn chân con chó.

— Chó của cậu đấy à ?

Thằng bé cười soà :

— Bạn vàng của cháu đấy! Cũng lại là của thổ phỉ. Cháu gặp nó ở nhà này. Chắc nó bị bỏ rơi đã lâu, từ ngày chủ tản cư. Có lẽ đang lúc nhớ chủ, nhớ người, nên gặp cháu nó mừng quýnh, vồ ngay lấy. Cháu ở lại ngay đây với nó. Nó khôn lắm. Cháu đã dạy nó được nhiều trò hay. Để cháu bảo nó làm cụ xem. Vàng !

Tay thằng bé vung văng một hòn gạch. Vàng chăm chú nhìn theo bàn tay cho tới lúc hòn gạch bị ném tít ra xa. Nhanh như một con chó săn, nó lao theo, cắn hòn gạch mang về đặt dưới chân thằng bé, đuôi ve vẩy, mắt long lanh như đợi một lời tán thưởng.

Thằng bé nhặt một cái gậy, dơ ngang cao hơn mặt đất chừng năm sáu mươi phân :

— Vàng, nhảy.

Con chó chụm chân, nhẹ nhàng nhảy qua. Thằng bé nâng cái gậy cao hơn chút nữa, Vàng lại nhảy qua.

— Cụ xem nó có khôn không ? Trước kia nó còn nhảy được cao

hơn nữa, được đến một thước tây. Từ khi bị lính ba-tui bắn phải chân, cháu không dám cho nhảy cao nữa.

Ông lão khen :

—Ừ, khôn thật. Để thường khôn bằng chó tây.

— Chó tây nào ?

— Những con chó to bằng con bê của các ông tây bà đầm thường giắt đi chơi ngoài phố. Nghe nói giống ấy khôn lắm.

Thằng bé ra về thành thạo :

— À, chó béc-dê. Giống ấy chỉ được cái tốt mã, chứ vị tất đã khôn được bằng con Vàng này. Bây giờ ta cũng khốỉ người nuôi, chẳng cứ gì tây. Nuôi béc-dê tốn lắm : phải tắm bỏ bơ sữa, phải đốc tờ trông nom. Không như chó ta, cho ăn thế nào cũng được. Con Vàng này đã phải nhịn đói chán ra rồi, thế mà nó vẫn không bỏ cháu.

Ông lão như nói một mình :

— Chó không chê nhà chủ nghèo.

Thằng bé hỏi :

— Cụ bảo gì ?

Ông lão cắt nghĩa :

— Ta có câu phương ngôn :

Con không chê cha mẹ khó, chó không chê nhà chủ nghèo. Chó có nghĩa lắm. Trước kia ở quê lão có người nuôi được con chó khôn lắm. Nhà nghèo quá, không có ăn, phải mang bán nó cho người khác. Nhưng bán đi mấy lần, nó cũng đều tìm về. Có lần bán sang làng khác thực xa, và đã dặn người mua xích lại mấy hôm cho nó quen chắc chắn nó không về được nữa. Thế mà vài hôm sau, người chủ đi làm đồng về, đã thấy nó nằm ở cổng, vẩy đuôi mừng rỡ, cổ còn đeo mẩu xích đứt. Đành lại phải nuôi nó vậy. Đến khi người chủ

ôm chết, nó nhin ăn ra năm ở mà rồi mấy ngày sau cũng chết theo chủ. Thật là một con chó có nghĩa.

Thằng bé khoái chí :

— Thích quá nhỉ ! Thế thì để nó cũng khôn bằng con Vàng này, nhưng không biết làm trò. Chắc chủ nó không biết dạy, chứ một con chó khôn như thế, thì dạy gì mà không được ! Con Vàng này còn biết nhiều trò nữa : nhảy vòng, đi hai chân... và một trò này đặc biệt. Cụ xem đây này. »

Thằng bé nhặt viên gạch, gọi Vàng, rồi ném tít ra xa. Vàng lại lao theo. Nhưng đến lúc nó sắp ngậm viên gạch, thì thằng bé quát :

— Nghiêm.

Vàng quay ngoắt lại, ngồi nhìn về phía chủ, im lặng như một người lính đứng nghiêm trong lúc tập. Thằng bé cầm cái que, dơ ngang mặt, ngắm về phía con Vàng, như người bắn súng.

— Đoàng !

Vàng lẩn quay ra đất, nằm im.

— Đấy, cụ xem. Nó giả chết đấy. Từ ngày nó bị bắn, tôi phải dạy thêm nó cái trò ấy. Hễ nghe tiếng súng là phải nằm im, một lúc lâu không thấy gì mới được đứng dậy.

Ông lão hết sức ngạc nhiên. Con vàng nóm sống sượng, im lặng như chết thật. Thằng bé gọi :

— Vàng ! Về đây.

Vàng nhồm ngay dậy, chạy về.

Từ nãy, đã có mấy người qua đường dừng lại xem ở hàng rào. Sau cái trò vừa rồi, một người đàn ông đẩy đà, ăn mặc lịch sự, tiến vào :

— Con chó hay quá nhỉ !

Tự nhiên thằng bé thấy có cảm tình với người ấy. Hấn tiếp :

— Chó của cậu đấy à ?

Thằng bé hành diện :

— Vàng. Chó của tôi đấy.

Người đàn ông lấy thuốc lá hút, gạt gù đứng ngắm con Vàng :

— Ít thấy con chó hay như con này, tuy trông nó không có mã. Cậu cũng khéo dạy đấy. Cậu có muốn bán không ?

Thằng bé giật mình :

— Bán à ?

— Cậu muốn bán thì tôi mua. Tôi sẽ trả giá rất cao.

Thằng bé tò mò hỏi :

— Ông trả bao nhiêu ?

— Cậu muốn lấy bao nhiêu ? Hai trăm nhá ?

Thằng bé im lặng. Người đàn ông tưởng nó chê ít, thêm :

— Hai trăm rưỡi vậy.

Thằng bé vẫn không nói gì. Người đàn ông lưỡng lự một lát :

— Thôi trả cậu ba trăm.

Ông lão buột mồm nhắc lại :

— Ba trăm !

Người đàn ông quay sang ông lão :

— Thế là đắt lắm rồi, phải không cụ ? Con chó này ở chợ thì chỉ giá trăm bạc. Tôi giả thế là bằng giá béc-dê rồi đấy !

Thằng bé hỏi :

— Ông có béc-dê à ?

— Tôi có nuôi một đôi : một đực một cái. Béc-dê Đức chính cống. Mỗi lứa chó con, chăm nom từ lúc mới đẻ cho tới khi được năm sáu tháng, nào sữa, nào súp, nào thuốc tiêm, tốn kém nhiều mà chỉ bán được độ bốn năm trăm bạc một. Tính ra có khi lỗ vốn. Con này ba trăm là đắt lắm rồi ; cậu bán cho tôi đi.

Thằng bé tự nhiên thấy hết cảm tình với người đàn ông. Nó trả lời vắn tắt :

— Tôi không bán.

Cả ông lão lẫn người đàn ông đều ngạc nhiên, nhất là người đàn ông. Hắn không ngờ thằng bé lại từ chối một giá hời đến thế. Nhưng hắn vẫn cay mua :

— Thế cậu đòi bao nhiêu ?

— Tôi không bán. Một nghìn bạc tôi cũng không bán.

Thằng bé cố vẻ cả quyết. Người đàn ông mở to mắt ; hắn cố thuyết phục thằng bé :

— Cậu bán nó đi rồi mua con khác. Khéo dạy như cậu, nó lại khôn như con này, có phải lợi hơn không ?

Thằng bé bừ môi, bướng bỉnh :

— Tôi không bán.

— Cậu cứ nghỉ nghĩ đi. Hay hôm nào cậu lại đăng tải, vừa có một lứa béc-dê mới nhơn. Cậu có thích tôi đổi cho một con.

Hắn nhìn túp nhà tiểu tụy :

— Nhưng ở đây chưa chắc cậu đã nuôi nổi. Giống ấy khó nuôi lắm. Nhà tôi ở đây — Hắn móc ví lấy một tấm thiệp đưa thằng bé — Khi nào rồi cậu cứ lại. Bây giờ tội đi về. Chào cụ, chào cậu.

Hắn đi ra, còn liếc nhìn con chó. Ông lão hỏi thằng bé :

— Hắn muốn mua lắm, trả đất đến thế sao cậu không bán ?

Thằng bé bực tức :

— Bán làm gì cho cái thằng lái chó ấy? Nó có mua được thì rồi cũng lại bán đi để kiếm lời, chứ nó quý gì con Vàng này. Béc-dê nhà nó cháu cũng không thèm, nó lại làm bộ khinh cháu không thèm, nó lại làm bộ khinh cháu không thèm nuôi nổi béc-dê. Béc-dê thì đã em ai, đã hơn gì con Vàng của cháu ?

Nó xé vụn cạnh thiệp vứt xuống đất.

Thằng bé không hiểu rằng : một khi đã ham muốn thì « lái chó » cũng thâm độc như ai, và chó tây cũng có con khôn không kém chó ta.

III

Người đàn ông lại nhà thằng bé, dắt theo một con chó béc-dê. Trông qua cũng thấy ngay là con chó giống tốt, được chăm nom cẩn thận. Nó to gấp rưỡi con Vàng, lông mượt, màu xám thẫm ở trên lưng, dưới bụng màu vàng nhạt. Chân nhỏ và cao, bụng thót, mõm dài, hai tai vênh thẳng, cái đuôi lại cúp xuống. Trong khi đi, nó hục hặc như muốn dứt dứt xích để được chạy lang quăng.

Hắn đứng ngoài hàng rào, cất tiếng gọi :

— Vàng !

Hắn đã biết tên con chó, và biết lúc này thằng bé không có nhà. Quả nhiên, con Vàng nghe tiếng gọi đã chạy ra. Nhưng đến nửa đường, nó ngừng lại. Nó đã trông thấy con béc-dê và như cảm thấy việc khác thường. Nó e dè nhìn người đàn ông và con chó kia, và như muốn quay trở lại. Người đàn ông cúi xuống tháo xích cho con béc-dê, vỗ vào cổ nó :

— Va di, Tô-Bi ! (1)

Con Tô-bi vút qua hàng rào, lao về phía con Vàng. Nhưng khi còn cách vài thước, thì nó cũng dừng lại. Hai con chó nhìn nhau. Con Vàng đã giữ thế, nhe răng, khễ gừ gừ và lùi dần về phía túp nhà. Tô-bi thản nhiên, tò mò nhìn con vật cùng loài với nó, nhưng

(1) Vas-y, Toby — X ông vào đi, Tô-Bi.

lại khác bình thường. Nếu có cuộc số sát, ai cũng chắc phần thắng về Tô-bi. Nó to hơn, khỏe hơn. Chủ nó chắc cũng nghĩ thế, nên suy nghĩ thêm :

— Tô-bi, Va di, va di !

Tô-bi xông vào. Vàng ăng một tiếng, lộn đi một vòng. Lúc đứng dậy được, Vàng vội chạy vào nhà. Tô-bi đuổi theo vào.

Cũng như loài người, một khi đã nóng máu, đã gây ầu ẩu thì khó lòng ngừng lại. Cuộc số sát sẽ tiếp diễn cho đến khi có kẻ được người thua, dù rằng được hay thua, cả hai cũng đều bị thương tổn. Hai con chó đã cắn nhau, không còn cách gì ngăn, nhất là con Tô-bi, mạnh hơn, lại được chủ khuyến khích.

Trong nhà vang tiếng kêu đau, tiếng gầm gừ của hai con chó. Có lúc cả cái nhà bị rung lên như có động đất. Mấy phút sau, Vàng chạy ra, Tô-bi vẫn đuổi theo.

Con Tô-bi to, khỏe ; con Vàng khôn và nhanh hơn. Mỗi lần Tô-bi xông vào, nhè cổ Vàng mà cắn, thì con Vàng lại nép xuống, luồn qua chân Tô-bi. Tô-bi đánh hụt, theo đà thường bị văng đi. Vàng chồm dậy, cắn theo vào mông, vào chân Tô-bi. Tô-bi quay lại, con Vàng lại đỡ đòn.

Giữa lúc ấy, thằng bé trở về, vai đeo hòm bánh mì bán dở. Nó thấy sốt ruột, như linh tính báo cho một chuyện chẳng lành. Thoạt trông thấy hai chó cắn nhau, nó định xông vào gỡ, nhưng khi thấy người đàn ông hút thuốc lá đứng nhìn, có vẻ đắc chí, nó hiểu ngay nguyên cớ, và động lòng tự ái. Nó đồng dục quát to :

— Vàng ! Cố lên !

Người đàn ông liếc nhìn thằng bé :

— Va di, Tô-bi, va-di !

Thằng bé nổi nóng :

— Vàng cắn bỏ mẹ nó đi !

Con Vàng nghe thấy tiếng chủ và như hiểu lời khuyến khích, hăng hái hơn lên. Nó không chỉ đỡ đòn như trước, mà cố sức đánh lại Tô-bi. Nhưng coi bộ đánh không lại, con Tô-bi khỏe quá ! Tiếng gầm gừ dữ hơn. Thằng bé có vẻ lo, người đàn ông thêm vẻ đắc chí.

Bỗng mặt người đàn ông đổi sắc. Vàng bị số ngã, Tô-bi nhảy vào cắn cổ. Vàng tránh được, và thừa dịp đỡ được một tai Tô-bi. Tô-bi bị đau, không còn nghĩ đến cắn con Vàng, chỉ cố gỡ tai ra. Vàng cắn chặt, không buông, biết rằng đó là dịp độc nhất để thắng Tô-bi. Thằng bé khoái chí, reo to :

— Hoan hô ! Vàng, cố lên hoan hô !

Hai con vật quấn nhau trong sân cỏ. Không còn nhìn rõ hình hai con chó, chỉ thấy màu vàng và màu xám lẫn lộn trong đám cỏ xanh.

Vàng vẫn cắn chặt tai Tô-bi một cách tuyệt vọng.

Đã có vết máu trong đám cỏ. Con Tô-bi kêu đau. Người đàn ông tái mặt, vội nhảy vào gỡ cho chó của mình. Đến lượt thằng bé đắc chí. Nó reo lên chế nhạo :

— Ê . . . ê . . . !

Thấy người đàn ông xông đến, Vàng nhả tai Tô-bi, chạy lại chỗ thằng bé. Người đàn ông gọi :

— Viêng, Tô-bi ! (1)

Tô-bi cũng chạy đến với chủ,

(1) Viêng, Tobi - Lại đây, Tô-bi.

một tai lòng thông, máu đỏ từng giọt. Thăng bé ôm lấy con Vàng, không để ý đến người đàn ông đã mắc xích vào cổ Tô-bi và lùi thúi giắt về. May con Vàng cũng không bị vết thương nào nặng. Thăng bé vỗ về :

—Mày thực là đen. Hết bị trúng đạn, lại bị nó đến đánh cho. Ai trêu ghẹo gì nó ? Đờ đều ! Chỉ vì không mua được mày, nên nó ghét, muốn làm hại. May mà mày lại không việc gì. Giống ấy ác lắm, nó mà cắn được cổ thì mày bỏ đời rồi ! Bây giờ theo tao lên phố, tao thưởng cho mấy cái xương phở. Tao cũng còn phải bán nốt hàng.

IV

Thăng bé kể lại truyện hai chó đánh nhau, thêm bớt chút ít để tăng giá trị cho Vàng. Ông lão gật gật cái đầu, rồi chép miệng :

— Hừ. Thế thì tàn ác thật.

Thăng bé hẳn học :

— Cụ xem đấy. Ai chònh ghẹo gì nó ? Chỉ tại không mua được, nó thù. Nó tưởng béc-dê nhà nó ăn đứt được con Vàng, ai ngờ phải lùi thúi dất nhau về, đáng đời những đứa hay gây sự. Cái tai ấy còn là lâu mới khỏi.

Vàng nằm dưới chân thăng bé, như biết đang nói chuyện nó, ngoảnh đầu nhìn, ve vẩy đuôi. Thăng bé cúi xuống vuốt ve con chó, làm cái đuôi lại vẫy nhanh thêm.

— Ở dưới ấy không được nữa. Cháu bận đi bán hàng suốt ngày mà chưa tiện cho nó đi theo, để ở nhà thì lại sợ sinh chuyện. Định hỏi cụ xem cho nó lên ở nhờ trên cụ vài ngày để cháu liệu sau. Có

được không, cụ ?

Ông lão nghĩ một lát, rồi hạ thấp giọng :

— Kể thì cũng được, nhưng cũng chẳng hơn gì dưới cậu đâu. Cậu thử nhìn chung quanh xem.

Đó là một gian nhà rộng, lát si-măng, như một kho chứa hàng. Cửa sổ hẹp và cao tận phía trên tường chỉ để lọt một ít ánh sáng. Bên ngoài trời nắng, mà trong này vẫn tối tăm. Sát chân tường có giải những manh chiếu hẹp, cũ kỹ : chỗ nằm của mỗi người. Trên một vài chiếc chiếu có những hình người co quắp dưới làn chân dạ xám. Lưng chùng nhà, giây thép chằng ngang dọc, có treo những mảnh vải không rõ là áo hay quần. Tất cả có vẻ tiêu tụy, bần thiếu, hơi hám.

Ông lão tiếp :

— Giờ này họ đi kiếm ăn vắng cả, tối về thì đông lắm. Mỗi người một chiếc chiếu ; có chiếu đến hai, ba người. Họ cãi nhau, chửi nhau, ồn ào như chợ, có khi cả đêm lẫn không ngủ được. Tỉnh thoảng cảnh binh họ lại vào khám xét. Nhiều kẻ gian lắm, cái gì dễ sinh ra là mất. Cái áo của cậu cho, lão phải mặc luôn trong người, không dám rời ra một phút.

Thăng bé ngạc nhiên :

— Thế کیا ư ? cháu tưởng đã nghèo khổ, ở chung với nhau, thì phải thương yêu, giúp đỡ lẫn nhau chứ ?

Ông lão mỉm cười vì ý nghĩ ngây thơ của thăng bé :

— Kể ra thì như thế mới phải. Nhưng phương ngôn đã có câu : « Đói ăn vụng, túng làm càn ». Ở đây toàn những người túng đói. Cậu ở đây thì nằm với lão cũng

được. Nhưng còn con Vàng...»

— Sao hở cụ ?

— Ở đây cấm nuôi chó. Cảnh binh người ta sẽ đến bắt đi.

Thằng bé giật mình, nghĩ đến cái xe sơn hắc ín đen ngòm, và những người thường đi bắt chó chạy rông trong thành phố. Ông lão tiếp :

— Mà cảnh-binh họ không bắt đi thì cũng có đũa nó đập chết làm thịt. Việc đó đã xảy ra một lần ở đây rồi. Một người hời hợt mang theo một cọng chó mực. Vài hôm sau, con chó biến mất. Hỏi không ai biết, tìm không đâu thấy. Sau mới thấy ít lông ở sau nhà. Không kêu vào đâu được.

Thằng bé bỏ hết ý nghĩ ở nhờ ông lão. Đã nguy hiểm đến bản vàng của nó, thì các tiền nó cũng

không ở. Nó muốn giắt ngay con Vàng rời khỏi chỗ này. Nhưng biết ở đâu bây giờ?

Thằng bé nghĩ ngợi một lát, rồi bảo ông lão :

— Hay thế này cụ ạ. Cụ cũng đừng ở đây nữa. Cụ xuống với cháu...

Gian nhà đã có vẻ ngăn nắp, sáng sủa hơn, vì có thêm tay người dọn dẹp, và cũng vì thế mà giảm được vẻ điêu tàn.

Ông lão đã đến ở với thằng bé. Cả ba hợp thành một gia đình nhỏ. Thằng bé có thêm được người bạn già, trông con Vàng khi nó đi bán hàng vắng. Ông lão khỏi phải sống cuội đời lạnh lẽo, không người chăm nom, không thân thích như khi ở trạm hời-cư.

ĐỒ-ĐỨC-THU

ÁO LEN
WINTER & CORONA 5 STARS
KHĂN LEN
AUSTRALIA

Hàng mới, mẫu đẹp
100% Len hảo hạng
Hàng tốt, giá hạ

Bán sỉ và lẻ tại **HÀNG ĐỆP**
CỤ-CHÂN
77 ĐƯỜNG GIA LÔNG SAIGON
DIỆN-THOẠI: 23 536

ĐÔNG Y-SĨ
CỤ - THẮT
CHỮA CHÂN TAY

Gãy xương bong gân, trật khớp và phong thấp rất thần hiệu cùng các bệnh gân, xương, nhức mỏi đã được tín-nhiệm với đồng-bào Bắc-Việt.

Trước ở Hàng Điều Hà-nội nay đã tiếp khách tại
287 Gia-Long
gần Ngã-sáu (Sai-gon)
Chủ nhật chữa làm phước ở Tịnh Độ Cư Sĩ 282 Đường Lacaze Cholon từ 10 đến 12 giờ



của Nhất-Linh

CÚNG RƯỢU

T Ý thò đầu ra khỏi chiếu; thấy trời sáng, không phải sáng trăng, rõ ràng sáng ban ngày, nó vội rụt ngay đầu vào trong chiếu như để tránh một cái cốc đầu của mẹ nó phạt nó ngủ trưa. Tý định ngủ lại thêm một giấc nữa vì đằng nào cũng sẽ bị mẹ cốc đầu rồi. Nhưng một lúc sau, Tý lại thò đầu ra khỏi chiếu, vì nó cảm thấy có một sự gì khác thường : nó ngủ trưa thế mà sao lại không bị cốc đầu. Nó nhìn sang chỗ Thêm và Nữa nằm và ngạc nhiên thấy hai đứa em nó cũng còn ngủ, chưa bị mẹ tung chăn như mọi buổi sáng.

— Tại sao thế này ?

Nó tự hỏi thế và nhìn ra cửa ; rõ ràng trời sáng hẳn rồi, không phải nó ngủ mê. Tý nhìn sang chỗ mẹ nằm và lần này thì không hiểu gì nữa ; mẹ nó vẫn còn ngủ, ngáy đều đều. Một là mẹ nó ngủ quên, hai là ốm, nó nghĩ thế và tung chiếu ngồi dậy. Tý định đến đánh thức mẹ nhưng nó lại ngồi xuống

vì nghĩ nếu mẹ nó ngủ quên, đến đánh thức chắc mẹ nó sẽ cốc đầu và mắng tại sao nó lại ngủ trưa, sáng bảnh mắt rồi mới gọi mẹ dậy và nếu mẹ nó ốm đến đánh thức cũng là một tội nặng. Tý định cứ dậy và ra chốc lợn ăn như mọi buổi. Nhưng nếu dậy mà không đánh thức mẹ nó dậy, chốc nữa tất sẽ bị đòn. Không biết nên làm thế nào, nó lại chui vào chiếu vì việc làm ấy nó thấy thích nhất, hợp lý và hợp với ý nó lúc đó. Tý lại ngủ thiếp đi.

Một lúc sau Tý lại sự tỉnh vì có cái gì động vào vai. Nó mở một bên mắt và lạ lắm, nó thấy bác Lê gái lay vai nó và gọi bằng một cách nghe rất êm tai :

— Tý ơi, dậy đi thôi con.

Nhất là cái tiếng « con » thêm vào sau cùng, sao mà Tý nghe êm ái thế. Nó mở cả hai mắt nhìn mẹ và nghe răng cười với mẹ. Bác Lê gái thấy tự nhiên con cười với mình, bác không hiểu vì sao nhưng bác thấy cái cười

ấy có vẻ ngạc và vì thế bác mỉm cười. Tý dụi mắt vì thấy mẹ lại mỉm cười cả với mình mà như thế đúng vào một hôm ngủ trưa nhất từ trước tới nay. Tý sung sướng, tưởng như mình ở trong một giấc chiêm bao, nhưng rõ ràng không phải chiêm bao, Tý biết chắc như thế

Thêm và Nfra, cũng đã thức giấc nhưng vẫn còn nằm ở trong chăn ; Út đương ngồi bế em ở bên cạnh. Bác Lê gái với cái bồ đựng quần áo treo ở mái nhà xương, trút hết quần áo ở trong đồ ra đờm rồi bác ngồi nhặt từng cái xem xét và đếm: Hôm qua bác lái Tính làng Hàn ghé qua, bác Lê gái đã bán ba con lợn được một giá rất hời. Bác định để chậm lại đến gần Tết hãy bán vì có thể được giá cao hơn nhưng mấy hôm trước bác thấy lợn lười ăn mất một ngày. Bác sợ vì trước kia bác đã bị toi mất một con lợn hai ngày trước khi người đem mua đến bắt. Tuy lợn đã trở lại như thường bác cũng bán ngay và may lại bán được giá cao. Hôm nay bác Lại Tính đến bắt lợn và trả tiền. Thế là chắc chắn có tiền để về quê ăn Tết. Cứ mỗi lần bán lợn thì cả nhà lại nghỉ một ngày, vì thế sáng hôm nay bác không dậy sớm và không đánh thức lũ con dậy. Tý mon men đến ngồi gần xem mẹ soạn quần áo. Bác Lê miệng vừa đếm vừa giơ tay làm hiệu bảo Tý đừng sờ đến quần áo. Tý thấy mặt mẹ mình nghiêm trang và miệng lầm bầm y như khi cúng Phật. Đếm xong rồi bác xếp những quần áo vào thành từng bộ một. Tý hỏi :

— Hôm nay về quê ăn Tết hở bu.

Nó nhớ năm ngoái mẹ nó lấy

quần áo mới ra mặc cho nó và hôm ấy cả nhà ra tga về quê ăn Tết. Bác Lê đáp :

— Thằng ngờ ngẩn. Tết gì bây giờ mà về... Đứng lên.

Tý đứng lên và tưởng mẹ đuổi toan bước ra chỗ khác. Mẹ nó lại nói :

— Đứng đấy.

Rồi Tý thấy mẹ mình lấy gang tay đo một cái quần rồi lại đặt bàn tay vào chân nó và xoay tay đo từ bàn chân trở lên; khi bàn tay bác Lê lên đến cạnh sườn nó co rúm cả người vì nó có máu buồn. Thấy mẹ lại đo một cái quần khác và sắp đặt tay vào người nó đo một lần nữa, Tý vội nói :

— Sao bu không cầm cái quần lên ướm vào người có nhanh không ?

Bác Lê gái toan đo chân Tý, vội vàng cầm cái quần lên ướm. Bác hừ một cái rồi nói :

— Cái thằng này tinh hơn tao.

Tý sượng nở mũi ; hôm nay mẹ nó lại lần đầu tiên khen nó nữa.

Rồi Tý thấy mẹ bảo :

— Cởi quần ra.

Tý ngập ngừng vì nó đã lớn, đứng ngay trước mặt mẹ mà cởi quần nó sợ hổn và ngượng. Bác Lê dục :

— Cởi ngay ra !

Rồi bác lấy cái quần mới ướm mặc cho Tý và ngửa mặt ra đằng sau ngấm nghĩa một hồi rồi nói :

— Tọng cho nhiều vào để bây giờ mặc quần ngắn cùn thế này à ? Lại mất mấy hào chỉ với may thối, Thằng ranh. Cởi áo ra.

Tý cởi ngay áo ra và thấy lạnh ran cả người. Bác Lê lấy một cái áo cánh lên ướm rồi thấy không vừa lại lấy lên một cái khác ; bác ngừng lại lấy ngón tay cạo cạo một cái lỗ

rán dính ở lưng áo Bác cao mãi mà không sạch; Tý đứng rét run.

Được mẹ khen, Tý đâm ra bạo rạn, nên lại nói :

— Sao bu không rớm trước để con khỏi lạnh.

Bác Lê gắt :

— Thăng hõn, mày lại dậy khôn cả tao à ? Mới lạnh có một tí thế mà đã dám mắng cả mẹ.

Nhưng Tý đợi mãi không thấy mẹ cốc đầu mình.

Bác Lê mặc áo xong, ngửa đầu ngắm nghía rồi lại cầm hai vai quay Tý một vòng rồi lại quay Tý một vòng nữa, sau cùng bác lằm bằm :

— Thế mà cũng vừa.

Tý thì thấy tay áo ngắn cũn ống quần thì lên đến nửa bắp chân thế mà cái quần đã bỏ chùng xuống tận dưới gối, cái áo cánh thì lại chưa xuống che kín gối thành thử nó thấy lạnh lạnh ở bụng ; Tý nghĩ mặc thế này mà về quê ăn Tết thì trẻ con làng nó cười chết. Nhưng lần này Tý đứng yên, buồn rầu và không nói gì.

Bác Lê đẩy Tý ra bên cạnh, nói :

— Nào bây giờ đến lượt thăng Thèm, thăng Nữa.

Thèm và Nữa tung chân rồi vội đến đứng chờ ; sắp được rớm quần mới nên tuy cúi xuống mà chúng cũng quên không thấy lạnh. Bác Lê cúi mặt loay hoay tìm cái quần của Thèm, bác bảo :

— Thèm, cởi quần ra.

Thèm và Nữa đem ngủ hà tiện quần nên cởi chuồng ; Thèm đứng tỏ hổ mà mẹ thì cứ bảo cởi quần ra, Tý không nhìn được bật lên cười. Bác Lê ngừng lên nhìn Thèm

trời cũng bật cười. Nhưng bác quay ngay mặt về phía Tý :

— À thăng này lại cười cả tao à ?

Nhưng bác không giữ được nghiêm trang, bác vừa nói thế vừa cười to hơn ; Tý lại nhìn Nữa nói như ra lệnh :

— Còn thăng Nữa cũng phải cởi quần ra nữa.

Thấy anh nói vậy, Nữa bắt giác đưa hai tay xuống bụng như người muốn cởi quần làm bác Lê bỏ lẩn ra cười :

— Mày làm tao không chịu được nữa.

Út không hiểu gì nhưng cũng thích chỉ cười theo mẹ ; nó lắc lư người và đụng đầu bé Thôi vào cái bờ làm Thôi khóc thét lên.

Bác Lê trai ở phía bên kia, thò đầu ra ngoài chiếu :

— Mẹ con mày làm gì mà cười, khóc rộn cả nhà lên thế ?

Bác Lê gái ít khi hay cười, nhưng lúc nào có gì vui vẻ trong lòng thì một chuyện cỏn con cũng làm bác cười đến không thở được nữa. Nhưng trong đời bác ít có ngày sung sướng nên bác cũng ít có ngày cười như hôm nay.

Bác Lê gái mặc quần áo cho Thèm và Nữa xong và ngắm nghía Tý thấy quần áo Thèm và Nữa cũng ngắn như quần áo Tý. Bỗng bác Lê gái nói :

— Chúng bay cởi hết quần áo ra.

Tý, Thèm và Nữa lại vội vàng cởi hết quần áo ra, đứng trưỡng tỏ hổ như ba cái tượng lạnh.

Tý hiểu và sung sướng hy vọng không phải mặc bộ quần áo ngắn

còn được mẹ may cho quần áo mới và cũng vì Tý hiền nên vừa cửi xong nó vội lấy bộ quần áo cũ mặc ngay vào người. Bác Lê gái lấy quần áo của Tý mặc cho Thèm. Đúng như Tý đoán bác gặt gù lằm lằm :

— Sang năm thì vừa.

Bác nghĩ dài còn hơn ngắn, ống tay có thể lật lên được, quần có thể buộc cao lên, và quần áo của Nữa sau này có thể dễ Thôi mặc. Bác bảo Tý :

— Còn may, tao may cho bộ mới. Thôi bây giờ chúng bay cửi quần ra và đi chơi để tao khâu và.

Tý sung sướng rồi đi ra phố xem chim sẻ. Một ngày dậy trưa mà không bị cốc đầu lại được mẹ mỉm cười với mình và may cho quần áo mới. Tý không hiểu vì cớ gì nhưng nó thấy rõ là ngày hôm nay không phải làm việc gì cả và muốn làm gì thì làm. Bỗng nó chợt nghĩ đến bác Đồi :

— Phải đấy, câu tôm cả một ngày, thích biết bao.

Tuy bác Đồi đã cấm nó đến và không dạy nó câu nữa — nó không hiểu vì cớ gì—nhưng đã lâu nó không đến nên lần này đến may ra bác ấy cho câu chăng. Lần này nó đến không phải là để học câu nữa nhưng mà là để câu lấy tôm. Câu cả ngày, chiều lại đem một giỏ tôm về, chắc mẹ nó phải bằng lòng; nghĩ thế Tý chạy thẳng về nhà lấy cái giá con và đi thẳng về phía bến đò làng Trờ. Đi qua ấp Cự Ấp, gần tới làng cù quận, Tý mới sực nghĩ ra là chưa ăn cơm, nhưng nó cũng cứ đi thẳng. Đã có lần nó thấy cụ Nhiều đem ra cho Đồi một rổ cơm đầy và có cả thịt nữa; nó hy vọng bác Đồi sẽ cho nó một bát và hy vọng lại được ăn thịt nữa.

Bác Lê gái lấy kim chỉ ra ngồi khâu lại những chỗ tuột chỉ. Nửa giờ sau, bác Lê trai ngồi dậy với điếu hút. Bác nhìn vợ rồi lại nhìn xuống bếp, nhưng vẫn không thấy khói :

— Này đằng ấy, nghỉ làm thì nghỉ cả ăn nữa à ?

Bác Lê gái giật mình, bác cốc vào đầu Thèm một cái, mỉm cười nói với thêm :

— Sao mẹ mày lú gan lú ruột đến thế.

Bác đem quần áo ra phơi, rồi xuống làm cơm. Mâm cơm vẫn như mọi lần, chỉ có một đĩa dưa. Bác Lê bảo chồng :

— Này đằng ấy, chiều bán lợn xong thì có lòng lợn ăn. Bác lái ngựa ngay một con và đã hứa cho tôi xin một ít lòng tiết.

Bác Lê nuốt nước bọt nghĩ đến bữa lòng lợn buổi chiều, nhưng lòng lợn lại gọi bác nghĩ đến rượu và làm bác băn khoăn. Bác ngồi vào mâm ăn cơm và đăng trí quên không biết là mâm cơm sáng hôm nay thiếu mất Tý. Nhờ thì đi kéo xe xa chiều mới về. Bác Lê gái thì lại đăng trí hơn bác Lê trai nên cũng không để ý đến thiếu Tý. Út nhớ nên bảo Thêm chạy ra gọi Tý. Thêm đi một lúc lâu lắm rồi trở về nói :

— Anh Tý anh ấy đi đâu ấy.

Bỗng bác Lê gái buống cả dưa bát xuống :

— Chết tôi rồi, lợn của tôi. Trời đất ơi !

Bác đứng lên chạy vội xuống chuồng lợn. Quả như bác đoán, cái aug cạm còn đầy nguyên. Ba con lợn thấy người sùng sục chạy ra vị đỏi. Bác gọi to ;

— Tý ơi Tý, thăng chết danh chết tiết, chết dấp chết dí, chết...

Bác bảo chồng :

— Thăng Tý nó quên không cho lợn ăn. Lợn đói mấy tiếng đồng hồ rồi, Mà chốc nữa người ta đến mua lợn ; thế có chết tới không.

Giận ú lên cò, bác chạy vội sang bên hàng bánh cuốn, hiệu Ninh-Ký, hàng cơm cụ Yêng, bác hai Vinh, bà cụ Huế cả, bà cụ Huế hai... bác chạy khắp phố vừa lòng Tý, vừa réo tên. Mọi người lo sợ tưởng Tý bị chết đuối. Chỉ có Mù lo sợ cho Tý nhất nhưng không phải sợ Tý chết đuối ; nàng nhìn vào hai bàn tay bác Lê run run lên vì giận và những ngón tay co quắp lại vì lấy gân và nàng sợ nếu lúc này mà bác tóm được Tý thì cái đầu bóng nhẵn của Tý có thể vỡ tan tành. Nhưng may bác Lê không tìm thấy Tý. Bác đành trở về nhà; nhưng ngón tay của bác lại mềm dần dần và bác ngồi vào mâm vác bát ăn.

Ăn xong, bác Lê giai xuống xem lợn vì bác nghĩ đến bữa lòng lợn buổi chiều. « Con lợn có béo thì lòng mới ngon ». Bác nhìn thấy ba con đều béo cở, bác lại nuốt nước bọt rồi bác nhìn đến cái ang cám và ngạc nhiên thấy cái ang cám vẫn còn đầy. Bác đặt ang vào chuồng cho lợn ăn rồi đi lên, đứng nhìn bác Lê gái đương ngồi uống nước sữa răng ở cạnh mâm. Bác nhìn vợ và mỉm cười. Bác Lê gái thấy chồng nhìn mình mỉm cười luôn, tưởng chồng cũng thích vì hôm nay bán lợn; bác cũng mỉm cười lại chồng — Bác nghĩ đến cái sung sướng về thăm nhà, ăn tết,

đánh bạc, xem hội và nghĩ đến con lợn cúng thần to béo bằng cả ba con lợn của bác; giá bao giờ bác cũng có đủ tiền nuôi lợn cúng thần thì sung sướng đến đâu. Bác gật gù mỉm cười với chồng nói :

— Sang năm cố nuôi lợn cúng thần, đừng ấy ạ.

Bác Lê trai cũng mỉm cười hỏi :

— Thế đằng ấy đã cho lợn ăn chưa ?

Bác Lê gái giật mình đến thót một cái và đặt ngay bát nước xuống mâm. Bác Lê trai dơ tay cản :

— Tôi vừa cho nó ăn rồi.

Lúc này bác Lê trai cũng lo sợ cho Tý, nhưng Tý có lỗi bác không thể bênh được. Lần nào cũng vậy, bác thì bênh Tý và bác gái thì đổ tội cho Tý và bao giờ bác gái cũng thắng. Lần này thấy vợ đã nguôi người giận bác cố tìm cách chống chế để Tý có về khỏi bị đánh và được ăn cơm :

— Đấy mình cũng còn quên nữa là trẻ con.

Bác Lê gái nói :

— Lại sắp bình nó phải không. Việc cho lợn ăn là việc của nó.

— Thế sao bu mày lúc này cũng quên không thổi cơm.

Bác Lê gái không biết trả lời thế nào ; bác đứng dậy :

— Thôi đừng bênh nó nữa đi. Nó quên cho lợn ăn vào giữa hôm người ta đến mua lợn.

— Đến cho mình ăn cơm mình còn quên nữa là cho lợn ăn.

— Thế còn cái tội đi chơi bỏ cả cơm mà đến bây giờ chưa về.

Bác Lê gái dí một ngón tay vào trán chồng :

— Bình nữa thôi.

Bác Lê trai mỉm cười; cả lần này nữa bác cũng chịu thua. Sự thực bác Lê gái cũng đã nguôi tức; nếu Tý có về ngay lúc đó cũng chỉ bị cốc đầu qua loa và được ăn cơm. Nhưng Tý lại không về ngay lúc đó. Tý còn câu tóm. . .

Mặc dầu là ngày bán được lợn và sắp được ăn lòng lợn, bác Lê trai cũng bán khoản bút rút trong lòng cả buổi sáng và buổi trưa: Lòng bác bán khoản chính vì lòng lợn. Sau cùng bác không thể chịu được nữa, nhất quyết đi mua rượu để cho hết bản khoản. Nhưng mua rượu là một việc khó vô cùng vì bác Lê gái đã đi dẫn bất cứ hàng rượu nào ở vùng quanh đó đừng bán rượu cho bác trai. Giá có thằng Tý ở nhà thì công việc có thể dễ dàng đôi chút. Út thì về hè với mẹ, nó lại phải bế em, còn Thâm và Nữa thì còn bé quá. Lúc đó bác cũng đâm ra tức cả Tý đã bỏ cơm đi chơi bạt mạng và bác cũng cảm thấy như bác gái cái tội đó là nặng, cần phải đánh đòn, bắt nhịn cơm.

Sau cùng bác nghĩ đến ông Năm Bụng. Sang tới nơi, may quá ông Năm lại có nhà :

— Ông bán cho tôi một cút rượu.

Ông Năm Bụng ngạc nhiên lắm, nhưng ông không tỏ vẻ ngạc nhiên ra. Ông chỉ gật gù mấy cái. Bác Lê cho là ông nghĩ đến những câu chữ của vợ mluh sáng mai. Bác vội tiếp :

— Tội mua rượu về để cúng giò.

Ông Năm lại gật gù rồi ông hỏi:

— Ngày mai có cúng nữa không ?

Nghe câu hỏi mát ấy, bác Lê

biết là ông Năm không tin mình. Biết là không mua được rượu, bác Lê hơi tiếc nhưng tự nhiên hết bản khoản... Bác toan quay ra và về thẳng nhà vì ông Năm Bụng mà không dám bán thì không ai dám bán. Bỗng ông Năm Bụng bảo bác :

— Bác đợi tôi một lát. Tôi đi lấy rượu.

Bác Lê ngồi xuống phần đợi. Lúc đã biết chắc là mua được rượu rồi, tự nhiên bác lại thấy áy náy. Uống vào thú thì cũng thú thật nhưng lại làm khổ vợ khổ con vào giữa ngày bán lợn. Bác chợt nảy ra cái ý nghĩ là cai hẳn rượu :

— Phải đấy cai hẳn cả đời chứ không phải cai mà thỉnh thoảng vẫn uống. Khổ nhất là thèm mà cứ phải nhịn, mà nhịn lại càng thấy thèm hơn. Định bụng cai hẳn thì không nghĩ đến rượu nữa, không thèm nữa và hết bút rút, hết khổ vợ con.

Ông Năm Bụng trở về rút ra một chai rượu con, và làm hiệu bảo bác Lê đứng lên. Ông Năm lật áo cánh đưa chai rượu vào bụng bác Lê, rồi gạt gạt mấy cái vào áo cho nếp răn tự nhiên :

— Thót bụng vào.

Bác Lê vội thót bụng vào.

— Phải đấy cứ vừa đi về nhà vừa thót bụng như thế. Mới đầu cũng hơi khó chịu, sau lâu cũng quen đi. Ấy là nói về tôi, chứ bác thì chỉ thót một lần này, về sau thôi đừng thót nữa nhé.

Bác Lê định bụng cai hẳn nhưng bác không nghĩ đến việc trả lại rượu ông Năm. Bác lại cần phải mua hơn trước vì bác nghĩ mua về để đấy, có lòng lợn ngon mà cũng không uống thì là chắc chắn cả đời cai được, rồi mấy ngày sau bác sẽ đưa vợ

Con xem chai rượu mua từ hôm ăn lòng mà vẫn còn nguyên, như thế vợ con từ nay về sau hết lo, và sẽ phục bác « lần đùng cả ra ». Bạn về những ý nghĩ ấy nên bác Lê không đề ý đến cái mĩa mai của công việc mà bác và ông Năm Bụng đương làm, vì rõ ràng bác đã nói là mua rượu về cúng giỗ cần gì phải giấu kỹ thế. Ông Năm Bụng thì nhớ rõ lời bác Lê lắm và vì thế ông ta phải cố chọn lấy cái chai nhỏ để giấu cho dễ kín.

Bác Lê chào ông Năm rồi vừa thót bụng vừa đi. Bác đi thông thả và lúc đó bác mới thấy phục ông Năm Bụng đã giấu nổi năm chai to mà đi lại tự nhiên cả trước mặt Tây đoan. Bác nhìn xuống bụng và tuy chỉ là một cái chai bé, nó cũng cứ lơ lửng phồng ra trông rõ ràng là một cái chai : bác vội thót bụng lại nhưng nếu thót nhiều quá, cái chai mà rơi xuống võ tan trước mặt cả phố thì thật là ê. « Lúc này mà có chó dữ chạy ra cắn mình » bác nghĩ thế và hiểu vì sao ông Năm phải sợ chó. Gần về đến nhà bác lại lo hơn ; vợ bác mà nhìn biết thì cái « mưu mô » của bác hỏng hết. Bác sẽ bị vợ cốc đầu và nhיע chứ không phải cái bị dí ngón tay vào trán và nguy nhất là nếu lỡ ra như vậy thì bác lại không cai được hẳn rượu. Bác đã tính sẵn nếu vợ bác biết thì bác cố giữ lấy chai rượu, tu một hơi hết chai để say đi và quên hết cả rồi ngày mai muốn ra sao thì ra.

Bước đến cửa nhà, bác thấy vợ vừa ở bếp đi lên :

— Thầy mày, đi đâu về đấy ?

Bác thấy bác lúc đó sợ vợ hơn ông Năm Bụng sợ chó. Câu hỏi bất ngờ làm bác bối rối và trong

lúc sợ, bác vội thót bụng mạnh một cái làm cái chai tụt xuống một tí. Trời rét mà trán bác tưởng như toát mồ hôi vì bác vừa nhận thấy cái bầu chai đã tụt xuống dưới thắt lưng chỉ có cái cổ chai còn vướng và hình ... hình ... hình như nó sắp rơi ...

— Hừ... tôi sang xem... xem bà cụ Huệ.

Miệng bác nói câu ấy còn chính bác, bác không biết là mình nói gì và cũng không biết là mình nói nữa. Bác Lê gái tưởng chồng nói đùa ; hôm nay thì bác tưởng ai cũng vui vẻ cả. Giá hôm khác thì thế nào bác cũng đắm nghĩ và khám chổng ; nhưng hôm nay vừa bán lợn xong, bụng bác còn đương nặng những bạc đồng một cách thỉnh thích thì bụng chổng có phồng bằng hai thế bác cũng không nom thấy. Bác cười và cũng nói đùa lại với chồng :

— Hừ, bà cụ Huệ thì có gì lạ mà xem. Sao không về xem cái bụng này có hơn không.

Bác vừa nói vừa vỗ vào ruột tượng, chỗ có dất tiền. Bác Lê trai nhìn nhanh vợ một cái nhưng thấy nét mặt vợ vẫn vui tươi. Bác cũng bắt chước vợ cho tay lên bụng mình :

— Bụng tôi không có gì, lát nữa đưa tôi một nửa tôi giữ hộ cho.

Nhờ cách ấy nên bác đề tay lên bụng được tự nhiên và lấy một ngón tay ấn được cái đáy chai lên một tí. Thế là bác đi được, đến ngồi xuống ở rơm, và thở dài một cái nhẹ nhõm.

Bác Lê gái tháo cái ruột tượng đưa cả cho chổng :

— Này, giữ hộ để tôi đi lấy

lòng lợn. Hay dùng ấy cùng đi một thể.

— Thôi tôi chịu thôi, tôi một

Bác Lê gái lo lắng, nhìn chồng :

— Ừ, tôi trông thấy mày như người mất hồn. Nếu một thì thôi đừng ăn lòng lợn nữa. Lòng lợn độc lắm.

Bác Lê trai vội cười :

— Nói đùa đấy thôi, cho bu mày lo một tí, Tôi không đi vì hai vợ chồng đi đôi thể, xấu hổ chết.

Hai vợ chồng bác không bao giờ dám đi đôi, nếu có việc gì bất đắc dĩ phải cùng đi thì hai bác đi cách nhau đến mấy chục thước, kể cả những khi đi qua cánh đồng vắng không có ai.

Bác Lê trai đợi cho vợ đi thật lâu rồi mới dám đứng dậy, bước vội vào trong buồng sắp tối và rút chai rượu đặt ra đằng sau một cái hũ không. Bác phải tay rũ những màng nhện, rồi đứng lên đi ra, trong người khoan khoái. Tuy hôm ấy nghĩ cả mọi việc, nhưng bác cũng đem cái lò đan giỏ ra đan ; bác muốn làm việc để thì giờ chóng qua.

Bác Lê có hai nghề chính : đánh cá và đan tre, nhưng cả hai nghề cũng không kiếm được bao nhiêu tiền. Vợ bác thì đi đặt lò ở các ruộng và đi bắt cua, mò ốc. Tuy đông con nhưng người nào cũng có việc làm và chịu khó làm nên cũng đủ ngày ăn hai bữa cơm rau. Gánh nặng nhất đối với bác là tiền đóng góp việc làng ; tuy xa làng đã hơn hai mươi năm nhưng bất cứ một số tiền đóng góp nào bác cũng nộp đủ. Một năm cả nhà bác phải công lưng làm chỉ để đợi đến ngày Tết về thăm làng xóm và

nộp tiền đóng góp. Mấy năm nay xóm Cầu-Mới lại làm ăn thịnh vượng, bác cũng có nhiều công việc làm hơn. Bác nắn cái ruột tượng ; số tiền bán lợn năm nay, trừ tiền trả công nợ đi rồi, là một số tiền vốn lớn nhất của bác từ khi đến ở xóm. Bác nghĩ nếu năm nào cũng như năm nay cả thì ngày rằm mồng một, ngày kỵ, ngày giỗ có thể ăn thịt gà thịt vịt được, có đồ nhắm ngon và... Ốc nghĩ liền miên đến đấy, bác lại vội lắc đầu, nghĩ sang việc khác. Bác nghĩ đến cái tình viên vong của vợ bác đeo đầu ra tiền mà lúc này lại đòi nuôi lợn cúng thần ; có lần vợ bác lại muốn có cả cái nhà tây hai tầng như cụ Hường làng Trờ. Thật là đàn bà... Bác nghĩ cũng thương vợ lúc nào cũng phải nhịn ăn nhịn tiêu và thương cả lũ con đứa nào cũng gầy gò xanh xao vì thiếu ăn thiếu mặc. Bác lại nghĩ thương cả bác nữa : có mỗi một cái thú... Thấy ý nghĩ lại quay trở lại chỗ ấy bác ngừng lên nhìn ra phố để khỏi nghĩ thêm nữa.

Một lúc sau bác Lê gái trở về thấy chồng ngồi đan lò, bác gát yêu :

— Đan với điếc gì. Ra đây mà xem.

Bác đặt cái rô trước mặt chồng :

— Tha hồ ăn.

Bác Lê gái nhìn vào rô, ngạc nhiên một cách kinh hãi. Ngoài lòng và tiết ra còn có cả gan, có cả thịt và cả một cái chân giò :

— Sao họ cho nhiều thế này ?

— Cho đâu mua đấy. Năm nào chỉ, nhưng bác ấy bán rẻ.

Bác Lê trai ngược mắt nhìn

vợ, tưởng vợ hóa điên. Bác gái lại lấy ở túi ra một gói giấy bản vút xuống rồ :

— Nắm hương đấy. Lòng luộc, thịt sào nắm và chân giò giả cây. Tha hồ mà ăn một bữa cho sưng miệng... À, còn thằng Tý đâu, nó về chưa ?

Bác trai gật mình vì Tý đi lâu một cách bất thường mà lại không ăn cơm nữa. Vừa lúc đó bác Bút đi vào vừa cười nhe cả lợi vừa nhìn trông trọc vào cái rồ thịt lợn rồi chấp hai tay vái vái cái chân giò, miệng suýt soa :

— Cổ bàn linh đình thế này...

Bất cứ ai ở Xóm hay ở làng Hàn, bên phố Phủ, làng Trò, làng Nậu, làng Yên-ninh, hễ đâu có cỗ là có mặt bác. Bác không biên sớ vì bác không biết viết, nhưng nhà nào những ngày nào có giỗ là bác thuộc lòng cả.

Bác Lê gái đi ngón tay vào trán bác Bút :

— Cười mới vái thì cũng chẳng được ăn, Hễ cứ thấy đâu có ăn là có mặt nhà bác...

Bác Bút lại cười và lại vái cả hai bác Lê rồi đi lùi dần ra cửa. Bác chưa bao giờ được ăn cỗ ở nhà bác Lê cả vì bác Lê còn nghèo hơn Lác. Bác trai bảo vợ :

— Không khéo nó chết đuối ?

— Chết đuối gì, nó biết bơi cơ mà.

— Biết bơi mà không bị à. . .

Bác Bút ra đến cửa quay mặt lại hỏi :

— Ai chết đuối cơ ?

— Thằng Tý.

— Tôi mới gặp nó câu tôm ở bến đò Trò.

Rồi bác lại xoay người vái vái mấy cái về phía bến đò Trò như là vái Tý vì phục Tý ham chơi đến nỗi bố mẹ ở nhà tưởng chết đuối.

Bác Lê gái hất hàm bảo chồng :

— Còn bênh nó nữa thôi. Chốc nữa về thì đừng hòng ăn.

Bác Lê trai nhìn rồ thịt, rồi nhìn vợ :

— Thế này mà bắt nó nhịn thì tội nghiệp.

Bác Lê gái cầm cái rồ xuống bếp nấu đồ ăn. Bác ít khi được ăn của ngon nhưng làm đồ ăn ngon thì bác cũng làm được tầm tầm. Vì hồi u già của Mùi về quê mấy tháng, bác đến ở thay và được Mùi dạy cho.

Bác Lê trai lại cặm cụi đan lờ. Được một lúc, bác ngừng lên nhìn vào cái buồng sếp trong đó có chai rượu rồi lại nhìn xuống bếp. Bác đứng lên, đi xuống bếp xem vợ nấu đồ ăn. Nhưng chân giò mới chặt xong chưa cho vào nồi, chẳng có gì đáng xem bác lại bện nhà ngồi đan lờ.

« Chân giò ninh rừ thì cũng mất hai tiếng đồng hồ »

Rồi trí nghĩ bác lại đi từ những miếng giả cây béo ngậy đến những miếng lòng tràng ròn và những miếng dồi thái to chấm dấm mắm tôm chanh ớt ăn vào đầy chắc cả mồm, bác nuốt nước bọt đến ực một cái rồi bác lại đưa mắt nhìn vào cái buồng sếp và thở dài một cái. Rồi bác lại cúi xuống cặm cụi đan.

Thấy ở bếp có khói Út bẻ ếm

về để ngồi cạnh bếp sưởi và xem mẹ nấu đồ ăn.

Thêm và Nữa cũng đã đi chơi về và xuống bếp. Bác Lê trai thấy mình ngồi đan cũng đã lâu, nghĩ chắc bây giờ giả cây đã rừ và các món dồi đã luộc chín nên cũng vút lờ chạy xuống bếp. Thấy vợ vừa cắt xong mấy khúc dồi hơi còn bốc nghi ngút, bác cầm một miếng nếm thử, nhai thong thả và gật gù :

— Bu mày làm đồ ăn cũng khéo như bên nhà cụ Hường. Hừ, dồi này ăn ngon như yến. . .

Bác định nói chỉ còn thiếu rượu tây nhưng không dám nói ra.

Trời đương nắng bỗng nhiên tối xầm lại :

— Giời muốn mưa chẳng ?

Bác vội chạy ra nhìn; về phía tây và phía bắc trời đầy mây nhưng mây không đen lắm. Bác lại trở về bếp và ngồi xuống đùa với con. Tỉnh thoảng bác lại nhìn ra ngoài. Một lúc thấy trời tối hơn, bác lại chạy ra đứng nhìn trời. Ở phía bắc đằng sau lá mấy cây núc nắc trên con đường sang Phườn có một chỗ mây đen và ở viền có mấy chỗ mây lở ra và lá tả rớt xuống nhưng không phải mưa. Bác quay trở vào bếp, giơ tay lên soa trên lửa nói với vợ :

— Mưa xuống thì lại càng rét, ăn lại càng ngon.

Lá đa rơi xuống lộp độp ở sân. Bác Lê trai nhìn ra và sung sướng thấy trời nổi gió to. Bác Lê gái nói :

— Trời gió to, lại khô tôi quét lá thôi.

Bác Lê trai vội chạy ra nhìn

trời. Lần này bác đi ra tận phía sau nhà để nhìn rõ chân trời. Mây bốc lên từ chân trời, chạy vùn vụt qua đầu bác nhưng vẫn là mây trắng và rời rạc. Bác lại quay trở về bếp. Bác gái đương lấy dưa cấm vào miếng giả cây xem đã rừ chưa bỗng ngừng lại hồi chông :

— Này làm sao thế. Thầy mày đi ra rồi lại chạy vào để đến chục lần rồi. Thịt cây rừ rồi đấy, liệu dọn mâm trước đi thì vừa . . . Ô, sao thẳng Nhõ đi kéo xe mãi vẫn chưa về.

Bác Lê đặt mâm xuống ở rơm, rồi bác bỗng đứng yên lắng tai nghe. Rõ ràng có tiếng giọt mưa trên mái nhà. Bác nhìn ra sân, các hạt mưa đan nhau, mới đầu thưa thớt rồi mau dần. Trời đổ mưa rào.

— Thế là số giời.

Bác vừa lầm nhảm trong miệng vừa đi ngay xuống bếp ngồi sưởi một lúc; khi đi lên bác với cái khăn mặt và đi thẳng vào buồng sép. Ngay từ khi trời bắt đầu tối lại, bác đã định ngấm với bác là nếu trời mưa thì bác phải uống rượu, trời không mưa thì thôi. Có đồ nhắm ngon như thế, lại có sẵn rượu ở bên cạnh mà trời lại đổ mưa, đến thành cũng không chịu được nữa là bác. Bác ngẫm thấy, nhưng không tự thú với mình, là nếu trời không mưa bác cũng phải uống rượu, uống chỉ cốt cho khỏi phải bứt rứt khổ sở vì cái chai rượu để cạnh người, uống cho mất hẳn chai rượu ấy đi và lần sau cách không chơi cái trò đại ấy nữa. Ngay từ khi còn ngồi đan rồ, trước khi trời có mây, bác đã nghĩ kỹ vì cách thức uống thế nào cho vợ con không biết; bác uống

rượu vào da mặt không đỏ, nếu có đỏ thì cũng chỉ đỏ hơi hơi vậy trước khi uống, bác sẽ uống ngồi ở bếp một lúc. Hơi rượu sẽ bị mùi thịt giả cây đánh át đi. Cả đến cách uống rượu bác cũng đã nghĩ vào đầu đấy ; nếu uống hết cả cốc rượu trước khi ăn, sợ say quá, lúc ăn có thấy ngon đi nữa mà hôm sau không nhớ lại được thì cũng như là không ăn. Nếu vừa ăn lại vừa thỉnh thoảng chạy vào làm một tộp thì lộ ngay. Bác sẽ uống làm ba bận, bận đầu trước khi ăn, bận thứ nhì giữa bữa ăn và bận thứ ba ngay sau khi ăn ; vì vậy bác phải đem cái khăn mặt treo ở buồng sép, lúc nào cần uống thì làm cho tay bẩn dề vào buồng lấy khăn lau cho tự nhiên.

Bác ngồi xuống cạnh cái hũ không, với chai rượu dơ lên chỗ mờ mờ sáng ở mái nhà và lấy ngón tay cái bấm vào chai đánh dấu ngữ rượu uống một bận. Rồi bác uống từ từ từng ngụm nhỏ một. Uống xong một ngụm bác lại ngừng lại nghe ngóng ; bác nghe hơi rượu chạy thấm vào trong người và làm bác bắt đầu băng khuâng. Bác giờ cao chai rượu như mời vọng ông Năm Bụng và nói thầm :

— Mời ông soi.

Rồi bác đặt miệng chai lên môi bác, nhếch mép nói :

— Mời tôi soi...

Và bác cười khi một cái, sung sướng.

Vừa lúc ấy Nhữ kéo xe về ; thấy có mùi thơm chàng chạy xuống bếp. Bác Lê gái thấy Nhữ về mừng rỡ :

— Hôm nay mà mày không về

thì tao ăn mất cả ngon.

Nhữ nhìn vào những miếng lòng gan, những khúc dồi, nhìn cái chảo thịt sào nấm hương rồi lại mở vung nồi giả cây nhìn và hít hơi mấy cái :

— Cuộc phù thế nhân sinh ơi...

Chàng quay mặt hỏi mẹ :

— Ai cho mà làm thế này ?

— Ai cho ? Rõ thật con như bố, tưởng người ta cho dễ dàng thế. Tao mua đấy. Hôm nay bán lợn rồi.

Nhữ thấy mẹ quay mặt đi vội cầm một miếng dồi bỏ tộp vào mồm và ngậm môi lại ngay yên lặng, rõ ràng mẹ không nhìn thấy. Bác Lê gái quay lại và cốc lên đầu Nhữ một cái :

— Mày tưởng tao không biết à ? Rõ thật con như bố, toàn giỏi khoa ăn vụng, uống vụng...

Bác Lê trai đương tu rượu nghe tiếng vợ nói ở dưới bếp đưa lên, giật nảy mình một cái và bị sặc rượu ho sù sụ. Bác dứt nút đặt chai rượu xuống và đi ra. Tuy là chia rượu làm ba nhưng lần đầu bác đã uống hết ngay nửa cốc vì bác cần phòng xa nhờ chực nữa xảy ra chuyện gì bất ngờ không uống được nữa. Bác ngồi xuống ở rơm, nhìn mâm cơm, nhìn xuống bếp lại nhìn trời mưa và rung đùi. Bác với điều hút, vì bác 'ngà ngà say, hút thuốc ngon hẳn lên. Đồi bác dễ không mấy khi được sung sướng như lúc đó. Lần trước bác được nhắm rượu tây với yến, lần này bác được nhắm rượu với lòng lợn, giả cây. Đùi bác rung mạnh hơn; bác ruỗi hai tay cho bàn tay thủ vào bọc và rùng mình một cái. Môi bác mỉm cười một

cách ngậy ngô, những vết rỗ hoa trên má trên mũi bác cũng như tươi cả lên, hai lỗ mũi bác nở rộng ra, cánh mũi rung rung và con ngươi của bác sáng hẳn lên dưới làn nhai quạt trắng mờ.

Ở dưới bếp bác Lê gái đã sào xong thịt. Bác quay lại bảo Út :

— Thôi bế em lên nhà. Lấy cái nón che cho em, không ướt. Cả Thêm, Nữa cũng lên nhà thôi.

Nhìn Nhỡ vẫn còn đứng chờ như muốn rình ăn vụng một miếng nữa, bác bảo :

— Còn mày nữa, ra miếng dọn sạch để tao ra cúng.

Rồi bác cất tiếng gọi Bé ở bên cửa hàng, bảo sang ăn. Nhìn quanh bếp không có ai, bác lấy một cái nồi đất mở vung, vội vã gấp mấy miếng giả cầy, lòng gan thịt cho vào, dậy vung lại và treo lên cái quang ở mái bếp. Bác đem mâm đồ ăn ra miếng gốc đa rồi thấp hương cúng. Mặc dù trời mưa nhưng bác cũng khẩn cẩn thận và lễ thật lâu làm cả nhà nóng ruột chờ.

Mọi người đã ngồi quanh mâm chỉ còn thiếu Tý. Bé hỏi :

— Còn thằng Tý đâu ?

Bác Lê gái vội nói :

— Cứ ăn đi, mặc xác nó. Sáng nay nó quên không cho lợn ăn lại bỏ đi chơi quên cả cơm sáng, nó lại sang tận bến Trờ câu tôm.

Nhỡ nói :

— Thế là nó đi câu tôm chứ nó có đi chơi đâu !

— Mày cũng bênh nó à. Thôi ăn đi.

Bác đưa mắt nhìn chòng, nhìn

chười mới :

— Thày mày...

Bác Lê gái cũng mỉm cười lại vợ :

— Bu mày... Ăn đi các con.

Ở ngoài trời lại mưa to hơn. Út áy náy vì bữa cơm có thịt mà Tý lại không được ăn. Nếu lúc trước biết là anh nó đi sang bến Trờ thì thế nào nó cũng chạy đến gọi về. Nhưng bây giờ thì chậm quá, và lại trời mưa. Nó dơ dũa gấp miếng dồi to nhất đĩa, bỏ vào mồm nuốt trửng và thôi không áy náy vì Tý nữa. Khấp má, người nào về mặt cũng nghiêm trang ; cả Thêm và Nữa cũng ăn thông thả — không phải vì sợ bố mẹ mắng — nhưng vì chúng thấy nhiều đồ ăn quá không cần tranh nhau.

Giữa lúc đó Tý đương đứng rét run ở làng cụ quận. Nó vừa cấp đồ tôm đi khỏi bến Trờ một quãng thì trời đổ mưa và chỗ ấy ngoài mấy cây thông ở làng không có chỗ nào để trú mưa. Nhưng đứng đấy cũng không tránh được ướt, nó đội cái đồ tôm lên đầu và đi về nhà. Nó sợ lỡ mất bữa cơm chiều thì nguy vì nó đã đói lắm. Bác Đồi đã cho nó ăn cơm nhưng chỉ được ăn có một bát và cũng ăn với dưa, chẳng có miếng thịt miếng cá nào cả. Nhưng tôm thì nó câu được đến hai ba chục con và vì thế nó quên không nghĩ đến về.

Càng về gần tới nhà, cái lo của Tý càng tăng. Nó nhớ lại là đã quên không cho lợn ăn sáng và đi cả ngày không về nhà để cho lợn đói. Tý không dám về cửa trước ; nó đi ra phía sau đến đứng ở đầu nhà bếp để tránh mưa và nghe ngóng. Quần áo Tý đã ướt hết.

Ở trên nhà mọi người cũng đều ăn cơm xong, mâm đã dọn. Bác Lê trai đã vào tu cạn hẳn chai rượu và cứ chỉ bác đã khác nhiều khiến Nhỡ chú ý, lấy làm lạ và hỏi mẹ :

— Lúc này ở nhà, thầy uống rượu đấy à ?

Bác Lê gái nhìn Nhỡ ngạc nhiên hơn.

— Mày mê ngủ.

Rồi bác đưa mắt nhìn chồng và thốt ra một câu :

— Lạ nhỉ, không uống rượu mà say rượu.

Bác chợt nhớ đến lúc ở bếp lên nhà trên gặp chồng vừa đi đâu về.

— Phải rồi, đi mua rượu.

Trong một giây, bác nhớ lại cả bộ điệu ngượng ngập và vẻ mặt mất hồn của bác trai. Bác lấy tay đi vào trán chồng :

— Giời đất ơi. Hừ, này, đi xem bà cụ Huệ này ! Xem, xem cái . . .

Bác giận ừ lên cổ không nói được nữa. Bác Lê trai gạt mạnh tay bác gái ra, chửi lên một câu, giọng nói lưu lại. Bác Lê gái đau nhói ở tay và lại càng tức hơn, định nắm lấy tóc chồng nhưng đã bị bác trai ấy một cái mạnh ngã lăn xuống ở rơm, Bác Lê trai cúi người xuống và nắm tay dơ lên. Bé trở về bên cửa hàng. Út bế em ngồi lui vào góc nhà ; Thêm và Nữa cửi vội quần rồi cả hai đều chui vào chăn « bao tải » cùng một lúc.

Ngay khi đó thì Tý vác rổ tôm bước vào. Bác Lê gái nhìn thấy Tý hừ một tiếng rồi ngồi nhồm

dậy giờ tay với lấy Tý; bác Lê trai cũng đứng thẳng người lên quắc mắt nhìn Tý. Cả hai vợ chồng quên hẳn đánh nhau và bao nhiêu cái giận đều đổ rồn cả vào Tý.

— Này tôm với tiếc...

Bác Lê gái hất cái rổ văng ra và tôm của Tý rơi hết cả xuống đất rồi bác giữ chặt lấy vai Tý và cốc một thối một hời. Tý giờ hai tay ôm đầu van lạy mẹ vì mẹ nó cốc đau và nhiều quá. Tý khóc thấy tôm mình văng ra khắp đất. Sau cùng bác Lê gái đẩy nó một cái, ngã rúi vào cột nhà. Bác Lê trai quát to :

— Tý, lại đây... sao mày lại không cho lợn ăn...

Bác tát vào má Tý luôn hai cái:

— Sao mày lại đi chơi cả ngày đề... đề tao phải đến ông Nữa Bụng mua rượu lấy...

Bác đấm vào ngực Tý một cái khiến Tý có dùm người ôm ngực. Nhỡ vội chạy đến, cố giằng đưa Tý ra và bảo Tý :

— Chạy ngay đi.

Nhỡ cũng bị bác Lê trai đấm phải mấy cái. Tý chạy ngay xuống bếp ; rồi lại chạy ra chuồng lợn vì chuồng lợn xa và ẩn kín hơn. Bỗng Tý giật mình, lấy tay gạt nước mắt, và chớp chớp luôn mấy cái, và cố nhìn cho rõ. Ba con lợn đã biến đâu mất cả. Tý nghĩ :

— Minh không ăn cả ngày cũng không chết, lẽ đâu lợn lại chết.

Tý biết là không phải lợn chết nhưng nó cũng mang máng thấy đã có một sự gì rất không hay xảy ra ở nhà trong lúc nó bỏ đi chơi liêu lĩnh. Mà cái việc không hay ấy đã xảy ra là vì nó

đi chơi và bởi vậy cả bố mẹ mới đánh nó đau đến như thế. Đứng mãi ở chuồng lợn thấy rét và đói, Tý lại trở về bếp. Nhưng bếp rơm chóng nguội, Tý cũng không ấm thêm được tí nào. Chợt thấy cái nồi cơm, Tý chạy lại lật vung. May quá trong nồi còn cơm. Tý cho tay vào bốc ăn lấy ăn để. Tý lấy làm lạ sao hôm nay lại ăn cơm trắng; mỗi một niếng bỏ vào miệng thấy thơm ngọt vô cùng và chỉ một lúc sau nồi cơm đã hết nhẵn. Thấy bụng đã no, Tý thò dài một cái khoản khoái. Ở ngoài trời đã ngớt mưa và bắt đầu tối. Mát Tý nhìn vào gốc đa và những cái bình vôi. « Ngồi đây chốc nữa tối sẫm, mà nó đến thì nguy » Nghĩ vậy Tý đánh liều đi lên nhà, và lại đã một lúc lâu trên nhà không có tiếng đánh chửi nhau rầm rầm nữa.

Bác Lê gái đứng ngồi rửa ông Năm Bụng nên cũng không để ý đến Tý. Bác Lê trai đã quần chiếu nằm nhưng thỉnh thoảng bác

lại lúi lười thét lên một hồi dài. Rồi tự nhiên bác lại cười oà lên một mình. Bác dấm vào quăng không, đá tung cái chiếu ra một bên rồi bác lại kéo chiếu đắp và nằm yên được một lúc. Tý cầm cái đồ của lên và trong bóng tối mờ mờ nó loay hoay nhặt tôm cho vào đồ. Tý về chỗ mình nằm, với cái chiếu đắp. Nằm vào trong chiếu rồi Tý lại càng thấy lạnh vì quần áo ướt; nhưng nó chỉ có một bộ áo còn bộ mới thì nó không dám đứng đến. Tý nghĩ nằm một lúc rồi quần áo sẽ khô đi.

Tý chợt thấy Út thông thả bò đèn gần mình và Út ghé vào tai nói thầm :

— Ở nhà lúc này ăn thịt già cày, có cả lòng lợn, nhiều lắm cơ anh Tý ạ.

Nói thế xong Út lại bò ngay về chỗ nằm sợ mẹ biết. Tý nuốt mãi nước bọt.

NHẤT-LINH

ĐẢ RA

NHỮNG NGÀY VUI

của KHÁI-HƯNG

Phượng-Giang xuất bản

Nam-cường phát hành

LƯƠNG TÂM!

của Duy-Lam

LƯƠNG tâm có rằng và biết cần vì người ta hay nói « lương tâm cắn rứt ». Người nào bị rết cắn thường cảm thấy buốt, bị rân cắn có thể chết trong mấy phút nhưng nếu bị lương tâm cắn thì... thật khó mà nói cho đúng, bởi vì chưa bác sĩ nào trên thế giới chữa nổi những người bị cắn hoặc biết được sau khi bị cắn trong cơ thể và tâm hồn nạn nhân sẽ có những phản ứng gì.

Những hạng người nào có thể bị lương tâm cắn ?

Tại sao phải phân biệt hạng người, vì có một điều rất lạ là lương tâm không bạ ai cũng cắn như chó dại, mà trái lại chỉ cắn những người... có lương tâm.

Để dễ hiểu, xin tóm tắt : lương tâm là một con vật có răng mà người nào nuôi nó trong tâm hồn có thể thỉnh thoảng bị nó cắn. Nếu bạn vô lương tâm thì không phải lo lắng gì hết, không bao giờ bạn bị cắn, trừ khi bạn điên rồ tìm cho bằng được « con lương tâm » đó để nuôi dưỡng nó trong người.

Đọc đến đây các bạn vô lương tâm đừng có vội mừng, luật pháp đã qui định nhiều khoản rất khắt khe để bỏ tù những người nào không chịu chăm nuôi lương tâm.

Tuy nuôi lương tâm nguy hiểm thế nhưng nếu bạn chịu khó điều đình với nó và cho nó ăn uống đầy đủ bạn sẽ là một người sung sướng, ăn no ngủ kỹ và hành diện

nói với bà con bạn hữu : « Tôi là một người có lương tâm ». Nên nhớ xã hội rất quý những người có lương tâm.

Lương tâm rất khó tính, bạn phải luôn luôn cho nó ăn những thứ như « đức tính » « thực thà » « lương thiện », v.v... Nếu bạn không có đủ những thứ đó mà đòi nuôi lương tâm thì tôi xin chia buồn cùng bạn, bạn là người đau khổ nhất đời vì lương tâm sẽ cắn bạn và kêu ca đòi hỏi suốt ngày đêm (người ta thường nói tiếng gọi của lương tâm), bạn sẽ gầy mòn đi, ngày thì ngại ngần, đêm ngủ không寐 và rồi bạn sẽ chết trong đau khổ và hối hận.

Nhưng trong đời, dù bạn có tài nhĩa nhục đến đâu chẳng nữa và cố chiều theo lương tâm để được sống yên lành, cũng có lúc bạn bất mãn, bướng bỉnh làm theo lòng ham muốn của bạn và tìm cách ru ngủ con lương tâm bạn nuôi, bấu rết nó đi hoặc đánh nhau với nó để chiếm lấy phần thắng. Bao văn nghệ sĩ từ xưa đến nay đã tốn giấy mực tả sự tranh đấu sôi nổi gay go giữa con lương tâm và người nuôi nó và ca tụng đó là một sự tranh đấu quan trọng mãnh liệt và cao đẹp nhất của con người chống lại... chính họ.

Vì lương tâm là gì ?

Rắc rối thay, lương tâm lại là chỉ h bạn.

DUY-LAM

Dịch thơ

tình tuyệt vọng

của Arvers

SAU khi giai phẩm Văn-Hóa Ngày Nay đăng truyện « TÌNH TUYỆT VỌNG » của Khải-Hưng, trong có bài thơ dịch của Arvers, chúng tôi có nhận được mấy bài dịch khác của các bạn như Anh-Hoa, Nhất-Anh, Kỳ-Quan, Sa-Giang, v.v... gửi đến. Lại có bạn gửi cả một bài cắt trong báo Ngày Mới của Hồ-văn-Hảo nữa.

Chúng tôi nhận thấy trong tất cả ngần ấy bài, không một bài nào được hoàn toàn, nghĩa là mỗi bài có được vài ba câu hoặc dăm bảy câu hay thôi.

Dịch văn là một việc rất khó; theo ý chúng tôi, phải dịch làm sao lưu loát, khiến người đọc không cảm thấy là văn dịch mà văn dịch vẫn giữ được sát ý và lột được hết tinh thần của nguyên văn.

Dịch văn xuôi mà không phản ý tác giả đã khó, dịch văn vần lại khó gấp bội, cho nên ít khi ta được thưởng thức một bài thơ dịch toàn bích. Tuy nhiên ai cũng có thể nhận thấy dịch thơ Đường dễ hay hơn là dịch thơ Anh, thơ Pháp v.v...

Riêng về những bài dịch thơ của Arvers, chúng tôi không đăng cả bài, mà chỉ lựa ra từng câu hay của những bạn kể trên và một vài bạn khác nữa để các bạn đọc giả thưởng thức, rồi chúng tôi cố gắng ghép lại thành một bài chung.

Mon âme a son secret, ma vie a son mystère.

Un amour éternel en un moment conçu,

Le mal est sans espoir aussi j'ai dû le taire.

Et celle qui l'a fait n'en a jamais rien su.

Khải-Hưng dịch:

Lòng ta chôn một mối tình.

Tình trong giây phút mà thành thiên thâu.

Lê-Dinh-Giễn dịch:

Đời u nắn lòng ta u uẩn.

Cảm một giây để hận muôn đời...

Anh-Hoa dịch hai câu sau:

Hận không mong nói nên lời,

Người gieo hận lại là người không hay.

Sao-Sơn dịch hai câu sau:

Hận khôn rửa, chịu âm thầm,

Mà người gieo hận không từng có hay.

Nhất-Linh cùng dịch với Lê-dình-Gioãn cả bốn câu :

Đời u uẩn lòng ta u uẩn,

Tình một giây vương hận ngàn năm,

Tình tuyệt vọng, dạ âm thầm,

Mà người gieo thảm không từng biết cho.

*
**

Hélas ! J'aurais passé près d'elle inaperçu,

Toujours à ses côtés et pourtant solitaire ;

Et j'aurais jusqu'au bout fait mon temps sur la terre,

N'osant rien demander et n'ayant rien reçu.

Khái-Hưng dịch hai câu trên :

Hỡi ơi ! Người đó ta đây,

Sao ta thui thủi đêm ngày chiếc thán.

Nhất-Anh dịch hai câu dưới :

Dường trần trợn kiếp thắm đau,

Nỗi niềm dám hở gót dầu mà mong !

Kỳ-Quan và **Nhất-Linh** dịch cả bốn câu :

Ôi ! Trợn kiếp tuy gần, ai để ý ?

Gần bên ai nhưng vẫn thấy cô đơn,

Đi cho hết thời gian nơi tục lụy,

Dám xin chi, không được chút gì hơn.

Nhất-Linh dịch cả bốn câu :

Than ôi ! Nàng có biết gì,

Có đơn ta vẫn hằng đi bên nàng.

Cõi trần dù trợn bước dàng,

Xin không dám hỏi ; ân nàng không ban.

Bảo-Sơn dịch :

Đâu có biết ta hằng đi bên cạnh,

Đâu có hay ta cố quạnh bên nàng,

Dù trợn đời, đường ta, ta cứ bước

Chẳng dám xin, mà có được gì đâu.

*
**

Pour elle quoique Dieu l'ait faite douce et tendre,

Elle ira son chemin, distraite et sans entendre,

Le murmure d'amour élevé sur ses pas.

Câu « Pour elle quoique Dieu l'ait faite douce et tendre » dịch ra vẫn xuôi là : « Đối với nàng dù bẩm sinh dịu dàng, hiền thực » nhưng đặt ra vẫn vắn khó hay. Dịch như Khái-Hưng : « Người dù ngọc nói họa cứ đời » thì không sát ý ; hoặc « Nàng tuy vốn từ tâm và dễ cảm »

như Hồ-văn-Hảo dịch, và « Bầm sinh nàng địn dang hiền thực » như Bảo-Sơn dịch, nghe có vẻ cổ lỗ. Kỳ-Quan và Nhất-Anh tương đối đã dịch được thoát ý hơn :

Kỳ-Quan dịch cả ba câu :

*Còn ai, dấu trời sinh người thù my,
Đi đường ai, hờ hững có nghe đâu
Dưới gót ngọc tiếng ai tình rên rĩ !*

Và Nhất-Anh dịch :

*Vốn tình trời, trắng trong hiền dịu ;
Nhẹ bước đời dẫu hiểu lòng ai ;
Mãnh tình rên dưới gót hài,
Hững hờ dây dạp hồn người nát tan !*

Tuy nhiên hai câu dưới đã được Anh-Hoa dịch khá chính :

*Đường riêng nhẹ bước nghe đâu
Dưới gót ngọc tiếng thì thảo tình yêu.*

Nhất-Linh dịch :

*Diêng dưng đi, nào nghe thấy dưới hài,
Giọng yêu đương đã vì ai rên rĩ.*

Bảo-Sơn dịch :

*Hững hờ đi, không để tai nghe,
Lời than rên rĩ nào nề,
Dưới bàn chân ngọc đi về nẻo riêng.*

Bây giờ đến ba câu chót :

*A son austère devoir pieusement fidèle,
Elle dira, lisant ces vers tout remplis d'elle,
« Quelle est donc cette femme ? » et ne comprendra pas.*

Câu đầu của đoạn chót này cũng khó dịch không khác gì câu đầu của đoạn trên.

Nhưng tất cả đoạn Khái-Hưng đã khéo dịch bằng bốn câu sau này :

*Một niềm tiết liệt đoan trinh
Xem thơ nào có biết mình ở trong,
Lạnh lùng, lỏng sẽ hỏi lòng :
« Người dẫu tả ở mấy giọng thơ đây ? »*

Bảo-Sơn dịch :

Bằng khuôn hỏi : « Ai trong thơ ấy ? »

Nào biết đâu rằng đấy là mình.

và *Lòng nàng vốn trinh chuyên chung thủy,*

Ngán vẫn thơ than thở vì nàng,

Đọc thơ tự hỏi hoang mang :

« Thơ này chàng để tặng nàng nào đây ? »

Và bây giờ với tất cả những tài liệu kể trên, chúng tôi thử chấp lại thành một bài chung (sau mỗi câu có ghi tên dịch giả). Chúng tôi

cố gắng giữ nguyên văn dịch, và chỉ thay đổi để cho câu nọ bắt vận với câu kia. Và chúng tôi rất tiếc có nhiều câu thơ khác rất hay nhưng vì âm vận không thể ghép vào bài dưới đây được.

Đời u uẩn, lòng ta u uẩn, (L.Đ.G. + N.L.)
Tình một giây vương hận ngàn năm, (N.L. + L.Đ.G.)
Hận khôn rửa, âm thầm cam chịu, (B.S.)
Người gieo sầu dấu hiệu lòng ta. (A.H.)

Hỡi ơi ! Ta hằng qua bên cạnh, (B.S.)
Ai có hay ta cô quạnh bên ai. (B.S.)
Đường trần, dù trọn đời ta bước, (N.L.)
Chẳng dám xin, mà có được gì đâu. (B.S.)

Trời sinh ai mặc dầu hiền hậu, (K.Q.)
Đi đường ai, không thấu tình ta, (K.Q.+N.A.)
Dưới gót ngọc xót xa tan vỡ, (N.A.)
Một mảnh tình dang dở vì ai. (N.A.)

Lòng trinh chuyên, đường đời lặng tiến, (B.S.)
Ngắm vầng thơ sao xuyên nổi lòng, (B.S.)
Bằng khoáng hỏi : « Ai trong thơ ấy ? » (B.S.+N.L.)
Nào biết đâu rằng đấy là mình... (B.S.)

KỶ NHẤT SƠN

ĐÃ CÓ BẢN :

ĐỘ I MŨ LỆCH

của KHÁI HUNG

PHƯƠNG-GIANG XUẤT-BẢN

NAM-CƯỜNG PHÁT-HÀNH

THU TẢN CƯ

cửa tường-hùng

MÙA thu đã đến từ bao giờ rồi. Đồng quê bao la. Mây lớp lớp rải mãi đến chân trời xa. Gió thu mát lạnh, một ít nắng vàng lấp lánh trên cỏ. Trên con đường đất bằng qua những thửa ruộng, gia đình ông Chu đi vui vẻ. Họ đang tản cư đặng một miền yên tĩnh hơn.

Hương, con gái ông Chu, để gió đùa những làn tóc, Nàng lim dim mắt nghĩ thầm : « Mọi khi ao ước đi lang thang, bây giờ giấc mơ thành sự thực. Ô ! Gió ! Sao mình yêu gió thế ! Gió len vào ý nghĩ của ta, gió đưa mây ra biển ». Hương vẫn có tính nghĩ loanh quanh như vậy. Hương bỏ guốc ra, đi chân không trên lẽ đường cỏ mát đi. Về mặt Hương xa xôi vì Hương không mơ nữa. Lúc đó nàng như tỉnh giấc mơ đẹp và gặp một sự thực đẹp hơn. Bất cứ màu gì cũng rõ hơn lên. Cảm giác của Hương mạnh đến nỗi nàng phải định thần nhìn quanh xem có phải nàng đang sống thật không ? Nàng cố nhìn rõ mọi vật, cố cảm cái lạnh của mùa thu, cố nghe tiếng ông bà Chu nói chuyện. Một lúc sau Hương ngạc nhiên, nàng không hiểu mình ngạc nhiên về cái gì, nhưng Hương luôn luôn thầm

cảm ơn Trời đã cho nàng biết vui.

Ông bà Chu, không ai bảo ai, đều dừng lại nhìn đồng lúa. Hai người đứng gần nhau. Nền trời vì có những đợt mây song song nên trông cong cong. Con đường nhỏ tít vào mấy làng ở phía xa ; gió nhẹ nhàng thổi. Lan, em gái Hương, cất tiếng hát. Hương không để ý nghe lắm. Nàng cũng vô tình hát theo. Gió đưa hai giọng hát nhẹ đó mơ hồ như cả một mùa hè đầy tiếng ve ran trên không. Linh, em trai Hương, lắng nghe tiếng hát đó và nói :

— Lan và chị Hương hát hay quá.

Hai chị em vẫn say với gió lạnh, vẫn hát nên không muốn trả lời. Linh nhắc đi nhắc lại câu nhận xét vừa rồi cho đến khi Hương và Lan khó chịu, không hát nữa và yên lặng đi. Linh tự hỏi : « Tại sao hai người con gái đó không trả lời ? ».

Mọi người đều mệt, mồ hôi vã ra, thì đến một cái quán. Chủ quán là một cô gái da bánh nọt, mắt bồ câu đen nhánh, đầu chúi khấn xuống. Nhìn thấy ông Chu cô cất tiếng mời vồn vã :

— Mời hai cụ, các cô cậu vào soi nước, ăn quả. Cháu có bánh chưng ngon lắm m. Nước chè

tươi nóng, vàng như hồ phách, uống vào quên cả mệt nhọc.

Hương véo tay Lan nói sẽ :

— Trông mặt con bé lẳng quá. Người thế kia thì phải biết.

Tuy Hương nói sẽ, nhưng cứ nhìn dáng điệu của Hương, cô hàng biết ngay Hương đang bình phẩm cô. Lan nói :

— Chị đại quá. Muốn nói ai thì cứ thẳng nhiên. Đừng làm bộ dẫu diêm, họ biết ngay mình đang nói họ. Con bé bán hàng đoán được hai chị em chúng ta đang nói xấu họ đấy.

Hương cười :

— Kệ thầy nó.

Nàng ngồi xuống ghế, lật một cái bát lên. Cô hàng tươi cười rót một gáo nước chè tươi vào bát của Hương.

Ông Chu sung sướng vì lúc nãy cô hàng liếc ông một cái, ông bóc bánh ăn gật gù khen :

— Ngon quá ! Bánh của cô làm thế nào vừa trắng vừa mềm, thỉnh thoảng lại có chút hạt tiêu cay, chút mỡ nồng nàn. Ngon thật là ngon !

Rồi ông làm ra vẻ đứng đắn và gọi chuyện cô hàng. Trong lúc nói, ông chỉ nhìn cô hàng và không để ý đến ông đang nói gì. Vì thế ông nói mấy câu lỡ lời liền, bà Chu đập tay vào đùi ông :

— Ăn đi ! Nó nhắm mãi.

Ông Chu giật mình nhớ ra rằng ông có vợ. Từ đó ông tránh không dám nhìn cô hàng nữa, tuy ông vẫn tò mò muốn nhìn đôi môi đẹp của cô ta.

Trong quán đông người. Phần đông là dân tỉnh tân cư. Họ nói chuyện ồn ào. Một bà rất béo, mắt

nhỏ đến nỗi chỉ là hai cái khe con, cười tit lên. Ít khi bà gặp một bầy thình giả đông như lần này nên bà lợi dụng ngay cơ hội để nói nhà bà cháy ra làm sao, trước chiến tranh như bà giàu như thế nào và bây giờ bà nghèo đi đến chín phần mười, tại sao mấy con của bà bị chết, Bà hơi mệt, bà hít một hơi dài rồi gục đầu vào tay nức nở khóc.

Một ông giáo trường tiểu học, đã từng viết mấy cuốn sách giáo khoa, muốn tỏ ra ông hay thương người. Ông cố sức khôi hài cho bà béo cười nhưng ông cũng cố làm mọi người biết rằng vì thương bà béo, ông mới đem tài khôi hài của ông ra. Quả nhiên bà béo bật lên cười thật. Ông giáo sung sướng thở phào một cái, nhìn quanh xem có ai phục mình không. Nhưng không có ai phục cả vì tất cả đều đoán được cái tinh lạn danh của ông ta.

Đến khi ông giáo nhận ra rằng mọi người đều có vẻ không ưa ông, ông liền nổi giận. Khuôn mặt ông hơi sạm đi một chút. Ông mỉm cười nhạt, yèn lặng gọi thẳng con lại, và ghé mồm dặn dò nó. Thằng bé phụng phịu bướng bỉnh. Ông giáo tát nó một cái rồi bắt chân chữ ngũ, vớ một củ khoai lang ăn quên cả bóc vỏ. Ăn xong ông gọi chị hàng :

— Khoai của chị bứ quá ! Cho tôi bát nước !

Linh cười to :

— Đánh củ khoai lang, bở mụ nhà hàng, rót anh bát nước !

Biết là Linh trêu mình ông giáo sùng sộ để dọa Linh. Chẳng may cho ông, Linh cũng quen sùng sộ. Hai người suốt đánh nhau thì ông Chu vội vàng nhảy

vào can. Lúc đó mọi người đều nhìn Linh. Chàng cau có bước ra ngoài quán, tin chắc rằng mọi người nhìn chàng vì mặt chàng có nhiều mụn nhỏ sần sùi. Ra đến vệ đường, Linh ngồi xuống cỏ, ruỗi dài chân ra, hai tay chống ra phía sau lưng, người hơi ngả và cười một mình.

Mọi người lại ra đi cho đến khi trời sấm sấm tối. Một vài vì sao sớm đã lấp lánh trên trời. Hương bắt đầu thấy mỏi. Nàng nắm lấy tay Lan và đi sát vào Lan, như con chim non tìm hơi ấm của mẹ. Gió lạnh của đêm bắt đầu thoảng qua từng làn nhẹ, làm Hương khẽ rung mình. Nàng nói :

— Những buổi chiều mùa Thu không khí trong suốt, chị thấy lạnh lắm.

Nàng nhìn Lan đang lấy tay hất một món tóc sõa xuống má. Khuôn mặt Lan vẫn đẹp và đôi mắt vẫn hơi tối vì hàng mi dài. Lan nhìn lên một vì sao. Ánh sao sáng chiếu vào đôi mắt Lan. Hương thấy Lan đẹp hơn mình nhiều quá. Lúc Lan ngược mắt lên, miệng cười, Hương tưởng như Lan quen với vì sao đó lâu lắm rồi; Hương không đề ý và cả Lan cũng không biết vừa có một sự trùng hợp rất tinh cò : Hương vừa nghĩ đến sao thì Lan cũng nhìn lên trời. Hương nói :

— Những vì sao sinh ra để an ủi nhân loại, Những lúc đau khổ, chị thấy trên kia còn thấy vui, đầy lòng thương và tâm hồn chị nhẹ hẳn đi.

Tuy đã đi cách Hương khá xa Linh vẫn nghe thấy những lời của Hương. Linh vội rảo bước lên cùng với ông Chu để khỏi phải nghe Hương.

Đến một sân đất rộng thì trời vừa tối. Mọi người đặt tất cả những học xuống. Họ ngồi thành túm nhỏ, dỡ cơm nắm và đồ ăn ra. Xong mọi người vào một cái hiên rộng, trước là một xường cửa gỗ. Ngoài sân đất vắng tanh. Mặt trăng lơ mờ hiện sau làn mây màn trắng đục. Tiếng người nói rì rầm, hình như họ biết đây không phải là nhà họ nên họ không nói to và vì họ cảm thấy chung quanh họ có một sự nguy hiểm sắp xảy đến.

Một vài người rời tất cả đều yên lặng để nghe mấy cô hát. Giọng các cô nhẹ, tan vào quầng không lạnh và trong suốt, Lời ca buồn, tả nỗi nhớ nước của một kẻ tha hương khi ngừng nhìn mấy ngôi sao quen thuộc.

Tiếng hát rứt, mọi người vẫn yên lặng. Một vài bà cảm động chùi nước mắt. Linh thấy thế, mỉm cười nghĩ thầm : « Mấy bà khóc vì mấy bà chỉ nhớ đến căn phòng ấm cúng của bà ta thôi, và bây giờ phải nằm trên mấy cây gỗ cứng chần không có mà đắp ».

Linh khoan khoái nằm dài trên phiến gỗ lim, kéo cái áo khoác bằng dạ lên tận cổ, đầu gối vào một cái gối. Mọi khi không có gối Linh không thể ngủ được. Vì thế Linh đã mang phòng sẵn một chiếc.

Bà Chu loay hoay mãi không biết nằm thế nào cho tiện. Linh hé mắt ra nhìn mẹ. Khi bà Chu nằm co ro, đầu gối lên tay, sắp sửa thiêu thiêu ngủ; Linh nhân nhỏ bò dậy, bỏ chiếc áo dạ ra đắp cho bà Chu. Linh hơi tiếc cái gối nhưng có lẽ vì lương tâm cắn rứt, Linh khẽ nâng đầu mẹ lên và đặt chiếc gối vào dưới đầu bà Chu.

Làm xong việc đó Linh đưa mắt nhìn quanh (nhất là các cô) xem có ai nhìn mình không.

Yên trí là không ai thấy, Linh ngủ ngời, lưng dựa vào một bọc quần áo rất lớn.

Sáng hôm sau Hương đối đãi rất tử tế với Linh. Linh ngạc nhiên không hiểu tại sao. Từ ngày Linh hiểu biết, chàng chưa bao giờ thấy Hương nói dịu dàng với chàng bao giờ cả. Đến khi Linh lớn, Hương và Lan cứ nhất định cho Linh là ích kỷ. Nhiều khi Linh cố nghĩ xem tại sao Linh ích kỷ, nhưng Linh không thể tìm ra được tại sao.

Một lần đi xe lửa với Hương và Lan về làng để tản cư, Linh thấy Hương sẵn sóc kỹ lưỡng hành lý xem có quên gì không, Linh để mặc Hương và ra cửa sổ ngắm những ruộng lúa. Hương gọi:

— Linh!

Linh giả vờ không nghe thấy. Chàng thò hẳn đầu ra ngoài cửa để gió thổi. Lan đá vào chân Linh một cái, Linh mới quay đầu lại:

— Cái gì thế?

Lan hất hàm ra phía Hương:

— Chị Hương muốn hỏi anh đấy.

Linh từ từ quay ra phía cửa, điềm nhiên nhìn phong cảnh. Lúc xuống xe, Hương mới trách Linh tại sao không chịu để ý đến mấy cái làn đựng đồ dùng. Linh trả lời:

— Đồ dùng ấy có phải của Linh đâu?

— Cửa cả nhà thì ít ra máy cũng phải xem xét đến một chút chứ.

— Linh xem rồi, không có gì

lạ cả.

— Phải trông coi, không thì bị ăn cắp hết.

Linh lơ đãng nói:

— Nhưng có mất gì đâu?

Lan tức:

— Phải, không mất gì! Nếu chị Hương và Lan không chịu khó giữ thì còn quái gì để dùng trong những ngày tản cư. Anh Linh chỉ biết sung sướng một mình thôi, không chịu làm việc nhà. Thế là anh ích kỷ lắm.

Linh không hiểu, chàng hỏi lại:

— Có chị Hương và Lan canh phòng cẩn mật rồi, tôi cần gì phải giúp nữa. Việc nhà thì tôi làm nhiều lắm rồi.

Lan hỏi:

— Từ lúc đi tản cư anh làm những gì rồi.

— Lấy vé, mà lấy vé cho cả ba người tức là lấy vé cho Lan và chị Hương, Như thế cũng gọi là ích kỷ? Linh có ích kỷ đâu?

Lan nói:

— Anh không thấy Lan và chị Hương làm suốt từ sáng đến giờ?

Lan kể hàng tràng công việc ra. Nhưng Linh vẫn không hiểu tại sao Linh ích kỷ. Lần này thấy Hương tử tế quá, Linh nghĩ thầm: «Đàn bà dễ thay đổi lắm. Ta phải cẩn thận. Chiều nay hay ngày mai chị Hương lại dở mặt thì nguy to». Linh nhìn Hương và thấy Hương đang mơ mộng. Linh rất ngạc nhiên vì Hương hay mơ mộng. Nhưng Linh cho Hương sung sướng, nhất là trong đoạn đời đầy nguy hiểm hiện nay. Vì nàng có một cuộc đời thứ hai ngoài cuộc thực.

Trên trời cao, lá cây xanh như dán vào nền trời. Những luồng gió nhẹ len qua

cành lá làm cây sung sướng
khẽ reo vui. Hương chợt nhớ tới
tỉnh thành xa xôi. Mới ngày nào
đường phố còn đông người đi lại,
các hàng rong như hàng mía chẳng
hạn, nhịp nhàng đôi gánh trên lề
đường, một vài cô gái (Hương chỉ
hay đề ý đến các cô gái) đi loáng
thoáng lẫn vào màu áo tươi sáng.
Tất cả như có một giọng cười
trong trẻo bao chung quanh.
Hương lại còn tưởng nhìn thấy
những tia nắng xiên qua những
lá mỏng màu xanh tươi. Nàng

tưởng tượng khi nào yên ổn về
được nhà, nàng sẽ trang điểm
cho thật đẹp rồi đi ra ngoài phố
vừa đi vừa mỉm cười. Nàng muốn
sẽ lại gặp những bạn cũ đã phải
chạy mỗi người một phương.
Nàng sẽ khoác tay họ, nói với họ
những lời thật vui, thật giản dị.
Nhưng Hương biết không bao giờ
Hương lại được sống như thế.
Cuộc đời cũ đã bị cắt đứt hẳn,
tuy Hương mới tản cư có vài ngày.

TUÔNG HÙNG



DUYÊN THƠ'

tặng Thanh-Nhung

Hương sực nức, mộng trần gian thồn thừc,
Xuân mới chớm trong linh hồn rạo rức,
Thơ hoàng hoa giăng lối đẹp trang huyền.
Mà hương thè còn ấp ủ trinh nguyên,
Mà nếp mộng còn e-dè phong-nhụy.
Em hiện đến giữa mùa xuân nguyên-thủy
Của hồn anh chưa loạn bóng giai nhân.
Mộng yêu đương xao ánh mắt trong ngần,
Hương tình lừ thom bàn tay diệu ảo.
Xuân mon mồn bướm hoa cài nếp áo,
Sắc thiên tiên còn đượm dáng anh nua,
Mắt đẹp trời mây ấp ủ thơ ngà,
Hồn xuân sắc nguyên màu tơ lụa mới.
Lời diệu vợi như cung đàn diệu vợi,
Tiếng cười trong như ngọc vỡ cung mây,
Tà áo xanh, xanh nội cỏ ngàn cây,
Làn tóc mượt như suối huyền đêm lạnh,
Tơ ánh sáng của trần gian lóng lánh

Dệt vườn xuân và hoa cỏ bướm chim,
 Dệt yêu đương và tình ái trong tim,
 Quì dâng cả cho bàn tay mỹ-nữ.
 Em hiện đến với hồn hoa nương tử.
 Ngập đầy thanh, đầy sắc lại đầy hương,
 Đầy duyên tình đầy mơ mộng yêu đương,
 Đầy ánh sáng với trời xanh nước biếc.
 Anh mở hồn đón em vào yên tiệc
 Dọn bằng trắng bằng bướm với bằng sương,
 Bằng tim hồng đang rạo rức yêu đương
 Bằng tất cả tình thương trong mộng tưởng.
 Tim em đẹp như vì sao định hướng,
 Hồn em mơ như thuyền lướt sóng Ngân
 Những mảnh trăng trên ánh nước trong ngàn.
 Những vết sáng của vì sao lạc bước,
 Sẽ dệt lời Thơ sẽ xây Nguyễn-Ước,
 Sẽ dâng em những chuỗi ngọc hào quang,
 Với tơ duyên với ân-ái mơ-màng.
 Với nắng ngọt với sương hồng băng-tuyết
 Anh sẽ xây một lâu đài diễm-tuyệt
 Bằng thủy tinh, bằng ngọc bích, trăng sao,
 Bằng hương lan, bằng dáng huệ, anh đào
 Bằng sương đọng trong lòng hoa lóng lánh ;
 Trên đời xuân nắng đào reo lạnh lạnh,
 Giữa rừng hoa chim bướm rập rờn bay,
 Có suối tình buông ánh nhạc mê say,
 Có sỏi trắng rải ven bờ cỏ mượt,
 Có lá mịn, có cành tơ lá lướt
 Theo gió đưa hoà điệu vũ ân-tình :
 Đón em vào trong thế giới tươi xinh,
 Để mở hội giữa đôi hồn rạo rức.
 Em nghe chẳng linh hồn anh hồn thức
 Trên cung đàn nương sóng nhạc yêu đương?
 Đầy tim anh với tất cả thiên đường
 Cửa Tình Ái : Xin vì em trang diễm.
 Hỡi người yêu với hồn hoa kiêu diễm
 Hỡi người yêu với suối tóc mơ huyền !
 Ta yêu nhau bằng tất cả hương duyên,
 Bằng tất cả ân tình và mộng tưởng
 Ta sẽ sống giữa hào quang vô-lượng
 Của linh hồn và của trái tim nhau.
 Để mê say cho đến cả ngàn sau...

chị mà chết thì chết tôi

TRẦN-VĂN-TỊCH

DUNG đã lo lắng nhiều về công nợ lại bị trận ốm nặng kéo dài đến hơn một tuần mà không có tiền chữa thuốc nên mỗi ngày một nguy kịch. Hôm nay sau một lúc nằm lo nghĩ miên man, Dung thiếp đi lúc nào không biết. Khi chợt tỉnh dậy, Dung ngạc nhiên thấy có một người mà Dung biết ngay là bác-sĩ đang coi mạch nghe bệnh cho mình. Bên cạnh có bà Phúc đứng im lặng nhìn bác-sĩ, vẻ băn khoăn hiện ra nét mặt.

Sau khi bác-sĩ tiêm cho Dung một phát thuốc và cho đơn, Dung thấy bà Phúc móc ví ra trả tiền bác-sĩ, rồi quay lại bảo Dung :

— Chị cứ yên tâm nằm nghỉ, để tôi đi mua thuốc về cho chị uống. Bác-sĩ bảo bệnh tuy nặng, nhưng nếu chữa chạy đúng cách và biết giữ gìn thì chỉ ba tuần lễ là khỏi. Nhưng khỏi rồi vẫn phải kiêng chị đừng vội ăn cơm hoặc các chất đặc khác, bệnh quay trở lại thì khổ đấy.

Trong những ngày còn nằm trên giường bệnh Dung cứ nghĩ

đến bà Phúc đã giúp đỡ cho mình như thế, mà cảm động đến ứa nước mắt. Dung không ngờ rằng người Dung vẫn thường ghét cay ghét đắng và rửa thăm nợ kia lại có lòng nhân đạo, bác ái như thế. Dung hối hận đã hiểu lầm bạn, hiểu lầm ân nhân của mình. Dung tự thẹn và hứa từ nay sẽ không xét đoán người một cách nhẹ dạ như trước nữa.

Một hôm bệnh đã khá thuyên giảm, thấy bà Phúc đến thăm, Dung nghẹn ngào nói trong nước mắt :

— Chị thực là... tử tế quá... Em thiếu tiền của chị, chị đã không đòi hỏi... lại còn mời bác-sĩ săn sóc thuốc thang cho em... Ông ấy em biết lấy gì trả chị ! Không có chị chắc em chết mất...

Bà Phúc thở dài một cái :

— Ông ấy huệ gì. Sốt cả ruột ! Chị cứ uống thuốc đi cho chóng khỏi rồi lại làm ăn buôn bán kiếm tiền trả tôi. Còn những mười mấy vạn bạc nợ của tôi chứ ít à, ấy là chưa nói đến tiền thuốc tiền men tôi ứng ra từ ngày nợ đến giờ. Chị mà chết thì chết tôi!

Nếu anh muốn biết giá trị đồng tiền, thì anh hãy thử
ngửa tay đi vay xem.

FRANKLIN
(Poor Richard's Almanac)

Lan HÀM TIỂU



Em Tường - Cường

(11 tuổi)

PHỔ VẮNG

Tôi ngồi dưới gốc cây, gió thổi vi-vu bên tai tôi; trên kia mỗi khi một cơn gió đi qua là những tiếng reo đổ xuống tai tôi như tôi cảm thấy đang ngồi cạnh một cái thác mà nước từ trên đổ xuống ào-ào! cây ấy là một cây cao vút lên trên trời. Tôi ngồi ở dưới đây, cảm thấy thanh thoi nhẹ-nhàng như mình đang mơ đến một cô gái tươi đẹp đang quạt tôi và nói bên tai tôi như từng cơn gió và tiếng reo của cây.

Tôi rất ưa thích phổ vắng vì tôi cảm thấy tôi cô độc. Tôi đi từ từ trên bờ hè nghe rõ từng bước chân của mình; ngoài ra còn nghe thấy cái vắng im lìm của phổ vắng. Tôi ngồi xuống ven bờ hè, nhìn kỹ cái phổ vắng, cảm thấy sung sướng. Tiếng gió lại bắt đầu nổi lên; nhưng cành cây rung-rinh. Con đường loang loáng chạy dài ra đến

góc một con đường khác; ở đường ấy lâu lâu vài cái ô-tô chạy ào qua làm rung động cả phố-vắng.

Nhà tôi cũng ở gần đây; nhà tôi cũng thế, cũng được nghe cái im lặng đó và cũng nghe được tiếng reo của lá cây. Buổi trưa nào tôi cũng không ngủ để nghe cái im lặng đó và tôi thấy vui trong lòng.

TƯỜNG CƯỜNG

Em Phạm-ngọc-Châu

(9 tuổi)

CON MÈO CỦA EM

Trọng các thú vui, em chỉ thích đùa với con mèo mập hơn cả. Lông nó mượt. Cằm bộ ria mép mà giờ ra để xem hàm răng chút xíu thì thích lạ. Mà kia, trên con mắt mờ màng ấy cũng có râu. Em nghĩ là râu mới đúng vì nó có mồ hôi đầu mà phải dùng đến lông mày. Đôi mắt nó trong suốt. Hai cái chấm đen trong con mắt. Mỗi lần Mèo ra nắng thì dài hẳn ra giống như hai

hạt gạo cháy. Ay thế mà mỗi lúc nghe mấy chú chuột rúc-rích thì đôi mắt quắc lên như của một viên dũng tướng. Có lẽ giống như Trương-Phi trong Tam-Quốc mà em vừa đọc. Em rất bực mình vì nó có bộ râu chững chạc thế mà ai cũng gọi nó là Con Mèo. Ngay cả mèo cái cũng có...

Nhưng cái thích hợp ý em nhất là cầm lỗ tai nó xách ngược lên. Vì em nhỏ nhất nhà, không có quyền xách tai ai hết. Chỉ lớn hơn con mèo. Lớn hơn mèo mà chưa có râu. Nhớ mèo có nổi cái la to, má em biết được thì em sẽ nhanh nhẩu trả lời:

— Em thử nó siêng hay nhác, y mà!

PHẠM-NGỌC-CHÁU
Thôn Phú - Huế

Huế ngày 26-8-1958

Kính gửi ông Nhất-Linh

Thưa ông, lúc này ông đang làm gì thế, chắc ông đang viết văn hoặc đọc văn chứ gì! Ông vui lắm rồi, cháu muốn có cánh bay ngay vào Saigon và rơi xuống đúng chỗ ông làm việc để xem ông viết văn. Thưa ông, cháu đã được đọc mục « Lan hàm tiếu » cháu thấy các văn-sĩ tỷ hơn viết hay ghê! cháu thấy cháu thua sút vô cùng nên cháu buồn lắm, nhưng một lát cháu hết buồn ngay và đi lấy giấy bút ra viết nữa,

cháu không biết viết gì cả, chỉ nhớ ra một chuyện rồi cứ viết ầu vào. Lần trước cháu có viết rồi nhưng không thấy ông trả lời, chắc là không được đăng rồi. Cháu biết vậy nên không nản lòng, viết thêm nữa, bao giờ được thì thôi vì bài đầu chắc nhiều khuyết điểm lắm. Nhưng mỗi khi đọc bài của người khác, cháu lại thấy cháu thua sút quá, biết làm sao hở ông! Cháu chỉ biết cố gắng chớ không làm gì hơn được, ông có cách gì hay chỉ cho cháu biết với, vì cháu thích viết văn; ngặt vì cháu ít ý lắm nhưng cháu cứ viết: viết mãi bao giờ được thì thôi vì vậy nên hôm nay lại có bài này đến tay ông. Ông biết không? cháu ngóng « Văn-Hóa Ngày-Nay » từng ngày đến gần một tháng mới có, đỡ quyển sách ra là cháu mở ngay chỗ « Lan hàm tiếu » Cháu mong nó cứ tồn tại mãi để cháu xem, và nhất là ông phải tồn tại mãi mới được. Cháu nghe nói ở Nha-Trang có cây cỏ Trường-Sanh, sao ông không nhổ về mà uống, như vậy ông được Trường-Sanh thì cháu vui biết mấy. Nhưng thôi, cháu chúc ông sống thêm độ ít trăm năm nữa cũng được rồi. Kèm theo đây là tác phẩm của cháu đây, ông ạ.

cháu,
TRẦN-THỊ NHƯ-MAI
(13 tuổi)
Đường Võ-Tánh - Huế

CÔ MAI

TRUYỆN DÀI của NGUYỄN-THỊ-VINH

(Tiếp theo)

LÀM được bài thơ này, Mai rất thích. Nàng thường nhằm đọc thầm một mình và có được nỗi an ủi như đang tâm sự với một người bạn thân. Bỗng Mai thấy câu : « Cùng chàng xin gắng phụng thờ » không đúng cảnh nàng. Hai tiếng « phụng thờ » có vẻ như là nàng đã góa chồng, vì chỉ có phụng thờ người chết chứ sao lại phụng thờ người còn sống. Thoáng nghĩ đến nếu Kỳ Tư chết, Mai bỗng sợ hãi thấy « tại sao mình lại có thể nghĩ tới điều đó được » ? Trong óc Mai cứ vang lên những câu tự hỏi như vậy và nàng cảm thấy ghê sợ với chính ý nghĩ của nàng. Mai đưa bàn tay ôm chặt lấy mặt, gục xuống gối : tất cả ý nghĩ tốt và xấu của nàng hiện lên cùng một lúc và trở thành hỗn loạn. Trống ngực Mai đập mạnh. Mai cố gắng lên, nàng lắc mạnh đầu trên gối

và thốt lên kêu tui rất khê : « Không ! Không ! » như để níu giữ lấy ý nghĩ tốt đẹp ở lại với nàng, không bị những ý nghĩ xấu lẫn át đi. Qua những phút đó, Mai mệt mỏi như vừa làm một việc gì quá sức.

Khi Kỳ Tư và Khánh trở vào, nàng sinh ngượng với chồng. Thấy vợ có dáng phờ-phạc, Kỳ Tư tưởng nàng mệt gọi bảo :

— Này mình, dậy mà ăn rau luộc. Rau khoai-luộc còn nóng, lại có cả cơm, trong nồi còn ít cơm cô Khánh dọn đem lên cho mình ăn đấy. Cơm nguội mà ăn với tương thì ngon tuyệt.

Câu nói của Kỳ Tư không ngờ đã gọi nỗi tủi của Mai vì ốm mới khỏi, ăn được mà không được ăn, để chồng và em phải khó khăn như đi ăn trộm mới có được ít rau khoai luộc với bát cơm nguội

cho mình. Mai thấy cay cay ở mũi. Biết mình lại sắp khóc, Mai gượng ngồi dậy cười nói át đi :

— Gớm ! hai anh em giỏi thật, tối thế này mà cũng hái được rau ...

Mai chỉ cố nói được có thế, bông cổ họng và mũi bị tắc lại, nằng phải há miệng ra thở. Một tiếng nấc thoát theo hai giòng nước mắt chảy liên tiếp trên má.

Khánh tránh nhìn chị, cúi xuống sới cơm nói :

— Gớm chị cứ thế thì bao giờ mới mạnh được !

Ký Tư im lặng đưa bàn tay run run gầy khô có những ngón dài và những đường gân to nổi trên mu bàn tay ra đỡ bát cơm của Khánh vừa sới, chàng cầm thìa múc tương rưới rồi đưa cho vợ. Cũng như Khánh, chàng tránh nhìn Mai, cặp mắt chớp chớp cúi xuống như nhìn vào đĩa rau. Qua được phút cảm động lại thấy mình đã gầy ra không khí buồn tẻ, Mai ăn hện vội bụng lấy bát cơm ăn một cách như rất ngon lành.

Khi Mai ăn xong, Ký Tư và Khánh còn ngồi lại nói chuyện với nàng. Đợi lúc Ký Tư vui chuyện, Mai đem ý riêng của mình ra hỏi chồng :

— Minh ạ, tôi định bàn với mình xin phép thầy u ra Hà-nội ở riêng.

Khánh nhìn chị, lòng mừng

rộn lên, vì nếu Mai ra ở Hà-nội thì Khánh sẽ được ở gần chị luôn.

Ký Tư chậm rãi hỏi lại Mai :

— Sao mình lại định thế ?

Mai chỉ cười không đáp, nhưng Ký Tư cũng cảm thấy nguyên do tại cụ Lang bà đã làm Mai chán không-khí gia-đình này. Chàng nói giọng nho nhỏ :

— Bây giờ ra Hà-nội thì biết làm gì mà sống ? Ở đây tuy vậy còn có nền nếp sẵn.

Nghe chồng nói, Mai biết rất có thể Ký Tư bằng lòng ra ở riêng nên vội đáp :

— Ồ, mình cứ nghĩ thế, có người có lộc chứ. Mấy lại bây giờ mình còn trẻ không tự lo, cứ ở đây với thầy u mãi rồi sinh lười chẳng còn làm gì được nữa.

Câu nói vô ý của Mai « mình còn trẻ » đã làm cho Ký Tư ngưng ngưng nghĩ tới tuổi chàng đã gần bốn mươi rồi còn trẻ gì, chàng thở dài đáp khẽ :

— Thì ở đây mình cũng làm chứ mình có chơi đâu !

Mai nói :

— Vẫn biết mình làm, nhưng bây giờ còn thầy u, mình chỉ biết thầy u sai đâu làm đấy, về sau này thầy u mất đi thì sao tôi có thể trông coi tiếp được nghề làm ruộng ? Minh cũng nên nhớ từ bé tôi chỉ sống ở tỉnh. Trước kia chưa lấy mình, mấy anh em tôi mồ côi nên

cũng phải tự làm ăn buôn bán lấy mà sống đấy chứ.

Ký Tư chỉ lắc đầu nói :

— Khó lắm! khó lắm! để xem sao đã.

Từ đấy hễ cứ có dịp là Mai lại đem chuyện ở riêng ra nói với chồng.

CHƯƠNG III

Những ngày Khánh ở Lang Tài với Mai, không hẳn toàn là những ngày đen tối, có thể nói rằng cũng có những lúc buồn mà cũng có những lúc vui; như độ này Mai khỏi hẳn, nàng đã làm việc được như hồi chưa ốm, nhưng Khánh vẫn còn ở lại với Mai vì anh Thân chưa có dịp sang đón Khánh về. Khánh không phải bận giúp Mai nên có nhiều dịp được theo Ngử và Rạng ra đồng chơi. Khánh tuy đã mười lăm tuổi, nhưng vì sống với các anh Thân và Bằng, nàng không bị gò bó trong nền giáo dục cổ, làm thân con gái phải ý tứ v.v..., nên tính nàng tự nhiên như tính con trai. Cứ ra tới đồng là Khánh cùng với Rạng chạy khắp bờ ruộng, hoặc bắt Ngử dạy nàng cuốc đất. Những lúc ấy Khánh yêu thích cuộc sống ở đồng ruộng. Nàng thường đứng ngắm khoảng đồng lúa bát ngát, đầy đó một vài con trâu đen được thả lỏng và đương thong thả gặm cỏ. Từng vùng làng mạc có những chiếc cổng làng



hoặc đèn miếu quét với trắng ẩn hiện sau vòm tre xanh xẫm. Xa hơn nữa là một dãy núi đất chập chùng. Có lần Ngử đã kể cho Khánh nghe về chuyện dãy núi đó. Theo lời tục truyền thì trên núi hiện giờ vẫn có di tích của Đức Thánh Gióng ngày xưa đi dẹp giặc về còn để lại dấu chân ngựa, cứ cách một khoảng lại có một vết lõm sâu và rộng bằng cái nông. Người ta nói nhìn những chỗ ấy vẫn còn nhận ra được cả từng vết móng ngựa in xuống. Sau khi nghe chuyện đó, mỗi lần nhìn dãy núi, Khánh lại thấy lòng mình dâng lên một niềm tin ngưỡng kỳ lạ. Những lúc này Khánh không nói, không cười; tất cả tâm trí mơ

trông ngược về thời xưa cũ và nàng như thấy hiện ra trên dãy núi một đoàn quân hùng dũng đương tiến theo Đức Thánh Gióng. Khánh nhìn đắm đắm vào vết đen ở gần đỉnh núi mà nàng tưởng tượng là hình dáng Đức Thánh đương ngồi trên mình ngựa, nhưng thực ra đấy chỉ là một cây cổ thụ to lớn, còn những điểm đen đen trông xa như hình đoàn người đang leo núi thì chỉ là những cây mọc rải-dác ở sườn núi. Trước cảnh đó tự nhiên Khánh thấy nàng và cả Ngữ, Rạng ở cạnh nàng, cho đến cả những đồng ruộng bao la, xóm làng đây đó đều có một vẻ cao quý khác hẳn lúc thường. Nền trời chiều xanh diu dịu, từng đám mây trắng lớn trôi bành bồng như xa như gần, những cơn gió lộng thổi làm nổi từng đợt sóng mạ xanh, reo lên một âm thanh rào rạt đều đặn, khiến Khánh tưởng như muôn ngàn tiếng bước chân anh dũng của đoàn âm binh theo Đức Thánh Gióng của thời xưa hiện về in dấu chân trên sóng mạ. Khánh thấy rõ sự nao nức hiện trong lòng nàng. Nàng tưởng như là đã được sống ở trong cảnh này từ một kiếp nào xa lắm, lòng nàng dâng lên một men say, men dân tộc.

Phần nhiều Khánh được hưởng những phút vui cao quý như vậy là do ở phong

cảnh đồng núi đem lại cho nàng, còn khi ở nhà luôn luôn Khánh bị nổi tử cực vì thấy rõ mình là một người thừa hoặc một người xa lạ ở trong trong cái gia-đình nhà chông Mai.

Một hôm nhà cụ Lang có giỗ. Cụ bà sai Hồng lấy gạo nếp giã bột để làm bánh rán. Năng và Rạng cũng có mặt ở chỗ làm bánh vì vậy không khi trở nên vui vẻ tí-tít. Lúc nặn bánh, Năng tranh để làm. Thấy thế Hồng bảo :

— Chú là đàn ông thì biết làm gì !

Năng mắng đùa Hồng :

— Con bé này lão ! Ai bảo mày đàn ông không biết làm gì ? Đàn ông biết làm tất cả, nghe chưa ? kể cả việc làm bếp nữa. Mày không thấy những đầu bếp giỏi trên thế giới đều là đàn ông cả đấy hay sao ?

Vừa nói, Năng vừa sẵn tay áo làm ra vẻ hăng hái lấy bột nặn bánh, nhưng chàng nặn cái nào cũng hỏng cả, khiến mọi người cười ran vui vẻ. Rạng thì quần quít ở bên Hồng để đòi chị nặn bánh nhỏ cho mình.

Mai ngồi sào nấu ở bên bếp ; nàng luôn luôn nhờ Khánh việc này việc nọ, cốt để cho Khánh thấy mình cũng bận rộn và không bị lẻ loi.

Cụ Lang ông cũng đi lên đi xuống, lúc thấy Mai chặt thịt

vịt, cụ tới bên đứng nhìn một lát rồi bảo nàng :

— Này con, chặt thịt vịt thì chặt miếng chữ nhật. Cò chặt thịt gà thì mới chặt miếng vuông như thế.

Cụ bà cười bảo chồng :

— Ông rõ thực, vung tay hay miệng.

Mọi người cùng cười, Khác hẳn ngày thường cụ ông luôn luôn tỏ vẻ trang nghiêm, lúc này cụ hoà nhã và vui vẻ chung với cái vui của gia-đình. Gần đến lúc ăn cơm, thấy mọi người tíu-tít như quên hẳn mình, Khánh lui ra vườn sau ; lúc đó Mai đang bận dọn dẹp ở trong buồng. Năng là người nhận thấy thiếu Khánh trước, chàng cất tiếng gọi âm lên. Ngõ bảo :

— Tôi thấy cô ấy vừa ra vườn rồi.

Mai rá tới nhà ngoài, thấy cả nhà đã ngồi quây trên mâm cơm chỉ còn thiếu có Khánh, lại nghe Ngõ nói Khánh đã ra vườn, Mai vội đi tìm em. Lúc trông thấy Khánh ngồi tựa lưng bên cạnh đống rơm to ở cuối vườn, tay cầm một cái que vạch vạch trên mặt đất, liếc Mai đến mà Khánh vẫn không ngừng mặt lên. Thấy dáng điệu Khánh như vậy Mai bỗng mỉm lòng ; nàng chậm bước đi nhẹ tới bên Khánh. Đáng lẽ phải gọi bảo Khánh về ăn cơm thì Mai lại chỉ yên lặng ngồi xuống cạnh em. Mai khẽ liếc nhìn Khánh biết là Khánh

đã khóc. Mai se sẽ nói :

— Khánh ạ, chị đã bàn với anh Tư qua tét anh chị sẽ xin ra Hà-nội ở riêng. Anh Tư đã bằng lòng rồi.

Khánh vẫn không nói. Mai không biết làm gì khác, nàng đưa tay nhặt sợi rơm vương trên tóc Khánh rồi bảo em :

— Thôi vào ăn cơm đi em.

Khánh lắc đầu và hỷ mũi. Mai vừa thấm nước mắt vừa cười nói :

— Sao em lại thế, vào ăn cơm chứ ! Trẻ con thế người ta cười chết.

Đúng lúc ấy có tiếng hát của Ngõ nổi lên : « Con sáo nó sang sông, tinh bằng con sáo nó sỏ lồng, í a, con sáo nó mới bay. » Rút câu hát, Mai thấy Ngõ đi về phía hai chị em và tuy đã trông thấy Mai và Khánh, Ngõ vẫn gọi :

— Mợ Tư, cô Khánh đâu rồi ! Ơ kia thiếu có một người rồi một người đi gọi lại mất hút luôn ! Về ăn cơm thôi, mợ Tư cô Khánh ơi ! Nhanh lên không có lại mất hút luôn cả tôi đây này.

Lúc ba người vào tới nhà thì mọi người đã đang ăn. Không khi càng trở nên nặng nề. May nhờ có Năng vừa nhai nhồm nhoàm vừa nói :

— Đây rồi, lên đây chị Tư, cô Khánh. Sao lại lâu thế ? Chậm chút nữa thì tôi ăn hết cả phần.

Mọi người đều ngồi xích lại

một chút để chỗ cho Mai, Khánh và Ngử ngồi. Vì hôm nay là ngày giỗ nên cụ ông muốn cả nhà đều ngồi ăn chung.

Cụ ông cười nói đùa :

— Cô Khánh họ Tào mà sao hôm nay lại chặm chạp thế ?

Nguyên do mọi người chế Khánh họ Tào là vì một hôm Khánh bị đau bụng đi ngoài, nàng lên kể bệnh xin thuốc cụ ông để uống. Cụ ông vừa dốc những viên thuốc nho nhỏ ở trong một chiếc lọ thủy tinh ra vừa nói :

— Cô lại họ Tào rồi.

Khánh mở to mắt trả lời :

— Thưa cụ không phải ạ, cháu họ Trần đấy ạ.

Cụ ông cười :

— Thì rõ ràng cô đang có họ với Tào-Tháo đây mà còn cãi.

— Không, thưa cụ cháu họ Trần thật. Trần-thị-Khánh ạ.

Cụ ông phá ra cười. Mãi về sau Khánh mới hiểu.

(còn tiếp)

NGUYỄN-THỊ-VIỆM

SẮP RA :

ĐẸP

của KHÁI HUNG



TRUYỆN DÀI CỦA **DUY-LAM**

GIA ĐÌNH TÔI

(Tiếp theo)

BẠN của LIÊN.—

Như tôi đã có dịp nói đến ở trên, Liên rất nhiều bạn trai cũng như gái. Chúng tôi thường chia bạn trai của Liên làm nhiều hạng :

Những « ông » do tôi giới thiệu với Liên. Dùng chữ « ông » rất đúng vì bạn của tôi thường là những người đã ra đời hoặc có nghề nghiệp hẳn hoi. Lan bình phẩm loại bạn này của Liên :

— Bạn của anh Lam quen luôn cả chị Liên trông biết ngay. Cứ những ông nào đến nhà mình quần áo ngay ngắn tề chỉnh, mặt mũi hoặc lừ lừ như sắp đánh nhau với ai, hoặc vênh váo làm như quen với họ là một điều vạn hạnh — nhất định là bạn anh Lam. Sáng chủ nhật vừa rồi anh ấy đi vắng, Lan Liên đang ngồi ăn bánh cuốn ở phòng khách thì có một ông thò đầu vào mặt đen xì, má bạnh ra hai bên, diện một bộ « com-lê » cũng đen

như mặt ông ta. Cửa nhà mở toang, đứng ngoài đường có thể nhìn thấy mẹ ở tận trong bếp đang rán lạc xường, Lan với Liên lại ngồi ngay giữa nhà trước mặt để đĩa bánh cuốn cao bằng tháp Eiffel, thế mà ông ta vẫn đàng hoàng đập cửa cộc cộc và đồng dặc hỏi :

— « Có ai trong nhà không ? »

Liên thêm vào :

— Em lo cho cái cửa quá ! Mẹ vừa chữa xong. Ông ấy mới dụ dằng gõ mấy cái mà bản lề đã chực long ra.

— Thế Liên trả lời ra làm sao ?

Lan đáp hộ :

— Chị Liên làm sao mà trả lời được,

— Cảm động à ?

— Không ! Em đang vội nuốt miếng bánh cuốn mà nó cứ mắc ở cổ họng. Gớm ! Sao bà hàng xóm đó cho nước mắm cay thế !

Lan tiếp :

— Thấy chị Liên đỏ mặt lúng túng (không phải vì ông ta mà vì ót), Lan vội đứng dậy trả lời : « Dạ ! Thưa ông hỏi ai đây ạ ? » Lan đâu biết đó là bạn anh. Lan cứ đinh ninh đó là ông thầu khoán bạn của ba. Ông ấy không chịu vào, đứng ở giữa cửa oang oang hỏi : « Tôi là Xuân ! Tôi muốn hỏi ông Lam ». Em thấy chị Liên có vẻ sợ hãi đứng dậy lùi lùi vào nhà trong và cũng không quên mang cả đĩa bánh cuốn theo . . .

— Lan chỉ nói láo ! Chị đâu có sợ ông ta. Sở dĩ chị phải đi dật lùi là vì áo vừa mắc vào đinh rách một miếng lớn chưa kịp vá.

Lan cười :

— Chị Liên chúa lười ! Đáng kiếp !... Sau khi Lan đã trả lời là anh đi vắng, ông ấy đứng sừng sững giữa nhà, trán nhăn lại nghĩ ngợi đến mấy phút đồng hồ. Em chỉ mong ông ấy nghĩ nhanh nhanh vì em biết chị Liên ăn bánh cuốn tài lắm.

Sau khi tả Xuân xong, Lan Liên hỏi tôi :

— Ông ấy làm nghề gì hở anh ?

— Hắn làm ở công chính và sắp thi kỹ sư cầu cống.

— Chắc me thích ông ấy

lắm vì nhà mình có cái cống hễ cứ trời mưa là tắc tị.

Tôi phì cười vì câu nói của Lan.

Sau hôm đến chơi không gặp tôi, Xuân năng lại thăm gia đình tôi. Lan và Liên đặt cho Xuân tên hiệu là « Ông Cống Đen » vì Xuân học kỹ sư cầu cống và người lại đen. Tôi biết Xuân rất có cảm tình với Liên nhưng không dám để lộ ra trong cử chỉ và lời nói. Hơn nữa Xuân lại không biết nói chuyện với các cô. Câu chuyện Xuân hay nói đến nhất và tỏ ra thông thạo là « cầu, cống, đường xá v.v. ». Liên than thở với tôi :

— Em ngồi ở trong nhà nghe hắn nói chuyện với me và Sơn mà sốt cả ruột. Hắn chịu khó mang cả bản đồ đường xá ở Việt Nam đến giảng cho Sơn nghe. Nào là đường nhựa, đường đất, cầu gạch, cầu sắt, cầu đá, cầu treo...

Du khôi hài :

— Liên cẩn thận đấy ! Anh chắc khi tỏ tình anh chàng sẽ quỳ xuống nói với Liên : « Thưa cô ! Để bắc nhịp cầu thông cảm giữa hai chúng ta, tôi đề nghị một cái cầu sắt, cột chính sẽ cao một trăm năm mươi thước, cột phụ đường kính ba thước. Chúng ta sẽ song song đi trên con đường hạnh phúc trải nhựa rất tốt và êm ái.

Riêng tôi thì chỉ thấy tội nghiệp cho Xuân. Hắn rất thật thà và thẳng tính.

Tôi còn giới thiệu cho Lan một số rất nhiều các bạn khác. Mỗi người đều được Lan, Liên hoặc gia-đình tôi đặt cho một tên hiệu. Một anh được đặt tên là « Technicolor » vì bao giờ hắn cũng mặc áo màu sặc sỡ. Tôi đã có lần đánh cuộc với Lan, Liên một chầu xi-nê nếu anh chàng ta mặc một cái áo trắng. Tôi đã thua cuộc (có lẽ vì Lan, Liên xui anh ta). Một anh có cái tên hiệu rất lạ là « Fool-Ridicule » mà Tuyết Liễu phiên âm là « Phun-ri đi cun ». Anh này rất đa cảm và lãng-mạn ; trong một buổi ăn thân-mật, nhân ngày sinh-nhật Liên anh ta đã say sưa hát một bài Mỹ để tặng Liên. Lan, Liên chỉ nhớ được hai chữ Fool-Ridicule nên dùng luôn để đặt tên hiệu cho anh. (Tên thật của anh là Văn). Tôi sẽ còn dịp dành cho Văn một số trang vì sự liên lạc giữa gia đình tôi với Văn sau này còn chặt chẽ hơn nhiều.

Một anh khác tính nết kín đáo và hay ngượng. Quen với gia đình tôi đã hơn một năm và hề cứ đến chơi là bao giờ anh cũng hỏi : « các bác đâu » và nhất định chào hỏi các bác xong mới dám ra ngồi nói chuyện với Lan, Liên. Tôi viết « Lan, Liên » vì anh ta không dám ngồi đối

diện một mình với Liên. Lan bực lắm kêu lên. Tại sao lại phải có Lan anh ta mới dám nói chuyện với chị Liên. Bất Lan làm « bối cảnh » một chết đi thế này ! Con trai gì mà rât thế ! Chị liên ăn tham thật đấy nhưng chị ấy có ăn thịt anh ta đâu mà sợ ».

Anh ta vì gia đình khá giả nên có nhiều dịp đi chơi Huế, Nha - Trang, Đà-lạt v. v... Hễ mỗi lần đi đâu về anh ta lại đến ngay nhà tôi nhưng nếu Liên hỏi :

— Nha-Trang có gì lạ không anh ?

Anh lúng túng trả lời :

— À ! Cũng không có gì lạ. Trời nắng to và nóng lắm.

Nếu Lan hỏi :

— Đà-lạt có gì lạ không anh ?

— Dạ, cũng không có gì lạ. Trời lạnh nên rét lắm.

Nếu Sơn hỏi :

— Huế có gì lạ không anh ?

Câu trả lời lần này may thay dài hơn một chút : — À ! Huế ! ... Huế không rét như Đà-Lạt và cũng không nóng như Nha-Trang.

Anh ta về rồi Lan bắt chước đóng vai anh ta. Liên, Dư hỏi :

« Saigon có gì lạ không anh ? » « À ! Saigon có nhiều ô-tô lắm » — « Quả đất có gì lạ không anh ? » « Dạ ! Quả đất vẫn quay » — « Tôi có gì lạ không

anh ? » « Dạ ! Anh rút rút như con gái » Đoạn cả bọn cười có vẻ thú vị lắm. Rồi chúng tôi đồng ý đặt cho anh ta cái tên hiệu anh chàng « không có gì lạ ».

« Không có gì lạ » có đôi mắt to như mắt nai rất đẹp và hiền từ. Tuy thế, ngời nói chuyện anh ta luôn luôn tránh nhìn thẳng vào mắt Liên, luôn luôn quay mặt ra phía khác, hoặc ngắm mấy chiếc ô-tô chạy ngoài đường hoặc đếm những con mồi trên trần. Lan có lần

— Sao anh thích nhìn ra

đường thế ?

Anh ta chữa thẹn :

— À... không tôi nhìn trời đấy chứ !

— Lan lại tưởng anh không muốn nói chuyện với chị Liên và Lan.

Anh ta cưỡng lên : — Có ! có chứ !

(Dĩ nhiên câu chuyện của anh ta lại quanh quẩn trong cái vòng ; có gì lạ không ? Không có gì lạ).

(Còn tiếp)

DUY LAM

Sắp ra

NỮA CHỪNG XUÂN

của KHÁI-HƯNG

10 ĐIỀU TÂM NIỆM

của HOÀNG-ĐẠO

PHƯỢNG-GIANG XUẤT BẢN

NAM-CƯỜNG TỔNG PHÁT HÀNH

GIAO nhận lời ở lại ăn cơm với bà thím vì hai lẽ. Lẽ thứ nhất đã lâu lắm chàng không được ăn một bữa cơm có vẻ gia đình, nghĩa là bát đĩa sạch món ăn không nhiều nhưng đúng là những thứ chàng thích, chứ không như ở hiệu, và lẽ thứ nhì cô em hơi nghịch của chàng đã nói nhỏ với chàng có một cô bạn đẹp lắm, cũng ăn cơm ở đây.

Liên, cô bạn của em chàng, cũng không đẹp, chỉ xinh thôi, xinh nhất là cặp mắt và đôi môi, nhưng Giao mến Liên ngay. Liên nói chuyện rất thực thà, tự nhiên, vì vậy nên trong bữa cơm Giao cũng nói chuyện được, không cảm thấy mình là thừa, là « người lạ » trước mặt một cô gái mới gặp lần đầu.

Ăn cơm xong, Giao vừa đặt bát xuống, Liên đã nhanh nhẹn đưa cho chàng đĩa hồng lạng. Nhìn năm

quả hồng dáng vuông vuông đỏ mọng nằm trên đĩa, Giao mỉm cười nghĩ thầm : « Quả hồng đỏ như môi Liên ». Bỗng Giao cảm thấy như có một tiếng vang dội lên trong tim thức. Hình như đã lâu lắm, chàng có trông thấy một quả hồng như thế này. Một hình ảnh xa xôi nhưng rất quen thuộc. Mâm cơm và những người ngồi quanh mờ dần, chàng quên cả Liên, quên cả chàng. Một tia sáng lóe lên trong ký ức Giao.

* *

Bé Giao đã vui mừng, hân hoan, và nóng lòng suốt nửa tháng trời để đợi ngày rằm tháng Tám. Giao vui mười lăm ngày để đợi một ngày. Nhất định là đến hôm ấy Giao sẽ không phải đi học, Giao được quyền chỉ nghĩ đến chơi mà không cần nghĩ đến học.



QUẢ HỒNG

của Tô-Hoàng

Hôm nay Giao vui vì ngày mai cũng là ngày vui, vì tất cả mọi người chung quanh đều vui. Trong thời gian chờ đợi Giao như tắm trong một niềm vui. Hôm nào Giao cũng về học chậm vì Giao vừa đi vừa ngắm con giống, đầu sư tử, và đủ các thứ đèn ở phố hàng Gai. Giao không nghĩ đến sự có riêng một đầu sư tử hoặc một cái đèn, Giao chỉ đi xem cũng đủ rồi. Giao rất thích con giống bày trên một những mẹ nhưng không cần đòi mẹ mua. Giao đi học buổi sáng còn buổi chiều thì đi chơi ở hàng Thiếc để xem các kiệu tàu thủy. Giao chọn cái đèn con cá xanh có tám con nhỏ chung quanh, chứ không phải con cá hóa long màu đỏ có râu mà quai hàm lại đóp đóp được. Đèn kéo quân, Giao thích cái to bằng bánh xe đạp, bên trong có ông sư ngồi gõ mõ. Đầu sư tử thì phải cái màu xám to, tai đen viền lông trắng, sừng ngắn chứ không phải thứ sư tử đỏ có sừng dài. Giao còn thích cái tàu thủy kiệu đua dưới tròn, Giao ghét loại tàu đuôi vuông trông nó có vẻ chạy chậm. Quả đào mỡ ra đóng vào có cô tiên ở trong, con thỏ gõ ống bơ và ông Tiến-sĩ thì Giao lại càng không thích vì trông trẻ con lắm.

Tất cả những thứ ấy, Giao chỉ chọn thăm thôi; thấy cái gì đẹp Giao tự nhận ngay là của mình và sợ có người mua mất: hôm nọ đã có người mua con cá của Giao làm Giao phải đi tìm mãi mới chọn được một con khác.

Ngày Rằm tới, nỗi vui của Giao tận mắt như một bông hoa đến ngày khai nhụy. Bánh có thực nhiều mà Giao không ăn được.

Buổi tối, Ba, Mẹ cho Giao mặc bộ quần áo đẹp nhất đến nhà bác Thanh phá cỗ. Ngồi trên xe, lòng Giao phơ phớt. Ngoài phố tối hôm nay Giao thấy như tối hơn mọi khi. Chỗ nào cũng thấy trẻ con cầm đèn xếp đi chơi hoặc bày cỗ cúng ông Tiến-Sĩ ở bậc cửa.

Phố hàng Gai, phố hàng Đào không đông và như kém vui. Bao nhiêu đèn, con giống mọi khi vẫn treo đề bán nay biến đâu hết. Giao nghe thấy có tiếng pháo, lẫn vào tiếng trống, tiếng thanh la. Một đám rước sư tử từ đầu phố đi lại, dẫn đầu là một lũ trẻ con mặc quần áo võ đen, đi giày tầu, tay cầm cờ, cầm gậy rồi đến một đầu sư tử sấm — đúng thứ mà Giao thích — theo sau có một cái xe bò kết lá chung quanh. Nhìn lũ trẻ theo sau xem đám rước, Giao thèm được như chúng, không phải đi chơi với Ba, Mẹ.

Giao hoang mang khi bước chân vào nhà bác Thanh. Nhà bác hôm naysáng ghê. Bước chân qua cửa, Giao thấy một mâm cỗ thật to. Bác Thanh gái tươi cười đón Ba Mẹ Giao và bác cúi xuống hỏi Giao:

— Cậu Giao đến phá cỗ của nhà tôi đấy hả?

Giao còn chưa biết phải trả lời ra sao thì bác gọi lớn lên:

— Quỳnh ơi, ra đây chơi với anh Giao này.

Một cô gái nhỏ nhỏ trạc tuổi Giao từ nhà trong chạy ra chấp tay chào Ba Mẹ Giao rồi đưa mắt nhìn Giao. Giao nghe thấy tiếng bác Thanh gái nói:

— Quỳnh đưa anh Giao đi xem cỗ, đi ra vườn chơi.

Quỳnh cười, tiến lại cầm tay Giao kéo vào trong nhà. Giao thấy khó chịu nhưng chân vẫn bước theo và ngoái cổ lại nhìn một bông hoa giả thật to để trong một cái bát trên chỗ bầy cỗ.

Giao không nhớ rõ sau đó có gì xảy ra. Giao mang máng thấy mình đi xem cỗ của chị Nhung, chị Bích bầy và biết rằng những cái hoa vàng, hồng, đỏ các chị ấy làm bằng đu đủ gọt rồi đem nhuộm phẩm màu. Sau bữa cơm thực ngoại, Giao còn được ăn bánh, nhưng không ăn được nhiều. Rồi Giao thấy mình ở ngoài vườn chơi rất thân với Quỳnh trong khi hai bác Thanh và Ba, Mẹ « ăn ốc xem trăng » với chị Nhung, chị Bích.

Quỳnh, Giao lấy một cây nến, vào bếp nhờ anh Bếp đốt hộ để cắm vào đèn xếp rồi ra vườn chơi. Vườn thực rộng, có nhiều cây to, có tròng hoa. Ánh trăng vắng vặc chiếu xuống. Quỳnh treo đèn lên một cành cây rồi hai đứa kéo nhau ra xa đứng nhìn. Quỳnh bảo Giao :

— Đứng ra góc vườn đằng kia, ở đấy có một cây vải có ma đấy. Anh Bếp bảo là anh ấy trông thấy con ma ấy rồi.

Theo ngón tay Quỳnh chỉ, Giao thấy góc vườn ấy tối lạ và Giao thấy ghê ghê :

— Tại sao lại có ma ở đấy ?

— Trước kia, trước khi nhà Quỳnh đến đây ở, có một người thất cô tự tử ở trên cây. Người ấy chết rồi thành ra ma.

Miệng Quỳnh tròn lại khi kể chuyện ma. Giọng của Quỳnh trầm hơn giọng của những đứa con gái khác. Bộ quần áo trắng Quỳnh mặc trông dưới trăng như có pha

màu xanh. Ánh trăng chiếu trên mặt Quỳnh bị hàng mi dài che mất một khoảng nhỏ phía trên gò má. Thấy Giao đứng im Quỳnh cười hỏi :

— Giao có sợ ma không ?

Giao gật và cũng cười lại :

— Quỳnh này, tại sao người ta lại gọi là « ăn ốc xem trăng » nhỉ. Thế cứ lúc nào ăn ốc thì mới xem trăng được à ?

— Quỳnh không biết. Ừ nhỉ ? tại sao thế nhỉ ? Ra hỏi mẹ đi.

Quỳnh nắm tay Giao, hai đứa chạy lại phía bàn ăn kê giữa sân. Quỳnh hỏi mẹ :

— Mẹ ơi ! Tại sao lại gọi là « ăn ốc xem trăng » hở mẹ ?

Bà Thanh cười, trả lời :

— Vì khi ăn ốc phải ngửa cổ lên trời để húp nước trong vỏ ốc. Ngửa cổ lên trời thì trông thấy ông giăng.

Giao hỏi tiếp :

— Thế sao cháu không thấy bác ngửa cổ lên trời để húp nước ốc ?

Nghe Giao hỏi, mọi người cười phá lên.

Bà Giao lấy hai quả hồng đưa cho Quỳnh Giao và nói :

— Đây, cho hai cô cậu. Đi ra vườn mà chơi đi.

Lúc quay đi, Giao nghe tiếng bác Thanh trai nói :

— Lớn lên tao cho hai đứa chúng mày lấy nhau.

Lại có tiếng mọi người cười, Quỳnh, Giao nhìn nhau cũng cười.

Giao bóc cái tai hồng vút xuống đất rồi vừa bóc vỏ vừa hỏi Quỳnh :

— Quỳnh thích ăn hồng đỏ hay hồng xanh ?

— Quỳnh thích ăn hồng đỏ. Giao có nghĩ thấy mùi gì không? Hoa dạ hương đấy. Nó chỉ thơm về ban đêm thôi.

— Thế ban ngày thì nó không thơm à?

— Không, Ba Quỳnh bảo thế.

Giao đang nhả cái hột hồng thì Quỳnh kéo cánh tay Giao nói:

— Này, Giao có trông thấy thằng Cuội ngồi gốc cây đa không?

— Đâu?

— Đấy. Cái cây đa đấy, ở dưới gốc cây là thằng Cuội.

Giao chỉ thấy những vết xam xám trên mặt trăng nhưng cũng cứ trả lời:

— Ừ nhỉ. Thế còn con trâu đâu?

— Con trâu không thấy được, chỉ thấy hai cái sừng thôi.

Nhìn Quỳnh mặt ngừng lên trời miệng nói, tay chỉ vào ông trăng, mắt mở to, Giao thấy có cả mặt trăng nho nhỏ trong mắt Quỳnh.

— Ừ nhỉ.

Hai đứa tới gần một gốc cây. Trời tím xẩm không gợn một chút mây. Mặt trăng ẩn hiện trong đám lá.

Giao bảo Quỳnh:

— Quỳnh này. Ông giăng đi theo chúng mình. Mình đi đâu ông ấy đi đấy.

— Ừ nhỉ, mình thử đi thật chậm lại xem.

Giao vút cái vỏ hồng xuống đất, nắm lấy tay Quỳnh rón rén bước. Trăng từ từ lờ lững đi theo trên đầu chúng. Chúng đi nhanh, trăng cũng đi nhanh. Hai đứa bảo nhau chạy rồi bất thình lình đứng dừng lại, trăng cũng chạy rồi cũng dừng. Chúng nép phía bên này gốc cây thì ông trăng nép phía

bên kia; chúng hé mắt nhìn lên, ông trăng cũng hé mắt nhìn xuống. Ánh mắt trắng trong như những sợi thủy tinh lấp lánh qua đám lá cây.

Quỳnh kéo đầu Giao xuống lấy tay che miệng và nói thầm thực khẽ vào tai Giao:

— Bây giờ mỗi đứa chúng mình chạy về một phía xem ông ấy theo đứa nào. Giao chạy về phía bên ấy nhớ.

Giao gật đầu, rồi mỗi đứa chạy một ngã nhưng cả hai đứa đều thấy ông trăng chạy theo mình.

Bỗng có tiếng ba của Quỳnh gọi:

— Quỳnh, Giao, mới ăn xong đừng có chạy thế.

Hai đứa chạy lại phía người lớn ngồi, Giao nói:

— Ba ạ. Ông giăng ông ấy cứ đi theo chúng con.

Quỳnh tiếp:

— Chúng con chạy chậm ông ấy cũng chạy chậm; chúng con chạy nhanh ông ấy cũng chạy nhanh. Tại sao thế hở bác?

— Tại ông ấy yêu các con nên ông ấy đi theo. Thôi vào trong nhà mà chơi. Lạnh rồi đấy.

Trước khi bước vào trong nhà, Quỳnh Giao ngửa mặt lên vẫn thấy ông trăng đi theo như trên chúng.

Quỳnh đưa tay lên vuốt lại tóc, cười và bảo Giao:

— Thế này là ông ấy hết theo. Giao vào đây xem cổ của Quỳnh đi.

Cổ của Quỳnh bày ở trên một cái giường có buồng màn sẵn, hai cửa màn vén lên. Quỳnh trèo lên giường. Giao tuột giày rồi cũng theo lên. Quỳnh để một ông Tiến sỡ nhỏ ngồi tựa lưng vào tường,

Trước mặt ông Tiến-sỹ có mấy con giống, mấy miếng bánh rẻo bánh nướng và có cả hoa giả bằng đu đủ nữa.

Quỳnh vừa nói vừa đặt quả hồng ở tay lên một cái đĩa nhựa nhỏ :

— Hoa này là vỏ đu đủ chị Nhung gọt xong rồi cho Quỳnh đây. Các chị ấy chơi hoa to còn hoa nhỏ là các chị ấy làm cho Quỳnh.

— Quỳnh chưa ăn hồng à ?

— Chưa, Quỳnh để dành để lúc phá cỗ mới ăn.

Trông xuống quả hồng nằm trên đĩa, Giao thấy rõ quả hồng hình vuông, chứ không phải tròn như lời người lớn. Vỏ hồng căng bóng trong trong. Giao hối hận đã không để dành quả hồng lúc này để bây giờ bày cỗ với Quỳnh. Giao nhìn Quỳnh, Quỳnh cười :

— Chúng mình phá cỗ đi.

— Ừ. Cắt tóc như Quỳnh thế này là tóc Nhật-bản phải không ?

— Ừ. Ba Quỳnh bảo cắt tóc Nhật bản thì tóc không đâm vào mắt, đau mắt. Bây giờ Giao lễ đi rồi mình phá cỗ,

Giao xoay mình ngồi trước ông Tiến - sỹ định lễ, nhưng nghĩ thế nào Giao lại bảo :

— Thôi, Giao không lễ đâu, Quỳnh lễ đi.

— Thế thôi, Cả hai người cùng không lễ nữa vậy.

Vừa nói Quỳnh vừa nhắc đĩa bánh rẻo nhỏ xiú ra. Cầm miếng bánh bẻ làm hai, Quỳnh nói :

— Mình ăn bánh rẻo trước bánh nướng sau.

Giao cầm như có một cái gì ấm cứng, chỉ của riêng hai đứa quanh quất trước ông Tiến-sỹ giấy và mấy đĩa bánh nhỏ nhỏ. Bỗng có tiếng ba Giao gọi :

— Giao ơi, ra xin phép hai bác rồi về đi con.

Giao giật mình. Quỳnh để miếng bánh xuống đĩa hấp tấp nói :

— Kia, ba Giao gọi kia.

Bao nhiêu ấm cùng biển đầu hết. Giao chợt thấy như vừa mất một vật gì. Giao tụt xuống đất, đi giầy rồi chạy ra. Tới cửa ngoài Giao quay lại thấy Quỳnh chạy theo đưa cho quả hồng, Giao chỉ cầm mà không cười không nói gì cả.

**

Bỗng có tiếng Liên nói to vang bên tai Giao. Chàng giật mình ngẩng lên; Thím chàng hỏi :

— Anh Giao nghĩ gì đấy ? Ngồi ngẩn ra, hay không kia. Không ăn hồng à ?

Chàng vội nói :

— Có chứ ạ. Cháu sắp ăn.

Và chàng hỏi Liên :

— Thuở bé cô Liên có để tóc Nhật-Bản không nhỉ ?

Liên ngạc nhiên trả lời :

— Không, Tại sao anh lại hỏi thế ?

Chàng mỉm cười trả lời.

— Không có gì cả, tôi chỉ hỏi thế thôi.

TÔ-HOÀNG

CHỮA BỆNH ĐAU ĐẦU

GIÁP : Tôi hiện đương nhức đầu quá.

ẤT : Tôi hôm qua tôi cũng đau đầu. Đau rất ghê gớm, nhưng lúc tôi về nhà, vợ tôi hôn tôi rất âu yếm, thế là bao nhiêu đau dón tiêu tan mất cả !

GIÁP : Ồ thế à, thế bây giờ chị ấy đau ?

Đà-Lạt thơ mộng. Khi nhà thơ của chúng ta ra đi thì :

*Trời mờ sương
Đất lên hương*

*Ra đi vừa hừng sáng
Mảnh tà nguyệt treo gương
Có ai qua xóm giang đầu cũ
Nhấn hộ rằng ai đã hẹn đường...*

Ngồi trên xe lửa, trông ra ngoài, nhà thơ cảm xúc :

*...Lúa đồng từng giải xanh tơ
Đáng màu cổ lý
Biển rộng sóng trào lớp lớp
Dưng ý sóng hồ*

*Nhạc lòng gợn một đường tơ
Quên đi phong vũ cho mờ nhân sinh
Giờ đây dù chẳng trường đình
Cổ nhân ơi! kiếp lênh đênh kể gì...*

Tới Krong-pha thì :

*...Phất phơ mây trắng đôi làn
Hoàng hôn đỏ bóng, sương lan đậm*

*dài
Chênh vênh núi dựng, người ơi!
Phải đây là chỗ đất trời gặp nhau?*

*Ngàn sao đỏ xuống mái đầu,
Rừng xanh u uất mối sầu mênh
mang...*

Trong lúc đoàn xe lửa chạy « lê thê trong quặng vắng đêm trường » giữa đèo « Ngoạn Mục » tình thi nhân « treo nơi vách núi », ý thi nhân đưa « gửi mười phương » và hỏi :

*...Những ai yên giấc sơn vàng,
Có đem thông cảm gửi đường lãng
du ?*

*Nơi đây rừng núi âm u,
Ngàn thông diu dặt, giấc hồ miên
man...*

Sớm hôm sau khi tới Dran, nhìn « màu sữa loãng trên màu núi xám » thấy trên « cảnh thông lá lướt gió đàn, có đôi chim xẻ âu yếm, hai mỏ kề nhau, tiếng hót vang » lại thêm :

*Giống nước bên khe tuôn róc rách,
Bình minh đỏ xuống ánh huy hoàng,
nhà thơ tưởng mình như lạc lối
Thiên-thai :*

*Đôi bên cỏ đón hoa chào
Màu hồng chen sắc lục
Rực rỡ cánh anh đào
Ý duyên từng bách xôn xao
Cỏ non xanh rợn lối vào Thiên-thai
Nai vàng ngọc gác nhìn ai,
Mà trong ánh mắt trao lời nước non?
...Chim kêu vượn hót véo von,
Rừng xanh ủ ấp sơn thôn một nhà,
Nơi đây là lá, là hoa,
Là mây, là nước không pha bụi
trần...*

Tới Đà-lạt, ngắm thấy :

*...Có cô áo tím,
Tựa gốc thủy dương,
Tay mềm vịn mấy cành sương,
Nét hoa gửi khách ngàn phương nụ
cười...*

thi sĩ **Bùi - khánh - Đan** đã có lúc : « Ngàn ngọc hồn mộng chơi vui » và nhớ mãi :

*...Khoảnh khắc giao thần xao xuyến
ấy
Lòng ghi giây phút của muốn đời...*

Thi sĩ lại cảm thấy :

*...Ở đây không khi ngọt ngào
Có làn hương ngát thoảng vào hư vô,
Ở đây hồn mộng bơ vơ,
Ngàn năm đôi lứa đôi giờ tỉnh say...
Có những chiều vàng mơ cái Đạp
Thì đây đã có gió trăng đây...
và quyết định :*

*Đến đây thì ở lại đây,
Đã vui trăng gió, xin khuấy nổi nhà...*

Thực thế, nếu các bạn đã qua thăm Đà-lạt tất nhận thấy tất cả những cảm xúc ấy, bạn muốn quên hết và không muốn rời xa Đà-lạt nữa. Ngắm cảnh thơ mộng của Đà-lạt, thi sĩ tuy lạc lối đảo nguyên, nhưng không muốn vui

hưởng một mình. Nhờ đến tất cả những ai đương chìm đắm trong chốn bụi trần, thi sĩ nhắn bảo :

...Cao sơn là cả bài thơ

Bên giòng lưu thủy : đôi bờ ái-ân

Hỡi ai trong cõi hồng trần,
Về đây xin hãy đừng chán hải hồ.

Về đây nhìn núi lô-nhó,
Nhìn hoa trăm thức bốn mùa đấm
bông,

Về đây sườn ả lại lòng,
Tình thiên nhiên ngát trong bóng
lan rừng...

*
**

Dưới đây là bài « Tình muôn
thuở » của Bảo-Sơn :

*Đôi ta một mối tình muôn kiếp
Không nói yêu mới thiệt là yêu*

Nếu em thấy anh không thường nói :
Anh yêu em, yêu mỗi mình em !

Xin em chớ vội ưu phiền.

Xin em giữ vững một niềm tin anh.

Không em ạ, mối tình thắm thiết
Giữa đôi ta không kiếp nào phai.

Miệng anh tuy ít khi cười,
Mắt anh vẫn nhắc những lời ước xưa!

Em hãy nhớ, tình ta muôn thuở ;

Đã yêu nhau, dù có xa nhau,

Em đừng chuộc lấy thăm sầu,

Yêu em, anh vẫn trước sau chung tình

Em hãy nhìn mắt anh từ trước

Cho đến giờ có khác gì đâu !

Yêu nhau chẳng nói yêu nhau,

Yêu trong thầm lặng, tình sâu mới
bền !

Và bài thơ « Mùa thu năm
trước » của Nguyễn-thị-Vinh :

Mùa thu năm trước chàng đi,
Nhắc làm chi buổi biệt ly thêm sầu.

Nắm tay đã hẹn năm sau
Đợi mùa thu đến cùng nhau xum vầy.

Nhớ chàng em đếm từng giây
Nhớ chàng từng phút đợi ngày thu
sau.

Ôm con sống với u sầu,
Ấp con ấp cả nỗi đau trong lòng.

Một năm vắng hẳn tin chồng,
Một năm nuốt lệ nén lòng nhớ thương

Nhưng nhiều đêm lúc mơ màng,
Em mơ thấy được cũng chàng đoàn
viên.

Đây mùa thu mới đã sang,
Đây mùa hẹn ước nhưng chàng nơi
đâu ?

Đêm đêm gối mộng trở sầu,
Ước mong gì nữa lỡ câu hẹn hò !

Mai đây sương gió bốn mùa,
Cõi lòng trống trải bao giờ cho nguôi;

Ôm con ngày tháng ngậm ngùi,
Gửi hồn theo với bóng người xa xăm...

LAN SƠ KHAI

Khác với Sa-Giang Trần-Tuấn-
Kiệt có giọng thơ nhẹ nhàng thanh
thoát, trái với Cao-Hoành-Nhân
có lời thơ bay bướm, mơ mộng,
Khương Lam thủ thủ bên người
yêu với một giọng náo nức :

...Này em ơi, giòng sông bao giờ
cạn ?

Mối tình ta có phai lạt không em ?

— Ngẩng đầu lên, ánh trăng vàng
run rẩy

Đồ trần trên mái tóc dằm sương
đêm...

Qua kẽ lá, kia ngôi sao nhìn trộm
Hắn nhìn em say đắm gục vai anh...

Còn gì mộng cho bằng cái cảnh
trăng thanh gió mát giữa cánh đồng
mông mênh thơm mùi lúa chín,
trên một chiếc cầu nhỏ nhỏ bắc
ngang dòng sông vắng, người yêu
bên cạnh người yêu, mặt nhìn mặt,
tay cầm tay, to nhỏ những lời ân ái :

...Trên cầu tre, anh nhìn em lặng lẽ
 Ánh vàng trời, chẳng nhẽ? hỏi em ơi!
 Tình chúng ta đã thấm đến đâu rồi?
 Em thử tình - ô kìa! Sao đang rụng,
 Nước róc rách nhịp cầu tre rung
 động,
 Anh đèn ai le lói — Lửa ma chơi?
 Cầm tay em, tìm anh như ngừng đập
 Mùi thơm thơm, hoa lúa lẫn hoa
 người...

Hoàng-Yên-Trang đã sáng tác
 rất nhiều, ta hãy ngâm thử vài ba
 câu :

... Nhà bên, em đừng xem hoa nở,
 Xao xuyên lòng anh cũng nở hoa...
 ... Tiếng hát thoảng buồn như nhắc
 nhớ
 Mấy mùa thu chiến thuở năm nao,
 Chia lỵ đôi ngả sầu chinh phụ
 Gạt lệ thầm nghe gió nghẹn ngào ...

Đọc Văn- Uyên trong « Huyền
 Chân Công Chúa » ta không thể
 không bồi ngùi như khi đọc Sa-
 Giang Trần-tuấn-Kiệt trong « Bá-
 Nha Tử-Kỳ ».

...Chàng đi chiến địa ngoài xa
 Cung sáu hoang vắng tình hoa mộng
 về.
 ... Thấy rơi, thấy chất, thấy chông,
 Máu rơi, máu chảy, cánh đồng hoang
 liêu...

...Nàng đi Hoàng-hậu Chiêm-Thiên,
 Nàng đi dệt mộng ngày xanh Đờ-
 Bàn,

Đờ-Bàn xây khói huy hoàng
 Thăng-Long thành cũ mệnh mang
 óm sâu...

Nguyễn-Hoài-Yên có những cảm
 xúc nhẹ nhàng khi mùa thu tới :
 ...Gió mùa thu đến vườn rơi lá
 Cây cỏ mơ buồn, sao nhẹ vương
 Mây cuốn êm đêm, thương nhớ bạn
 Mơ về dĩ vãng, giấc mơ sương?..

Và lúc xuân sang : Nguyễn-hoa-
 Yên đã nhìn đời bằng đôi mắt lạc
 quan đầy hứa hẹn :

... Ngày mai hoa nở nhiều hoa nữa
 Sân nhà ai nhỏ lắm hoa cau...
 ...Có những mùa xuân nhạt nắng
 chiều
 Vườn đầy hoa nở ngát hương yêu
 Mây trời nhẹ nhẹ, lòng hơi lạ
 Không hẹn mà như đã hẹn nhiều.

Cao-ngọc-Ân ngày thơ và mơ
 mộng, một sớm tinh sương ra mở
 cửa, trông thấy cảnh trời đất mông
 lung, Ngọc-Ân như băng khuâng
 nhớ tiếc một cái gì, phải chăng
 một thời thơ ấu đã qua đi và
 không trở lại ?

...Gió quá khứ mờ man
 Tà áo năm xưa cũ
 Sờn bạc màu thời gian
 Tình thương còn đọng ngổ
 Sảng tình sương mở cửa
 Đời buồn một mình em...

Với Sa-Giang Trần-tuấn-Kiệt
 ta vẫn được thưởng thức những
 vần thơ nhẹ nhàng trong « Hận
 Tình Khúc »

... Bâng khuâng gió thoảng tơ tình
 Mộng lòng ai dệt bóng hình xa khơi
 ... Bờ lau xám gió lay bóng nguyệt
 Giòng sông xanh biền-biệt chảy xuôi
 Hận tình biết thuở nào nguôi
 Thuyền buồn khoang lạnh, bóng
 người nhớ nhung.

Giọng văn của Ai-Trình nhẹ
 và thoát như những câu ca dao :

Anh, người trai xứ Bắc
 Em, cô gái miền Trung.
 Quê anh có giải sông Hồng.
 Quê em cũng có nước giếng sông Linh.
 Xa quê từ độ chiến chinh.
 Xa quê từ độ nước mình chia đôi,
 Miền Trung, xứ Bắc đẹp tươi.
 Giờ đây thì đã ngập trời oán than!

* * *

Anh, người trai xứ Bắc,
 Em cô gái miền Trung,
 Nhớ sông Linh với sông Hồng.
 Bắc Trung, chung một tấm lòng hoài
 hương!

GIẬN NHAU

truyện ngắn _____ của phương khanh

HÃNG quả quyết đứng dậy :

— Thôi, lần này thì nhất định đi tắm đây. Muộn rồi còn gì. Anh Nhân hẹn sáu giờ. Bây giờ năm giờ. Tắm xong sửa soạn thì vừa. Ngồi với cộ cứ cả ngày cũng không hết truyện.

Kim cười :

— Ừ, mà có nói chuyện với em cả ngày đi nữa thì mai chị cũng về rồi còn gì. Nhưng thôi tha cho chị đấy. Sửa soạn rồi còn đi dạo phố với phu quân chứ.

Hãng quay lại phát mạnh vào vai em :

— Nỡm nào. Chỉ được cái chế riếu là không ai bằng.

Rồi Hãng lấy quần áo vào nhà tắm. Hai vợ chồng nàng mới ở Hải phòng lên hồi sáng. Đã lâu mới lại về thăm cha mẹ. Từ hồi cưới đến nay để đến gần một năm. Nhiều khi nhớ nhà quá Hãng cũng muốn về vài hôm. Nhưng nghĩ đến Nhân lủi thủi một mình Hãng lại thôi.

Tuy đã lấy nhau gần một năm mà hai người vẫn soạn suýt như hồi mới cưới. Hai vợ chồng chẳng bao giờ rời nhau một bước. Lần này may sao Nhân lại được sớ phái về Hà nội hai ngày. Thấy vợ

có vẻ nhớ nhà, Nhân nghĩ rõ Hãng về cùng. Nàng nhận lời liền.

Tối hôm trước, Hãng sửa soạn mãi cái « sắc » đựng quần áo của hai vợ chồng. Lần đầu tiên, kể từ khi lấy nhau, hai người đi chơi xa. Hãng lục lung tung tủ áo, chọn những cái nàng thích nhất xếp ra một chỗ. Nhân trông thấy ngạc nhiên :

— Sao em đem theo nhiều quần áo thế. Ngày kia về rồi cơ mà.

Rồi Nhân chỉ vào đồng áo dài Hãng đã gấp gọn gàng.

— Em định đem đi đấy à ? Thôi, có một ngày, đem áo dài theo làm gì.

Hãng nũng nịu :

— Em mang về để còn đi chơi với anh chứ. Chẳng lẽ đi chơi cũng mặc áo đi xe à ? Bẩn chết.

Đêm hôm ấy nàng bàn tính mãi với Nhân về những công việc ngày hôm sau. Cho đến lúc chồng đã ngủ say rồi mà Hãng vẫn còn thao thức mãi. Tối mai, hai vợ chồng sẽ đi xem chiếu bóng ở rạp Majestic. Nghĩ đến rạp Majestic, Hãng lại nao nao. Hôm nhĩ hỷ, hai vợ chồng cùng rủ nhau đi xem ở rạp này. Hôm ấy chiếu phim « Tắm tắm thần » một phim thần thoại Ấn-Độ trích trong « Một nghìn

một đêm lễ. » Chuyện phim không có gì đặc sắc. Nhưng mỗi lần nhớ đến, lòng Hằng lại thấy nao nao. Ngày mai thế nào cũng phải đi xem mới được. Nhà mẹ nàng ở phố hàng Bông. Hai người có thể thủng thỉnh đi bộ xuống. Buổi chiều mát mẻ mà hai đứa giắt tay nhau đi ven hồ thì thú biết mấy. Hai đứa sẽ đến sớm để ngồi vào những cái ghế lắn trước.

Rồi Hằng tiếp đi trong niềm vui nhẹ nhàng ấy.

Kim đập cửa buồng tắm:

— Này chị Hằng, ra ngay đây em bảo. Anh Nhân anh ấy đang mạch tội chị đây này.

Hằng mừng rỡ:

— Anh ấy về rồi đấy à? Khá quá nhỉ. Sớm hơn giờ hẹn cơ.

Rồi Hằng mở cửa bước ra ngo ngác:

— Đâu, anh Nhân đâu?

Kim cười:

— Đùa chị đấy. Ra đây em chải đầu cho. Chị không biết chải. Tóc uốn đẹp thế mà chải lằng nhằng phí cả đi.

Hằng lấp liếm:

— Thôi, già rồi còn gì. Thế nào cũng được.

Tuy nói thế, Hằng cũng nhìn Kim thăm ao ước. Nàng biết rằng mình không khéo trang điểm bằng em.

Kim đánh phấn cho chị xong, chọn một màu son thật tươi, tô môi Hằng. Rồi Kim nhẹ nhàng chải từng lọn tóc một. Lúc Kim buồng lược đứng thẳng dậy, Hằng soi mình vào gương thấy mình đẹp lên bội phần. Nàng bằng lòng với mình khi nghĩ đến lúc hai đứa giắt tay nhau đi chơi. Hằng chắc hôm nay Nhân sẽ ngạc nhiên lắm về nhan sắc của nàng. Từ lúc đó.

Hằng mong Nhân về quá.

Mà Nhân cũng lạ thật. Hẹn với nàng là sáu giờ mà gần bảy giờ chưa thấy về. Hằng vừa soi gương vừa hỏi:

— Quái sao mãi anh ấy chưa về nhỉ?

Kim đang rửa tay, nói vọng vào:

— Được, chị cứ mặc quần áo sẵn sàng. Anh ấy về ăn, xong là đi ngay chứ gì.

Nhưng Hằng mặc xong quần áo mà Nhân cũng chưa về. Hằng lấy tập báo xem, đầu óc để đầu. Rồi Hằng chán nản gấp báo lại, đi ra cửa.

Trời tối hẳn, nền trời ngả màu tím đen. Dãy đèn ở ngoài đường bật sáng, chạy mãi về phía đầu phố. Hằng có cảm tưởng những cái đèn càng ngày càng gần nhau hơn. Khổ xá vắng vẻ hẳn. Vài người phu xe ueue oải đạp xe không đi đón khách.

Một cặp vợ chồng ở ngõ Hội Vũ đã ra đi về phía nàng. Hằng không muốn nhìn mà mắt cứ đưa theo họ. Cô vợ đi bên cạnh có vẻ nũng nịu quá. Hai người nắm tay nhau sao mà đầm ấm thế. Cô vợ có vẻ yêu đời lắm cứ toe toét luôn miệng. Lúc họ đi ngang mặt, Hằng vờ nhìn sang vườn hoa. Nhưng họ đi khỏi, Hằng lại dõi theo.

Mà Hằng thì có kém gì họ? Giá Nhân về sớm thì bây giờ mình cũng đi như thế ở Bờ hồ rồi.

Một hồi chuông leng keng vang lên. Hằng quay đầu lại. Chiếc xe điện đã đậu ở chỗ tránh sẽ cửa nhà nàng từ hồi nào. Mấy người trên xe hồi hả bước xuống. Hằng nhìn lên. Toa xe sáng trưng.

Vài người đàn bà đứng gần cửa.

Tay họ cầm chiếc đòn gánh chững chững sắn. Bên cạnh, quang gánh chất lên nhau cao ngều nghện.

Hằng thở dài. Giờ này, ai cũng về hết rồi mà không biết Nhân còn lang thang ở đâu.

Nàng quay vào trong nhà lo lắng.

— Kim ơi ! Sao mãi bây giờ anh ấy chưa về nhỉ ? Hơn tám giờ rồi còn gì.

Nhìn dáng điệu bồn chồn của chị, Kim cười :

— Thì làm gì mà chị cứ cưỡng lên thế nào. Ngộ lỡ anh ấy có việc cần thì sao ?

— Cần thì cũng phải về qua báo cho mình biết chứ. Sốt ruột. Không biết có chuyện gì không ?

Kim gạt đi :

— Ổi dào, chị thì lúc nào cũng sợ có chuyện. Rõ thật là dân đồng chua nước mặn ra tính. Chắc ai lại rủ anh ấy đi chơi chứ gì.

Hằng tức tối :

— Rủ đi ? Thế sao anh ấy lại hẹn chị tối nay ? Đã thế, chị không đi với anh ấy nữa.

Hằng đang vùng vằng cởi áo thì Nhân về. Vừa thấy vợ Nhân vội phân trần :

— Em chờ anh lâu lắm hả ? Gớm, ngồi quán cà phê mà sốt ruột quá. Mấy lần định đứng dậy mà anh bạn cứ giữ lại nói truyện.

Thấy Hằng vẫn im lặng cởi cúc áo, Nhân biết nàng giận nhưng vờ hỏi :

— Kia, không đi à ?

Kim đỡ lời :

— Chị ấy giận đấy, chờ anh từ lúc sáu giờ cơ mà.

Nhân nhìn vợ :

— Thôi, anh xin lỗi. Gớm, hôm nay lảnh phần xinh quá. Nào, mặc áo vào nào.

Rồi Nhân lại cài cúc hộ vợ.

Hằng đã hết giận nhưng vẫn nguýt chòng, phụng phịu.

Ra đến đường, Nhân hỏi :

— Đi Majestic em nhé.

Hằng bàn :

— Bây giờ có lẽ Majestic sắp chiếu. Người ta mua hết vé rồi còn gì. Thôi, hay chúng mình đi loanh quanh ở Bờ Hồ rồi sáng mai bầy xem ciné ?

Ý Hằng muốn đề sáng mai đến sớm còn chọn đúng chỗ mà hai người ngồi lẫn trước. Nhưng Hằng không nói ra, sợ Nhân cười mình lần thân.

Nhân có lẽ không hiểu ý Hằng nên gạt đi :

— Thôi, bây giờ đi em ạ. Mai anh hẹn anh bạn rồi, sợ không đi với em được đâu.

Hằng thấy nghẹn ở cổ họng. À thì ra Nhân không nghĩ gì đến nàng. Lúc nào cũng bạn. Có lẽ tối hôm nay Nhân đi với nàng là vì đã trót hẹn rồi. Hoặc là ông bạn ấy bạn nên không đi với Nhân được nữa. May mà Nhân lại không gặp ông bạn nào khác, chứ nếu gặp thì bây giờ nàng còn chờ mỗi mắt. Mà mình cũng ngu thật. Nếu anh ấy muốn đi với mình thì lúc này đã về sớm. Thế mà Nhân bảo là Nhân sốt ruột. Chẳng thà cứ nói thẳng ra còn hơn. Tại sao lại phải giả dối với mình. Không đi thì thôi, mình ở nhà chơi cũng được. Đi mà phải gượng ép như thế thì còn gì là thú vị. Có lẽ anh ấy thấy mặt mình khó chịu nên nói xuôi cho êm chuyện, chứ sốt ruột gì.

Nhân thấy vợ im lặng, hỏi sẽ :

— Anh gọi xe em nhé ?

— Gọi làm gì hở anh ?

— Đẽ đi ciné chứ. Sắp đến giờ rồi.

Hằng cố lấy giọng thản nhiên :

— Không. Em không đi đâu. Em ghét cái phim này lắm. Đi chơi loanh quanh thôi.

Thật ra thì Hằng cũng chả biết tuần này chiếu phim gì cả. Nhưng bây giờ mà lên rạp ciné thì nàng chỉ thêm bực mình. Vì Hằng cứ có cảm tưởng là Nhân thừa thì giờ mới dẫn nàng đi. Ý nghĩ ấy làm nàng thấy tức tối. Tuy thế nàng vẫn bước bên chồng.

Nhân dỗ dành :

— Thôi. Hằng ơi. Đi xem với anh. Lâu lâu mới về. Đi với anh cho vui.

Hằng lặng thinh.

Nhân gọi xe bảo đến phố Đồng Khánh.

Đứng ở cửa rạp, Nhân nhìn vào cái biển nhỏ kẻ chữ « Hết Vé », chàng thất vọng.

Hằng cười nhạt nhẽo :

— Chín giờ hơn rồi còn gì nữa. Hôm nay thứ năm, mới thay phim, làm gì có ghế thừa. Thôi về đi anh.

Nhân vót vát :

— Hay ta xuống Đại-Nam, ở dưới ấy chín giờ rưỡi mới chiếu.

Hằng cương quyết :

— Không, em không xem đâu.

Rồi nàng đi ngược trở lại.

Nhân cũng lặng lẽ bước bên cạnh.

Chính ra thì Hằng đã không định đi ciné tối nay. Nhưng thấy hết vé Hằng lại bực mình. Trong cái bực mình này lại ẩn sự đắc ý. Hàng cho là chỉ tại Nhân. Tại Nhân về muộn, Nhân không nghĩ đến nàng. Thấy chồng đi bên cạnh không nói gì Hằng lại cáng cáu. Giá lúc ấy Nhân nói khó với nàng, dỗ dành nàng thì

nàng đỡ giận đấy. Đẳng này Nhân lại lờ đi. Vì thế Hằng càng tức tởm.

Qua trường Nguyễn Trãi, Hằng cố ý đi sát hàng rào sắt nhìn vào trường. Nàng cũng chẳng định nhìn cái gì cả, nhưng muốn Nhân thấy mặt mình. Những lớp học cửa đóng im ỉm. Hằng thở dài nghĩ lại thời còn đi học. Hồi ấy Nhân chiều chuộng Hằng biết bao. Hằng còn nhớ nhiều hôm nàng chẳng chịu chép bài gì cả. Lúc về nàng lại mượn vở của chị An đem đến nhà Nhân nhờ chàng chép hộ. Vì sợ giáo sư biết Hằng lười, Nhân phải tập mãi cho giống nét chữ của Hằng. Nhiều khi Nhân mạo chữ nàng mà các em còn lầm.

Hằng chua chát nghĩ rằng bây giờ Nhân không cần nàng nữa mà nàng lại phải cần Nhân.

Hằng cứ lững thững đi bộ. Tuy không nhìn sang mà nàng đoán là Nhân bực mình lắm. Hai người cùng im lặng bước.

Lên đến đầu hàng Trống thì chân nàng mỏi lắm rồi. Tuy thế nàng vẫn cố đi vì còn hy vọng Nhân hòa giải. Nàng biết rằng nếu bây giờ mà không hòa được với nhau thì lát nữa về nhà đóng người hai đứa lại càng cách xa nhau thêm. Mà như thế thì đêm nay Hằng không thể yên tâm được. Nhưng hình như Nhân không hiểu gì cả. Hay Nhân hiểu mà không muốn dỗ dành nàng. Mà Nhân thì cần gì nàng cơ chứ. Ý nghĩ ấy làm Hằng lại xa Nhân. Rồi tự nhiên Hằng đi chậm lại. Gió ngoài hồ thổi vào mát rười rượi. Hằng nghĩ đến ngày chưa cưới. Có một lần hai đứa cũng đi với nhau thế này. Cũng dưới những bóng cây cao

vút này. Hằng còn nhớ hôm ấy là lần đầu tiên hai người đi với nhau.

Hồi ấy hai đứa mới yêu nhau. Rồi Nhân phải đi cắm trại cùng đoàn Hướng Đạo một tuần. Một tuần ấy hai đứa nhớ nhau quá. Hôm về Nhân vội vàng đến nhà Hằng rủ nàng đi xem triển lãm nội hóa. Thật ra thì Nhân kiếm cái cơ hội để hai đứa đi chơi phiếm với nhau thôi. Hằng biết thừa đi nhưng cũng nhận lời ngay vì chính Hằng cũng muốn thế. Hôm ấy hai đứa đi ven hồ mãi mà chả thấy mỗi chân gì cả. Hằng nghĩ lại mà ngao ngán. Thì hôm nay hai người cũng đi đấy. Cũng những lùm cây cao vút, gió hây hây. Mặt hồ gợn sóng nhờ những ánh đèn lóng lánh dưới nước.

Hằng gầy gầy với cảm giác đang ở trong một cảnh giống hệt một cảnh đã sống qua. Nhưng hôm nay sao mà buồn thế. Chả bù với hôm ấy, nàng vui vẻ nói năng huyền thuyên. Bây giờ hai người vẫn đi cạnh nhau mà lòng buồn tênh. Hằng liếc chòng thấy chàng nhìn ra phía đường. Chỉ có tiếng giày nện trên nền xi-măng cồm cộp trong đêm vắng. Tự nhiên, Hằng thấy cái âm thanh ấy nó trơ trẽn lạ.

Nhân uể oải :

— Thôi, gọi xe đi, Anh mệt lắm rồi.

Hằng bước nhanh qua mặt Nhân ra mé đường vẫy một cái xe rồi leo lên. Nhân cũng ngồi cạnh. Người phu xe đạp mãi chả thấy hai người nói gì, khẽ hỏi :

— Ông bà đi đâu ạ.

Hằng đáp cụt ngắn :

— Hàng Bông.

Rồi nước mắt nàng nữa muốn trào ra Hằng phải nuốt ừng ực ba bốn lần để nén nghẹn ngào. Dù sao thì cũng không thể khóc cho Nhân trông thấy được. Nhân đã không cần nàng, không nghĩ gì đến nàng mà nàng lại khóc như thế thì hèn quá.

Hằng tự nhủ sáng mai sẽ về Hải-phòng thật sớm.

* *

Sáng hôm sau, Hằng về thật, dù cậu mợ và các em giữ thế nào Hằng cũng không ở. Nhưng Hằng lại nói tránh là đi buổi chiều sợ sượng vì mới bị cảm. Hằng chẳng muốn ai biết hai đứa giận nhau. Ông cụ có vẻ tin. Có lẽ ông cụ còn vui lòng nữa. Tính ông chân chỉ. Mà cô con gái lại biết lo cho sức khỏe thế là hợp ý cụ lắm.

Còn Nhân thì chẳng nói gì cả. Anh chàng có vẻ buồn. Hằng về thế này thì có lẽ anh chàng ân hận lắm. Thế là Hằng chẳng được đi chơi.

Hằng đứng ở cửa sổ xe lửa nhìn xuống đường. Đến mỗi chỗ chần, Hằng lại nhìn suốt lượt xem trong đám người đứng dưới ấy có Nhân không. Dù Hằng đã biết là Nhân chả đứng đấy làm gì. Nhưng nếu Nhân đứng đấy mà không nhìn thấy Hằng thì chàng sẽ thất vọng lắm. Ban nãy lúc ngồi chờ xe chạy, Hằng đã định trở lại. Nhưng Hằng chỉ nghĩ thế thôi chứ quay về làm gì, Nhân cười cho. Giá lúc ở nhà đi, Nhân giữ Hằng lại nhỉ. Nghĩ đến đây, Hằng tủi thân nước mắt chạy quanh. Bây giờ Hằng nhớ Nhân quá. Giá mà trở về nhà được. Nhưng mà xe đã chạy rồi. Không biết lúc này Nhân làm gì. Nhân

có buồn không. Hằng cũng hay lời thôi lắm. Nhân yêu Hằng đấy chứ. Chính Nhân rủ Hằng cơ về mà. Chắc tối hôm qua Nhân buồn lắm đấy. Không biết rồi sau Nhân đi đâu đến mười hai giờ mới về.

Nàng tưởng tượng đến cái cảnh tối hôm qua của chồng. Chắc anh chàng trở lại bờ hồ. Nàng nghĩ đến lúc Nhân một mình trong đêm vắng lòng buồn thiu, Hằng thấy ân hận quá. Nhân chiều nàng biết bao. Không bao giờ làm nàng buồn. Mà chỉ vì câu chuyện con con ấy, Hằng lại làm chồng buồn. Nàng thấy thương chồng quá. Bao nhiêu lâu mới đi với nhau một lần mà lại giận nhau. Giá bây giờ được gặp Nhân, thì Hằng sẽ đến sau lưng Nhân cù vào gáy chồng một cái. Rồi Nhân sẽ quay lại ôm lấy đầu Hằng mà hôn lên tóc Hằng. Nhưng bây giờ Nhân đang ở trong thành phố, mà Hằng thì ngồi trên

cái xe lửa này. Làm sao gặp nhau ngay được. Mãi đến tối cơ. Nhưng mà ngộ lỡ Nhân giận nàng mà không về. Nhưng Hằng yên tâm ngay vì Hằng biết chắc chắn là Nhân yêu nàng lắm. Xa nhau thế này Nhân nhớ lắm. Thế nào tối nay Nhân cũng về.

Lúc xuống ga, nàng sẽ rẽ vào chợ.

Tối nay, mãi mười giờ Nhân mới tới nhà. Chắc Nhân đói lắm. Hằng sẽ nấu sẵn một soong cháo thật ngon. Hằng sẽ mua miếng sườn lợn nhỏ, lợn nhỏ thịt thơm hơn — rồi hầm cho vào nấu cháo.

Đi về mệt, Hằng sẽ bắt chồng ăn cháo thật nóng cho ra mồ hôi.

Rồi Hằng mỉm cười nghĩ đến lúc hai đứa rúc vào chăn, bàn thiên hạ sự.

PHƯƠNG-KKANH



TIÊN TRI

Có một đoàn quay phim từ Mỹ sang Ấn-Độ quay ngoài cảnh. Họ ngạc nhiên không hiểu tại sao một ông già Ấn lại tinh thông thiên văn đến thế. Sáng nào họ cũng hỏi ông, và không bao giờ ông đoán sai cả. Nhưng một hôm ông từ chối, nhất định không nói gì.

Người trưởng đoàn quay phim hỏi :

— Thưa, có điều chi vậy ?

Ông già đáp :

— Không có chi cả, chỉ tay máy truyền thánh của tôi hỏng, thế thôi.

Báo tuyên lựa

CÁ LÀ GÌ

Cá là một giống vật rất chóng lớn trong khoảng nó bị câu cho đến lúc người đi câu kể truyện nó cho bè bạn nghe.

C. Herald

BẠN VIỆC

Không có một người nào, dù bạn đến đâu thì bạn, mà không có thời giờ để kể lại công việc mình cho người khác nghe một cách hết sức tỹ mỹ.

Le Cincinnati

HƯƠNG RỪNG

Mờ lỏ đầu dày hiện xóm Mường
 Nhà sàn e-lệ nép trong sương
 Mùa xuân chốn ấy riêng bờ cõi
 Hân nụ tình kia vẫn khép hương
 Trăng nhô liềm bạc núi Thiên-thai
 Ta nhớ chiều xưa Vọng-mỹ-Đài
 Cặp mắt là đây, tiền kiếp nhé
 Vành cong cong vỹ nguyệt sợ khai.

VŨ-HOÀNG-CHƯƠNG

ĐÊM KÝ BÚT

Nói si, cốt nhạc, giống da tình
 Vạn thuở còn say bóng nguyệt chênh
 Mực ngát trang thơ dòng lạch bản
 Đằm tươi màu tóc Thôi Oanh Oanh
 Trăng sáng ngỡ hoa động cách tường
 Câu thần phơi phới vóc băng sương
 Đã ai về ngự đêm ký bút
 — Giải gấm phong lưu nhụy hải
 đường

Chất mồn đào yêu, nồn ngó sen
 Nát tơ nhàu lụa phứt trần duyên
 Cánh tay hần vết son dài các
 Ói, đóa hồ ly, nụ giáng tiê

Bút tuôn phong vũ mấy vắn thơ
 Ai đó tình si tự kiếp xưa
 Khiến kẻ ngàn sau nằm đọc sách
 Còn mơ lần nữa giấc ai mơ

Ta nằm mơ lại giấc mơ cuồng
 « Vọng mỹ nhân hề thiên nhất
 phương »

Gối nệm gầy gầy mùi dị phấn
 Lông đơn nặng trĩu gái Tây Sương.
VŨ HOÀNG-CHƯƠNG

CHỜ ĐỢI HOÀI CÔNG

Ta đợi em từ ba mươi năm
 Ưông hoa phong nhụy hoài trắng rằm
 Heo may chớm đã lên mùa gió
 Ngan ngát chiêm bao lạnh chiều nằm

Cúc tả tơ vàng, mộng xác xơ
 Hiên sương ngõ lá vẫn trông chờ
 Đêm dài quạnh hê đôi song lớn
 Nguyệt đọng vồng tay và giấc mơ

Ngai trống, vàng son lọt sắc rồi
 Lòng ta, Hoàng-Hậu chẳng về ngôi
 Hồ-ly không hiện, người không đến
 Chỉ ánh trăng vào khuôn cửa thối

Hiu hắt tình trai một kiếp xuống
 Mênh mông nệm gối rét cần buồng
 Lệ sa bạch lạp, ngàn đêm trắng
 Thơ vút sầu say, rượu chập cuồng

Đã mấy canh khuya nụ ngát nhà
 Kết chưa thành mộng ý liễu-trai
 Lung linh nguyệt thắm vàng trang
 sách

Đợi chẳng bưng sen nhíp gót ai

Thôi thế hoài thom tuổi điệu hiền
 Cánh khô mằm lụi, trót hoa niên
 Chương dài ca quán, ôi hồng liễu
 Nửa cuộc trần gian lợm yển điền

Khấp dã nghe tìm mỗi núi sông
 Đầu sương vó ngựa, gió mui bông
 Gió sương giờ vẫn buồng dây lạnh
 Em hỡi! phương nào em có không?

VŨ-HOÀNG-CHƯƠNG

NÓI GIÁC MƠ TÌNH

Kìa bóng trăng rung hồi trống trận
 Ói thối! cuộc thế hết thanh bình
 Hết theo cả một mùa thương nhớ
 Ai xẻ làm đôi mảnh nguyệt chênh

Nhưng mùa dẫu hết tình chưa hết
 Đói mảnh gương nga vỡ lại lành
 Trông mặt cả cười đêm tế ngộ
 «Đào còn tươi má, mộng còn xanh!»

Chuyện xưa nhắc tới càng ngo ngắn
 Lầu lấm rồi, Em đã « của Anh »
 Lầu lấm rồi kia, Chàng « của Thiếp »
 Tự ngày xuân chớm tuổi bình minh

Ai rằng: suốt bấy chầy mưa gió
 Mộng đẹp giờ xây biết có thành
 Ta bảo: ai ơi! càng bão táp
 Mà càng tươi đấy, mộng càng xanh

Hãy xóa mười lăm năm cách biệt
 Cùng nhau mơ nỗi giấc mơ tình
 Hồn mai lòng trúc hương the dợn
 Dằng dặc muốn vắn kiếp tái sinh.

VŨ-HOÀNG-CHƯƠNG



Truyện
ngắn
của
KHÁI
HÙNG

TRĂNG THU

THUYỀN rời cầu Đơ đi xuôi được một quãng, chúng tôi đứng trông về thành phố Hà-đông. Ánh đèn điện đã lẩn trong áng sương mù vàng nhạt, lấp lánh như những ngôi sao buổi bình minh.

Rời cầu ra xa, tôi càng có cái cảm tưởng tiến sâu mãi vào một cảnh lạ lùng chưa từng bao giờ tới thăm, tuy vùng sông Nhuệ là nơi tôi đã sống cả một thời niên thiếu.

Là vì cái cảnh tầm thường và quen biết kia, ánh trăng thu như đã có phép huyền bí, màu nhiệm làm cho vụt trở nên một cảnh khác hẳn, một cảnh dịu dàng đầy thi vị, đầy mộng ảo.

Tôi một mình lên ngồi trên mũi. Cây đàn nguyệt trong khoang đã ngừng tiếng gảy. Giọng cười đùa cũng đã im lìm. Hích như ai nấy cùng cảm động đề trí bình tĩnh mơ màng theo con thuyền êm lặng, êm lặng lướt trên mặt nước sóng bằng phẳng, lơ lửng phần

chiếu bóng cây đa xù-xi, cây gạo cao vút, cây xoan mảnh khảnh, những khóm tre rậm rì hay xơ xác ngã nghiêng và những lò gạch hoặc vắt ngang một làn khói trắng đặc, hoặc đổ nát, bỏ hoang bên những túp lều tre tường siêu, mái sọt.

Tôi như nín hơi thở, để mặc tâm hồn sống trong một cảnh hư vô. Và tôi thoáng cảm thấy trong giây phút, rằng nếu mặt trời là của sự hùng tráng, của sự rực rỡ, của các màu sắc lạn, huy hoàng, của trăm tiếng chim đua hót, của trăm thức hoa đua nở khoe tươi, của trăm sự hành động, cạnh tranh, chiến đấu rộn ràng, thì trái lại, mặt trăng chỉ riêng của một sự yên lặng.

Bỗng tự trong bóng tối dưới dãy tre đen um đưa ra một câu hát trống quân, giọng lạnh lạnh, điệu khoan thai. Chúng tôi tất tấc khen, thì người vừa hát cất tiếng cười khan khách đáp lại

rồi bốn cột hỏi :

— Hát không ?

Chúng tôi cũng phá lên cười cùng một dịp :

— Hát !... Ai đấy ?

— Lão Nhiều đây !

Chúng tôi còn biết lão Nhiều là ai, nhưng cũng có người trả lời liều :

— À ông lão Nhiều ! Ông lão Nhiều đấy à ? Vậy ông xuống thuyền đi chơi trăng với chúng tôi nhé ?

— Đi chơi giăng thì còn nói gì nữa ? Nhưng có nước trăng đấy chứ ?

Chúng tôi hỏi nhau và đoán chừng nước trăng là rượu ty.

Khi thuyền ghé lại sát gần, người khách lạ cầm chúng tôi bằng một câu ngâm sa-mạc giọng rướn cao như giọng con gái :

Ấy ai đi đấy hỏi ai.

Hay là trúc đã nhớ mai đi tìm ?

Thấp thoáng dưới bóng cây khế cành lá lòa xòa rủ xuống mặt nước, người vừa hát ngồi trong một chiếc tam bản nhỏ.

Chúng tôi chưa ai nhìn rõ người ấy còn trẻ hay đã già, nhưng đoán chừng tuổi đã khá cao, vì chẳng thể lại dám tự xưng mình là « Lão Nhiều ».

Mãi lúc người ấy chống hèo lảo đảo đứng dậy vịn vào mạn thuyền chúng tôi mới biết đó là một người đàn ông khoảng năm mươi tuổi, mặt mày nhẵn nhụi, thân thể vạm vỡ, nở nang trong bộ quần áo trắng dài, cái đầu, tóc húi ngắn lồm chồm đứng dựng, một con mắt — vì người ấy chột — thao láo nhìn chúng tôi không chớp trông rất dữ dội. Thấy người

ấy chỉ chực ngã chúi xuống, chúng tôi phải xúm lại kéo lên thuyền. Giọng sắc mùi rượu, nhưng vẫn trong trẻo, người ấy hát bài ca trống quân xung danh :

Sa-la lã Nhiều là tôi

*Cơm ngày hai bữa, rượu thời
vài be.*

*Rượu xong lão Nhiều say nhè
Nghêu ngao là nghêu ngao miệng
hát bài về khi một khi.*

Rút lời, Nhiều cười giọng tuồng :

— Ha ha ! hơ hơ ! hi hi ! . . .
he he !

Chúng tôi đều phải bật cười theo. Từ đó khoang thuyền đầy những tiếng huyền não, ồn ào, bốn cột. Ai nấy ra sức hỏi đùa, trêu ghẹo người say rượu.

— Ông Nhiều hát nữa đi cho vui !

— Hát à ? Nhưng các ông ăn uống gì đây ?

— Bánh dẻo với nước chè mạn, mời ông xơi.

Ông Nhiều lại giở giọng cười tuồng ra :

— Ha ha ! hơ hơ ! hi hi ! Ai lại nhắm nước chè trông giống như đàn bà thế ? Phải có khoản kia mới thú chứ ? Khoản nước . . . nước trắng ấy mà.

Rồi ông ta lại hỏi tiếp luôn :

Nam nhi vợ tửu ai ơi,

*Như cờ không gió bay thời sao
được sao.*

Một người trong bọn chúng tôi khen phỉnh một câu :

— Giọng ông ấy tốt quá, nghe sang sảng như tiếng chuông vàng.

Nhiều cười tự đắc :

— Chuyện, khắp vùng này còn ai lạ gì tiếng tăm lão Nhiều. Đi

đến nơi nào là phá giải trống quân nơi ấy.

Lúc đó thuyền đi sát một làng ở ven hữu ngạn. Nhiều giờ tay thì thăm bảo chúng tôi :

— Im nhé ! Im cả nhé !

Chúng tôi còn chưa hiểu cử chỉ của Nhiều mà chúng tôi cho là cử chỉ của một người say rượu, thì văng vẳng từ trong lũy tre um tùm đã đưa ra câu vãn giọng the thé non nớt, giọng người còn ít tuổi và mới tập hát :

*Này tri âm ơi,
Thuyền tình sao vội xuôi giòng,
Cho ruột em héo, cho lòng em
đau.*

Nhiều lấy tay bịt mũi hát đáp lại liền :

*Cá nhơn bỏ cả đi đàu ?
Đề dàn rô nhép cần câu đỡ mồi.*

Thuyền đi khỏi một quãng Nhiều mới phá lên cười bảo chúng tôi :

— Chỉ cho một câu là tịt. Chúng nó địch thế nào lại với lão Nhiều được ?

Thích chí ông ta chống hèo đứng dậy « mần tuồng » đóng hết vai Tào-Tháo, Quan-Công trong bản Hoa-dung tiểu lộ, đến vai Đồng-Trác, Lã-Bổ trong vở Phụng-Nghi-Đình. Rồi bỏ giọng tuồng, ông ta hát sang các giọng chèo, mà giọng nào cũng hay, cũng đúng nhịp, điệu bộ lại rõ ra điệu bộ một tay nhà nghề thành thạo. Sau cùng, ông ta ngồi xuống phàn nàn :

— Chỉ tiếc rằng thiếu mất cái nhị, thì vừa kéo vừa hát còn hay nữa. Nhưng mà...

Bỗng ông ta lại giơ tay ra hiệu bảo chúng tôi im, rồi lại bịt mũi

hát một câu trêu ghẹo, khiêu khích. Tôi nhìn lên bờ : Ven con đường hẻm bên lũy tre sắp bóng trăng, lò mờ hiện ra cái cổng và cái tường gạch quét vôi trắng. Và tôi hiểu ngay rằng những làng có gái danh ca ở hai bên vệ sông, ông Nhiều đều thuộc cả. Mà có lẽ ông ta biết cả tên tuổi những người có thể đối thủ được với ông ta nữa.

— Ông theo nghề hát trống quân từ bao giờ ?

Nghe câu hỏi, Nhiều trợn trừng con mắt độc long nhìn tôi một cách mỉa mai :

— Làm gì có nghề hát trống quân ? Trai gái vùng tôi ai cũng biết hát, nhưng chẳng ai là nhà nghề cả. Năm nào trong mấy ngày Tết Trung Thu, nam nữ cũng họp nhau lại hát chơi cho vui, thế thôi.

Ngừng một lát, ông ta lại nói tiếp :

— Tôi nổi tiếng từ năm mười bảy tuổi. Từ thuở ấy đến nay đã ba mươi tư năm, vì năm nay tôi năm mươi một, chẳng năm nào tôi không đi hát. Giả tối mai các ông xuống chơi Tô được, thì các ông sẽ được nghe tôi hát giạt giải. Mà thế nào tôi cũng giạt giải trừ ra tôi lại say như hôm nay mà diu lưỡi lại không hát được.

Chừng ông ta lại cho câu pha trò của ông ta là có duyên lắm nên ông ta vỗ tay cười the thé. Một người trong bọn chúng tôi khen ông ta cười ròn như bóng cô... Tức thì ông ta hát ngay một câu chầu vãn. Đoạn, ông ta nhợt giọng, nững nịu nhại các bà ngồi đồng :

— Nà nà! cô sướng sướng cho đệ tử nhà.

••

Thuyền đến chợ Tó. Bên mấy nhíp cầu gỗ, hàng chục con thuyền yên lặng nằm ngủ dưới ánh trăng. Trên bờ thấp thoáng bóng người đi lại, màu áo trắng xen lẫn màu áo thâm. Ông Nhiều bịt mũi cất tiếng hỏi :

— Có ở đâu còn hát không ?

Tiếng người đáp lại :

— Tan đám đã lâu rồi.

Thực ra, bấy giờ đêm đã khuya lắm. Trăng lên cao tới đỉnh đầu, soi thẳng bóng xuống mặt nước.

Thuyền liền quay mũi. Đi được một quãng, tôi hỏi đùa ông Nhiều :

— Chừng ông sợ bọn con gái phải lòng, nên ban nãy ông mới bịt mũi lại mà hát phải không ?

Ông ta cười, lại kéo một dấp giọng tuồng tự đắc :

— Tôi làm thế cho họ không nhận được tiếng tôi. Vì nếu họ nhận được tiếng tôi thì họ không dám hát với tôi nữa. Ở vùng này họ sợ tôi như sợ cọp, hễ tôi cất giọng lên là họ im thin thít.

Rồi ông ta thích trí kể cho chúng tôi nghe những kỳ công trong cái đời hát trống quân của ông ta, mà tôi xin thuật lại sau đây một đoạn lý thú nhất. Cố nhiên là tôi có sửa sang chút ít lời văn cho ra câu chuyện. Và những chỗ ông Nhiều ngượng ngừng không muốn kể rành mạch thì tôi phải hiểu ngầm cho ông ấy mà thêm thắt vào.

••

Năm mười tám tuổi, Nhiều nhờ về tài hát trống quân mà lấy được vợ vừa xinh vừa giàu, tuy chàng chẳng có đủ cả hai con mắt phượng như bọn trai trẻ tốt mã trong làng. Cố nhiên vợ Nhiều, cô Tâm, cũng là một danh ca. Hai năm liền, nàng cùng Nhiều hát chợ, và cùng Nhiều giật giải trống quân. Thế là cặp tài tử trở nên cặp vợ chồng. Cha mẹ Tâm rất không ưng có anh chàng rề độc long, khổn nổi con mình đã chót mang nặng khối tình cùng người ta rồi, còn biết « ăn làm sao, nói làm sao bây giờ ».

Kề ra cái nhân duyên ấy thực là một nhân duyên lý tưởng. Dưới ánh trăng thu, anh khen chị là thực nữ, chị khen anh là quân tử. Anh tán tụng cái nhan sắc nhận sa cá lặn, mai cốt cách tuyệt tình thần của một cô khuê các ; chị tán tụng cái hào hoa phong nhã, cái nền nếp trăm oanh của một bậc giòng giõi nho gia. Những lúc tăng bốc lẫn nhau trong câu hát sáo, hai người đều mê man, say sưa tin rằng mình thành thực cả. Thực ra, chị chỉ là con ông lý, anh chỉ là con ông xã ; chị quanh năm làm việc ngoài đồng áng, anh theo nghề nung gạch. Nhưng ở đời chẳng có một địa vị, một tình cảnh, một nghề nghiệp hèn mọn nào lại trái ngược với cái nghề làm thơ, làm vè.

Lấy nhau được một năm thì ái tình của Tâm không còn nữa. Tâm yêu là yêu người hát hay, chứ nào nàng có yêu gì anh Nhiều. Thế mà nay Nhiều chỉ hoàn toàn còn là Nhiều mà thôi, vì chẳng lẽ hai vợ chồng lại ngồi hát đối chợ trên gheo, tán tụng lẫn nhau !

Không những Tâm hết yêu chồng, mà còn thù oán chồng là đằng khác. Vì năm năm tết Trung thu đến, nàng không được tự do đi hát trống quân với bọn trai tân như xưa nữa. Cùng đi với Nhiều thì còn thú vị gì, vì chẳng lẽ trước mặt chồng, nàng buông những câu nguyệt hoa lời lẽ, những câu tự tình âu yếm? Chồng nàng lại là người căm ghen. Mà khi ghen thì chàng chẳng còn nói văn hoa như khi chàng hát. Bao lời thơ bị tục tằn chàng đem chút cả lên đầu người mà trước kia chàng nâng niu,âng bốc, phỉnh phờ. Thành thử, mấy năm sau, đến tiết Trung thu sáng tỏ, Tâm đề mặc chồng đi hát cùng bọn gái tơ, một mình ở nhà bông con ra sân, ca vọng lên trời đề gửi chị Hằng Nga hết thấy nỗi hận nung nấu trong lòng.

Nhưng một năm vào dịp Trung thu, Nhiều đi vắng. Chàng ra thăm người cô buôn bán ở Hải-phòng. Tối hôm rằm, Tâm mừng quýnh lúc thấy chị em đến rủ. Nàng thuê bà lão hàng xóm sang trông hộ con, rồi sau khi trang điểm, ra đi với chúng bạn. Nàng cười nói :

— Các chị ạ, đã hai năm nay, tôi chưa được hát « thả cửa » một tối nào. Nhớ chết đi mất thôi.

Chị em nói khích :

— Ai cấm chị hát ?

— Còn ai nữa ? Thăng Chột nó cứ hằm hằm cái mặt, đi hát còn thú gì ?

Thực ra các cô kia cũng đều siêu lòng cả với « thả cửa », vì trong những khi hát đối với Nhiều, các cô được chàng nâng đỡ nên hát rất dễ. Tuy thế nào cũng

thua, cũng bị « lút », nhưng các cô lấy làm sung sướng khi rời đám ra về. Những lúc ấy chắc Nhiều chẳng còn là thằng chột nữa, mà chỉ là một anh chàng rất có duyên.

Chị em thuê thuyền đi Tó. Và trong luôn hai giờ, các cô ca hát thỏa thích, tuy bên nam chẳng phải là những đối thủ xứng đáng của các cô.

Giữa lúc bên địch đương lúng túng thiếu vận, giữa lúc Tâm được thính giả hò reo khen ngợi, thì bỗng nàng đứng dậy kéo chị em ra về, ai nài xin thế nào nàng cũng nhất định không hát nữa. Nàng như nghe có tâm linh báo cho biết rằng chồng nàng sắp tới đám.

Xuống thuyền, chị em xoắn xuýt hỏi vì cớ gì đương vui hát, bỗng đứng lại thối như thế thì nàng có vẻ sợ hãi, đáp vắn tắt :

— Thằng Chột !

— Nhưng anh ấy đi vắng kia mà.

— Nó bảo nó đi độ mươi hôm, mà đến hôm nay là vừa đúng tám ngày.

— Thì còn hai ngày nữa.

— Không. Thế nào đêm nay nó cũng mò về. Chết nó cũng mò về. Nó bỏ qua sao được đêm rằm Trung thu ?

Thuyền ngược khỏi làng Tó được một quãng, Tâm ngược nhìn vàng trắng bạc lơ lửng trên trời xanh trong, mà đoái tiếc cái đời gái tơ tự do đùa nghịch. Và nàng cảm động thốt ra lời than vãn :

*Ôi chị Hằng ơi, thân em như
tấm lụa đào
Phất phơ nay đã lọt vào tay ai?*

Tức thì ở chiếc thuyền theo sau, từ trong mũi đưa ra một câu ca họa lại nguyên điệu, nguyên vần :

*Ơi tri âm ơi, tấm lụa đào dù
lọt tay người.*

Phất phơ em cứ em thời em bay.

Mấy cô sung sướng phá lên reo cười. Rồi Tâm lại ngâm một câu đề chế cái giọng ngọt mũi của anh chàng nào đó. Anh kia cũng ngâm trả lời ngay rằng chàng cảm vì tình nên giọng hát hóa khàn, hóa kém, xin nàng lượng xét cho.

Thế là cuộc hát trống quân giữa sông bắt đầu nhóm. Những lời tình tứ, những câu văn hoa, những điệu lẳng lơ, hai bên moi hết ra đề đối chọi nhau, những lời những câu, những điệu mà trắng thu trong vắt trên giòng nước thu êm lặng bao phủ một làn ánh sáng dịu dàng, huyền diệu. Hai bên càng cảm thấy mình sống trong một thế giới lạ lùng, một thế giới thần tiên khác hẳn với cái thế giới bùn lầy nước đọng, làm ăn vất vả mọi ngày thường.

Hai con thuyền đi song song và cách nhau chỉ chừng mười thước êm đềm thong thả tiến trong khói sương.

Đến Sa-la nàng hát một câu từ biệt chàng. Chàng còn cố khăn khăn giữ lại, nhưng nàng xin chàng tha thứ cho. Rồi chàng ra về, nàng phải gạt lệ, và lòng nàng bị tan nát héo khô vì tình. Nhưng cái thằng chồng nàng nó chẳng ra

gl, nếu về nhà nó biết đi chơi với bạn tri âm, thì nó chẳng khỏi thượng cẳng chân, hạ cẳng tay.

Nàng đã lên bờ, chàng còn hát một câu giữ lại tình tự. Cảm lòng chàng, nàng đứng vịn gốc khế đáp lại mấy lời gẩn bó...

Bỗng một dịp cười ở trong mũi thuyền tung ra, Tâm giật mình sợ hãi cắm đầu chạy. Nàng vừa nghe rõ tiếng cười của chồng. « Trời ơi ! thảo nào mà nó hát giỏi thế ! »

Quả thực người « tri âm » của Tâm trên quãng sông từ Tô đến Sa-la là Nhiều. Trong gần hai giờ, Nhiều đã lấy tay bịt mũi hát đối đáp với Tâm, đề Tâm không nhận được tiếng mình.

Khi Nhiều về đến nhà, Tâm đã vờ ngủ say. Nhiều lay dậy bảo :

— Tri âm ơi ! đêm rằm trăng trong, gió mát mà mình nở bỏ hoài ư ? Dậy đi hát trống quân với tôi đi.

Tâm còn vờ, gắt :

— Hát sướng gì ! Rời ra một bước, con nó khóc nhoe nhoe ấy, còn hát với sướng gì !

Nhiều hiểu thấu lòng ham mê thi trống quân của trai gái, nên bắt đầu từ đó, chàng đề mặc vợ được tự do kêu chọn tri âm trong mấy ngày hội Trưng thu, không hề ghen bóng ghen gió như trước nữa.

KHÁI HƯNG

SẮP RA :

SỢI TÒC

của THẠCH-LAM

vùng trăng qua mấy áng thơ đường

xuân giang hoa nguyệt dạ _____

của TRƯƠNG-NHƯỘC-HU

*Xuân giang triều thủy liên hải bình
Hải thượng minh nguyệt cộng triều sinh
Diệm diệm tùy ba thiên vạn lý
Hà xứ xuân giang vô nguyệt minh*

*Giang lưu uyển chuyển nhiều phương diện
Nguyệt chiếu hoa lam giai như tiển
Không lý lưu sương bất giác phi
Giang thượng bạch sa khan bất kiến*

*Giang thiên nhất sắc vô tiệm trần
Hạo hạo không trung có nguyệt luân
Giang bặt hà nhân sơ kiến nguyệt
Giang nguyệt hà niên sơ chiếu nhân*

*Nhân sinh đại đại vô cùng dĩ
Giang nguyệt niên niên vọng tương tự
Bất tri giang nguyệt chiếu hà nhân
Đãn kiến trường giang chiếu lưu thủy*

*Bạch vân nhất phiến khứ du du
Thanh phong phổ thứng bất thăng sừ
Thùy gia kim dạ thiên chu tử
Hà xứ tương tư minh nguyệt lâu*

*Khả liên lâu thượng nguyệt bồi hồi
Ứng chiếu ly nhân trang kính đài
Ngọc lộ liêm trung nguyệt bất khứ
Đảo y châm thượng phát hoàn lai.*

*Thử thời tương vọng bất tương vấn
Nguyện trực nguyệt hoa lưu chiếu quân
Hồng nhạn trường phi quang bất độ
Ngư long tìm được thủy thành văn*

*Tạc dạ nhân đàm mộng lạc hoa
Khả liên xuân bán bất hoàn gia
Giang thủy lưu xuân khứ dục tận
Giang đàm lạc nguyệt phục tây tà*

*Tà nguyệt trầm trầm tàng hải vụ
Kiệt thạch, Tiêu tương vô hạn lộ
Bất tri thừa nguyệt kỷ nhân quy
Lạc nguyệt giao tình mĩn giang thụ*

DỊCH NGHĨA.—

CẢNH HOA TRĂNG TRÊN SÔNG ĐÊM XUÂN

1.— Nước triều mùa xuân trên sông liên với bờ

- 2.— Trên bề trăng sáng theo nước triều mọc
- 3.— Cùng với sóng mênh mang nghìn vạn dặm
- 4.— Khắp chốn trên sông xuân đều có trăng sáng
- 5.— Sông chảy quanh co bọc làng xóm
- 6.— Trăng soi vào rừng hoa sáng như sương
- 7.— Trên không sương xuống mà như không có sương (bay)
- 8.— Cát trắng bên bãi trông không thấy
- 9.— Sông với trời đều một sắc, không chút bụi
- 10.— Sáng vàng vạc giữa trời một vùng trăng
- 11.— Bờ sông này người nào trông thấy trăng trước tiên
- 12.— Trăng sông này năm nào soi người trước hết
- 13.— Đồi người không bao giờ cùng
- 14.— Trăng trên sông năm năm vẫn thỏ
- 15.— Không biết trăng sông định chiếu ai
- 16.— Chỉ thấy trên Trường-giang soi giòng nước chảy
- 17.— Một đám mây trắng bay lơ lửng
- 18.— Trông rặng cây bàng trên bến càng thêm buồn
- 19.— Đêm nay, người trên thuyền kia nhà ở đâu
- 20.— (Người) ở lâu minh nguyệt nhớ (người) chốn nào
- 21.— Thương bóng trăng vợ vẫn trên lầu
- 22.— Đương soi kẻ ly nhân ở đài trang kính
- 23.— (Ánh trăng) cửa rèm ngọc, cuộn lên không đi
- 24.— (Ánh trăng) trên đá giặt, đập áo vẫn còn
- 25.— Cùng trông trăng mà không nghe thấy (nhau nói)
- 26.— Muốn đây ánh trăng soi (chỗ cửa) chàng
- 27.— Hồng nhạn bay mãi mà không đưa được ánh sáng đến
- 28.— Cá rồng máu lặn thành vết lặn trên trên nước

29. - Đêm trước trên đầm vắng mơ thấy
hoa rụng
30. - Buồn thay nửa mùa xuân qua, người
(đi) chưa về
31. - Nước sông đưa cảnh xuân đi muốn hết
32. - Chồn giang đầm trắng lặn đã xế về tây
33. - Trăng là âm thầm chìm xuống bề
34. - Núi Kiệt - thạch, sông Tiêu - tương
đường xa vô hạn
35. - Không biết dưới trăng mấy kẻ trở
lại nhà
36. - Trăng lặn, lòng buồn lan khắp hàng
cây bên sông.

DỊCH THƠ. -

**CẢNH HOA TRĂNG
TRÊN SÔNG ĐÊM XUÂN**

Sông xuân nước thủy triều dâng
Mênh mông mặt biển một vầng trăng soi

Muôn ngàn con sóng chơi vơi
Chồn nào sóng nước không ngời ánh
ngân

Lững lờ sóng lượn thôn gần
Trăng soi huyền ảo mấy lần rờng hoa
Trời thanh sương phủ bao la
Trên sông cát trắng biết xa hay gần

Nước mây không chút bụi trần
Trăng trong vàng vạc một vầng đêm
thấu

Trên sông ai thấy trăng đầu
Trăng sóng đã chiếu người nào
trước tiên

Cuộc đời dằng đặc vô biên
Mà trăng trên nước liền miền chẳng
rời

Trăng kia nào biết chiếu ai
Gương lồng bóng nước sóng trôi mặt
mờ

Một làn mây trắng lững lơ
Rặng bàng trên bến ngàn ngọc đầm
hàng

Thuyền đêm, ai cảnh tha hương
Ai lâu minh nguyệt nhớ phương trời
nào

Vân vơ thay bóng trăng cao
Kính dài, chiếu sáng mãi vào ly nhân
Cuộn rèm ánh vẫn theo chân
Giữ trên đá giặt mấy lần không đi
cùng

Ánh trăng khộn gửi nhạn hồng
Nỗi tâm rờng cả trên sông sáng ngời

Đêm mơ đầm vắng hoa rơi
Nửa mùa xuân hết mà người vẫn xa
Nước trôi xuân đã gần qua
Giang đầm bóng nguyệt cũng tà về lầy

Trăng dần lặn, bề dáng đầy
Tiêu-tương, Kiệt-thạch xa thay dặm
đường

Trăng này mấy kẻ hồi hương
Trăng tà, tình hận đầy hàng cây sông

Tiểu sử tác-giả. - Trương-nhuộc-Hư, thi sĩ thời Sơ-Đường (từ Vũ-Đức nguyên niên vua Cao-Tổ (618) đến năm Cảnh-Vân thứ ba (712) cộng 94 năm) quê ở Giang-Nam, không ưa lợi danh bỏ buộc, chỉ ngao du thiên hạ tìm bạn thơ. Trương-nhuộc-Hư cùng với Bao-Dung, Trương-Húc và Hạ-tri-Nhuong đều nổi tiếng là danh sĩ xử Ngô.

thập ngũ dạ vọng nguyệt

của VƯƠNG-KIẾN

Trung đình địa bạch thụ thê nha
Lãnh lộ vô thanh thấp quế hoa
Kìu dạ nguyệt minh nhân tận vọng
Bất tri thu từ tại thụ gia

DỊCH NGHĨA. -

ĐÊM RẼM THÁNG TÁM TRÔNG TRĂNG

1. - Giữa sân đất sáng, trên cây chim quạ đậu
2. - Sương lạnh (rỏ) không thấy tiếng, ướt hoa quế
3. - Đêm nay trăng sáng mọi người đều ngắm
4. - Không biết thu từ ở nhà ai

DỊCH THƠ. -

Cây sân quạ đậu, ánh trăng soi
Hoa quế âm thầm hạt móc rơi
Trăng sáng đêm nay bao kẻ ngắm
Nào hay thu từ ở nhà ai

Tiểu sử tác-giả. - Vương-Kiến, thi-sĩ thời Trung-Đường (766 - 835) tự là Trọng-Sơ quê ở Định-Xuyên đỗ Tiến-sĩ đời vua Đại-Tôn (783 - 780) làm Quan-úy đất Vĩ-Xuyên, sau thăng Tư-Mã Thiềm-Châu, chuyên làm các bài hát trong Nhạc-Phủ, còn lưu lại 100 bài Cung-Trung-Tử.

trung thu nguyệt

của BẠCH-CU-DỊ

▷ an lý thanh-quang bất khả ty
Thiên sêu ích hận nhiều thiên nhĩ
Thử nhân lưỡng ngoại cửu chính thố
Hà xứ đình tiền tận biệt lý
Thất sủng cố ky quy viện dạ
Một phiến lão tướng thượng lâu thì
Chiếu tha kỹ hứa nhân trường đoan
Ngọc thổ ngân thiên viễn hữu tri

DỊCH NGHĨA.-

TRĂNG TRUNG THU

- 1.- Muốn dậm sáng sủa không kể xiết
- 2.- Nghĩ nỗi sầu thêm lòng hận khắp trời
- 3.- (Trăng soi) ai ngoài ải đi thú lâu năm
- 4.- (Trăng soi) chốn nào cửa ngoài người ly biệt đi hết
- 5.- (Trăng soi) người cung nữ nhạt tình vua đêm trở lại viện
- 6.- (Trăng soi) người lão tướng mất thành (buồn bã) lên lâu.
- 7.- Trăng đã soi bao người đau khổ
- 8.- Thổ ngọc ở cung thiên xa có thấu chăng

tĩnh dạ tu

của LÝ-BẠCH

Sáng tiền minh nguyệt quang
Nghị thị địa thượng sương
Củ đầu vọng minh nguyệt
Đề đầu tư có hương

DỊCH NGHĨA.-

ĐÊM NHỚ QUÊ

- 1.- Trước giường thấy trăng sáng
- 2.- Ngõ sương rơi trên mặt đất
- 3.- Ngẩng đầu trông trăng sáng
- 4.- Cúi đầu lại nhớ quê hương

DỊCH THƠ.-

THỂ I

Trước giường ánh nguyệt vương
Trên đất ngõ đầy sương
Ngẩng mặt nhìn trăng sáng
Cúi đầu nhớ cố hương

THỂ II

Trước giường thấy bóng trăng soi
Tưởng chừng mặt đất sáng ngời
ánh sương
Ngẩng trông trăng tỏ như gương
Cúi đầu trạnh nhớ cố hương xa vời.

DỊCH THƠ.-

TRĂNG TRUNG THU

Vầng vặc trăng thu một sắc thanh
Soi bao sầu hận khắp trời xanh
Soi ngoài biên ải người xa cách
Soi trước nhà không cảnh vắng tanh
Soi tướng lên lâu khi thất trận
Soi ai về viện lúc phai tình
Ngân thiên ngọc thổ hay chăng lá
Bao kẻ trông trăng sót nỗi mình

Tiêu-sử tác-giả.- Bạch-cu-Dị tự là Lạc-Thiên quê ở phủ Thái-Nguyên sinh năm Đại-Lịch thứ 7 (772) đời vua Đại-Tôn, mất năm Hội-Xương thứ 6 (846) đời vua Vũ-Tôn, thọ 75 tuổi, Bạch có thiên tài, lên 7 tuổi đã biết làm thơ, 29 tuổi đỗ tiến-sĩ, thụ chức Bi-thư Hiệu-lưu-Lang. Thời kỳ này Bạch làm bài Trường-hận-ca. Năm 37 tuổi thăng Tử-thập-Di, vì một bài thơ phóng khoáng, bị giáng ra làm Tư-Mã ở Giang-Châu, làm bài Tỳ-Bà-Hành, 71 tuổi về hưu, ẩn ở núi Hương-Sơn, đạo hiệu là Hương-Sơn Cư-sĩ.

Tiêu-sử tác-giả.- Lý Bạch tự là Thái-Bạch, hiệu Thanh Liên cư-sĩ quê làng Thanh liên huyện Long Xuyên tỉnh Tứ Xuyên. Sinh năm Trường An thứ hai (701) cuối đời Vũ-Hậu, mất năm Bảo-Ứng nguyên niên (702) đời vua Túc-Tôn, thọ 62 tuổi. Lên 7 tuổi biết làm thơ, 10 tuổi lầu thông thi thư. Tính rất hào -ảng, thích ngao du thường cùng với bọn Khổng-sào-Phủ, Hàn-Chuẩn, Bùi Chính, Trương-thúc-Minh, Đào Miện vào núi uống rượu xưng là Trúc-Khê lục-dật. Gặp Hạ-tri-Chương biết tài tiên cử, vua Huyền-Tôn cho làm chức cung phụng tống Hàn-Lâm-Viện, Đặc y về việc úp đảo sứ-thần Phiên, được vua sai quan nội-giam Cao-Lực-Sĩ cỡi giầy. Nhân làm bài Thanh Bình điệu. Cao-Lực-sĩ dèm với Dương-quý-Phi nên không được đặc dụng nữa. Năm 755 Lý theo Vĩnh-Vương-Lân chạy loạn An-lộc-Sơn sau Lân có ý tranh ngôi với anh, là vua Túc-Tôn nên Lý bị tội. May nhờ Đại-Tướng Quách-Từ-Nghị trước có chịu ân Lý ra bảo lĩnh, Lý được tha nhưng bị đày vào xứ Dạ-tang (Hồ-Nam). Năm Bảo-Ứng nguyên niên (762) Lý đến nương nhờ người trong họ là Lý-dương-Bang đương làm lệnh ở Đãng-Đồ. Lý mất ở đó, mộ táng bên sông Thái Thạch cạnh núi Long-Sơn.

BÚNG

RUỒI

của Nhất-Linh

CỤ AN nghiêng người nhắc cái vung nôi cá kho dứa đặt trên cái hỏa lò con, và nhìn vào trong nôi xem và hít mũi mấy cái. Lứa cá kho này cụ thấy ngon hơn mọi lần. Trong đời cụ, cụ chỉ thích nhất ăn cá kho dứa, mùa nào không có dứa tươi thì cụ nấu cá với dứa hộp và Hải đi Hà-nội mua đạ bao giờ cũng nhớ mua mấy hộp dứa biếu cụ. Độ trước, khi cụ án ông còn sống bắt cụ rời nhà quê lên ở trên tỉnh, cụ được nếm đủ các thứ sơn hào hải vị nhưng cá kho dứa cụ vẫn thấy ngon nhất. Cá kho ặn lại đỡ tốn, mỗi miếng cá bé tí cũng ăn được bao nhiêu là cơm. Biết tính cụ nên có ai biếu cụ là biếu cá và phải là cá còn tươi nguyên. Cụ tự tay kho [lấy cá và kho xong thì cụ treo ngay [trên giường cụ ngồi, vừa tầm tay với.

Cụ đập vung nôi và tay lại cầm lấy cái que đập ruồi. Chỉ trừ lúc giã trầu ở cối còn thì lúc nào tay cụ cũng cầm cái que đập ruồi. Cụ ghét và sợ ruồi lắm. Nhưng ở chung quanh chỗ cụ ngồi thì lại có đủ các thứ để rử ruồi đến thật nhiều ngoài nôi cá, lại có những xâu cá mắm những chai mật ong



và những quả chuối bao giờ cũng chín đen chín nát. Vì cụ bại một chân đi phải chống nạng nên ít khi cụ đi lại. Giang sơn cụ và cả đời cụ vì thế thu hẹp trong phạm vi cái giường cụ ngồi. Tất cả thứ gì cụ cần dùng đều để cả ở trên giường và ở cái tủ chè cạnh giường. Chỉ trừ có số tiền cụ để dành được là cụ giấu ở chỗ khác.

Vì cụ không đi lại được nên chỉ đánh được những con ruồi ở trên giường. Để bắt ruồi chung quanh giường cụ nuôi cò ruồi

nhưng con cò không được bắt ruồi trên giường. Có con ruồi nào vừa bay đậu trên chiếu mà con cò định mổ thì cụ đã nhanh tay đập tranh trước ; đập xong cụ hất ruồi xuống đất chg cò ăn. Lần nào mà con cò nhanh hơn mổ cướp của cụ một con ruồi trên chiếu là cụ lấy cái que đập ruồi đập vào đầu con cò một cái để phạt nó hỗn. Có một con cò lâu dần hiểu được chỗ đó nên không bao giờ mổ tranh ruồi của cụ ; cụ thích lắm và khoe với tất cả mọi người nhưng sau con ấy bị chó cắn chết mất.

Gian nhà cụ ngồi thành thử chia ra ba tầng rõ rệt. Tầng trên là cái giá treo đựng các thức ăn ; tầng giữa là cái giường cụ với đủ các thứ đồ dùng như ống nhổ, ống vôi, hỏa lò, than củi, ấm nước, chần gối ; tầng dưới cùng là cái nền nhà trống không với một con cò ung dung đi qua đi lại.

Mùa đông ít ruồi, nên con cò đứng yên lặng đầu đặt trên cánh thiú thiú ngủ sưởi nắng ở chỗ bực cửa. Cụ Ân đưa mắt tìm nhưng không thấy một con ruồi nào. Thấy có con nhện con, cụ đập nó một cái và hất xuống đất. Con cò nghe có tiếng đập, mở mắt, ghéch mỏ nhìn vào rồi lại đặt đầu trên cánh nhắm mắt ngủ. Cả cái ắp rộng, không có một tiếng động. Hai vợ chồng Hải con cụ Ân hôm ấy sang bên Bằng thăm mộ người anh cả và cho cả hai đứa con đi. Bác Huệ làm vườn thì ra bới khoai ở tận phía sông.

Cụ Ân bỗng lắng tai nghe. Hình như có tiếng người gọi cồng. Tiếng gọi lần thứ hai to hơn ; gọi tên bác Huệ nhưng tiếng người thì lại là tiếng người lạ, chưa từng nghe thấy lần nào. Cụ Ân đã gần bảy mươi tuổi nhưng tai cụ còn sáng lắm. Chỉ nghe tiếng gọi

cụ cũng biết được người gọi cồng là ai và ít khi cụ làm. Lần này cụ gọi bác Huệ đến, dặn cần thận xem đích xác là ai và báo cụ trước rồi mới được mở cồng. Cụ nghĩ đến số hạc đề dành của cụ. Nhà có súng nhưng Hải hôm nay lại đi vắng, cụ cần đề phòng.

Một lúc bác Huệ vào trình :

— Bẩm cụ lớn, cậu giáo Đông ạ.

— Cậu giáo Đông nào ?

— Bẩm cụ lớn, cậu giáo Đông con cụ trợ tá Tiên Yên. Hồi cụ lớn nhà ngồi ở phủ Tiên Yên thì cụ thân sinh ra cậu giáo làm Trợ Tá. Cậu ấy lúc ấy còn bé nhưng con cũng còn nhớ mặt.

Sự thực bác Huệ không nhớ được mặt vì ông giáo Đông không bao giờ là con ông trợ tá Tiên Yên cả. Cụ Ân hết lo ngại :

— Mời ông ấy vào.

Bác Huệ mở cồng nhìn Đông từ đầu đến chân :

— Giá đi ngoài phố gặp cậu thì cháu quả không sao nhận ra được. Cậu nói tên ra thì cháu nhớ lại rõ lắm.

Bác Huệ khép cửa rồi cuống quýt đưa ông giáo Đông vào. Bác mừng lắm vì bất cứ một sự gì có liên can đến đời bác lúc đi hầu cụ Ân ở các huyện phủ cũng làm bác vui sướng như được sống lại cái thời vinh quang đã qua.

— Bẩm cậu, quan lớn Trợ nhà ta...

— Đông vội vàng đáp :

— Thầy tôi mất rồi.

Nói thế, nét mặt Đông cũng buồn thiú như là cha mình chết thật rồi. Bác Huệ thấy câu hỏi mình làm Đông buồn vội nói sang truyện khác :

— Bẩm cậu, thuở bé cậu hay sang bên vườn hái lựu lắm.

— Bây giờ tôi cũng vẫn còn thích ăn lựu như thuở bé.

Đông nghĩ cần phải lấy lòng bác Huệ :

— Bác trẻ lâu nhĩ. Tôi trông bác vẫn y nguyên như ngày trước.

Vào đến nhà, Đông đi thẳng đến chỗ cụ Ân ngồi, hai tay giơ ra dâng trước, tươi cười nói :

— Bác còn nhớ cháu không ? Cháu trông bác vẫn thế, chỉ khác cái tóc bạc. Cháu về đây mấy tháng mà đến hôm qua mới biết bác là bác Ân Tiên Yên. Cháu mừng quá vội vào thăm bác.

Cụ Ân thì không nhớ lại một tí gì, cả đến ông trợ Tiên Yên cụ cũng không nhớ là ai và nếu có ông trợ Tiên Yên thì cụ óó được nhìn mặt ông ta hay không cụ cũng không biết nữa. Cụ mời :

— Ông ngồi đây.

Đông thân mặt ngồi ngay xuống giường. Mắt chàng đưa nhìn nải chuối treo trên giá.

— Bây giờ bác còn nhiều chuối như trước nữa không ?

Đông thân mặt mở cái nồi cá, nói :

— Thơm nhĩ.

— Cá kho dưa đấy.

— Cá kho dưa thì ăn ngon lắm. Cháu vẫn thích nhất cá kho dưa. Hôm nào lại bác, cho ăn nhé.

Cụ Ân nhìn Đông tươi hẳn nét mặt, nói :

— Có phải không. Yển tôi ăn nhiều lần, ăn nhạt phèo mà tốn bao nhiêu là tiền... Bây giờ ông làm gì ?

Đông đưa mắt thấy bác Huệ vẫn đứng ở bực cửa :

— Thưa bác cháu dạy học.

Cụ Ân rót nước chè ở cái ấm vào một cái chén đã cấu ghét.

— Nước chè mạn kính niên đấy.

Đông nhấp một hụm nhỏ và mỉm cười. Có lẽ vì là chè kính niên nên nước chè như có mùi thiu.

Cụ Ân đập một con ruồi trên áo Đông rồi gạt xuống cho con cò đứng đợi ở dưới. Đông giật mình nhìn xuống áo. Cụ Ân vội nói :

— Tôi đập bao giờ cũng có ngữ chỉ vừa chết chứ không bao giờ nát con ruồi. Ông không sợ bần áo.

Một lúc sau lại có con ruồi đậu trên thành chén của Đông. Cụ Ân giơ cái que rình đợi nó bay xuống chiếu để đập. Đông đưa tay hất một cái rồi bỏ ra chiếu một con ruồi chết. Cụ Ân nhìn Đông lấy làm ngạc nhiên lắm.

— Thưa bác, bắt cách ấy cũng không khó gì. Cần phải đón đầu nó, con ruồi tự khắc vào nằm trong tay mình.

Cụ Ân giơ que đập thêm con ruồi một cái rồi hất xuống đất. Đông đưa mắt tìm và thấy một con ruồi đậu ở trên cái que bình vôi. Chàng giơ ngón tay búng một cái, con ruồi rơi lẩn xuống chiếu. Cụ Ân nhìn, mỉm cười một cách ngây thơ như đứa trẻ con :

— Hay nhĩ.

— Thưa bác, cháu mà ngồi đây một buổi chiều thì nhà này bói cũng không ra một con ruồi nào nữa.

Nhưng Đông nghĩ thầm mình đến đây không phải để búng ruồi cho cụ Ân. Vẫn thấy bác người nhà cứ đứng ở bực cửa nghe truyện, chàng tức mình lắm nhưng không nghĩ được cách nào để làm cho bác ta đi chỗ khác. Trong lúc đợi, Đông xoay câu truyện về đạo Tin lành :

— Thưa bác, bao giờ cũng thế ở lành thì gặp hiền. Đạo Tin lành cả nước Mỹ theo vì thế họ vẫn mình gặp hai nước Pháp. Cả người Tàu bây giờ cũng bỏ đạo Phật, đạo Khổng theo đạo Tin lành, bác ạ.

Rồi Đông mở cặp rút ra mấy cuốn sách về đạo mở qua cho cụ An xem tranh vẽ. Cụ An nói :

— Tôi bây giờ già rồi chẳng hiểu gì cả.

Đông không cần cụ An hiểu hay tin đạo ; trông vẻ mặt cụ nhìn mình, Đông thấy rõ là cụ đã tin mình lắm. Nhưng sao bác người nhà đứng kia lâu thế ? Đông đâm đâm nhìn vào gáy bác Huệ và thăm ra lệnh.

— Đi đi ! đi đi.

Chàng có nghiên cứu về thuật thôi miên và đã có lần làm một đứa trẻ con ngủ thiếp đi. Nhưng còn nhìn vào gáy một người và bắt người ấy đi thì chàng không dám tin là công hiệu. Bác người nhà vì thế vẫn đứng yên và Đông lại phải kéo dài câu truyện về đạo Tin lành.

Sau cùng cụ An bảo bác Huệ :

— Bác ra rõ nốt chỗ khoai để chốc nữa luộc luôn một mẻ. Cậu Ấm vợ Ấm đi về chắc là đói bụng.

Đông nhẹ hẫng người. Chàng kéo dài thêm câu truyện về đạo một lát cho cụ An khỏi nghi rồi chuyển sang việc đề dành tiền.

— Thưa bác, cháu dậy học cũng không kiếm được bao nhiêu, lại cần đi nơi này nơi khác, tốn kém quá. Nhưng không đi không được, Đức Chúa Trời không cho. Cũng may ông chủ nhất công ti Công Ích đề dành tiền lại là một người theo đạo Tin lành ; ông ấy cho cháu giữ độc quyền cả một tỉnh này. Nhờ thế cháu được ít hoa hồng, đủ chỉ dùng trong lúc vì Chúa Trời phải đi đây đi đó.

Rồi chàng vừa đặt tay lên cái cặp da vừa giảng giải về cách thức đề dành tiền và lợi ích của nó và thấy cụ An như chú ý nghe.

Chàng rút các giấy má của hãng Công Ích ra đưa cụ An xem :

— Thưa bác, đây là giấy đề dành tiền của cụ Hương làng Trờ. Cụ muốn có cái vốn chắc chắn cho cậu con út ; đưa cho cậu con thì sợ cậu tiêu mất, đề dành vào công ty thì tháng tháng có lãi mà nếu mở sổ trúng thì vốn tăng gấp đôi, gấp ba ngay.

Đông mở tờ nhật trình cũ :

— Tháng vừa rồi, báo đăng ông Tổng Nghi-Xương trúng số một trăm.

Cụ An hỏi :

— Báo có đăng cơ à ? trúng một trăm cơ à ?

Đông nhìn cụ An, ngẫm nghĩ không biết cụ An hỏi thế vì cụ cho có đăng báo thì việc đáng tin hay là cụ sợ cụ trúng số nếu đăng tên trên báo, ai cũng biết cụ có tiền đề dành. Chàng nói :

— Đăng tên lên báo là tùy ý riêng người ấy có bằng lòng không. Còn hãng thì cần phải đăng báo đề tỏ ra mình không có gì khuất tất. Mỗi lần số số có đủ hết các quan tây, quan ta ở tỉnh đến chứng kiến. Cụ Sứ Ê-đà...

Cụ An nhắc lại :

— Cụ Sứ Ê-đà à. Cụ ấy có về chơi đây một lần hồi còn mồ ma ông nhà tôi. Cụ ấy bắt tay tôi làm tôi ngượng quá. Cụ ấy ăn được cả mắm tép nữa.

Rồi cụ An nói mãi về ông Sứ Ê-đà và quên bằng câu truyện đề dành tiền. Đông phải đưa câu truyện đưa quay về việc cũ.

— Cụ Ê-đà, thưa bác, bây giờ đứng đỡ đầu cho hãng Công Ích. Đây bác xem.

Đông vừa nói vừa chỉ vào chữ tên Edouard viết ở góc giấy. Cụ An không biết đọc chữ nhưng cũng

nhìn chăm chú vào mấy chữ dưới ngón tay Đông.

— À, cụ Sư Ê-đà đấy à? Cụ còn sống.

Cụ Ân vừa nói vừa lặng yên đập một con ruồi ở vành khay mà con cò ruồi định mổ tranh.

Đông đáp :

— Vâng, cụ ấy năm nay bảy mươi sáu. Trông cụ cũng còn hồng hào khỏe mạnh lắm. Cụ ấy ngày nào cũng uống rượu và thỉnh thoảng lại bắt chấu hầu rượu.

Chàng và cụ Ân cùng ngừng lên một loạt. Hải chạy vào mặt hầm hầm tức giận :

— Thừa đẽ, thế nào mà cồng ngổ lại mở tung cả ra thế kia?

Đối với cả mọi người trong ấp việc quên không đóng công là một tội to lắm.

Cụ Ân nói :

— Cái bác Huệ thế thì thôi.

Rồi cụ cất tiếng gọi bác Huệ lên. Hải lúc đó mới đề ý tội Đông và gạt đầu chào nhưng chàng không cất tiếng vì không biết Đông là ai và không hiểu vì lẽ gì tự nhiên lại ngồi nói chuyện với cụ Ân. Đông vội thu các giấy má đút vào cặp, nhưng Hải cũng đã nhìn được hai chữ Công Ích ở góc giấy.

Bác Huệ lên chấp tay đứng đợi :

— Bẩm cụ lớn gọi con.

Thấy nét mặt đầy tức giận của Hải, Đông yên trí thế nào khi bác Huệ lên, Hải cũng mắng cho một trận, nhưng chàng ngạc nhiên thấy Hải cứ đứng yên còn cụ Ân thì chỉ nói rất ngọt ngào với bác Huệ :

— Bạn sau đừng có thế nữa.

Bác Huệ cúi đầu miệng lầm bầm « dạ, dạ » ; bác chịu nhận lỗi nhưng bác không biết là lỗi gì và

cả Hải cả cụ Ân cũng không ai nghĩ đến chỗ chưa bảo cho bác Huệ biết.

Đông thấy cụ Ân « mắng » thế xong, thì cả cụ và Hải đều hết tức giận. Cụ Ân nói với Hải :

— Nay Ấm ạ, đề dành tiền hay đáo đề, chỉ tiếc là nhà không có tiền đề đề dành.

Đông không thấy cụ Ân giới thiệu mình với Hải là con ông Trọng Tiên Yên ; Cụ nói thế vô tình bảo cho Hải biết chàng đến đề cò động bán phiếu đề dành tiền. Đông cũng thấy thế là may mắn, vì nếu Hải hỏi lâu về ông Trọng thì sự nói dối của chàng sẽ lộ.

Đông lấy làm mừng là đã nói kịp với cụ Ân những điều cần nói. Chàng biết chắc là cụ Ân có tiền đề dành đúng như lời bà Ký Ân đoán. Cụ lại có tính hà tiện ; cả kho dựa ngon hơn yến, nước trà thiêu và những quả chuối đề đã đen nát đủ chứng tỏ điều đó và như thế tất cụ tham lợi. Bác Huệ mới quên đóng công có một lúc mà cả nhà đã xôn xao, vậy chắc cụ lúc nào cũng lo sợ kẻ cướp. Cụ lại sợ đăng lên báo, như thế là cụ tỏ ý muốn đề dành tiền đề mong trúng số. Còn tin thì Đông chắc là cụ tin rồi, tin vì có cụ sư Ê-đà.

Đông định đứng lên cáo thoái thì vừa lúc đó mợ Ấm ở nhà trên đi xuống. Nàng không đề ý đến Đông, cười bảo chồng :

— Cái súng hầy còn nguyên, cậu ạ.

Đông nhìn mợ Ấm và thấy nàng đẹp không kém gì Mùi ; nàng đẹp một cách phúc hậu. Mới trông thoáng và chỉ mới nghe mợ Ấm nói một câu thôi chàng cũng đã biết chắc là mợ Ấm ngây thơ như

trẻ con, hay ngây ngô thì đứng hơn. Lúc vợ Ấm cười, vợ không há miệng, chỉ cười ở trong môi, nghe như tiếng gù của con chim bồ câu và Đông thấy tiếng cười ấy hơi giống như tiếng cười của những người đàn bà chàng được ôm trong tay. Đông lại không định bụng đi ngay nữa. Chàng nhấc chén trà và uống hết chỗ nước trà thiu một cách khoan khoái. Chàng nói với Hải, mắt vẫn không nhìn vợ Ấm :

— Nghe nói ông bắn giỏi lắm ?

Hải chưa kịp trả lời, Đông đã nghe thấy Duyên cười và cũng cười như lúc nãy. Hải đáp :

— Ở nhà quê không có việc gì thì đi săn làm nhảm cho vui.

Mợ Ấm nói :

— Nhà tôi hay đi bắn vịt giời.

Đông thấy vợ Ấm không đề ý gì đến mình ; vợ Ấm nhìn chàng, rõ ràng nói chuyện với chàng nhưng vẫn coi như là chàng không có đây hay có đây nhưng chỉ là một người quen đã lâu lần không cần đề ý. Vì thế vợ Ấm cũng không chào hỏi gì Đông, và Đông cũng nghĩ không cần đứng lên chào. Đông nói với vợ Ấm :

— Thịt vịt giời ăn ngon lắm, nhưng phải biết cách làm... ngon nhất là vịt giời nấu sốt cay.

Duyên ngắt lời hỏi :

— Nấu vịt giời có cần cho sả không, ông ?

— Thừa bà không. Cần phải cho rượu vang hay rượu trắng. Thế thường thường bà nấu vịt giời với gì ?

Mợ Ấm đáp :

— Thường thường ấy à ? Thường thường thì tôi chỉ nấu vịt nhà.

Nàng lại cười và đưa mắt nhìn

chồng. Đông thăm nghĩ vợ Ấm có vẻ hóm hỉnh chứ không ngây ngô như lúc nãy chàng tưởng. Chàng nhìn Hải và nói :

— Đề hôm nào tôi đi Hà-nội tôi cũng lấy cây súng của tôi về đây cùng ông đi bắn vịt giời cho vui. Bắn vịt giời thì vui lắm nhưng phải cái lợi bùn khở. Có lần tôi đi bắn suýt bị sa lầy, phải gọi người đến kéo lên.

Chàng vừa nói vừa cười. Chàng không có súng nhưng có thè mượn súng của bạn. Bắn vịt giời ở vùng nhà quê này thì chẳng sợ ai khâm. Có cùng đi bắn với Hải thì mới có dịp gặp vợ Ấm luôn được. Bà Kỳ Ân nói mợ Ấm cũng có của riêng ; nếu không có cách gì năng đi lại luôn thì không tài nào gặp được một người đàn bà trẻ đẹp mà lại sống cấm cung như nàng.

Mợ Ấm thấy Đông nói đến sa lầy, sợ hãi bảo chồng :

— Thôi, cậu đừng đi bắn vịt giời nữa, sa lầy chết.

Hải cũng sợ hãi vì thấy Đông nói định đi bắn vịt với mình ; vì thế chàng nói với vợ :

— Phải đấy, tôi không nghĩ đến sa lầy.

Cụ Ân cũng chợt nghĩ đến chỗ mấy người con trước đều chết về tai nạn :

— Thôi Ấm cũng đừng đi săn nữa. Đề đạn giữ trộm cướp còn hơn.

Đông thấy mình nói hớ một tí mà mưu mô thành hồng cả. Chàng không bực mình vì câu nói làm mất dịp đi lại gặp mợ Ấm ; thực ra nghĩ lại chàng thấy sự làm thân với Hải một người đàn ông là con và chồng hai người đàn bà có tiền, là một sự rất nguy cho công việc

bán phiếu. Chàng sẽ tìm cách khác để có được cả người đàn bà, cả tiền. Chàng bực mình chỉ vì chàng đã cố tránh nói hớ mà vẫn không tránh khỏi. Trong nghề chàng một câu nói hớ có thể làm mất hàng chục bạc là thường. Chàng vác cặp đứng lên và từ lúc Hải về cho đến lúc đó, chàng mới lại nói với cụ Ân :

— Thôi, bác cho cháu xin phép. Hôm nào thông thả cháu lại xin đến hầu bác và ăn chuối, ăn cá kho.

Cụ Ân hỏi :

— Ông giáo ở đâu ?

— Thưa bác cháu ở ngoài xóm Cầu Mòi.

Đông nhớ lại mình đã nói truyện với cụ Ân là có hai nhà, một nhà ở phố Phủ và một nhà ở Xóm Cầu Mòi ; trước kia cụ không đề ý đến chỗ ở của mình mà bây giờ cụ lại đề ý. Đông biết chắc là cụ sẽ mua phiếu.

Chàng cúi xuống búng một con ruồi đậu ở mép khay, vát xuống đất và hất tay để bắt một

con ruồi đang bay. Ruồi đang bay ít khi bắt được thế mà lần này may quá, chàng hất có một cái đã bắt ngay được nó. Chàng cười đưa cụ Ân xem con ruồi nằm trong kẽ tay rồi lại thả cho nó bay đi. Cụ Ân nhìn rồi cất tiếng cười như trẻ con, bảo con trai và con dâu :

— Ông ấy giỏi hơn cò ruồi nhiều.

Đông cũng cười sung sướng ; chàng sung sướng vì cái may bắt được ruồi bay là cái triệu chứng báo trước sẽ lấy được số tiền của cụ Ân. Hai vợ chồng Hải thì không cười gì cả ; thấy cái ông đến bán phiếu để dành tiền lại dám gọi mẹ mình là bác, tự xưng là cháu đòi đến ăn chuối ăn cá kho và bắt ruồi nghịch với mẹ mình, cả hai người đều ngơ ngác nhìn Đông như nhìn một con vật lạ. Đông thì tưởng họ ngơ ngác vì phục cái cách bắt ruồi bay của mình.

NHẤT-LINH

ĐÁ RA :

BUỐM TRẮNG

CỦA

NHẤT LINH

TRĂNG

TRONG VĂN CỦA THẠCH-LAM

Ngày chưa tắt hẳn trăng đã lên rồi. Mặt trăng tròn, to và đỏ từ từ lên ở chân trời, sau rặng tre đen của làng xa. Mấy sợi mây con vắt ngang qua, mỗi lúc một mảnh dần, rồi tắt hẳn. Trên quang đồng rộng, cơn gió nhẹ hiu hiu đưa lại, thoảng những hương thơm ngát.

Sau tiếng chuông của ngôi chùa cổ một lúc lâu, thật là sáng trăng hẳn ; trời bây giờ trong vắt, thăm thẳm và cao ; mặt trăng nhỏ lại, sáng vàng vạc ở trên không, và du-du như sao diều ánh, trăng trong chảy khắp cả trên ngành cây, kẽ lá, tràn ngập trên con đường trắng xóa...

∴

Khuya lắm, gần về sáng, trăng mới lên : một mảnh trăng buồn rầu âm đạm, mờ mờ sau rặng cây cuối vườn. Khi ánh trăng lên tới mình nàng, Mai gục đầu trên tay khóc nức nở : lòng tan nát, nàng khóc cho tình yêu và cho cuộc đời nàng.

∴

Bóng trăng xanh rớt qua vòm mảnh lá cây chiếu vào. Gió thổi hiu hiu mát, hai bên cổ nàng, tóc phất phơ. Loạn nhớ

đến mái tóc xoã của Minh khi chàng quay lại gọi nàng, ngày nào, ở trong vườn. Dưới làn áo, vải êm, mịn, thấm thía... Ngực Loạn nở ra, nàng thở mạnh, tay nắm chặt chần song cửa. Chị Nhung đâu ? Đòng phòng hoa chúc, bốn tiếng ái ân, chị Nhung bây giờ đang ở bên cạnh Bình yêu quý ; chị đang bắt đầu cuộc đời mới, đầy hoan lạc, nhưng sao mắt chị nghiêm trang?

∴

Bóng trăng chéch soi tỏ vào trong buồng. Loạn nghĩ thấy các mùi hương thơm ngoài vườn đậm thêm, man mác. Loan cũng yêu, yêu say sưa, sung sướng. Bóng tối dưới vòm cây thân mật, như giục gọi.

∴

Loan sẽ thở dài. Nàng rung động, dùng dằng dưới tiếng gọi quyến rũ. Rồi Loạn rón rén, vuốt lại mái tóc ; nàng nhẹ nhàng đi ra, đứng lại ở cửa, nghe tiếng tim đập mạnh dưới làn áo. Một bước, một bước nữa, bực thềm thấp xuống ngoài hiên ; cổ vương trên bàn chân hơi lạnh lạnh vì sương...

THẠCH-LAM
(Bắt Đầu)

TRĂNG

TRONG VĂN CỦA NHẤT-LINH

Đến chỗ rẽ, vì tắt máy ngọn đèn điện nên dây phở Richard trông trắng xóa dưới bóng trăng.

Loan nói :

— Hôm nay mười sáu.

Dũng nhìn lên mặt trăng cao và tròn, khuất sau lá cây. Ở thành phố, nên Dũng thấy mặt trăng có vẻ buồn bã hình như đang nhớ những quãng rộng rãi ở các vùng quê xa xôi, nhớ những con đường vắng gió thổi cát bay lên trắng mờ mờ như làn sương, nhớ những con đom đóm bay qua ao bèo, lúc tắt lúc sáng như những ngôi sao lạc biết thỏn thức... Chàng dịu dàng nói với Loan :

— Thế mà mới độ nào, cô còn nhớ không, những đêm sáng trăng chúng mình còn ngồi ở sân đợi đom đóm bay qua rồi đứng lên reo: đom đóm xuống đây ăn cơm với cá.

Loan nói :

— Hình như nó biết chúng mình đánh lừa hay sao nên nó lại bay cao già. Lạ thật, đến khi nhớn thì mình không biết là có đom đóm nữa. Tại mình không để ý.

Dũng nói :

— Mình lại để ý đến những

cái khác, đi tìm những con đom đóm khác và cũng đánh lừa cho nó xuống.

Loan mỉm cười :

— Mà nó lại càng bay cao.

Dũng nói :

— Có thể mình mới cố đuổi theo nó, mà có thể, đời mới vui, mới đáng sống. Bất được nó thì chán ngay, chỉ là một con bọ mùi hôi, ánh sáng ở bụng đục mờ mờ, chẳng có gì là đẹp nữa.

Dũng nhìn bóng hai người in trên đường ; bóng hai cái đầu theo nhịp bước lúc mau lúc chậm như đuổi nhau. Chàng nói :

— Chúng mình đâm ra bàn chuyện triết lý cao xa và khó hiểu.

Đường vắng, bóng cây lưa thưa chạy trên tấm áo trắng của Loan. Hai người cùng nghĩ đến sự vô lý của một cuộc đi xem Hà-nội ở những phố vắng nhất, nhưng đều làm như mãi câu chuyện không để ý tới phố xá.

Ánh trăng đương mờ bỗng sáng hẳn lên. Gió đưa tà áo Loan khê chạm vào tay khiến Dũng sực nghĩ mình đi sát gần

bên Loan quá. Chàng nhớ đến hôm lễ thọ và cái mơ ước được đi chơi với Loan trong vườn cỏ thơm, gió đưa tà áo nàng phơ phất chạm vào tay êm như một cánh bướm... Dũng không dám quay mặt nhìn Loan; chàng chỉ thấy bên chàng có một bóng trắng hoạt động, nhẹ và thơm, lúc sáng hẳn lên dưới ánh trăng, lúc mờ đi trong bóng cây lưa thưa. Dũng nghe rõ tiếng chân bước của Loan nhịp nhàng xen với tiếng chân chàng bước. Quả tim chàng đập mạnh... Chàng như trông thấy trước mặt bàn tay hơi rung rung của Loan, hôm nào, cời những quả đậu non trong rá, chàng nhớ đến cái cảm tưởng ngây ngất được thấy đôi môi Loan mềm và thơm như hai cánh hoa hồng; bao nhiêu thềm muốn ngấm ngấm bấy lâu trong một phút rạo rức nổi dậy. Bốn bàn chân vẫn bước đều đều... Chàng nghĩ nếu lúc đó ngừng lại thì Loan sẽ cũng theo chàng ngừng lại: chàng sẽ đưa cánh tay đỡ lấy Loan và miệng chàng sẽ nói câu mà chàng vẫn thầm nhủ với Loan đã bao lần trong giấc mơ:

— Anh sẽ yêu em trọn đời.

Dũng mở cửa ra hiên đứng. Trời chưa sáng rõ; trong sự yên tĩnh. Cái sân gạch chàng thấy

rộng hẳn ra. Bóng giàn hoa in mờ mờ trên hiên ngay chỗ chàng đứng. Dũng nhìn lên: mảnh trăng hạ tuần mòn gần hẳn một nửa và trắng nhạt quá nên Dũng tưởng như đang chìm vào trong màu trời, có làn nước phủ qua.

NHẤT-LINH
(Đôi Bạn)

Lúc Quang sực thức dậy thì trăng đã lên cao, sương đã tan hết. Trời trong lắm, nên những ngọn núi trông như ở sát ngay cạnh nhà, mấy giải rừng đen trên ngọn núi in rõ lên nền trời đầy sao.

Hai người đi qua một bãi cỏ, rồi vào một cái rừng thưa. Bóng cành cây in trên đất, trên áo hai người lại càng làm tăng vẻ sáng của đêm trăng. Cô Thổ nói:

— Qua một cái rừng nữa thì đến chỗ lan ở.

Hai người đi vào bóng tối đen của rừng già. Quang có cái cảm tưởng như người vừa ở ngoài nắng vào trong rợp, chàng hơi sợ, nắm chặt lấy tay cô Thổ.

Đi khỏi một cái giốc, chàng thấy hiện ra ở trước mặt một mảng trắng súa dưới bóng trăng.

— Rừng lan.

NHẤT-LINH
(Lan Rừng)

TRĂNG

TRONG VĂN CỦA KHÁI-HÙNG

Một lát sau Trinh và Nam đã tra nển vào năm chục cái đèn xếp, đủ các kiểu tròn, dài, ông sao, quả dưa. Nàng treo ở những cành thấp, những cành ổi là là rủ xuống, những cành liễu thướt tha phía mặt hồ. Và nàng buồn rầu đứng ngắm mấy cái đèn xếp khê đưa đi đưa lại ở đầu những cành liễu mềm. Nàng hồi tưởng lại một đêm tết Trung thu thời nàng còn nhỏ. Năm ấy mẹ nàng mới mất, cha nàng cho nàng về quê thăm bà ngoại; ở một làng gần Hà-thành. Gặp tiết Trung thu, cha nàng mua cho nàng một cái đèn kéo quân, bốn chiếc đèn xếp, một hộp bánh nướng và để nàng đem theo cả về quê. Nàng sung sướng và khi gặp bà, nàng khoe liền.

Tối hôm ấy, bên khóm tre trong vườn, kê một cái bàn trên bày đèn kéo quân, bốn đĩa bánh nướng, hai quả bưởi, hai đĩa hồng chín, một nải chuối tiêu còn ương và những tấm mía mà buổi sáng bà ngoại đã róc và nhuộm phẩm hồng, phẩm xanh. Còn bốn chiếc đèn xếp thì nàng treo ở các cành tre mềm rủ xuống mặt bàn.

Hai bà cháu chơi tết trong yên lặng, cái yên lặng của những đêm trăng ở nơi thôn dã mà tiếng dế bắt tuyệt càng làm thêm sâu, thêm xa rộng mệnh mông. Bỗng Trinh liếc mắt nhìn thấy trên má bà hai dòng lệ lấp lánh dưới ánh đèn. Nàng mới chín tuổi nhưng nàng sớm biết, và nàng hiểu ngay rằng đó là nước mắt khóc mẹ nàng, vì nàng vẫn thấy bà ngoại yêu mẹ lắm.

Nàng liền đến gần bà ngoại thỏ thẻ : « Bà ăn bánh với cháu nhé ? » Bà ngoại cố gượng trả lời : « Bánh để bày cỗ đã chứ » ! Nàng mỉm cười rất ngoan ngoan, cố làm vui lòng bà : « Vậy tí nữa bà cháu ta phá cỗ nhé » ? Rồi nàng giảng nghĩa cho bà ngoại những điển-tích trong cái đèn kéo quân :

— « Đây này, bà này, ông Đinh-tiên-Hoàng cưỡi rồng đây. Chú ông ấy đương đứng trên bờ sông lạ ông ấy đây. Đây ông Triệu-tử-Long với ông Trương-Phi. Ông Triệu-tử-Long bế con ông Lưu-Bị đây. Đằng sau là giặc đuổi. Đây là người tát nước với người đánh dậm.

Đây là ông sừ gõ mõ tụng kinh với lại hai bà vải ngồi lễ phật... ».

Cái cảnh tết Trung thu năm ấy hiện ra rõ rệt trong ký ức Trinh. Và Trinh cảm động, rơm rớm nước mắt.

KHÁI-HUNG
(Đẹp)

Da trời như dội một lượt nước, trong vắt một màu. Trăng thượng tuần hình như chiếc bánh bẻ treo lủng lẳng trên đời. Những vũng nước đọng ở sân phản chiếu ánh trăng trông lấp lánh như những mảnh gương lớn.

Thốt nhiên, Ngọc hỏi Lan :

— Chú có buồn không ?

— Thưa ông, không. Tôi không buồn chi hết.

— Còn tôi thì tôi buồn lắm, buồn vô buồn vẫn, như nhớ ai. Có lẽ vì tôi xa cách chùa của chúng ta chăng ?

Dưới ánh trăng, hai người ngồi cạnh nhau... Lan rùng mình, Ngọc lại nói :

— Chú ạ, cái cảnh xa lạ gợi trong tâm trí tôi những tư tưởng từ biệt chia rẽ... Khiến tôi nghĩ tới ngày tôi phải rời chùa, phải xa chú.

Lan yên lặng, hé cặp môi cười với bóng trăng trong. Một con cóc nhảy vào vũng nước.

Lan giật mình đứng dậy bảo Ngọc :

— Thôi mời ông đi nghỉ.

Bóng trăng đã xế về Tây, chiếu ánh lờ mờ. Các cây cỏ hầy còn đầm đìa nước mưa ban chiều. Những đồi xa, trông như đàn rùa khổng lồ nằm vọng nguyệt.

Ngọc cũng đứng dậy, hai người nhìn nhau bóng trăng khuyết rọi đầu cành. Lá thông thưa nhạt, cỏ sơ sác mặt đời lấp lánh giọt sương. Hai người nhìn nhau.

Hai người yên lặng cùng trở lại chùa. Đêm khuya trăng lặn gió đập cành thông, vạn vật chìm đắm vào trong cõi hư vô tịch mịch.

Tiếng các côn trùng rì rì dưới cỏ liên miên không dứt càng làm rõ rệt sự yên lặng của một cảnh đời hoang vắng.

Ngọc bỗng giật mình quay lại. Chàng vừa nghe thấy một tiếng thở dài, mà trong lúc mơ màng, chàng tưởng tượng ra một làn hơi nhẹ ở sườn đồi sương ướt bốc lên. Nhưng sau lưng chàng, Lan vẫn dẫn dụ dằng đều đều đặt bước, như bộ máy, êm lặng nhẹ nhàng.

KHÁI-HUNG
(Hồn Bướm Mơ Tiên)

Trời dần dần tối. Một lát sau, trên nóc nhà ngang, trăng tròn đã mọc, lấp ló trong những cành trúc đào thưa lá. Dáng cây mềm mại, nhẹ nhàng, Vãn ví vời dáng một cô gái quê yếu điệu thất đày lưng ong. Và chàng nhớ ngay đến Tọa.

ruợu; dưới ánh trăng chàng ngắm thấy người, vật như đẹp hơn lên bội phần và trong đó, Tọa như một nàng tiên từ trên cung Nga là là bay xuống.

KHÁI-HÙNG và TRẦN-TIÊU
(Sáng Trăng)

.....

Ánh trăng giải xuống sân gạch bóng cây mít rườm rà đứng bên hồi nhà ngói. Tiếng sáo diều trên không, ngân nga một điệu... Vãn lặng lẽ cảm thấy buồn mênh mông.

Chàng đứng dậy thở dài, rời khoác áo tơi ra hiên sau vì về cuối thu đêm khuya đã lạnh.

Trăng trung tuần ngả xuống mặt hồ phẳng lặng; ánh vàng như những mảnh lửa lân tinh vụn từ đáy hồ bốc lên rồi tan ra trong nước để nhường chỗ cho những mảnh sau kế tiếp bốc lên và cứ thế mãi mãi không ngừng. Thỉnh thoảng một cơn gió nhẹ thổi những ánh vàng lan rộng ra và chạy rạt về một phía.

.....

Trăng càng lên cao càng trong. Và sân gạch mỗi lúc một thêm sáng, vì bóng cây, bóng nhà, bóng người dần dần thu ngắn mãi lại. Hơi ở lá thuốc Lào nồng nàn bốc lên làm cho Vãn nóng bừng mặt như say

KHÁI-HÙNG và NHẤT-LINH

TRĂNG

TR O N G C Ả N H R ù N G

Mặt trăng đã chéch về tây. Đám rừng âm u với dãy núi chập-chùng tắm trong một bầu ánh sáng rõ ràng và lạnh lẽo. Tiếng ve sang sảng kêu ran như đã kêu từ mấy thế-kỷ; bóng

trăng theo đồ mà rung rung trên ngọn cỏ, bụi cây.

N. T. L.

Tôi mở mắt ra thì trăng xuyên qua khung cửa sổ mắt

cáo đã đặt trên mình tôi những mảnh sáng vuông nhỏ.

Tôi không muốn ngồi dậy. Cứ để nguyên giầy mà nằm yên đó hai mắt lim dim.

Nhưng tôi không buồn ngủ thêm nữa.

Trong mình thấy tỉnh táo và thú lắm. Huyết mạch lưu thông như hơi gió thổi; tôi tưởng chừng có thứ thuốc tiên trong thân thể, khiến cho người tôi bỗng chốc thành khinh-khoái như bay . . .

Tôi lắng tai nghe. Một giải suối róc-rách ở gần, tiếng sáng như thủy tinh reo vào trong thứ giọng rừ-rừ tối tăm của những côn trùng dưới cỏ. Sau lều thì khu rừng cây yên lặng như ngủ kỹ, nhưng ở trong đưa ra những tiếng bí mật, khiến cho mình cảm thấy được cái sinh-hoạt của nó trong lúc đêm khuya. Một con hươu đang ngó ngán nhìn cái lều vắng không. Những tiếng rất nhẹ của con sóc chạy trên cành; những tiếng lá cựa dưới mình một con vật đang nằm, một tiếng

đó cánh nặng nề của con chim lớn. Từng trận gió thổi, một loạt lá rơi rào rạt, rồi tắt cả lại im lặng như ngóng đợi, như nín hơi. Xa xa, rõ thực xa, giọng thác ào ào, để ý thì mỗi lúc thấy một gần thêm, rồi lại xa dần rồi lại như biến đi mất. Có khi nghe như tiếng muôn nghìn người ồn ào đưa từ đâu đâu tới; phảng phất trong trí não tôi hình dung ra những cảnh chợ búa xe pháo ở chốn thị thành.

Tôi cứ nằm đó nghe hoài. Nghe càng lâu muôn tiếng càng hỗn độn. Sau cùng thành một giọng rì-rào mờ-ám mỗi khắc một nhạt dần. Thần trí lại chịu một sức thôi miên ma túy đưa lại đầu từ chốn bồng-lai. Vắng vắng trên không, chỉ còn những tiếng nhạc gần rồi lại xa, với những hơi sáo rất nhỏ, rất trong và cao tít.

Bỗng đâu, một cơn gió lạnh thổi qua làm tôi hơi rùng mình. Tôi thở dài rồi hé mắt; trên lông mi những phần bụi ánh sáng đang nhảy nhót rập rờn.

N.T.L.

SẮP RA :

ĐÔI BẠN

của NHẤT-LINH

KỶ QUÁ

Một đêm, một toán du khách kéo nhau vào chơi trong một hộp đêm ở Hô-ly-út. Mọi người từ đàn ông đến đàn bà đều đua nhau nhận diện bọn khách quý. Một thiếu nữ chăm chú nhìn mãi Bing Crosby (một tài-tử chiếu bóng đẹp trai). Thấy thế, Bing Crosby háit hàm chào thiếu nữ. Nàng liền khoe với bạn :

— Kỳ quá, chị ạ, em coi nhiều phim chàng ta đóng quá thành ra bây giờ chàng nhận được ra em.

Báo Tuyển lựa



ĐÃ RA :

BUỚM TRẮNG

CỬA

NHẤT LINH

NÓI VỀ SỰ THÀNH LẬP BÁO PHONG HÓA

LỜI NÓI ĐẦU. —

Chúng tôi ra số báo này để kỷ niệm ngày báo ra, vì hai năm trước đây, chúng tôi đã quên, nên quên mất việc đó.

Đã ba năm cùng các bạn cùng đi một con đường, tất là có những kỷ niệm chung, mỗi bước đường lại một nhiều thêm. Vậy bây giờ cùng các bạn dừng chân trông trở lại để nhắc đến những cảnh đã gặp và nhân tiện ngõ cùng các bạn hay những truyện riêng trong nhà báo và trong nghề báo. những truyện thân mật mà người ta chỉ thường kể cho nhau nghe trong những lúc nhàn rỗi, nghỉ ngơi. Phải là những lúc đó, những câu truyện trong số báo này kể ra mới hợp thời và không có vẻ cầu kỳ.

Hai thời kỳ. —

Những lý tưởng nó sai khiến chúng tôi, những ý muốn của chúng tôi trong khi làm báo, Tứ-Ly đã có bài bày tỏ ở dưới đây.

Có một điều ai cũng nhận thấy là vào thời kỳ báo Phong Hóa ra đời (kể từ số 14 trở đi, lúc Tự Lực Văn Đoàn bắt đầu chủ trương báo Phong Hóa), trong làng báo có một khuynh hướng mới về mặt nhà nghề: tờ báo viết để quần chúng xem và tờ báo mong sống về độc giả.

Thời kỳ những báo vào loại báo Nam Phong đã tàn. Hay còn nữa thì những thứ báo đó cũng chỉ để cho một hạng người đọc riêng không

có ảnh hưởng lớn lao đến quần chúng. Những báo của buổi đời mới không thể là những tờ báo khảo cổ hay sống dựa vào những tài liệu cũ được nữa. Những tờ báo mới phải căn cứ vào hiện trạng, phải săn sóc đến dư luận, đến thời sự, phải là những bức tranh hoạt động của xã hội trước mắt. Nhà viết báo không thể cầm đầu lục lợi trong kho sách cũ, hoặc bó gối trong phòng viết những bài luận về triết lý vừa khô khan, vừa khó hiểu, nhà viết báo bây giờ phải làm thế nào cho ai ai cũng hiểu được mình và viết về những vấn đề có liên can đến một số đông người. Nghĩa là phải làm theo những người viết báo bên Âu Mỹ. Báo Phong Hóa về mặt trong còn có một sự mới khác hẳn các báo trong nước xưa nay. Lệ thường thì tờ báo hoặc là của riêng một hội, một đảng (ở nước ta ít khi thấy, hoặc là của riêng một người. Người bỏ tiền ra bao giờ cũng nhận lấy chức giám đốc đầu rằng không có một cái tài nhỏ mọn gì về nghề làm báo. Ông giám đốc chủ nhân đó bỏ tiền ra thuê một ông chủ bút và ít nhiều ông trợ bút. Các nhà văn sĩ vì thế nên luôn luôn xung đột với những nhà tư bản có quyền sai khiến mình mà không có đủ tài để mình phục. Tờ báo ít khi có tôn chỉ chuyên nhất, vì tòa soạn thay đổi luôn mà ông giám đốc thì không đủ tài trí bắt họ theo mình.

Báo Phong-hóa — khác hẳn — không phải là của riêng một người nào.

Báo Phong hóa là của chung của hết thầy những người viết báo Phong hóa, không có ông chủ, người làm công, không có những cuộc xung đột giữa các nhà văn sĩ, các nhà tư bản. Những người giúp việc báo Phong-hóa là những nhà

văn độc lập, mà tờ báo Phong-hóa vì thế là một tờ báo độc lập, không phải theo mệnh lệnh của một đảng nào hay một nhà tư bản nào.

Mỗi người mỗi tháng chỉ cần một số tiền đủ sống, còn tiền lãi, nếu có, sẽ là của chung và sẽ dùng vào những công việc chung rồi phải làm sau này.

PHONG HÓA



BÊN ĐƯỜNG DỪNG BƯỚC_____của Tú-Ly

CÁCH đây ba năm, một đêm thu giá lạnh; tôi và Nhất Linh từ biệt Khái Hưng ở báo quán, nện gót trên đường vắng mà về. Lúc đó vào khoảng hai giờ sáng. Da trời xám nhạt, điểm mấy ngôi sao thưa; trên rặng cây đen sẫm, chuỗi Bắc Đẩu đã nằm ngang trời. Dưới ánh vàng của đèn điện, thành phố Hà-nội ngủ yên lặng; thỉnh thoảng chỉ nghe thấy tiếng rao của hàng bán rong như ở một thế giới xa xăm khác đưa lại trong khoảng đêm dài tịch mịch, đương lúc gió heo may đuổi lá khô sào sạc. Chúng tôi thấy trong lòng nhẹ nhàng vui vẻ... Sáng hôm ấy, số đầu (tức là số 14) Phong-Hóa ra đời.

Nhắc lại đêm hôm ấy, tôi sinh ra một tư-tưởng so sánh: cái đêm

trường tối tăm kia là cái đời cũ, chặt chẽ, phiền nhiễu, vụn vặt, nhỏ nhen. Sống trong cái hoàn cảnh ứ rũ ấy, ta phải mạnh mẽ chống cự lại, để đợi vùng đông, đợi cái đời mới, phong quang rạng rỡ.

Đã biết chân lý đâu, lẽ tự nhiên là phải quả quyết bằng bột mà theo. Vì lẽ ấy, chúng tôi mạnh bạo, hăng hái đem văn-chương phụng sự lý tưởng cải cách: phá hủy những hủ tục đời phong, xây đắp một cuộc đời hợp với lẽ phải — bỏ thành kiến, trí phục tòng, lấy lương trí mà xét đoán mọi sự... Cái tinh thần vị tha bao giờ cũng soi lối cho chúng tôi đi.

Tuy sẵn có chương trình phân minh, có phương pháp hẳn hoi, mà Phong Hóa lúc ra đời không có lấy

một bài phi lộ. Là vì chúng tôi e nói không làm được. Chúng tôi sợ chương trình của chúng tôi cũng đến như chương trình của các ông nghị, có cũng như không vậy.

Ba năm qua... Những ý tưởng, những hoài vọng chúng tôi lần lượt phả bày trên tờ báo, được các bạn độc giả một ngày một hoan nghênh, khiến chúng tôi nức lòng hởi dạ, càng giốc lòng đi tìm chân lý với các bạn.

Ba năm qua... Sự thay đổi của phong tục, lễ nghi tuy chưa rõ rệt; nhưng sự thay đổi linh hồn của dân ta đã ngấm ngấm, từ tốn mà tiến hành, không có sức mạnh nào ngăn cản lại được nữa. Những lý tưởng, những quan-niệm cũ dần dần mất vẻ uy nghi, lẫm liệt, tất rồi cũng phải theo thời gian mà bị phá tan, nhường chỗ cho những quan niệm, những lý tưởng mới. Linh hồn người ta đã thay đổi, tất hoàn cảnh không chóng thì chầy cũng phải đổi thay. Thay đổi hoàn cảnh, đó là mục đích của chúng tôi vậy.

Chúng tôi muốn tiêu diệt cuộc đời cũ. Nó sẽ bị tiêu diệt. Thân cốt của nó là cái đạo Tống nho. Vì thế mà chúng tôi đã mạnh bạo bài bác cái đạo không hợp thời ấy.

Có người chê chúng tôi là không phả bày cái hay của Nho giáo. Họ không biết cho rằng chúng tôi không đứng về phương diện của nhà triết học: về phương diện này, Nho giáo cũng như các giáo khác, không hơn không kém. Đối với nhà triết học, văn hóa đồng phương với văn hóa tây phương đều có thể cho là hay cả. Nhưng chúng tôi chỉ muốn làm một nhà cải cách. Nguyễn

lý của đạo nho, chúng tôi không bàn đến; chúng tôi chỉ nhận ra rằng trong trường thực tế nó đã đưa xã hội ta vào vòng ngừng trệ, tù hãm; kể gì một vài người trí hượng cao thượng, nếu vì đạo ấy mà phần đông dân ta dày xéo nhau trong sự nhỏ nhen.

Cuộc đời cũ mất, sẽ có người thương tiếc ngậm ngùi. Nhưng tiến bộ tức là biến cải không cùng; ta không thể trong lúc thế giới đổi thay, sinh sống mãi trong cuộc đời cũ kỹ từ ngàn năm xưa.

Ba năm qua... Báo chí trong khoảng thời gian ấy cũng tiến bộ một cách mau chóng. Những bài phóng sự, những truyện dài có giá trị thấy dần dần xuất hiện. Báo chí khác trước, ân cần với độc giả, tìm cách bênh vực kẻ cô yếu, bài bác những sự bất công, tìm phương pháp cải cách xã hội một cách sốt sắng hoạt động.

Ba năm qua... Hôm nay tạm dừng chân đứng lại, chúng tôi nhìn con đường đã đi; chúng tôi ra báo ngày 22 tháng 9 năm 1932 là một ngày rất xấu: ngày Tứ Ly. Không phải là một sự vô tình, chính là định ý cưỡng lại cái thuyết số mệnh nó bắt dân ta nằm đi một nơi, đương lúc mọi người cùng tiến. Ngày Tứ Ly trong ba năm, không thấy gieo họa gì cho chúng tôi. Công việc chúng tôi làm, các bạn đã rõ. Công cuộc chúng tôi sẽ làm, xin đợi lúc có kết quả, chúng tôi sẽ bàn đến. Dấu sao ký vãng của chúng tôi, chúng tôi xin đem ra bảo đảm cho tương lai.



NÓI TRUYỆN CŨ

của _____ NHẤT - LINH

Trước ngày 22 Septembre 1932

Đầu tiên muốn chống lại cái vẻ đạo mạo, già khụ của các tờ tuần báo quốc ngữ, chúng tôi định cho ra một số báo lấy tên là « Tiếng Cười » ; tờ « Tiếng Cười » đó đã được giấy phép xuất bản của chính phủ, nhưng không thể ra đời được, vì một lẽ rất giản dị là không kịp thu xếp xong trước ngày hết hạn giấy phép. « Tiếng Cười » vì thế đổi thành Tiếng Khóc.

Mới bắt đầu vào nghề làm báo đã gặp ngay một sự thất vọng, một sự thất bại.

Một sự lạ chưa từng thấy. —

Lúc chúng tôi sắp nhận làm báo Phong-Hóa thì các tuần báo không có vẻ thịnh vượng ; ít tờ xuất bản được tới hai nghìn số. Chúng tôi lúc đó mong bán được ba nghìn số và đã tự cho là « tham lam vô độ ».

Muốn được như thế, chúng tôi dự định làm một cuộc quảng cáo to lớn, không tiền khoáng hậu. Nghĩa là chúng tôi cho đi mua một

ít giấy Đáp Cầu màu tím và màu trắng, rồi đóng cửa nhà báo lại cẩn thận, đem kéo ra cắt giấy trắng thành một cái mặt trăng trắng và đem dán cái mặt trăng đó lên một tờ giấy tím, giả làm nền trời. Chúng tôi tẩm tắc khen là nổi lắm. Trên quảng cáo chúng tôi viết mấy câu rất nhũn nhặn : « Một sự lạ chưa từng thấy trong làng báo 7 xu » Rồi muốn cho ai cũng phải để ý đến cái mặt trăng của mình, chúng tôi liền cắt một cái tên dán xuyên qua cái mặt trăng đó, như có ý bảo những người qua đường : « Nhìn đi ! ». Mấy hôm sau, khi đem dán mấy chục tờ quảng cáo ấy lên các mặt tường thành phố, không ai thèm nhìn cả, vì nó vừa bần, vừa gai mắt. Khách qua đường đối với cái quảng cáo « mặt trăng » của chúng tôi cũng thờ ơ như người mù đối với mặt trăng trên trời vậy (nói thế không phải là bảo người qua đường mù đầu, đây chỉ là một câu ví von).

Lâu lâu cái « mặt trăng » dán không kỹ cứ long dần, chỉ còn trơ lại cái nền trời tím với mấy chữ

« Một sự lạ, 7 xu ». Lúc đó, khách qua đường mới thêm nhìn cho, nhưng họ không hiểu quảng cáo gì mà kỳ khôi vậy, quảng cáo một sự lạ mà không nói là sự lạ gì, chỉ bảo giá có 7 xu. Có người đoán sự lạ 7 xu đó là một thứ nước chấm mới, ngon hơn si-dầu và ma-gi.

Hai sự lạ.—

Cái nhà in in báo Phong-Hóa lúc đó cũng là « một sự lạ chưa từng thấy » trên hoàn cầu. Nó có cái tên nhữn nhặn là Imprimerie Moderne, dịch nôm ra là « nhà in tân thời ». Cái nhà in tân thời đó nói che đúng ra nó là cái bếp hay cũng na ná như cái bếp. Những lúc chúng tôi xuống chữa bài, luôn luôn có hơi khói màu lam đưa thoảng qua : nhà in trông mờ ảo giống như bức tranh thủy mặc Tàu. Nhiều khi mùi thịt bò sào, mùi chả trứng cũng theo gió bay vào thơm nức cả. Những mùi thơm quý hóa đó chỉ vào quãng mười, mười một giờ mới có. Lúc đói bụng vừa chữa bài vừa ngửi những hơi thơm đó, có phần cũng dễ chịu (1).

Mùa rét đến thì cái bếp đó biến thành Bắc băng cực. Gió lùa vào các cửa sổ đã vỡ hết mặt kính làm cho chúng tôi không thể nào chữa bài một cách cẩn thận. Chúng tôi không thể nào quên được cái đêm trước ngày số báo Tết năm 1933 xuất bản. Lúc đó vào quãng mười hai giờ đêm. Chúng tôi ở nhà báo sắp sửa về đi ngủ, thì có giầy nói gọi báo tin máy không thể in được nữa. Xướng nhà in mới biết vì trời rét quá, mực đổ in bìa báo số tết đông cục lại.

Chúng tôi thấy giá cả chân tay, và trông cái máy in mà thương hại. Mỗi lần người cai cho máy chạy thử, là nó cứ rung rung như người rét run cầm cập. Sau cùng ông chủ nhà in bảo lấy ra một cái hỏa lò đầy than hồng đặt xuống gần máy để sưởi nó. Quả nhiên máy lại chạy được. Chúng tôi lấy làm lạ rằng máy cũng biết ấm như người ; trông cái buồng máy lúc ấy y như hệt cái buồng đàn bà để.

Ba sự lạ.—

Người mùi thịt bò sào và chịu rét mãi cũng chán, chúng tôi mới định thuê một người chữa bài. Có một ông đến xin chân đó, nói hãy làm tạm ít lâu để thử tài. Ông đó được cái tài chịu rét quen và người khéo giỏi, chỉ phiên một nổi là hễ cứ vào nhà in lúc nào là ông ấy ngủ gật lúc đó. Nhiều khi chúng tôi phải xuống đánh thức mãi ông ta mới chịu dậy cho.

Chúng tôi nhìn nhau cười : trên báo khuyên người ta hoạt động lại vợ ngay ông chỉ ưa tĩnh; ông ưa tĩnh đó ngày nào cũng đọc những bài khuyến khích hoạt động của mình mà vẫn ngủ như thường, trông thấy thế mà chán nản. Được cái ông ta tinh ý, nên một hôm ông tự nhiên xin thôi để đi ngủ gật nơi khác vậy.

Bốn sự lạ.—

Tôi chưa nói đủ, nếu tôi không thêm vào rằng : ở trước cửa nhà in tân thời đó, có dán một cái bùa

(1) Nhà in Nguyễn-dinh Vương in Văn Hóa Ngày Nay bây giờ «mở dec» hơn nhiều nhưng tôi vẫn được cái may hưởng những mùi sào nấu thơm tho khi sửa bài khiến nhiều khi tôi tưởng như mình sống lại hồi 26 năm trước,

trở tà. Có lẽ vì thế nên coi báo bản như vẽ bùa ma.

Không biết có trừ được tà ma gì không? Có một điều chắc chắn là đã trừ được một bạn hàng: bạn hàng ấy là báo Phong Hóa.

Ngay bây giờ, mỗi lần chúng tôi nhắc lại truyện cũ, vẫn còn văng vẳng bên tai tiếng máy in

chạy rầm rầm như xe lửa chạy qua cầu và thoang thoảng trước mũi mùi thịt bò sào và mùi trứng áp chảo thơm tho. Thật là một kỷ niệm có hương vị không bao giờ phai trong đời làm báo của chúng tôi.

NHẤT-LINH

Sắp ra :

THOÁT LY

của KHÁI - HƯNG

ĐI TÂY

của NHẤT - LINH

Phượng - Giang xuất bản

MỤC LỤC

Gửi độc giả xa gần	3
Bàn về phê bình của <i>Bảo-Sơn</i>	5
Viết và đọc tiểu thuyết của <i>Nhất-Linh</i>	7
Đàn ông vô dụng của <i>Duy-Lam</i>	11
Xóm Cầu Mới — Cô Mùi của <i>Nhất-Linh</i>	17
Một bản đàn của <i>Tolstoi</i> — <i>Bảo-Sơn</i> dịch	27
Trăng mộng của <i>Cao-hoành-Nhân</i>	36
Đợi chờ của <i>Tuyết-Hương</i>	37
Các cô các cậu đều rắc rối của <i>Duy-Lam</i>	43
Ý thức sáng tác của <i>Nguyễn-thành-Vinh</i>	49
Áo mới của <i>Linh-Bảo</i>	53
Những cái nhìn của <i>Quy-Hương</i>	60
Đêm tân hôn của <i>Nhật-Tiến</i>	64
Trăng và chúng ta của <i>Duy-Lam</i>	67
Anh Triền của <i>Nguyễn-thị-Vinh</i>	69
Con người kỳ dị của <i>Brian O'Brien</i> — <i>Bảo-Sơn</i> dịch	78
Trăng xưa của <i>Khái-Hung</i>	85
Bạn vàng của <i>Đỗ-đức-Thu</i>	86
Cúng rượu của <i>Nhất-Linh</i>	95
Lương tâm của <i>Duy-Lam</i>	109
Dịch thơ Tinh tuyệt vọng của <i>Arvers</i>	110
Thu tản cư của <i>Trường-Hùng</i>	114
Duyên thơ của <i>Cao-hoành-Nhân</i>	119
Chị mà chết thì chết tôi của <i>Trần-văn-Tịch</i>	120
Lan hàm tiểu — Bài của <i>Trường-Cường</i> — <i>Phạm-ngọc-Châu</i> — bức thư của <i>Trần-thị Như-Mai</i>	121
Cô Mai của <i>Nguyễn-thị-Vinh</i>	123
Gia đình tôi của <i>Duy-Lam</i>	129
Quả hồng của <i>Tô-Hoàng</i>	133
Vườn thơ	138
Giận nhau của <i>Phương-Khanh</i>	142
Trăng trong thơ của <i>Tân-Đà</i> và <i>Vũ-hoàng-Chương</i>	148
Trăng thu của <i>Khái-Hung</i>	150
Xuân giang hoa nguyệt dạ của <i>Trương-nhược-Hư</i>	156
Thập ngũ dạ vọng nguyệt của <i>Vương-Kiến</i>	157
Trung thu nguyệt của <i>Bạch-cư-Dị</i>	158
Tĩnh dạ tư của <i>Lý-Bạch</i>	158
Búng ruồi của <i>Nhất-Linh</i>	159
Trăng trong vãn của <i>Thạch-Lam</i>	166
Trăng trong vãn của <i>Nhất-Linh</i>	167
Trăng trong vãn của <i>Khái-Hung</i>	169
Trăng trong cảnh rừng	171
Nói về sự thành lập báo <i>Phong Hóa</i>	174
Bên đường dừng bước của <i>Tứ-Ly</i>	175
Nói truyện cũ của <i>Nhất-Linh</i>	177